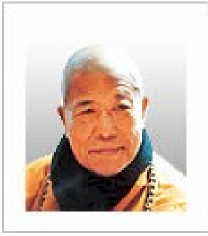
Chinese | Vietnamese



宣化上人

ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH LƯỢC GIẢNG

Hán dịch: Tam Tạng Sa môn Thật Xoa Nan Đà, người nước Điền, dịch vào đời Đường.

Giảng thuật: Hòa Thượng Tuyên Hóa, Vạn Phật Thánh Thành Hoa Kỳ, giảng vào năm 1969 *tại Phật Giáo Giảng Đường, San Francisco, California)*

 **Pháp âm bài giảng của Hòa Thượng bằng Hoa ngữ**





 Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện Nhập Bất Tư Nghì Giải Thoát Cảnh Giới

---

Kệ Khai Kinh

Phật pháp cao sâu rất nhiệm mầu

Trăm ngàn muôn kiếp khó tìm cầu

Nay con thấy nghe được thọ trì

Nguyện hiểu nghĩa chân thật của Phật.

I. LỜI NÓI ĐẦU

Tôi tin đây là lần đầu tiên bộ *Kinh Hoa Nghiêm* này được giảng tại Hoa Kỳ và các vị cũng là lần đầu tiên được nghe giảng. Hiện tại do thời gian có hạn nên không thể giảng giải chi tiết. Vì sao? Vì nếu giảng quá chi li thì e rằng trong sáu tuần lễ chỉ giảng cái tựa thôi cũng còn chưa xong, vì thế mà nay chỉ có thể giảng một cách sơ lược. Đầu tiên tôi sẽ giảng về xuất xứ của bộ kinh này.

Trong kinh điển nhà Phật thì *Kinh Hoa Nghiêm* này là vua của các kinh, cũng là vua trong các vua. *Kinh Diệu Pháp Liên Hoa* cũng là vua trong các kinh nhưng không thể xưng là vua trong các vua được. Bộ *Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm* này được tôn là vua của các vua, là bộ kinh thuộc hệ Đại thừa dài nhất mà Đức Phật đã thuyết, nhưng thời gian Phật thuyết kinh lại không dài lắm, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói bộ đại Hoa Nghiêm này chỉ vỏn vẹn trong vòng hai mươi mốt ngày.

Bộ Kinh này có tám mươi mốt quyển, cũng có chỗ chỉ có bốn mươi quyển hay sáu mươi quyển, nhưng tất cả đều không đầy đủ lắm. Ngay cả bộ tám mươi mốt quyển này cũng vậy, chẳng qua là có đủ cả ba phần Tựa, Chính tông và Lưu thông.

Sau khi Đức Phật Thích-ca-mâu-ni nói xong *Kinh Hoa Nghiêm* thì bộ kinh này không hề được lưu truyền trên thế gian, ngay cả Ấn Độ cũng không có bộ kinh này. Vậy thì bộ kinh này đã bị ai thỉnh đi? Bị Long Vương thỉnh về Long cung để ngày ngày cúng dường lễ bái.

Sau khi Đức Phật Thích-Ca-Mâu-Ni diệt độ sáu trăm năm, có một vị Bồ-tát tên Long Thọ, thông minh tuyệt đỉnh, không ai sánh kịp. Ngài đã đọc hết tất cả những áng văn chương, luận nghị, kinh điển có trên thế gian, do đó Bồ tát khởi tâm muốn đến Long cung xem tạng Kinh và Ngài đã tìm được bộ *Kinh Hoa Nghiêm* này trong cung rồng. *Kinh Hoa Nghiêm* có ba bản: thượng, trung và hạ. Bản thượng có mười tam thiên đại thiên thế giới vi trần số bài kệ. Quý vị xem là bao nhiêu? Số vi trần của một thế giới đã là vô lượng vô biên rồi, số vi trần của đại thiên thế giới lại càng nhiều hơn.

Sao gọi là đại thiên thế giới? Một núi Tu-di, một mặt trời, một mặt trăng là một thế giới; một nghìn núi Tu-di, một nghìn mặt trời, một nghìn mặt trăng hợp lại làm thành một tiểu thiên thế giới; hợp một nghìn tiểu thiên thế giới lại gọi là một trung thiên thế giới; hợp một nghìn trung thiên thế giới lại gọi là một đại thiên thế giới. Số vi trần trong một đại thiên thế giới là một con số vô cực không thể tính kể. Nay số kệ tụng lại nhiều như số vi trần trong mười tam thiên đại thiên thế giới thì càng không thể đếm xuể.

Bản thượng *Kinh Hoa Nghiêm* có bao nhiêu phẩm? Bản thượng có số phẩm bằng số vi trần của một tứ thiên hạ. "Một tứ thiên hạ" nghĩa là: "một" tức một ngọn núi Tu-di, "tứ" là bốn châu lớn (Đông Thắng Thần châu, Nam Thiệm Bộ châu, Tây Ngưu Hóa châu, Bắc Câu-lô châu), hợp lại gọi là một tứ thiên hạ. Số phẩm của bản thượng *Kinh Hoa Nghiêm* nhiều bằng số vi trần của một tứ thiên hạ, quý vị nói xem là bao nhiêu? Tôi cũng không tính được. Bản trung *Kinh Hoa Nghiêm* có bốn trăm mười chín vạn tám nghìn tám trăm bài kệ, phân làm một nghìn hai trăm phẩm. Bản hạ *Kinh Hoa Nghiêm* có tám vạn bài kệ, chia làm bốn mươi tám phẩm. Khả năng ghi nhớ của Bồ-tát Long Thọ rất phi thường, Ngài đọc thuộc lòng bản hạ *Kinh Hoa Nghiêm* và sau khi trở về Ấn Độ đã sao chép ra toàn bộ, sau lại từ Ấn Độ truyền sang Trung Hoa. Bản kinh truyền sang Trung Hoa chỉ có tám mươi quyển, ba mươi chín phẩm, còn lại chín phẩm vẫn chưa được truyền sang.

Đức Thích-ca-mâu-ni Phật giảng *Kinh Hoa Nghiêm* tại bảy chỗ khác nhau, tổng cộng có chín pháp hội. Nếu quý vị có thể hiểu rõ được nghĩa lý trong bộ *Kinh Hoa Nghiêm* này thì xem như thấy được toàn thân Phật; nếu quý vị thông suốt được *Kinh Lăng Nghiêm* là thấy được đỉnh nhục kế của Phật; nếu quý vị thông suốt được *Kinh Pháp Hoa* thì thấy được thân Phật, nhưng chưa trọn vẹn; nếu quý vị có thể thông suốt được đạo lý trong *Kinh Hoa Nghiêm* thì sẽ thấy rõ được toàn thân và tuệ mạng của Ngài.

Bộ *Kinh Hoa Nghiêm* này ví như biển lớn, còn những kinh khác giống như những dòng sông nhỏ. Những dòng sông nhỏ không thể sánh với biển lớn. Hiện tại trên thế giới, người có thể giảng được *Kinh Hoa Nghiêm* không phải không có, nhưng số đó đã ít lại càng ít. Nếu nói không có thì nay

chẳng phải chúng ta đang giảng đó sao? Thế sao lại có thể nói là không có người! Thậm chí có người học Phật Pháp, học cả một đời mà ngay đến tên *Kinh Hoa Nghiêm* cũng chưa hề nghe qua, quý vị nói xem người đó đáng thương biết nhường nào! Bộ Kinh Hoa Nghiêm này đừng nói là giảng mà chỉ đọc qua thôi cũng rất ít người đọc qua được một lần. Đọc qua một lần nhanh nhất cũng phải mất hai mươi mốt ngày. Vì thế, bộ kinh này rất khó gặp.

Nói về "thất xứ cửu hội" của bộ kinh này, có một bài kệ như vầy:

Rời cội bồ-đề cửu-Thệ-đa

Ba, bốn Đao-lợi cùng Dạ-ma

Điện Phổ Quang Minh hai, bảy, tám

Tha Hóa, Đâu Suất năm, sáu qua.

Phật thành đạo ở Bồ-đề đạo tràng, tức là ở cội bồ-đề mà nói *Kinh Hoa Nghiêm* lần đầu tiên, gồm sáu phẩm, mười một quyển; hội thứ hai ở điện Phổ Quang Minh nói được sáu phẩm, bốn quyển; hội thứ ba tại cung trời Đao-lợi nói được sáu phẩm, ba quyển; hội thứ tư ở cõi trời Dạ-ma nói được bốn phẩm, ba quyển; hội thứ năm ở cõi trời Đâu Suất nói được ba phẩm, mười hai quyển; hội thứ sáu ở cõi trời Tha Hóa nói được một phẩm, sáu quyển; hội thứ bảy lại trở về điện Phổ Quang Minh nói được mười một phẩm, mười ba quyển; hội thứ tám cũng ở tại điện Phổ Quang Minh nói được một phẩm, bảy quyển; hội thứ chín ở rừng Thệ-đa nói được một phẩm hai mươi mốt quyển. Rừng Thệ-đa, hiện nay có thể gọi là khu mộ phần, nơi an trí xương cốt người chết. Đó là nói về "thất xứ cửu hội" của bản hạ.

Bản hạ Kinh này ban đầu có ba mươi chín phẩm, bốn mươi bốn vạn năm nghìn bài kệ, về sau truyền vào Trung Hoa, nhưng có chín phẩm, năm vạn năm nghìn bài kệ vẫn chưa được truyền vào. Bộ Kinh này tuy chưa đầy đủ nhưng cũng hoàn bị các phần Tựa, Chính tông và Lưu thông, do vậy mà Quốc sư Thanh Lương đời Đường khi hoằng dương *Kinh Hoa Nghiêm* đã cho rằng bộ kinh này có thể nói là tạm hoàn bị.

Quốc sư Thanh Lương chính là hóa thân của Bồ-tát Hoa Nghiêm, vì sao nói Ngài là hóa thân của Bồ-tát Hoa Nghiêm? Vì Ngài chuyên giảng *Kinh Hoa Nghiêm*, không giảng những kinh khác. Quốc sư Thanh Lương tên Trừng Quán, tự Đại Hưu, người Cối Kê, họ Hạ Hầu. Sinh vào thời vua Đường Huyền Tông, niên hiệu Khai Nguyên (713-741) năm Mậu Dần (738). Thân ngài cao chín thước bốn tấc, hai tay dài quá đầu gối và có bốn mươi cái răng. Thông thường răng của chúng ta có ba mươi mấy cái thôi, còn răng có bốn mươi cái là bậc quý nhân, người được như thế rất ít. Răng của Đức Phật có bốn mươi hai cái, còn Quốc sư Thanh Lương thì có bốn mươi cái; trong bóng tối nhìn mắt của Ngài như có luồn sáng, mắt phát ra ánh sáng, còn ban ngày thì giống như những người bình thường, chỉ khác là tròng mắt của Ngài luôn đứng yên không động. Năm thứ tư, niên hiệu Kiến Trung, Ngài đã viết xong bộ *Hoa Nghiêm Sớ Sao*; bộ sớ sao này là bản chú giải cho *Kinh Hoa Nghiêm* nổi tiếng nhất.

Trước khi viết bộ *Sớ Sao*, ngài cầu nguyện chư Bồ-tát trong Hoa Nghiêm Hải Hội gia bị. "Gia bị" chính là giúp đỡ ngài. Có một tối, ngài nằm mộng thấy trên đỉnh núi đều biến thành màu vàng kim. Khi tỉnh mộng, Ngài biết đó là quang minh biến chiếu. Từ đó về sau, ngài viết *Hoa Nghiêm Sớ Sao* vô cùng thuận lợi, chẳng cần phải nỗ lực suy tư gì cả. Thông thường khi viết văn, phần nhiều chúng ta phải suy nghĩ để viết từng câu từng lời. Còn Ngài không cần phải suy nghĩ, viết nhanh tựa như chép bài vậy. Trải qua bốn năm, Ngài đã chú giải hoàn toàn bộ *Kinh Hoa Nghiêm*. Sau khi viết xong ngài lại nằm mộng, cũng không quyết chắc có phải là mộng hay không, nhưng Ngài đã thấy một cảnh giới

như vầy nên có thể tạm gọi là mộng. Ngài mộng thấy mình biến thành một con rồng, rồi từ con rồng ấy lại biến thành nghìn nghìn, vạn vạn, vô lượng vô biên con rồng như thế, bay đến những thế giới khác. Đó là Ngài đã thấy được cảnh giới Hoa Nghiêm. Mọi người đều cho rằng đó là biểu trưng cho ý nghĩa của sự lưu thông.

Quốc sư Thanh Lương sống qua hai đời nhà Tùy và Đường với chín triều đại, làm thầy của bảy vị hoàng đế. Sau khi Quốc sư viên tịch, có một vị Tăng Ấn Độ đến Trung Hoa, giữa đường vị ấy gặp hai đồng tử áo xanh, vị Tăng này là người đã chứng quả A-la-hán, Ngài bèn chặn hai đồng tử ở trên hư không lại hỏi:

- Hai vị đi đâu vậy?

Đồng tử đáp:

- Chúng tôi đến Trung Hoa thỉnh răng cấm của Bồ-tát Hoa Nghiêm về điện Văn Thù ở Ấn Độ cúng dường.

Vị La-hán sau khi đến Trung Hoa đã kể cho vua về chuyện hai đồng tử đến thỉnh răng cấm của Bồ-tát Hoa Nghiêm, hình như là chỉ cho Quốc sư Thanh Lương. Thế là vua cho khai tháp của Quốc sư thì quả nhiên phát hiện Quốc sư bị mất một chiếc răng cấm. Những hiện tượng trên thật mầu nhiệm không thể nghĩ bàn. Quý vị xem! Bồ-tát Hoa Nghiêm đã đến Trung Hoa, cho nên Quốc sư Thanh Lương mới có tướng mạo đặc thù như thế.

Căn cứ vào sự phân chia của Quốc sư Thanh Lương về *Kinh Hoa Nghiêm* thì năm quyển đầu là phần Tựa, năm mươi lăm quyển rưỡi ở giữa là phần Chính tông, mười chín quyển rưỡi sau là phần Lưu thông. Bộ kinh này tuy không được phiên dịch trọn vẹn ra Hán văn, nhưng phần Tựa, phần Lưu thông, phần Chính tông đều có đầy đủ. Những người hoằng truyền *Kinh Hoa Nghiêm* ở Trung Hoa đều là những vị Đại Bồ-tát, nếu như chẳng phải là cảnh giới của Bồ-tát thì các vị ấy chẳng thể giảng được *Kinh Hoa Nghiêm*. Cảnh giới Hoa Nghiêm vi diệu mầu nhiệm vô cùng, là sự vi diệu trong vi diệu, là sự nhiệm mầu trong nhiệm mầu.

II. GIẢI THÍCH TÊN KINH

Nhập Bất Tư Nghì Giải Thoát Cảnh Giới Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm.

Trước khi nghe kinh, đầu tiên nhất định phải nhận biết đó là bộ kinh thuộc hệ Đại thừa hay Tiểu thừa. Nhắc đến Đại thừa và Tiểu thừa, hôm nay tôi sẽ kể cho quý vị nghe một câu chuyện.

Ở Ấn Độ có vị Bồ-tát tên là Thế Thân, còn gọi là Thiên Thân, Ngài có người anh ruột là Bồ-tát Vô Trước. Bồ-tát Vô Trước học tập theo giáo lý Đại thừa, còn Bồ-tát Thế Thân do có nhân duyên không tốt, nên ngài theo Tiểu thừa và học tập theo giáo lý của phái này. Bồ-tát Thế Thân tư chất rất thông minh, Bồ-tát Vô Trước, anh của ngài, luôn muốn tìm cách độ em tin theo pháp môn Đại thừa, nhưng vẫn chưa có sức mạnh nào khiến cho em mình tin theo. Em của Ngài luôn ca ngợi pháp Tiểu thừa và cho rằng pháp Đại thừa không đúng. Sau đó, Bồ-tát Vô Trước nghĩ ra một cách: Ngài giả bệnh rồi sai người nhắn người em đến thăm mà bảo rằng: "Anh tuổi đã lớn, lại bệnh thế này, nếu em không đến thăm thì sau này anh em không còn cơ hội gặp mặt nữa". Nghe vậy, người em liền đến thăm Ngài. Bồ tát Vô Trước bảo em:

- Anh sắp chết rồi, những Kinh điển Đại thừa mà anh đã học, em có thể tùy ý lấy xem, nếu em

có khả năng xem được thì anh dù chết cũng có thể yên lòng nhắm mắt.

Bồ tát Thế Thân đến thăm anh cũng không có việc gì làm; thế là Ngài bèn cầm quyển Kinh Đại thừa lên xem. Ngài xem bộ kinh nào quý vị có biết không? Đó chính là bộ *Kinh Hoa Nghiêm* này.

Bồ tát Thế Thân càng xem càng thấy được sự bất khả tư nghì, mới biết rằng cảnh giới Hoa Nghiêm thật là vi diệu chẳng thể dùng lời diễn tả. Giống như mặt trời trên không trung chiếu khắp muôn vật, lại giống như màn lưới của Đại Phạm Thiên Vương từng lỗ dung nhiếp lẫn nhau. Đến lúc ấy Ngài mới biết rõ trước đây mình đã sai lầm, bèn hét lớn:

-Mau đem cho tôi một thanh bảo kiếm!

-Ngài cần bảo kiếm để làm gì? Người bên cạnh hỏi.

-Tôi muốn cắt lưỡi của mình.

-Vì sao ngài lại muốn cắt lưỡi?

-Trước đây tôi đã dùng tấc lưỡi này để khen ngợi pháp Tiểu thừa, hủy báng Kinh điển Đại thừa, đó là tội lớn nên tôi muốn cắt lưỡi để tạ tội.

Bồ tát Vô Trước nghe thế, can:

-Em đừng nên như vậy!

Người em kiên quyết:

-Vì sao anh biết không? Vì tội của cái lưỡi này quá lớn, nên em nhất định phải cắt bỏ nó.

Người anh ôn tồn:

-Ví như không cẩn thận bị trượt té xuống đất, nếu em muốn đứng dậy vẫn phải nương vào sức đất phải không? Em không thể nào ngã xuống đất mà không đứng dậy, khi em muốn đứng dậy thì chỉ cần dùng tay chống xuống đất là đứng dậy được. Trước đây em nhờ vào cái lưỡi ấy để ca ngợi Tiểu thừa, hủy báng Đại thừa thì hôm nay em cũng có thể dùng lại ba tấc lưỡi đó để ca ngợi Đại thừa!

Nghe anh nói cũng có lý nên Bồ tát Thế Thân thôi không đòi cắt lưỡi nữa . Sau đó, ngài vào núi tu hành, học tập kinh điển Đại thừa, trước tác bộ *Thập Địa Luận*. Ngày bộ *Thập Địa Luận* hoàn thành, trái đất chấn động, đồng thời miệng Ngài cũng phát ra hào quang. Lúc ấy, Quốc vương đến thăm Ngài, hỏi:

-Có phải Ngài đã chứng quả A-la-hán rồi chăng?

-Không, tôi không chứng quả A-la-hán, Bồ-tát Thế Thân trả lời.

-Ngài không chứng quả A-la-hán thì tại sao trái đất lại chấn động và miệng phát ra hào quang?

-Do vì lúc trẻ tôi học tập Tiểu thừa mà hủy báng Đại thừa, nay tôi đổi sang học *Kinh Hoa Nghiêm* , trước tác bộ *Thập Địa Luận*, nay bộ luận đã hoàn thành, nên quả đất chấn động và miệng tôi phát ra hào quang, chứ không phải do chứng quả mới có hiện tượng này.

Quốc vương ngạc nhiên:

-Thì ra là do bộ Kinh Hoa Nghiêm này vi diệu như thế!

Nhập Bất Tư Nghì Giải Thoát Cảnh Giới: Nghĩa là đạt đến cảnh giới giải thoát bất khả tư nghì này, không thể dùng ý thức suy lường được. Vì giải thoát vốn không có cảnh giới, có cảnh giới tức chẳng phải giải thoát. Thế thì tại sao lại nói "giải thoát cảnh giới"? "Cảnh giới" chỉ là một thí dụ, căn bản vốn không có loại cảnh giới này, vì khi đạt đến giải thoát thì cái gì cũng không có nên mới gọi là giải thoát.

Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm: "**Phổ Hiền**": Đạo truyền khắp vũ trụ gọi là Phổ; Đức đồng với bậc Thánh cao tột nhất gọi là Hiền *(Đạo biến vũ trụ viết phổ, Đức lân cực thánh viết hiền).* Ý nói đạo của Ngài truyền khắp vũ trụ, đức hạnh của Ngài tương đồng với bậc Thánh cao nhất. **"Hạnh Nguyện Phẩm":** "Hạnh" là hạnh lớn mà Ngài tu hành; "nguyện" là tâm nguyện mà ngài phát khởi. Hạnh nguyện mà Bồ-tát Phổ Hiền phát ra trong khi tu hành là rất lớn, vì thế nên gọi là Đại Hạnh Phổ Hiền Bồ-tát.

Trong Phật giáo có bốn vị Bồ-tát lớn: Bồ-tát Văn Thù là vị có trí tuệ đệ nhất trong hàng Bồ-tát, Bồ-tát Địa Tạng là nguyện lực đệ nhất, Bồ-tát Quán Âm là từ bi đệ nhất, Bồ-tát Phổ Hiền là hạnh môn đệ nhất. Phàm Phật thuyết pháp là do đệ tử thỉnh cầu Ngài nói pháp. Biển Thế Giới Hoa Tạng (Hoa Tạng Thế Giới Hải [1]) lấy *Kinh Hoa Nghiêm* là chủ, vị đứng ra thỉnh thuyết bộ kinh này là Bồ-tát Phổ Hiền. *Kinh Diệu Pháp Liên Hoa* do Ngài Xá-lợi-phất thỉnh thuyết, *Kinh Lăng Nghiêm* do Tôn giả A-nan thỉnh thuyết. Người đứng ra thỉnh pháp còn gọi là chúng đương cơ, chúng đương cơ của bộ *Kinh Hoa Nghiêm* là Bồ-tát Phổ Hiền.

III. GIẢI THÍCH VỀ NGƯỜI DỊCH KINH

Đời Đường, nước Kế Tân, Tam Tạng Pháp sư Bát Nhã vâng chiếu dịch.

Người dịch tám mươi quyển đầu của bộ Hoa Nghiêm này là Pháp sư Thật-xoa-nan-đà. Thật-xoa-nan-đà (Siksananda) là phiên âm tiếng Phạn, dịch là *Hỷ Học*, nghĩa là hoan hỷ học tập. Ngài dịch bộ *Kinh Hoa Nghiêm* từ tiếng Phạn sang tiếng Hoa, sau đó Ngài giảng giải; khi giảng đến chỗ *"thế giới số như vi trần"*[2] thì giảng đường nơi Ngài thuyết giảng và đại địa đều chấn động.

Cũng thế, khi Ngài mới khởi/bắt đầu dịch bộ Kinh Hoa Nghiêm, thì Đường triều Võ Tắc Thiên, còn gọi là Thiên Hậu, mộng thấy trời mưa cam lộ. Đến ngày hôm sau quả nhiên trời mưa cam lộ, nước mưa mang toàn vị ngọt, đây tượng trưng cho việc phiên dịch bộ Kinh Hoa Nghiêm là vô cùng quan trọng; cho nên sau khi phiên dịch xong, lúc giảng giải thì đại địa "chấn động sáu cách" (lục chủng chấn động) [3]. Nên chi, Võ Tắc Thiên liền phê một chiếu thư, tán thán công đức của Pháp sư Thật-xoa-nan-đà. Cho nên, cảnh giới bất khả tư nghì của *Kinh Hoa Nghiêm* thì rất nhiều, rất nhiều. Nhiều lắm! Nhất ngôn nan tận, một lời khó có thể nói hết.

Phẩm này là Ngài **Tam Tạng Pháp Sư Bát Nhã** (Prajna) ở nước **Kế Tân** vâng chiếu dịch vào đời **Đường**. Kế Tân (Kubha) là tên của một nước (*hiện tại là Kashmir*); Tam Tạng (Tripitaka) là Kinh tạng, Luật tạng, Luận tạng. Kinh là chỉ cho tất cả kinh điển, Luật là giới luật, Luận là luận nghị. Người phiên dịch phẩm kinh văn này là Ngài Tam Tạng Pháp sư, tên Bát-nhã. "Pháp sư" nghĩa là "dĩ pháp vi sư", lấy Phật Pháp làm thầy; lại cũng có nghĩa là "dĩ pháp thí nhân", đem Phật Pháp ban bố đến mọi người. "Bát-nhã" là tiếng Phạn, dịch là trí tuệ. Vì sao không trực tiếp dịch chữ Bát-nhã ra tiếng Hoa mà giữ nguyên âm Bát-nhã? Vì chữ bát-nhã thuộc loại "tôn trọng nên không phiên dịch", là một trong năm loại theo nguyên tắc không phiên dịch[4].

"Vâng chiếu dịch": tuân theo sắc lệnh hoàng đế phiên dịch bộ kinh này từ tiếng Phạn ra tiếng Hoa.

Ghi chú:

[1] **-** Biển thế giới Liên Hoa Tạng Trang Nghiêm, gọi tắt là cõi Hoa Tạng, là cảnh Thật báo vô chướng ngại độ của Đức Tỳ Lô Giá Na Như Lai. "Liên Hoa" là hoa sen, đây chỉ cho hoa sen chúa Chủng Chủng Quang Minh Nhụy Hương Tràng; hoa sen này đảm trì thế giới hải. "Tạng" chỉ cho chỗ hàm chứa hạt sen; các thế giới chủng nương nơi hương thủy hải như những hạt sen ở trong liên tạng, và chỗ y trụ của các hương thủy hải ví như liên phòng, tức là gương sen. "Trang Nghiêm" là chỉ cho các hình tướng tốt đẹp của thế giới hải, như núi Đại Luân Vi, biển Hương Thủy, bảo địa, lầu các, ao hồ, rừng cây, vườn hoa, lưới báu, câu lơn, bảo tràng; các cảnh sắc này đã điểm tô cho cõi Hoa Tạng trở nên tráng lệ. Nói tóm lại, cõi Thật báo độ này có đại liên hoa (Nhụy Hương Tràng) bao trùm và duy trì vi trần thế giới chủng như hoa sen hàm chứa hạt sen, nên gọi là Hoa Tạng. *("Phật Học Tinh Yếu" HT. Thiền Tâm)*

- Các thế giới này chia thành hai mươi tầng, phân bố thứ lớp từ thấp đến cao. Cõi Ta Bà (Saha) của chúng ta là tầng thế giới thứ 13 trong biển thế giới Hoa Tạng. Kinh Hoa Nghiêm: *"Cõi Phật trung ương của tầng thế giới thứ mười ba tên là Ta Bà, lấy chất kim cang trang nghiêm làm giới hạn, an trụ trên các phong luân. Thể tướng cõi này trống trải, trên có thiên cung trang nghiêm hư không và phủ che, xung quanh có các thế giới khác nhiều bằng số bụi nhỏ của mười ba cõi Phật vi nhiễu. Vị giáo chủ ở bản độ hiệu là Tỳ Lô Giá Na Như Lai.".*

[2] Nguyên văn: vi trần thế giới sát hải 微塵世界刹海

[3] Lục chủng chấn động, còn gọi là Lục biến chấn động, Lục phản chấn động: sáu tướng chấn động của mặt đất. Theo kinh *Hoa Nghiêm* 16 (bản Tân dịch), sáu tướng là động, khởi, dũng, chấn, hống và kích. "Động" là lay động không yên, "khởi" là từ thấp dần dần lên cao, "dũng" là bỗng nhiên vọt lên, ba thứ này chỉ cho hình thức địa chấn. "Chấn" là phát ra tiếng động âm ỷ, "hống" là tiếng rống mạnh mẽ của loài thú, "kích" là phát ra tiếng dội ầm ầm, ba thứ này chỉ cho âm thanh địa chấn. "Hình" (hình thức) và "thanh" (âm thanh) mỗi thứ đều có một loại, gọi là chấn động.

[4] Năm lý do không phiên dịch (Năm Loại Không Phiên Dịch - Hán: ngũ chủng bất phiên, 五種不翻):

1. ***Bí mật không dịch (Bí mật bất phiên):*** Vì tính bí mật, mầu nhiệm, ý nghĩa sâu xa của các danh tự, âm thanh bí mật, nên không dịch nghĩa. Ví dụ: đà-la-ni…
2. ***Nhiều nghĩa không dịch (Đa Hàm bất phiên):*** Một từ bao hàm nhiều nghĩa, không thể dùng một nghĩa nào để phiên dịch, nên chỉ phiên âm. Ví dụ: Bạc-già-phạm (có sáu nghĩa)...
3. ***Không có không dịch (Thử phương bất phiên):*** Ở nơi này không có, hoặc các từ đó có ý nghĩa xa lạ đối với người Trung Hoa; tức là, tên các thú vật, cây cỏ và quỷ thần đặc biệt của Ấn Độ nhưng xa lạ đối với Trung Hoa nên không phiên dịch.
   Ví dụ: Mùi hương đa-ma-la-bạt (tamàlapattra) và mùi hương đa-già-la (tagara)… và các chúng sanh như Ca-lâu-la (Garuda) và Khẩn-na-la (Kimnara)…
4. ***Theo xưa không dịch (Thuận cổ bất phiên):*** Theo thông lệ từ xưa, nên không phiên dịch. Ví dụ: A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề không phải là không thể dịch được, nhưng vì từ thời Đông Hán trở về sau, các nhà phiên dịch đều để nguyên âm, vì muốn giữ lại cách thức của người xưa nên không dịch nghĩa.
5. ***Tôn trọng không dịch (Trang trọng bất phiên):*** Vì muốn cho mọi người có ý niệm tôn trọng, nên không dịch nghĩa. Ví dụ: Thích-ca Mâu-ni, Bát-nhã…

IV. GIẢI THÍCH CHÍNH VĂN

Lúc bấy giờ Ngài Phổ Hiền đại Bồ tát khen ngợi công đức thù thắng của đức Như Lai

rồi, bèn bảo các vị Bồ tát và Thiện Tài rằng: "Này Thiện nam tử! Công đức của Như Lai, giả sử cho tất cả các đức Phật ở mười phương, trải qua số kiếp nhiều như cực vi trần trong bất khả thuyết bất khả thuyết cõi Phật diễn nói không ngừng, cũng không thể trọn hết được."

Nhĩ thời Phổ Hiền Bồ-tát Ma-ha-tát xưng tán Như Lai thắng công đức dĩ. Cáo chư Bồ-tát cập Thiện Tài ngôn. Thiện nam tử. Như Lai công đức. Giả sử thập phương nhất thiết chư Phật. Kinh bất khả thuyết bất khả thuyết Phật sát cực vi trần số kiếp. Tương tục diễn thuyết. Bất khả cùng tận.

Bấy giờ: Ngay lúc ấy, nghĩa là ngay vào lúc đã nói xong phẩm trước.

Ngài Phổ Hiền đại Bồ tát: Vị Bồ-tát Phổ Hiền này đạo hạnh trùm khắp vũ trụ, công đức sánh đồng bậc đại thánh (Đạo biến vũ trụ viết Phổ, Đức lân cực thánh viết Hiền). "Bồ-tát" là tiếng Phạn, nói cho đủ là "Bồ-đề-tát-đỏa (Bodhisattva)". "Bồ" nghĩa là giác; "tát" tức là hữu tình. "Bồ-tát" chính là "giác hữu tình" nghĩa là có khả năng làm cho hết thảy hữu tình chúng sanh giác ngộ. Thế nào gọi là hữu tình? Tất cả chúng sinh đều gọi là hữu tình (sentient). Nay Jerry hỏi nếu hoa cỏ là vô tình, sao lại có sự sống? Câu hỏi này rất hay, nay tôi sẽ giảng sơ qua.

Hoa cỏ tuy vô tình nhưng lại có tính. Có tính gì? Có sinh tính. Thế nào là sinh tính? "Sinh tính" chính là nói đến "nhân" (仁 *life-energy*) của Nho giáo. "Nhân" này chính là "tính", hay có thể gọi là đạo, cũng có thể nói là mẹ của vạn vật. Con người chúng ta có "nhân" này không? Đương nhiên là có, nếu người mà không có "nhân" thì chẳng gọi là người. Không gọi là người thì gọi là gì? Tùy quý vị gọi gì cũng được. Vì có "nhân" nên gọi là người (humans); nên cái "nhân" này chính là người, mà khi người hợp lại (toàn vẹn) được với cái tính nhân (仁 *life-energy, life-nature*) ấy, thì gọi là đạo (仁者人也，合而言之為道*nhân giả nhân dã, hợp nhi ngôn chi vi đạo*). Đây chính là Đạo.

Hết thảy cỏ cây cũng đều có "nhân" này. Quý vị thấy cỏ cây đều có sự sống, khi mùa Xuân đến chúng đâm chồi nảy nhánh, rồi đơm hoa kết trái, đây đều là vì chúng có tính "nhân". Hoa cỏ, cây cối không chỉ có tính nhân mà còn có khả năng cảm nhận nhưng rất kém. Tính "nhân" này ở nơi hoa cỏ rất ít, vì thế khi quý vị tỉa hoa thì chúng phát ra âm thanh, âm thanh của sự sợ hãi, chỉ là chúng ta không nghe thấy được, nhưng nếu áp dụng phương tiện khoa học thì chúng ta có thể nghe được, đây là một hiện tượng rất phổ biến. Vì sao chúng có âm thanh? Là vì chúng cũng có tính, chẳng qua là tính của chúng không đầy đủ mà thôi, chúng chỉ có một chút tính. Tôi đưa ra một tỷ dụ. Nếu con người chúng ta có cái tính nặng 100 pounds, thì cái tính của hoa cỏ chưa được tới 1 ounce, nó chỉ có chút xíu như sợi tóc. Nhưng đây chỉ là tỷ dụ, quý vị đừng cho là thật rồi nói rằng: "Vị Pháp sư ấy nói cái tính của con người nặng đến cả trăm pounds". Không phải thế, quý vị đừng nên lầm chấp! Vì sao hoa cỏ cũng có tính? Vì sao hoa cỏ cây cối trải qua thời gian dài lâu mới có cảm giác? Bởi vì thời gian sinh trưởng lâu, chúng mới phát sinh ra một loại cảm giác. Ở Trung Hoa có trường hợp cây Chương[1] cầu giới và cây Bạch Quả[2] thụ giới. Vì sao chúng có thể thụ giới? Nếu nói chúng không có tình thức thì làm sao có thể biến thành hình người để đi thụ giới? Như thế chẳng phải là mâu thuẫn lắm sao! Thật ra, chẳng mâu thuẫn chút nào, do vì quý vị không biết được cảnh giới này nên mới cho là mâu thuẫn. Nếu quý vị biết được thì sẽ hiểu đó là việc hết sức bình thường. Vì chúng sống cùng con người trên thế giới này đã lâu, tuổi tác đã già, trải nghiệm cũng nhiều, lâu ngày dài tháng sẽ hình thành nên tính giống như con người, cũng chính là có "nhân". Đã có nhân (仁) thì sau đó sẽ có xúc cảm, đã có xúc cảm thì cũng sẽ muốn thụ giới. Trước khi chưa thụ giới, do không biết nên nó đã làm nhiều việc xấu, sau đó biết được những việc làm trước đây của mình là sai, thế là nó muốn thụ giới, thậm chí còn muốn xuất gia.

Bồ-tát Phổ Hiền giáo hóa hết thảy chúng sinh, không chỉ hóa độ chúng hữu tình mà tất cả hoa

cỏ cây cối thuộc giống vô tình Ngài cũng đều độ hết, làm cho hữu tình và vô tình đều đồng viên Chủng trí[3], đồng thành Phật đạo, nên gọi là "Phổ Hiền". Ngài còn muốn hóa độ tất cả hoa cỏ cây cối; quý vị xem, hạnh nguyện như thế rộng lớn biết bao! Thông thường chúng ta chỉ biết hóa độ con người, độ những loài có sinh mệnh, còn Bồ tát thì muốn độ đến cả những loài không có sinh mệnh. Hai chữ "Bồ-tát" lại có thể phiên dịch là "chúng sinh có tâm đạo rộng lớn[4]". Vì Bồ-tát cũng là một chúng sinh, chẳng qua đạo tâm của Ngài rộng lớn; Bồ-tát còn gọi là "người công khai[5]" vì Bồ-tát làm việc gì cũng công khai, không có tâm ích kỷ, không có tâm tự lợi, không có tâm ganh ghét, không có tâm chướng ngại.

"Đại Bồ-tát[6]" chính là Bồ-tát lớn. Bồ-tát Phổ Hiền là vị Bồ-tát lớn trong các Bồ-tát, không phải là Bồ-tát nhỏ. Vậy ai là Bồ-tát nhỏ? Bồ-tát mới phát tâm Bồ-đề chính là Bồ-tát nhỏ, còn những Bồ-tát đã phát tâm Bồ-đề từ lâu chính là Bồ-tát lớn. Giống như người mới thụ Bồ-tát giới thì là Bồ-tát nhỏ, người thụ giới Bồ-tát đã lâu, lại có thể nương vào giới tu hành thì đó là Bồ-tát lớn, lại trải qua ba trăm năm, năm trăm năm thì sẽ trở thành một vị lão Bồ-tát, một Bồ-tát kỳ cựu.

Khen ngợi công đức thù thắng của đức Như Lai rồi: Bồ-tát Phổ Hiền xưng dương tán thán công đức tối thù thắng của Như Lai. Thế nào gọi là **xưng tán**? Xưng là xưng hô, xưng hô Phật, Thế Tôn. Tán là ca ngợi, tán thán; ca ngợi công đức thù thắng của Như Lai. Thế nào là **Như Lai**? Như Lai là một trong mười hiệu của Phật. Ngày xưa Chư Phật có rất nhiều danh hiệu, do danh hiệu quá nhiều nên con người khó nhớ, nên giảm bớt còn lại một vạn danh hiệu, nhưng một vạn danh hiệu cũng chẳng dễ nhớ nên lại giảm xuống còn một nghìn danh hiệu, một nghìn danh hiệu vẫn còn nhiều, cũng chẳng dễ nhớ, thế là lại giảm xuống còn một trăm danh hiệu. Do trí nhớ của chúng sinh rất kém, một trăm danh hiệu vẫn không nhớ nổi, do đó lại giảm xuống còn mười danh hiệu. "Như Lai" là một trong mười danh hiệu của Phật. "Như" nghĩa là chẳng động, là tĩnh; "Lai" nghĩa là động. Thế nên "Như Lai" nghĩa là trong tĩnh có động, trong động có tĩnh. Như Lai lại có nghĩa là "thừa như thật chi Đạo, lai thành Chính Giác". "Thừa như thật chi Đạo (nương vào Đạo như thật)", đó là tĩnh; "lai thành Chính Giác (để thành Chính Giác)", đó là động. Tuy trên danh xưng có động có tĩnh, nhưng trên bản thể của Phật thì chẳng phải động, chẳng phải tĩnh, động và tĩnh chẳng hai, động chính là tĩnh, tĩnh cũng chính là động. Vì sao nói như thế? Vì động là từ trong tĩnh mà sinh ra, tĩnh từ trong động mà hiện bày, nên nói động tĩnh chẳng hai. Đó gọi là Như Lai.

Ở phẩm trước Bồ-tát Phổ Hiền tán thán công đức của Như Lai là công đức thù thắng hơn tất cả, tất cả công đức đều chẳng thể theo kịp, cũng không thể sánh bằng, công đức của Như Lai nói mãi cũng không hết, giảng mãi cũng không cùng. Tuy nói không hết, giảng không cùng nhưng Bồ-tát Phổ Hiền vẫn dùng hạnh nguyện rộng lớn của Ngài để tán thán công đức đặc biệt thù thắng này của Như Lai.

Thế nào gọi là **công đức**? Công, quý vị cần phải lập mới có; đức, quý vị cần phải tạo mới thành. Thế nào là lập công? Ví dụ, ở một ngôi trường nọ có một vị giáo sư rất tận tâm tận lực, ngoài tiền lương chính thức được hưởng ra, vị giáo sư còn làm rất nhiều việc cho trường nằm ngoài bổn phận chức trách của mình, đó gọi là công. Đức là đối xử tốt với tất cả mọi người, giúp người mà không cầu sự báo đáp. Thí như quý vị cho một người nào đó năm vạn tiền mà quý vị chẳng có tâm mong cầu gì ở nơi năm vạn tiền ấy. Mong cầu sau này người đó có thể trả lại năm mươi vạn đồng, nếu quý vị khởi tâm như thế là không có đức. Phải thi ân không cầu báo đáp, đối xử tốt với ai cũng không mong cầu người ta đáp trả, cũng chẳng hy vọng họ đối xử tử tế lại với mình, đó chính là đức.

Đức có phân thành đức lớn và đức nhỏ, nhưng không phải nói nếu tạo thì phải tạo đức lớn, còn đức nhỏ thì không cần tạo. Thế nào gọi là đức nhỏ? Thông thường đó là việc làm chỉ đem lại một chút lợi ích nhỏ cho người, tuy đem lại lợi ích cho người rất ít và dù có ít hơn nữa cũng phải nên làm.

Quý vị làm nhiều việc đức bé như thế tích tụ dần cũng trở thành lớn; quý vị không chịu làm thì vĩnh viễn chẳng thể có đức. Cho nên nói: "Đạo chính là hành[7]", tu đạo là phải hành trì, không thể chỉ nói tu đạo trên đầu lưỡi, từ sáng đến tối nhớ nghĩ đến việc tu đạo nhưng chẳng bao giờ chịu hành trì, đó gọi là "thiền đầu lưỡi[8]", không có tác dụng. Cũng thế, đức cũng cần phải được tạo lập, nếu quý vị không tạo thì chẳng thể có đức. Cho nên nói *"Đạo chính là thực hành, không thực hành thì làm sao có đạo? Đức là phải tạo lập, không tạo lập thì làm sao có đức?"*. Công đức Như Lai thật chẳng thể tán thán cùng tận.

Bèn bảo các vị Bồ tát và Thiện Tài: Sau khi Bồ-tát Phổ Hiền tán thán công đức của Như Lai, Ngài bèn bảo với vô lượng vô biên chư vị Bồ-tát trong pháp hội Hoa Nghiêm và Thiện Tài Đồng Tử. "**Chư vị Bồ-tát**": có thể là rất nhiều, cũng có thể là rất ít Bồ-tát. Do vì chữ "chư" cũng có thể giảng là nhiều, cũng có thể giảng là một. Chữ "chư" này nếu làm ngữ trợ từ thì là một trợ từ trợ giúp ngữ khí khi nói; "chư", cũng có thể giảng là một, một vị Bồ-tát. Nếu căn cứ theo nghĩa "nhiều" thì nhiều chính là "chư", cũng chính là rất nhiều, rất nhiều các vị Bồ-tát. Thế rốt cuộc "chư" ở đây nghĩa là ít hay nhiều? Trong Hải Hội Hoa Nghiêm này chẳng thể giảng với nghĩa "một", không thể nói là một vị Bồ-tát. Vì sao? Vì các vị Bồ-tát trong pháp Hội Hoa Nghiêm nhiều vô số.

Thiện Tài Đồng Tử tuy là một chú bé, nhưng có sức thần thông rất lớn, sức diệu dụng thần thông của Thiện Tài là bất khả tư nghì. Thiện Tài Đồng Tử có năm mươi ba vị thầy, và vì có năm mươi ba vị thầy cho nên ảnh hưởng đến Phật giáo Trung Hoa rất phức tạp. Phức tạp ra làm sao? Có một số tín đồ Phật giáo bắt chước Thiện Tài Đồng Tử nói: "Thiện Tài Đồng Tử có năm mươi ba vị thầy thì tối thiểu tôi cũng phải có mười vị, hai mươi vị hay ba mươi vị thầy, như thế chẳng phải là quá nhiều". Hành vi như thế là rất mê tín, vô cùng sai lầm! Xưa nay tôi cực lực phản đối tư tưởng này, chẳng phải vì sợ chúng đệ tử của tôi đi bái những vị khác làm thầy, mà do vì đây là một phong thái tập quán xấu nhất trong Phật giáo.

Có người nói: "Thiện Tài Đồng Tử có năm mươi ba vị thầy, thế tại sao Thiện Tài không phải là người xấu nhất? Người Trung Hoa đi bái ba mươi, bốn mươi người làm sư phụ là xấu nhất hay sao?". Việc gì cũng có thật lý của nó, nguyên do Thiện Tài Đồng Tử có năm mươi ba vị thầy là bởi vị thầy thứ nhất của Thiện Tài dạy đi bái vị thứ hai làm thầy; là sư phụ của Thiện Tài bảo đi, chứ chẳng phải Thiện Tài nghe nói người này, người kia có đạo hạnh, có tu hành, thế rồi cũng chẳng thưa với thầy, lén lén lút lút chạy đến nơi khác bái vị ấy làm sư phụ. Đó gọi là: "Khi bái nhận một sư phụ, lại phản bội một sư phụ[9]". "Bội" chính là phản bội, là chống trái. Nếu quý vị tốt với thầy của mình thì sao lại đi nhận người khác làm thầy? Giống như chúng ta có một người cha là đủ rồi, chỉ có Đức Phật Thích Ca-mâu-ni mới có thể làm người cha thứ hai của chúng ta. Chúng ta tuyệt đối không thể đi tìm ba, bốn, năm, sáu, bảy, tám…nhiều người cha như thế ! Sư phụ là cha mẹ pháp thân xuất thế của chúng ta. Vậy quý vị bái nhiều thầy như thế để làm gì chứ?

Thiện Tài Đồng Tử đã học được trọn vẹn với vị thầy thứ nhất của mình về đạo đức, học vấn và diệu dụng thần thông. Vị thầy thứ nhất ấy cũng không còn gì để dạy Thiện Tài nữa, vì thế ông mới bảo Thiện Tài đến phương Nam để bái một người khác làm thầy. Thiện Tài lại đi đến chỗ khác bái một vị khác làm thầy. Sau khi bái làm thầy, Thiện Tài cũng học hết tất cả những bản lĩnh và năng lực của vị thầy này, nên vị thầy này lại giới thiệu Thiện Tài tiếp tục đi về phương Nam để bái một vị tôn giả, hoặc là một vị Bồ-tát, hoặc là một vị Tỳ-kheo làm thầy rằng: "Đạo nghiệp của người ấy cao hơn ta". Đó chính là thầy của Thiện Tài đã giới thiệu cho Thiện Tài đi tìm một vị thầy khác, không phải Thiện Tài âm thầm hay lén lút đi bái một người khác làm thầy. Vị thầy thứ nhất giới thiệu cho Thiện Tài vị thầy thứ hai, vị thầy thứ hai lại giới thiệu cho Thiện Tài vị thầy thứ ba, cho tới giới thiệu đến vị thầy thứ năm mươi ba, và Thiện Tài đều học và đạt được tất cả những thần thông diệu dụng của

năm mươi ba vị thầy, vì thế thần thông diệu dụng của Thiện Tài rất cao cường. Quý vị đừng nên cho rằng Thiện Tài là một chú bé, bản lĩnh của Thiện Tài rất lớn.

Tín đồ Phật Giáo Trung Hoa vì chịu sự ảnh hưởng này, nên họ đến các nơi tùy tiện bái sư phụ, bái xong một vị thầy, lại lén lén lút lút đi bái một vị khác, bái hết người này đến người kia đều là những loại hành vi bại hoại trong Phật giáo. Vì thế lúc tôi ở Trung Hoa hoặc ở Hồng Kông, hễ ai là người đã từng quy y Tam Bảo, giờ lại muốn quy y với tôi, tôi đều không thâu nhận. Vì sao? Tôi cho rằng họ là tín đồ không tốt, bởi chẳng phải thầy của họ bảo họ đi bái tôi làm thầy mà là họ tự lén lút tìm đến, đó là hành động phản bội thầy hiền. Hơn nữa, phép Quy Y chỉ có thể quy y một lần, không thể đã quy y rồi giờ lại quy y nữa. Thọ giới thì có thể; quý vị thọ ba giới, bốn giới, năm giới, bát quan trai giới, hoặc Bồ-tát mười giới trọng bốn mươi tám giới khinh, tuần tự thọ bao nhiêu lần đều có thể, nhưng quy y thì chỉ được một lần. Bái thầy chỉ được bái một vị, chẳng nên Đông bái một vị, Nam bái một vị, Bắc bái một vị, Tây bái một vị. Nếu như thế thì sau này quý vị chết đi sẽ tìm đến vị thầy nào, đi làm đệ tử ở đâu? Không có nơi nào hết! Căn bản chính là không có nơi nương tựa, bởi vì có quá nhiều thầy. Nhất là trong Phật giáo, chúng ta phải nhận biết chân lý, giảng nói chân lý.

Tín đồ Phật giáo ở Trung Hoa, chuyển qua chuyển lại cũng chỉ mấy vị Phật tử cũ đó, từ nhỏ họ đã quy y, sau đó lại quy y bên này, quy y bên kia; một đời của họ quy y thậm chí đến mấy mươi lần, có khi đến cả trăm lần. Quý vị hỏi họ: "Thế nào là quy y?", họ mở mắt nhìn mà chẳng có lời gì để nói —không biết quy y là gì! Quy y đến hàng chục lần mà chẳng biết quy y là gì, quý vị nói như vậy có đáng thương không! Họ nói những người xuất gia đều là thầy của họ, họ đều quy y với tất cả, nhưng tôi tin họ chẳng có một vị thầy nào hết. Vì sao như thế? Bởi vì họ không có niềm tin. Quý vị phải có niềm tin, tin tưởng mới có thể được cứu độ, không tin tưởng, căn bản sẽ không được cứu độ. Vả lại ở Trung Hoa, giữa các thầy có sự xung khắc cũng đều do quan hệ về tín đồ. Thí dụ như đệ tử của một vị thầy này chạy đến một vị thầy khác thì vô hình trung nói rằng vị thầy trước là người không có đạo đức. Nếu như có đạo đức thế thì tại sao đệ tử phải đi bái một vị khác làm thầy? Và thế là giữa hai vị pháp sư sẽ nảy sinh xung khắc - "Ông đã cướp mất đệ tử của tôi!" Thế là hai vị bắt đầu đấu pháp, một khi đấu nhau thì chân tướng của hai người đều xuất hiện. Chân tướng đó là gì? Đó là lửa vô minh bùng phát. Tất cả đều bắt nguồn từ nguyên nhân đệ tử lén lút quy y với thầy khác. Quý vị sợ tôi cướp mất đệ tử của quý vị, còn tôi lại sợ quý vị cướp mất đệ tử của tôi, nên dẫn đến tình trạng nêu trên.

Đây là một tập quán rất xấu trong Phật giáo, tôi hy vọng ở nước Mỹ này không phát sinh tình trạng ấy, chỉ quy y một lần mà thôi. Quý vị chẳng phải muốn quy y đó sao? Thế thì quý vị hãy đi tìm một vị thầy tốt, sau khi quy y rồi không nên phản bội sư phụ, không nên làm một tín đồ trái đạo phản thầy.

Thiện Tài Đồng Tử có năm mươi ba vị thầy đã ảnh hưởng đến Phật giáo Trung Hoa, hình thành nên một phong thái tập quán không xác đáng. Ở nước Mỹ, nhân lúc Phật giáo còn chưa lan rộng thì đừng nên để lỗi lầm này lan truyền, không nên để tín đồ tập thành thói quen này. Giống như nghi thức rửa tội để trở thành giáo đồ trong đạo Giêsu, đạo Thiên Chúa cũng chỉ một lần, không thể nói: rửa tội một lần chưa sạch phải rửa thêm lần nữa, rửa đi rửa lại cũng chỉ một người đó. Trong Phật giáo chúng ta cũng vậy, không nên quy y một lần rồi lại lần nữa, hết lần này đến lần khác và còn nói rằng: "Tôi quy y lần đầu có thể Phật không biết, vì thế tôi quy y lại lần thứ hai". Quý vị quy y lần đầu nếu Phật chẳng biết thì đến lần thứ hai, thứ ba cho đến một nghìn lần, một vạn lần, Phật cũng chẳng biết. Vì sao? Bởi vì Phật không phải là đang ngủ mà nói rằng quý vị quy y như thế Ngài không thấy, không biết. Phật là bậc Đại Giác, nếu tâm quý vị thật sự mong cầu quy y với Ngài thì Ngài đã biết rồi, thế nên mới nói sự giao cảm giữa tâm thành của chúng sinh và bi tâm của chư Phật là không thể tư

nghì[10]. Nếu quý vị nói Phật không biết thì trên căn bản quý vị đã không tin Phật, trên căn bản cũng chẳng có quy y. Như vậy thì quý vị có quy y mấy nghìn vạn lần cũng vô dụng.

Sau khi quý vị quy y, thì nhất định phải tôn sư trọng đạo, phải cung kính đối với thầy. Nay tôi giảng đạo lý này hoàn toàn không có dụng ý để được đệ tử quy y với tôi phải cung kính tôi, bởi tôi thấy đệ tử quy y với tôi đã rất cung kính tôi rồi, nên chẳng mong họ cung kính thêm nữa. Sau khi quy y phải ghi nhớ là không được phản thầy, không được không cung kính thầy. Người nào không cung kính thầy sẽ bị đọa vào địa ngục. Đọa địa ngục nào? Khi giảng *Kinh ĐiaTạng*, chẳng phải tôi đã nói đến "địa ngục Thiên Đao" ư? Đệ tử không hiếu thuận với thầy thì phải đọa vào địa ngục ấy. Có một hạng đệ tử không chỉ không thuận theo lời thầy dạy, không nương theo lời thầy dạy để thực hành, mà còn tự mình mở riêng một đường hướng khác, làm theo ý mình, lại còn dùng các phương cách như mắng nhiếc thầy mình, thậm chí đánh thầy, giết thầy, đầu độc cho thầy chết để hại thầy, những trường hợp trên đều đã xảy ra. Quý vị chớ cười! Trên thế gian này hạng chúng sinh nào cũng có! Giống như tùy tiện ngồi vào chỗ của thầy, đùa giỡn bình bát của thầy, như thế đều phạm lỗi, trừ khi thầy bảo làm như thế. Nếu thầy không bảo làm như thế mà quý vị ngang nhiên làm thì đều phạm lỗi. Đây là điều rất quan trọng, không phải muốn làm gì thì làm, có thầy ở đây thì đệ tử không được tùy tiện, vì thế trong mọi lúc, mọi nơi đều không thể hủy báng thầy, không được nói xấu sau lưng thầy, vì như thế là phạm khẩu nghiệp, tạo thành tội nghiệp.

Đoạn văn này là nói công đức của Như Lai không thể cùng tận. **Thiện nam tử:** Các vị đã quy y Tam Bảo, đã thụ năm giới, giữ mười điều thiện. Nay tôi nói cho các vị nghe. **Công đức của Như Lai, giả sử cho tất cả các đức Phật ở mười phương:** công đức của Phật, giả sử tất cả các đức Phật trong các thế giới khắp mười phương. **Trải qua số kiếp nhiều như cực vi trần trong bất khả thuyết bất khả thuyết cõi Phật:** trải qua kiếp số nhiều như số cực vi trần ở các cõi nước của chư Phật chẳng thể nói bàn. "Cực" chính là đến cực điểm. Đến cực điểm gì? Đến cực điểm của vi trần. Cực điểm của vi trần là gì? Chính là lân hư trần[11]; lân hư trần, mắt thường của con người không thể nhìn thấy được. Chúng ta có thể nhìn thấy được vi trần ở nơi mà ánh mặt trời có thể xuyên qua cửa sổ, đây là những cái có thể nhìn thấy. Đem những hạt vi trần có thể nhìn thấy lại phân ra thành bảy phần, đây gọi là lân hư trần. Lân hư trần mắt thường không thể nhìn thấy, đó cũng chính là cực vi trần. **Diễn nói không ngừng, cũng không thể trọn hết được:** Trải qua số thời gian dài như số cực vi trần ở các cõi nước của chư Phật, diễn nói một cách liên tục không gián đoạn về công đức của Như Lai cũng không thể nói hết.

Ghi chú:

[1] Cây chương 樟樹: cây long não (camphor).

[2] Cây bạch quả 白果: cây mơ trắng (gingko).

[3] Chủng trí 種智: từ gọi tắt của Nhất thiết chủng trí, tức chỉ cho trí tuệ của Phật.

[4] Nguyên văn: Đại đạo tâm chúng sinh 大道心眾生.

[5] Nguyên văn: Khai sĩ 開士.

[6] Nguyên văn: ma-ha-tát 摩訶薩.

[7] Nguyên văn: Đạo thị hành đích 道是行的.

[8] Nguyên văn: Khẩu đầu thiền 口頭禪

[9] Bái liễu nhất cá sư phụ, bội liễu nhất cá sư phụ, 拜了一個師父，背了一個師父: Bái một vị làm thầy và đồng thời phản lại một vị thầy.

[10] Nguyên văn: Cảm ứng đạo giao thị bất khả tư nghì đích 感應道交是不可思議的.

[11] Lân hư trần 鄰虛塵: hạt bụi tí (vi trần) chẻ làm bảy, một phần bảy (1/7) của một vi trần là một lân hư trần.

A2. HIỂN BÀY NHÂN CHUNG

(gồm có hai phần: B1. Trường hàng; B2. Kệ tụng)

B1. Kệ tụng

(gồm có ba phần: C1. Hiển bày nhân chung; C2. Hiển bày đức tối thắng của Kinh; C3. Tóm kết, khuyên thọ trì)

C1. Hiển bày nhân chung

(gồm có bốn phần: D1. Nêu những điểm cần thiết; D2. Liệt bày danh số; D3. Giải riêng về tên các bản khắc; D4. Tóm kết những điều lợi ích cần phải biết)

D1. Nêu những điểm cần thiết

Nếu muốn thành tựu môn công đức này, phải tu mười hạnh nguyện rộng lớn.

Nhược dục thành tựu thử công đức môn, ưng tu thập chủng quảng đại hạnh nguyện.

Nếu muốn thành tựu môn công đức này: Nếu có chúng sinh muốn thành tựu được những công đức này của Phật. Phải chăng chỉ riêng Phật mới có được vô lượng vô biên công đức như thế, còn hết thảy chúng sinh không có phần? Chẳng phải như thế. Phật giáo rất bình đẳng, tuyệt đối không có tư tưởng độc tài, chuyên chế ở trong đó. Giáo lý của Phật dạy mọi người đều có thể thành Phật và không chỉ con người mới có thể thành Phật mà tất cả các loài động vật bay trên không, lội dưới nước..., các loài thực vật cũng đều có thể thành Phật. Loài bay trên không, lội dưới nước... đều gọi chung là động vật; thực vật là những loài như cây cối, hoa cỏ; loài sinh bằng bào thai, loài sinh ra từ trứng, loài sinh nơi ẩm thấp, loài hóa sinh, mười hai loại chúng sinh này đều có thể thành Phật. Không phải nói chỉ riêng tôi mới có thể thành Phật, còn quý vị thì không thể, không hề có điều này! Cũng không giống những tôn giáo khác nói: "Chỉ có vị Thánh Thần của tôn giáo tôi mới là thật, ngoài ra đều là giả". Nói đến thành Phật, chỉ sợ quý vị không thành, quý vị đã thành rồi thì đều là chân Phật, không có ai là Phật giả. Tất cả Phật đều là Phật thật, tất cả chúng sinh đều có thể thành chân Phật. Không thể nói chỉ cho phép riêng tôi thành Phật còn quý vị không được phép thành Phật, loại giáo lý như vậy quá nhỏ hẹp. Nếu chỉ riêng một vị Thánh Thần của quý vị là chân thật thì có ý nghĩa gì? Như thế sẽ trở thành một vị thần cô độc. Tất cả chúng sinh đều có thể thành Phật, cho nên có rất nhiều, rất nhiều Phật. Vả lại "Phật Phật đạo đồng", cho nên tất cả Phật đều giống nhau, không có sai biệt.

Chúng ta cũng như hết thảy chúng sinh muốn thành tựu công đức của Phật thì **"phải tu mười hạnh nguyện rộng lớn"**. Nên tu hành mười hạnh nguyện rộng lớn; tu tập thành công mười hạnh nguyện rộng lớn ấy thì mới có thể thành tựu được công đức của chư Phật.

D2. Liệt bày danh số

Những gì là mười? Một là kính lễ chư Phật; hai là xưng tán Như Lai; ba là quảng tu cúng dường; bốn là sám hối nghiệp chướng; năm là tùy hỷ công đức, sáu là thỉnh chuyển Pháp luân; bảy là thỉnh Phật trụ thế; tám là thường học theo Phật, chín là hằng thuận chúng sinh; mười là hồi hướng khắp cả.

Hà đẳng vi thập? Nhất giả lễ kính chư Phật; nhị giả xưng tán Như Lai; tam giả quảng tu cúng dường; tứ giả sám hối nghiệp chướng; ngũ giả tùy hỷ công đức; lục giả thỉnh chuyển Pháp luân; thất giả thỉnh Phật trụ thế; bát giả thường tùy Phật học; cửu giả hằng thuận chúng sinh; thập giả phổ giai hồi hướng.

Những gì là mười: Mười hạnh môn rộng lớn này là gì? Đây chính là hỏi về danh mục của mười hạnh nguyện rộng lớn này.

Một là kính lễ chư Phật: Hạnh nguyện thứ nhất là kính lễ chư Phật. Lễ chính là có lễ phép, có lễ độ. Lễ là một hình thức biểu hiện sự cung kính của người này đối với người kia. Quý vị đối với người có lễ phép, người khác đối lại quý vị cũng sẽ có lễ phép. Lễ là một trong Ngũ Thường[[1]]: *nhân, lễ, nghĩa, trí, tín*. Con người sở dĩ khác với loài cầm thú là vì có lễ. Nếu con người mà không có lễ thì cũng chẳng khác gì loài cầm thú. Vì sao phải lễ phép? Vì chúng ta có tâm cung kính đối với những người chung quanh, nên mới hành lễ. Chúng ta cung kính một người hẳn phải được biểu hiện thành lễ. Đối với Chư Phật, chúng ta càng phải thể hiện sự lễ phép cung kính.

Trước đây, người Trung Hoa cũng không muốn khấu đầu trước Phật và người Mỹ bây giờ cũng thế. Lúc tôi vừa đến Hoa Kỳ, có rất nhiều người bảo tôi rằng: "Người Mỹ ghét nhất là việc cúi đầu lễ bái Phật"; tôi bảo: "Thế thì rất tốt! Họ không muốn cúi đầu, tôi nhất định khiến họ phải cúi đầu, nếu họ không cúi đầu thì tôi sẽ không dạy Phật pháp cho họ, không cần phải khách sáo!". Quý vị cúi đầu lễ Phật, tôi sẽ dạy Phật pháp cho quý vị; không khấu đầu thì dù quý vị có muốn học Phật pháp với tôi, tôi cũng không dạy. Vì sao? Vì quý vị không có lễ phép đối với Phật thì tôi việc gì phải dạy Phật pháp cho quý vị chứ! Trước đây người Trung Hoa cũng thế, tin Phật thì tin nhưng lại không muốn cúi đầu lễ Phật. Giống như con vượn không biết lễ Phật, quý vị dạy nó, nó cũng chẳng muốn. Lại còn trâu, ngựa cũng chẳng biết lễ Phật, tuy trong lòng cung kính Phật nhưng chúng cũng không lễ Phật. Tín đồ Phật giáo Trung Hoa trước kia cũng vậy, tuy kính nhưng không lễ, tuy tin nhưng không bái.

Thời Bắc Ngụy (386-535), Tôn giả Lặc-na-ma-đề (Ratnamati) người Tây Vực thấy tình trạng này của người Trung Hoa, tin Phật mà không chịu lễ bái, như thế chẳng có tác dụng gì. Thế thì, Ngài đến Trung Hoa lập ra bảy pháp lễ bái để dạy người Trung Hoa lễ Phật. Trên đà Phật giáo truyền bá đến khắp các nước, đến đâu cũng gặp trường hợp tương tự. Ban đầu Phật giáo truyền đến Trung Hoa, người Trung Hoa không muốn lễ Phật; hiện tại truyền đến nước Mỹ, người Mỹ cũng không muốn lễ Phật. Vì sao không muốn lễ Phật? Là vì xưa nay chưa từng lễ bái, nhân đó tồn tại tướng ngã, ngã mạn cho rằng cái ta này còn to hơn cả núi Tu-di, như thế thì làm sao có thể lễ Phật được? Có người thấy người khác lễ Phật, liền đến gần đứng như một khúc gỗ; có người đến ngay chỗ người ta lễ Phật ngồi im như một tảng đá..., có rất nhiều kiểu khác nhau.

Chúng ta tin Phật thì phải nên lễ Phật, đến Phật còn không lễ bái thì nói gì đến chuyện tin? Cho nên chúng ta nhất định phải lễ bái tượng Phật. Có người nói: "Tượng Phật chẳng qua là một khúc gỗ tạc, chúng ta bái tượng gỗ ấy có lợi ích gì?" Tượng Phật gỗ đích thực không phải là Phật, quý vị không nên nhận lầm. Phật có mặt ở khắp mọi nơi, không có nơi nào mà Pháp thân của Ngài không

hiện hữu. Tượng gỗ chẳng qua chỉ là một biểu tượng tượng trưng cho Phật mà thôi. Giống như mỗi nước đều có quốc kỳ, và mọi người đều hướng về quốc kỳ hành lễ rất kính cẩn. Quốc kỳ chỉ là một tấm vải hay da làm thành, thế quý vị hướng về nó kính lễ có tác dụng gì? Quốc kỳ là đại diện cho sinh mệnh của quốc gia, vì thế người dân hướng về quốc kỳ kính lễ chính là bày tỏ lòng cung kính đối với đất nước của mình. Tượng Phật cũng vậy, chẳng qua là tượng trưng cho Phật mà thôi, chứ không hề nói tượng Phật ấy chính là Phật. Thế thì tại sao chúng ta phải đối trước tượng Phật lễ bái? Phật hiện hữu khắp nơi, thế chúng ta có cần phải xoay bốn phương tám hướng để lễ chăng? Đó cũng không đúng. Lễ kính phải có chỗ hướng về nương tựa, phải có chỗ hướng về nương tựa thì phải có một mục tiêu để đại biểu. Giống như một nước có rất nhiều tỉnh, nếu quí vị phải hướng đến quốc kỳ ở mỗi tỉnh, mỗi huyện để kính lễ thì làm sao đến kịp? Vì thế chỉ hướng lên một lá quốc kỳ để kính lễ cũng đã đủ. Chúng ta hướng về Phật để kính lễ, ý nghĩa cũng giống như thế.

Có bảy cách kính lễ Phật:

1. Ngã mạn lễ: Sao gọi là ngã mạn lễ? Chính là thấy người khác lễ bái, mình cũng lễ, nhưng tướng ngã hoàn toàn chưa bỏ, lạy Phật mà chẳng chút tự nhiên, và luôn tự hỏi: Tôi lạy Phật để làm gì? Tôi đâu cần phải lạy ông ta? Do vậy nên lạy một cách không hoan hỷ, rất miễn cưỡng. Hoặc có người thấy người khác lễ Phật, ai cũng lạy mà mình không lạy thì mình nổi bật quá, cảm thấy ngượng nên lạy theo. Tuy lễ Phật nhưng tướng ngã không mất, ngã mạn vẫn còn. Thấy người khác lạy nên họ cũng lạy, nhưng trong lòng lại nghĩ: "Mình thật là mê tín, lễ Phật có tác dụng gì chứ? Thật quá mê tín!".

2. Cầu danh lễ: Sao gọi là cầu danh lễ? Nghe nhiều người khen ngợi rằng: "Người kia lạy Phật rất nhiều, vừa lạy Phật, vừa lạy kinh, vừa sám hối, thật là dụng công tu hành!". Nghe mọi người khen ngợi người kia như thế, người này cũng muốn được được tiếng tu hành, nên bắt chước bái Phật và tùy hỷ sám hối. Người này tuy cũng tùy hỷ nhưng chẳng phải lễ Phật một cách chân thật, đó là vì muốn được tiếng tu hành mà lễ nên gọi là cầu danh lễ. Người này không phải tin, mà cũng chẳng phải không tin mà lễ, chẳng qua là thấy người lễ Phật được mọi người cúng dường, cung kính, khen ngợi là người tu đạo chân chính nên cũng muốn được như vậy mà lễ Phật.

3. Thân tâm xướng hòa lễ: Sao gọi là thân tâm hòa xướng lễ? Chính là khi thấy người khác lễ, mình cũng lễ; mọi người lạy, mình cũng lạy, thân và tâm vọng hướng theo người—người khác như thế nào thì mình cũng như thế ấy, bất luận là lễ Phật có lợi ích hay không, cũng chẳng cần biết lễ Phật là chính tín hay mê tín, cũng chẳng có tâm cầu danh, chỉ là làm theo người khác mà thôi. Cách lễ bái này chẳng có công đức gì, cũng chẳng có lỗi gì, song là một việc bình thường.

4. Trí tịnh lễ: Sao gọi là trí tịnh lễ? Trí là trí tuệ, tịnh là thanh tịnh; dùng trí tuệ chân chính, thanh tịnh ba nghiệp thân, khẩu, ý của mình để lễ Phật. Đó là cách lễ Phật của người có trí tuệ. Quý vị lễ Phật như thế thì sẽ không phạm sát sinh, trộm cắp, tà dâm. Đó là thân nghiệp thanh tịnh. Lúc quý vị lễ Phật không có tâm tham, tâm si, tâm sân mà chỉ có tâm cung kính để lễ Phật, nên ý nghiệp cũng được thanh tịnh. Khi quý vị lễ Phật, miệng niệm Phật hoặc trì tụng kinh chú, như thế khẩu nghiệp cũng chẳng phạm vào ỷ ngữ, vọng ngữ, ác khẩu, lưỡng thiệt. Đó là khẩu nghiệp thanh tịnh. Ba nghiệp thân khẩu ý thanh tịnh, tức là dùng trí tuệ chân chính để lễ Phật, nên gọi là trí tịnh lễ.

5. Biến nhập pháp giới lễ: Sao gọi là biến nhập pháp giới lễ? Lúc lễ Phật quán tưởng: Thân ta tuy chưa thành Phật, nhưng tâm tính của ta thì có mặt khắp cả pháp giới. Nay ta đối trước một vị Phật lễ Phật, song đồng thời cũng kính lễ Chư Phật khắp pháp giới; chẳng phải chỉ lễ riêng một vị Phật mà đối trước mỗi vị Phật đều có hóa thân của ta đang cung kính hướng về đảnh lễ và cúng dường Chư Phật Bồ-tát. Nên có câu rằng: "nhất thiết duy tâm tạo". Tâm của quý vị biến khắp pháp

giới, nên thân cũng đầy khắp pháp giới. Quý vị lễ Phật với tâm niệm như thế thì mỗi lạy của quý vị cũng cùng khắp pháp giới. "Thế nào là pháp giới? Con đã nghe Kinh mấy ngày mà chẳng biết pháp giới là gì?". Tất cả tam thiên đại thiên thế giới đều bao hàm trong pháp giới, ở bên trong pháp giới, không có gì bên ngoài pháp giới. Tâm của quý vị là tận cùng hư không, trùm khắp pháp giới, nên sự kính lễ của quý vị cũng tận cùng hư không, trùm khắp pháp giới và công đức mà quý vị đạt được cũng như thế. Đó gọi là biến nhập pháp giới lễ.

6. Chính quán tu hành chí thành lễ: Chính quán là chuyên tâm quán tưởng lễ Phật. Quán tưởng: Chúng ta lễ bái một vị Phật cũng chính là lễ bái cả pháp giới Chư Phật; lễ bái cả pháp giới Chư Phật cũng chính là lễ bái một vị Phật. Bởi vì Chư Phật trong mười phương ba đời đồng một Pháp thân, nên có câu rằng: *"Phật Phật đạo đồng"*. Chúng ta phải vận tâm chuyên nhất quán tưởng lễ Phật, không để vọng tưởng xen vào, không nên thân thì đang bái Phật mà tâm lại chạy đến rạp chiếu phim, hoặc chạy đến trường đua ngựa, vũ trường, quán rượu hay quán cơm. Tóm lại, như người lữ hành đến khắp các nơi mà không cần mua vé, thoắt lên trên trời, thoắt xuống dưới đất, lúc thì chạy qua New York, lúc thì chạy về San Francisco, song cũng chẳng biết vì sao, lại còn cho rằng mình có thần thông, kỳ thật ngay đến quỷ thông cũng chẳng có. Không nên nói là thần thông mà đó chính là vọng tưởng, còn gọi là tà quán, không có chính quán.

Tu hành chính quán là không khởi vọng tưởng, bái Phật thì phải nhất tâm lễ bái, tâm không thể làm hai việc cùng một lúc, không thể đang bái Phật ở đây mà tâm vọng hướng về nơi khác. Lễ Phật có sự chính quán như thế thì quý vị lễ một vị Phật còn hơn lễ trăm, nghìn, vạn vị Phật; một lạy vượt xa hơn cả người lễ cả trăm, nghìn, vạn lạy mà bị vọng tưởng xen vào. Vì thế tu hành cần phải từ nơi cửa nhất tâm mà vào. Quý vị cần phải biết pháp môn, nếu quý vị không biết pháp môn thì tuy là cũng lễ Phật như những người khác, nhưng người ta lễ Phật chỉ thuần lễ Phật còn quý vị lễ Phật mà tâm khởi lên vọng tưởng: "Đợi lễ Phật xong mình sẽ đi uống một ly cà phê, hay là uống một ít rượu". Quý vị vọng tưởng như thế thì chẳng phải chính quán tu hành chí thành lễ, đó là *tà quán*. Lúc lễ Phật chẳng chịu nhất tâm, lại toàn khởi vọng tưởng, lễ bái như thế chẳng có công đức gì cả.

7. Thật tướng bình đẳng lễ: Thật tướng lễ là lễ mà chẳng lễ, chẳng lễ mà lễ. Có người nói: "Ồ, lễ mà chẳng lễ, chẳng lễ mà lễ, thế thì tôi không lễ Phật chính là lễ Phật rồi!" Chẳng phải lý giải như thế. Nghĩa là tuy quý vị lễ Phật mà chẳng chấp vào tướng lễ Phật chứ chẳng phải quý vị không lễ Phật rồi cho là mình đã lễ Phật, nói thế chính là cuồng điên. Giống như có người đến đây nói với tôi là ông đã từng đi vào trong hư không. Nói như thế thật là ngu si quá đỗi! Loại người như thế quả không có thuốc chữa, không có cách nào cứu được. Vì sao như vậy? Vì tính chấp trước của họ quá nặng nề khiến họ trở thành ngu si quá đỗi.

Thật tướng bình đẳng lễ chính là bình đẳng lễ bái Tam Bảo, không chấp trước vào tướng, cung kính Phật, cung kính Pháp, cung kính Tăng, không có phân biệt đối tượng lễ bái, một niệm cũng chẳng sinh, một niệm cũng chẳng diệt. Đây chính là pháp thật tướng bình đẳng bất sinh bất diệt. Nên nói: *"Một niệm không sinh toàn thể hiện"*. Quý vị thật có thể lễ Phật đạt đến một niệm không sinh thì lúc ấy mười phương thế giới liền hiện toàn thân. Thân này của quý vị tuy ở đây, nhưng lại lớn đồng pháp giới, đó chính là thật tướng, thật tướng vô tướng (*thật tướng thì vô tướng, song không có chỗ nào mà không có mặt của thật tướng* [thật tướng vô tướng, vô sở hữu tướng]). Quý vị lễ bái mà không có tướng nhân, ngã, chúng sinh và thọ giả, cùng với pháp giới hợp thành một thể thì khi ấy thân của quý vị cũng chính là pháp giới, pháp giới cũng chính là thân này của quý vị. Quý vị xem, như thế có vi diệu không chứ! Trước đây thân của quý vị chỉ là một điểm nhỏ của núi Tu-di, núi Tu-di ở trong pháp giới giống như một hạt vi trần mà thôi. Quý vị không nên cho rằng núi Tu-di là to lớn. Hiện tại, núi Tu-di ở trong Pháp thân của quý vị, Pháp thân của quý vị bao trọn lấy núi Tu-di, quý vị

xem như thế có vi diệu không! Hết thảy vạn vật ở trong vũ trụ, không có vật nào mà chẳng được bao trùm bởi Pháp tính của quý vị, cho nên chẳng có gì mà quý vị không thấu biết. Thật tướng bình đẳng lễ là một cảnh giới bất khả tư nghì, nếu quý vị có thể lễ Phật đạt đến cảnh giới ấy, quý vị nói xem, sự vi diệu ấy có thể nói hết đặng chăng? Nói không hết được.

Ở trên nói sơ lược có bảy cách lễ bái Tam Bảo. Nếu nói rộng ra thì lễ nghi có ba trăm, oai nghi có tới ba nghìn, cho nên phép lễ có rất nhiều. Ở Trung Hoa có một bộ kinh lễ gọi là "Lễ Ký" (*một trong "Tứ Thư" của Nho giáo*), chuyên viết về các cách lễ nghi. Trong "Lễ Ký" nói mỗi người ngồi ở chỗ nào đều có quy định, người lớn có chỗ ngồi của người lớn, trẻ em có chỗ ngồi của trẻ em, người nam có chỗ ngồi của người nam, người nữ có chỗ ngồi của người nữ, người già có chỗ ngồi của người già, không thể ngồi lộn xộn. Tôi xin đơn cử, như: Trẻ em phải ngồi chỗ nào? "Lễ Ký" nói: "Em bé ngồi ở góc" (Đồng tử ngung tọa). Trẻ em phải ngồi ở bên góc, không được ngồi chính diện.

Giảng đến "lễ", nhớ khi nhỏ lúc 12 tuổi tôi rất chú trọng lễ phép. Chú trọng lễ phép như thế nào? Tôi rất thích người khác cung kính mình. Cung kính như thế nào? Khi nhỏ tôi thích làm hoàng đế, thông thường những đứa bé trong thôn, khi thì năm mươi, lúc thì một trăm đứa, tất cả đều nghe theo sự chỉ huy của tôi. Tôi bảo chúng đắp lên một ụ đất khá lớn, rồi tôi ngồi chễm chệ trên đống đất đó và bảo chúng lạy tôi. Thật lạ, những đứa trẻ ấy không hề phản đối, hướng về phía tôi mà lạy, đều nghe theo lệnh của tôi.

Đến năm mười hai tuổi, tôi thấy một đứa bé chết, lúc ấy tôi mới biết là con người rồi sẽ chết, thế là từ đó về sau tôi cải đổi thói quen xấu ấy, không bắt các đứa bé lạy tôi nữa, trái lại tôi hướng đến người khác để lạy. Trước tiên bắt đầu từ ai? Bắt đầu từ cha mẹ tôi. Sáng sớm đến lạy cha mẹ, chiều tối cũng lạy cha mẹ. Lạy cha ba lạy, lạy mẹ ba lạy, như thế sáng lạy sáu lạy, tối lạy sáu lạy. Về sau tôi nghĩ trên thế giới này không chỉ riêng có cha mẹ của mình mà còn có trời, có đất, có vua và cả thầy nữa. Thế rồi tôi lại lạy trời, lạy đất, lạy vua, và lạy thầy. Bấy giờ tôi còn chưa biết thầy của mình là ai, do vì chưa gặp được thầy nhưng trong lòng tôi đã nghĩ thế này: "Tương lai mình nhất định sẽ có một vị thầy, tuy hiện tại mình chưa gặp được thầy song cần phải lạy thầy trước". Vì thế mà tôi mới lạy trời, lạy đất, lạy vua, lạy cha mẹ và lạy thầy như thế. Nếu y theo cách nhìn của của nhiều người thì điều tôi làm là hết sức mê tín. Về sau tôi lại nghĩ thế gian này còn có thánh nhân, cho nên tôi lại lạy thánh nhân; nghĩ rằng có hiền nhân nên tôi lạy hiền nhân. Sau nữa tôi còn biết trên thế gian này có Phật cho nên hướng lạy Phật; lạy Bồ-tát, lạy Thanh văn, Duyên giác. Tiếp đến tôi lại nghĩ thế gian này còn có những người thật tốt, tôi lại lạy người tốt; thế gian này có người thiện, tôi lại lạy người thiện. Tôi lại nghĩ những vị ấy thường làm việc thiện giúp đỡ người khốn cùng, vì thế tôi thay mặt người khốn cùng lạy tạ những vị ấy. Tôi lại nghĩ những người ác cũng thật đáng thương, tôi lại đại diện cho những người ác này khấu đầu lạy Phật, xin Phật tha thứ xá miễn những lỗi lầm cho họ, giúp họ cải ác làm lành. Tôi lại thay mặt tất cả những người có tội trên thế gian này khấu đầu lạy Phật, hướng về Phật sám hối; thay mặt những người không hiếu thảo với cha mẹ trên đời sám hối với Phật. Tôi lại cho rằng mình là kẻ xấu nhất trong những người xấu, tôi nên lạy Phật thay cho tất cả bọn họ.

Cứ như thế sau này mỗi lần lễ lạy, tôi đều lạy đúng tám trăm ba mươi lạy. Tôi lễ lạy vào thời gian nào? mách nhỏ với quý vị: sự tu hành của tôi rất kỳ quái! Sáng sớm khi mọi người còn chưa tỉnh giấc, tôi đã dậy mặc áo sạch, rửa mặt, ra bên ngoài thắp một cây hương và bắt đầu lạy. Bất kể là gió bão, mưa đổ, tuyết rơi, tôi cũng phải lạy, thậm chí tuyết rơi tôi cũng không để ý là lạnh đóng băng hay lạnh mát, tôi úp tay trên tuyết để lạy. Lạy tám trăm ba mươi lạy cứ quỳ xuống, đứng lên; đứng lên,quỳ xuống, thời gian ước tính khoảng một tiếng rưỡi đồng hồ. Buổi tối đợi sau khi mọi người đều đi ngủ, tôi lại ra ngoài để lạy. Cứ như thế, tôi đã lạy trong nhiều năm cho đến sau khi tôi ở nơi mộ mẹ

thủ hiếu mới giảm bớt số lần lạy, mỗi ngày chỉ lạy chín lạy. Không lạy nhiều như trước nữa, như vậy sẽ đỡ mất thời gian rất nhiều. Tôi nghĩ mọi người đều muốn biết quá khứ tôi đã lễ Phật như thế nào, nên mới nói sơ qua như thế.

Kính lễ Chư Phật: chữ "kính" chính là vâng giữ quy củ, căn cứ vào quy củ mà làm. Những việc quý vị làm đều hợp với lễ, đó chính là kính. Nếu quý vị không giữ lễ, đó là bất kính. Thí như quý vị cung kính một người thì sẽ giữ khuôn phép trước mặt người đó, còn như không cung kính người đó thì quý vị sẽ cẩu thả, tùy tiện làm theo ý thích của mình.

Nay chúng ta nên lễ kính Chư Phật, chính là kính lễ hết thảy Chư Phật trong mười phương ba đời. Phật là một bậc đại giác, là một người đạt được sự giác ngộ lớn. Phàm phu chúng ta sống say chết mộng, chẳng biết ba cõi này là khổ, cũng chẳng muốn ra khỏi ba cõi, đó gọi là bất giác. Nhị thừa ở trong phàm phu là người đã giác ngộ, Nhị thừa giác ngộ cái gì? Giác ngộ sinh tử vô thường, vô cùng nguy hiểm, vì thế họ tu hành đạt được lý thiên không[[2]], đạt ngộ pháp Tứ đế, pháp Mười hai nhân duyên, đó gọi là La-hán cũng gọi là Duyên Giác. Trung thừa còn gọi là Duyên Giác. Những vị này ở trong phàm phu có thể xem là một người giác ngộ, nhưng chưa thể đem sự giác ngộ của mình để giác ngộ cho người, họ chỉ biết tự lợi mà không biết lợi tha, vì thế họ chỉ có thể tự mình giác ngộ.

Bồ-tát và La-hán không giống nhau, Bồ-tát đã có thể tự giác lại còn có thể giác tha, đã có thể tự lợi lại còn lợi tha. Phật và Bồ-tát cũng khác. Bồ-tát tuy có thể tự giác, giác tha nhưng chưa được viên mãn. Phật thì giác hạnh viên mãn, nghĩa là giác cũng viên mãn, hạnh tu cũng tròn đầy; tự giác đã viên mãn mà giác tha cũng trọn vẹn. Sở dĩ Phật thành một bậc đại giác ngộ là vì cả ba loại giác ngộ của Ngài đều viên mãn, vô số công đức đều đầy đủ, nên gọi là Phật.

Giáo lý Tiểu thừa cho rằng chỉ có một Đức Phật là Phật Thích-ca-mâu-ni, không chấp nhận có những vị Phật khác. Pháp Tiểu thừa chính là pháp mà Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thuyết cho năm vị Tỳ-kheo nghe lần đầu tiên tại Lộc Giả Uyển, cho nên những người tu theo Tiểu thừa chỉ biết có mỗi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, không biết ở thế giới khác có vô lượng Chư Phật. Do vì chẳng biết nên họ nói không có Phật trong mười phương, chỉ có Phật Thích Ca Mâu Ni. Thế mười phương Phật phải chăng không có? Không phải như thế! Dù họ có thừa nhận có mười phương Phật thì cũng đã có mười phương Phật, nếu họ không thừa nhận thì vẫn có mười phương Phật. Phật trong mười phương và Phật Thích-ca-mâu-ni là một, nên nói*: "Mười phương ba đời Phật, đồng cùng một Pháp thân"* (Thập phương tam thế Phật đồng cộng nhất Pháp thân).

Nay Bồ-tát Phổ Hiền phát hạnh nguyện rộng lớn, những hạnh nguyện tu hành ấy lớn đến đâu? Đó là những nguyện có cảnh giới bất khả tư nghì, nên không cách nào có thể biết được nguyện của Ngài lớn bao nhiêu, do đó gọi Bồ-tát Phổ Hiền là "Nguyện Vương", Ngài là vua trong các nguyện.

Nguyện thứ nhất **"lễ kính Chư Phật"**, chẳng phải chỉ là đảnh lễ Đức Phật Thích Ca hay Phật A-di-đà mà một lễ là tất cả lễ; một Phật là hết thảy Phật. Đảnh lễ một vị Phật chính là đảnh lễ tất cả các đức Phật, đảnh lễ tất cả các đức Phật chính là đảnh lễ một vị Phật. Đảnh lễ tất cả Phật mà không chấp tất cả Phật, đảnh lễ một Phật cũng không chấp vào một Phật, đó là thực hành "thật tướng bình đẳng lễ". Dù là lễ hết thảy Chư Phật hay một vị Phật nhưng cũng không chấp vào tướng ấy. Không nên nói: "Lần này công đức của mình thật lớn, mình đã lễ nhiều Phật như thế, người khác tu không thể bì kịp mình". Lễ Phật không nên chấp vào tướng, đó gọi là "kính lễ Chư Phật".

Kính lễ Chư Phật, Chư Phật có cần chúng ta kính lễ không? Chúng ta lễ Phật thì Phật cũng là Phật, chúng ta không lễ Phật thì Phật vẫn là Phật. Hoàn toàn không phải vì chúng ta lễ Phật mà Phật mới có thêm lợi ích, Phật mới vĩ đại hơn; còn chúng ta không lễ Phật thì Phật chịu thiệt thòi, Phật bị

lu mờ hơn. Chúng ta lễ Phật là thể hiện tâm cung kính của ta đối với Phật, còn Phật thì chẳng tăng cũng chẳng giảm, vì thế lễ Phật chúng ta không nên có tâm chấp trước.

Hai là xưng tán Như Lai: Vì sao phải xưng tán Như Lai? Như Lai không cần ta xưng tán, Ngài chẳng giống như chúng ta đâu. Quý vị xưng tán Ngài, Ngài sẽ vui mừng, mũi nở ra, mắt sáng lên chăng? Còn không xưng tán Ngài, hừm! Mũi của Ngài nóng lên, mắt của Ngài sa sầm? Nếu thế thì Phật chẳng khác gì con người, chúng ta không cần lễ bái Ngài, cũng không cần xưng tán Ngài làm gì. Vì sao vậy? Vì Ngài cũng giống như phàm phu, chúng ta cần gì phải lễ bái Ngài, xưng tán Ngài? Phật đã không cần chúng ta xưng tán, thế tại sao chúng ta vẫn cứ xưng tán Ngài? Đó chẳng phải là mâu thuẫn lắm sao? Không có gì là mâu thuẫn cả. Chúng ta tán thán Phật thì tự tính của chúng ta sẽ sinh công đức. Sinh công đức gì? Tự tính của mỗi người chúng ta đều có linh quang, quý vị tán thán Phật thì linh quang của tự tính sẽ xuất hiện chiếu phá si ám của tự thân. Nhờ công đức tán thán Phật, vô hình trung quý vị sẽ không tạo tội nghiệp, không khởi vọng tưởng. Vọng tưởng của quý vị giảm đi một phần thì ánh sáng trí tuệ đã hiển lộ nhiều thêm một phần. Vì sao người tu đạo sợ khởi vọng tưởng? Chính là vì điểm này. Quý vị vừa khởi vọng tưởng thì tự tính của quý vị giống như bị quét lên một lớp đen; nếu không khởi vọng tưởng thì ánh sáng tự tính của quý vị sẽ được hiển bày càng lúc càng sáng. Lúc tán thán Phật là trong lòng quý vị hoan hỷ với Phật, vui mừng với Phật là hòa hợp vào ánh sáng trí tuệ của Phật nên ánh sáng tự tính của quý vị cũng sẽ được hiển lộ.

Thế nào gọi là xưng tán Như Lai? Thí như nói:

Phật, khắp đất trời chẳng ai bằng

Mười phương thế giới cũng như thế

Tất cả thế gian con đều thấy

Hết thảy không ai bằng được Phật.

Thiên thượng thiên hạ vô như Phật

Thấp phương thế giới diệc vô tỷ,

Thế gian sở hữu ngã tận kiến

Nhất thiết vô hữu như Phật giả.

Đó là xưng tán Như Lai; Trên trời, dưới trời và ngay cả trên mặt đất không có vị thần, Bồ-tát, La-hán, Bích-chi Phật nào có thể sánh được với Phật, không ai có thể sánh bằng; không chỉ trên trời, dưới đất không ai có thể bì kịp Phật mà mười phương thế giới cũng không ai có thể sánh bằng. Quý vị xem, thế giới này của chúng ta tuy có năm châu lớn như: Mỹ châu, Úc châu, Á châu, Âu châu, Phi Châu, nhưng năm châu lớn này chỉ là một thế giới, còn có thế giới ở trong mười phương. Thế giới trong mười phương có nhiều vô lượng vô biên thế giới. Hiện nay có nước dự định dùng hỏa tiễn để đưa con người lên mặt trăng, mặt trăng cũng có thể nói là một trong những thế giới, chẳng qua là một tiểu thế giới mà không phải là một đại thế giới. Người và vật trong mười phương thế giới tuy rất nhiều nhưng cũng không ai, không gì có thể bì được với Phật. Tất cả những gì hiện hữu trên thế giới này con đều thấy khắp cả, nhưng tất cả đều không thể so sánh với Phật.

Hoặc là xưng tán.

Phật A-di-đà thân sắc vàng

Tướng tốt sáng ngời chẳng gì bằng
Năm Tu-di uyển chuyển bạch hào
Bốn biển lớn trong ngần mắt biếc
Trong hào quang hóa vô số Phật
Vô số Bồ-tát hiện ở trong
Bốn mươi tám nguyện độ chúng sinh
Chín phẩm sen vàng lên giải thoát.

A-Di-Đà Phật thân kim sắc,
Tướng hảo quang-minh vô đẳng-luân,
Bạch hào uyển-chuyển ngũ Tu-di,
Cám mục trừng thanh tứ đại hải,
Quang trung hóa Phật vô số ức,
Hóa Bồ-tát chúng diệc vô-biên,
Tứ thập bát nguyện độ chúng-sanh,
Cửu phẩm hàm linh đăng bỉ ngạn.

Thân của Phật A-di-đà, giáo chủ thế giới Tây phương Cực Lạc màu hoàng kim. Ngài có ba mươi hai tướng tốt[3], tám mươi vẻ đẹp[4], hào quang chiếu khắp, không ai có thể sánh bằng. Hào quang tướng lông trắng uyển chuyển giữa hai chặng mày của Phật A-di-đà lớn đến đâu? Lớn như năm ngọn núi Tu-di. Mắt Ngài màu xanh biếc và trong ngần giống lớn như bốn biển lớn. Mắt Phật lớn như bốn biển lớn, quý vị xem như thế thì thân của Phật phải lớn đến nhường nào! Trong hào quang của Phật A-di-đà lại hóa ra vô lượng vô biên Đức Phật. Ngài không chỉ hóa ra Chư Phật mà còn hóa ra vô số Bồ-tát, Ngài không chỉ hóa ra các Bồ-tát mà còn hóa ra Thanh Văn, Duyên Giác, và Ngài cũng hóa ra vô lượng vô biên chúng sinh trong sáu đường. Phật A-di-đà có phát bốn mươi tám nguyện lớn, mỗi một nguyện đều nhằm độ thoát tất cả chúng sinh. Hoa sen trên thế giới Tây Phương Cực Lạc phân thành chín phẩm, trong mỗi phẩm lại phân thành chín phẩm, cho nên chín lần chín là tám mươi mốt phẩm liên hoa, dùng tiếp dẫn chúng sinh đến bờ Niết-bàn giải thoát, vãng sinh về thế giới Cực Lạc. Để được vãng sanh về thế giới Tây Phương Cực Lạc, một phần là nhờ xưng tán Như Lai, muốn có được công đức này là phải tu hạnh xưng tán Như Lai như thế.

"Như Lai": Kinh Kim Cương nói: "Như Lai là không từ đâu đến và cũng chẳng đi về đâu, nên gọi là Như Lai" (Như Lai giả, vô tùng lai, diệc vô sở khứ, cố danh Như Lai). "Như" là vắng lặng; "lai" chính là động. Như Lai có thể nói là giống như đến nhưng bản thể của Ngài lại chẳng động, đến chẳng từ đâu đến, đi cũng chẳng đi về đâu. "Như" chính là lý, "Lai" chính là sự. Đó cũng chính là cảnh giới "lý sự vô ngại" của Kinh này. Bản Kinh này có: lý pháp giới, sự pháp giới, lý sự vô ngại pháp giới và sự sự vô ngại pháp giới. Như Lai là *pháp giới sự lý vô ngại* và cũng là một trong mười danh hiệu của Phật.

Ba là rộng tu cúng dường: "Rộng" là rộng lớn, "tu" thì phải thực hành, thực hành cúng dường một cách rộng lớn. Cúng dường có rất nhiều loại như: Đem thân cúng dường, đem tâm cúng dường, đem thân tâm để cúng dường. Thế nào là đem thân cúng dường? Giống như hai chúng đệ tử xuất gia của Phật là những người đem thân cúng dường Chư Phật, đem thân làm Phật sự, đem thân tu hành Phật pháp. Những vị này không chỉ đem thân cúng dường mà có thể nói là còn đem tâm cúng dường, dụng tâm chân thật tu hành Phật pháp, ngày ngày lạy Phật, tụng kinh, bái sám, niệm niệm chẳng quên, luôn hoan hỷ tu hành Phật pháp, đem hết thân tâm cúng dường Chư Phật. Lại như đa phần những cư sĩ tại gia tranh thủ lúc rảnh đến chùa dâng hương lễ Phật, đó cũng gọi là đem thân tâm cúng dường. Hoặc có người bận suốt, không có thời gian đến chùa, mỗi ngày ở nhà dụng tâm thành kính dâng hương lễ Phật, thực hành phép quán tưởng lễ Phật, đó cũng gọi là đem thân tâm cúng

dường. Hoặc là có người do nhiều hoàn cảnh khác nhau như đường sá xa xôi thì cũng có thể dùng cách đem thân và tâm cúng dường như thế. Hoặc có người cúng dường hương hoa; hoặc có người thắp sáng đèn, nến cúng dường Phật; hoặc có người cúng dường trái cây, y phục mới… có vô số cách cúng dường như thế.

Cúng dường vốn có mười loại, từ mười loại cúng dường biến thành một trăm loại, một trăm loại biến thành một nghìn loại, một vạn loại cúng dường, đó gọi là rộng tu cúng dường. Chúng ta đối trước một vị Phật cúng dường, nên quán tưởng sự cúng dường biến khắp pháp giới vô lượng vô biên Chư Phật. Trước mỗi một vị Phật đều có thân ta ở đó tác pháp cúng dường. Quý vị quán tưởng như thế gọi là cúng dường khắp cả pháp giới. Cúng dường pháp giới thì thành tựu công đức như pháp giới, thành tựu công đức pháp giới thì đạt được trí tuệ như pháp giới, đạt được trí tuệ pháp giới thì viên thành quả vị như pháp giới. Do đây, rộng tu cúng dường chính là cúng dường bằng tất cả khả năng của mình. Quý vị có bao nhiêu năng lực đều tận dụng hết để cúng dường Phật, cúng dường Pháp, cúng dường Tăng. Bồ-tát Phổ Hiền đã tu tập hạnh môn như thế, Ngài tu hạnh cúng dường Tam Bảo một cách rộng lớn.

Bốn là sám hối nghiệp chướng: "Sám" là ăn năn lỗi trước, cải đổi những lỗi lầm trước đây; "hối" là chừa bỏ lỗi sau, từ nay về sau không tái phạm những lỗi lầm ấy nữa. Cho nên sám hối có thể nói là những lỗi đã sinh làm cho nó đoạn diệt, những việc ác chưa sinh không cho nó sinh khởi và cũng có thể nói là những việc thiện đã sinh làm cho nó tăng trưởng, những việc thiện chưa sinh khiến nó phát sinh. Những việc thiện đã sinh khiến cho nó tăng trưởng mãi không dứt, những việc thiện chưa sinh khiến cho nó sinh mãi không ngừng. "Nghiệp" có rất nhiều loại, nghiệp chướng là một trong tam chướng. Tam chướng là nghiệp chướng, báo chướng và phiền não chướng. Nay nói sám hối nghiệp chướng cũng chính là sám hối báo chướng, sám hối phiền não chướng.

Nghiệp chướng quy kết lại có ba loại là thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp. Nghiệp do thân tạo là nghiệp giết hại, nghiệp trộm cắp và nghiệp dâm dục. Sát sanh, nói một cách cụ thể là giết hại những loài vật lớn; nói sâu một tí là giết hại những loài vật nhỏ nhít như con kiến, con muỗi, con ruồi…, đó cũng gọi là giết. Ngoài việc giết hại những loài lớn, bé ra còn có giết bằng ý niệm. Sao gọi là giết bằng ý niệm? Tuy quý vị không có giết thật sự nhưng trong tâm của quý vị đã khởi ý niệm giết, nếu y cứ vào tánh giới thì đã phạm giới sát rồi. Tự tính vốn không giết hại, nhưng trong tâm quý vị đã khởi niệm giết thì đối với giới Bồ-tát xem như đã phạm giới. Quý vị khởi lên một niệm giết, nhân giết, duyên giết, cách thức giết, nghiệp giết, đó đều gọi là phạm giới.

Trộm cắp cũng như thế. Trộm lớn là xâm chiếm đất nước của người khác, trộm nhỏ là lấy tài sản nhà người và trộm nhỏ hơn nữa là lấy một cây kim, một sợi chỉ, một ngọn cỏ, một cái cây của người. Nói chung, những gì người ta không cho mà mình tự lấy đều gọi là trộm.

Nghiệp dâm dục cũng có lớn có nhỏ, có thô có tế, cho đến trong tâm khởi một niệm dâm dục thì ở nơi tự tính đã không thanh tịnh rồi.

Ý có ba điều ác là tham, sân, si; có nghiệp do tâm tham tạo nên, có nghiệp do tâm sân tạo nên, nghiệp do tâm si tạo nên. Miệng có bốn điều ác là nói lời thêu dệt, nói lời dối gian, nói lời hung ác, nói lời đâm thọc. Vô số hành vi đều là nơi tạo ra nghiệp tội. Nay chúng ta đều phải phát tâm sám hối, nguyện những tội lỗi đã tạo từ nay về sau không dám làm nữa, đoạn dứt hẳn; những điều ác chưa làm thì không để cho nó phát sinh. Đó gọi là sám hối nghiệp chướng. Cách thức sám hối như thế nào? Đối trước Phật thành khẩn tha thiết, thống thiết rơi lệ, bi ai cầu xin sám hối. Quý vị thật tâm sám hối thì nghiệp chướng tự sẽ tiêu trừ.

Năm là tùy hỷ công đức: "Tùy" nghĩa là thuận theo hay theo cùng, "hỷ" là hoan hỷ, "công" là công đã lập được, "đức" là đức hạnh đã làm. Tùy hỷ cũng có thể gọi là người khác vui theo những công đức mình đã làm, cũng có thể nói là mình vui theo những công đức mà người khác đã làm. Quý vị muốn sám hối nghiệp chướng nhất định phải tùy hỷ công đức, muốn vun trồng vô vàn công đức thì phải sám hối nghiệp chướng của mình. Nếu nhất thời nghiệp chướng chưa thể tiêu trừ thì nên tạo thêm công đức, cho nên nói tùy hỷ công đức cũng chính là sám hối nghiệp chướng, sám hối nghiệp chướng cũng chính là tùy hỷ công đức. Đã như thế sao lại còn phân nguyện thứ năm là tùy hỷ công đức? Vì nguyện thứ tư là chuyên về sám hối nghiệp chướng, quý vị muốn sám hối nghiệp chướng nên đồng thời thực hiện tùy hỷ công đức ở nguyện thứ năm. Tùy hỷ công đức đã bao hàm cả việc làm hết thảy điều thiện. Tất cả những công đức lành, quý vị nên tùy hỷ; tất cả những việc tội nghiệt lỗi lầm, quý vị không nên làm.

Thế nào là tùy hỷ công đức lành? Như có người đề nghị làm một việc có lợi ích cho mọi người, làm việc tốt gọi là thiện. Thế nào là lập công? Công nghĩa là *cộng* vậy, tức những việc công cộng; việc chung của mọi người, những việc như thế quý vị nên làm nhiều một chút. Quý vị xem chữ công (功) là chữ công (工) của công việc, lại thêm vào bên cạnh một chữ lực (力), ý nói quý vị phải ra sức, đặc biệt khi làm những việc chung, quý vị nên làm hết sức mình. Hiện nay những việc chung đa phần đều do chính phủ làm. Thí như sửa cầu, bồi lộ… đều là những chỗ để lập công. Những việc quý vị làm đem đến lợi ích cho mọi người đều gọi là công. Công là những việc làm còn được lưu lại và thường mọi người có thể nhìn thấy được. Khi làm một việc chung thường có lưu lại một biểu tượng khiến mọi người nhìn vào đều biết việc đó là do ai làm, giống như quý vị xây dựng một số phòng học cho một ngôi trường nào đó thì tên của quý vị sẽ được khắc lên cổng trường, đó gọi là lập công.

Đức: Hạnh có được ở nơi tâm gọi là đức. Những việc quý vị làm khiến trong lòng quý vị sinh hoan hỷ, đó chính là đức. Thường quý vị lập công, mọi người đều sẽ biết, nhưng với đức hạnh thì mọi người không hẳn biết được. Đức có phân hiển đức và mật đức. Hiển đức là công việc quý vị làm khiến cho mọi người đều rất vui mừng và đều biết đến một cách rõ ràng. Mật đức là việc quý vị làm đem đến lợi ích cho mọi người, nhưng thường mọi người không hề biết. Như người có thần thông âm thầm theo giúp đỡ tất cả chúng sinh, nhưng mọi người đều không hề biết, đó chính là mật đức.

Tùy hỷ công đức là tự mình làm việc tốt nên khiến cho người khác cũng phát tâm làm theo, đó gọi là người khác tùy hỷ công đức của mình; người khác làm việc tốt, quý vị biết được nên cũng đem sức của mình trợ giúp họ, đó gọi là mình tùy hỷ công đức của người khác. Tùy hỷ công đức không chỉ tùy hỷ chính mình mà còn tùy hỷ người khác, cho đến tùy hỷ theo tất cả các công đức lành mà chúng sanh trong pháp giới đã làm với tâm hoan hỷ, hễ là việc lành quý vị đều nên giúp làm.

Tùy hỷ công đức còn có tùy hỷ công đức của Phật, công đức của Bồ-tát, công đức của Thanh Văn, Duyên Giác, tùy hỷ hết thảy công đức của chúng sinh. Thế nào gọi là tùy hỷ công đức của Phật? Thí như quý vị giảng kinh, thuyết pháp, giáo hóa chúng sinh, đó là tùy hỷ công đức của Phật. Quý vị đề xướng dạy người thực hành sáu độ, muôn hạnh, thực hành Bồ-tát đạo, đó là tùy hỷ công đức của Bồ-tát. Quý vị đề xướng dạy người tu Mười hai nhân duyên, đó là tùy hỷ công đức của Duyên Giác. Quý vị dạy cho mọi người đều biết tu pháp Tứ đế, đó là tùy hỷ công đức của Thanh Văn. Quý vị tùy hỷ trời, người tu ngũ giới, thập thiện, đó gọi là tùy hỷ công đức của trời và người. Giảng về tùy hỷ công đức thì vô cùng vô tận, nay tôi chỉ lược giảng đại ý như thế.

Sáu là thỉnh chuyển pháp luân: Pháp luân là gì? "Luân" nghĩa là chiết phục. Bánh xe pháp này có thể nhiếp phục thiên ma ngoại đạo, làm cho chính pháp tồn tại lâu dài. Sau khi Phật thành đạo, ba lần chuyển bánh xe pháp Tứ đế độ năm vị Tỳ-kheo, đó gọi là chuyển pháp luân. Thỉnh Phật, Bồ-tát, Thanh Văn, Duyên Giác, La-hán thuyết pháp, thỉnh pháp sư thuyết pháp đều gọi là thỉnh

chuyển pháp luân. Giống như chúng ta mỗi ngày giảng kinh, có hai vị cư sĩ hay pháp sư ra trước thỉnh pháp, đó là hạnh nguyện thỉnh chuyển pháp luân thứ sáu của Bồ-tát Phổ Hiền. Thỉnh chuyển pháp luân có lợi ích gì? Trên thế giới này nếu có người chuyển pháp luân thì ma vương không dám xuất hiện, nếu không có người chuyển pháp luân thì ma vương sẽ xuất hiện trên thế gian. Đó là một điểm, lại còn nếu hiện tại quý vị thỉnh pháp thì công đức của việc chuyển pháp luân này đều nhờ sự thỉnh pháp của quý vị mà được thành tựu, quý vị có được công đức chuyển pháp luân rồi thì trí tuệ sẽ khai mở. Lại nữa, thỉnh chuyển pháp luân cũng chính là tùy hỷ công đức. Vì quý vị thỉnh pháp sư giảng pháp cho mọi người nghe, đem đến lợi ích cho mọi người thì trong việc làm đó đã có sự tùy hỷ công đức. Thế nên mười hạnh nguyện lớn này luôn có sự liên kết với nhau, như quý vị muốn sám hối thì phải tùy hỷ công đức, muốn tùy hỷ công đức thì phải thỉnh chuyển pháp luân. Thỉnh chuyển pháp luân là một cách tùy hỷ công đức lớn nhất.

Không chỉ giảng kinh thuyết pháp mới gọi là chuyển pháp luân mà hễ làm bất kỳ việc có liên quan đến Phật giáo cũng đều gọi là chuyển pháp luân. Giống như in ấn bản kinh này cho mọi người xem cũng gọi là chuyển pháp luân. Quả Tiền đề nghị cho ghi lại bài giảng cũng là chuyển pháp luân; nay máy ghi âm đang ghi lại pháp âm cũng gọi là chuyển pháp luân; quý vị phiên dịch kinh điển cũng gọi là chuyển pháp luân. Những người đang ghi chép ở đây, ghi chép rõ ràng sau này sẽ giảng lại cho mọi người nghe, đó là đang chuẩn bị chuyển pháp luân. Chúng ta tụng kinh, lạy kinh cũng là chuyển pháp luân. Hễ quý vị ở trong Phật giáo, làm những việc lợi ích cho Phật giáo đều gọi là chuyển pháp luân. Quý vị xem mấy chữ Hoa trước mặt chúng ta cũng là đang chuyển đại pháp luân. Mỗi tối chúng ta giảng kinh cũng là chuyển pháp luân; ban ngày ngồi thiền cũng là chuyển pháp luân. Tất cả các cách trên đều là một dạng của chuyển pháp luân. Hiện nay chúng ta ở đây nghe pháp cũng là đang chuyển pháp luân, chỉ cần quý vị hiểu rõ, đó chính là thỉnh chuyển pháp luân. Nếu quý vị không hiểu rõ, cảm thấy công việc này quá vất vả, quá cực khổ thì đó là sợ chuyển pháp luân.

Bảy là thỉnh Phật trụ thế: Phật ra đời, trụ ở đời, sau cùng nhập Niết-bàn. Lúc Phật ở đời, thế gian giống như có ánh mặt trời, khắp nơi đều sáng rỡ; Phật nhập Niết-bàn, thế giới trở nên tăm tối. Vì thế Bồ-tát Phổ Hiền mới phát đại nguyện thỉnh Phật thường trụ ở đời, đừng vào Niết-bàn. Phật luôn toại nguyện cho chúng sinh, nếu tất cả chúng sinh đều thỉnh Phật ở đời thì ngài sẽ không nhập Niết-bàn. Nếu không có chúng sinh nào thỉnh Phật ở đời thì sau khi hoàn thành việc giáo hóa những chúng sinh đáng được giáo hóa, Ngài sẽ vào Niết-bàn, nên nguyện thứ bảy của Bồ-tát Phổ Hiền là thỉnh Phật ở đời.

Tám là thường học theo Phật: Bồ-tát Phổ Hiền lại phát nguyện luôn theo bên Phật học Phật pháp. Phật pháp mênh mông, nhưng chúng ta học Phật pháp đừng nên sợ nhiều. Chúng ta học Phật pháp càng nhiều thì trí tuệ càng lớn. Như Tôn giả A-nan, vì sao sức ghi nhớ của ngài tốt như vậy? Nên nói: "Phật pháp như biển lớn, chảy vào tâm A-nan" (Phật pháp như đại hải, lưu nhập A-nan tâm). Vì sao Phật pháp lại giống như nước ở trong biển lớn, tất cả đều chảy vào tâm Tôn giả A-nan? Vì Tôn giả A-nan đời đời kiếp kiếp đều chú trọng đa văn nên sức ghi nhớ của Ngài mới được tốt như thế. Trong ý nghĩa "thường học theo Phật" còn bao hàm ý nghĩa không nên giải đãi, lười biếng, hôn trầm; phải chuyên cần tu giới, tuệ, định, dứt hẳn tâm tham, tâm sân, tâm si. Nếu quý vị có thể chuyên cần tu tập giới, định, tuệ, dứt hẳn tham, sân, si, đó chính là thường học theo Phật.

Chín là hằng thuận chúng sinh: Chữ "hằng" này ý nghĩa tương đương với chữ "thường", chính là thường hằng không thay đổi. "Thuận" là thuận nương, nương vào cảnh giới chúng sinh. Chúng sinh đều điên đảo, thế có phải quý vị sẽ thuận theo sự điên đảo của chúng sinh? Chúng sinh căn bản không có tri thức, nếu quý vị thuận theo những chúng sinh không có tri thức ấy, chẳng phải cũng cùng đi trên con đường ngu si sao? Hằng thuận chúng sinh là thuận theo tập quán của chúng

sinh để cứu họ ra khỏi dòng chảy ngược, đó gọi là hằng thuận. Vì sao nói cứu chúng sinh ra khỏi dòng chảy ngược? Vì chúng sinh đều là điên đảo, điên đảo chính là chảy ngược dòng. Giống như nước chảy xuôi về Đông, quý vị bơi thuyền đi ngược lại từ Đông lên Tây, đó gọi là ngược dòng. Nếu quý vị thuận theo chúng sinh thì không thể thành Phật, quý vị nếu muốn thành Phật thì không thể thuận theo chúng sinh. Thế Bồ-tát Phổ Hiền sao lại thuận theo chúng sinh? Đó là Ngài muốn từ trong dòng ngược đưa chúng sinh xuôi về dòng thuận, cứu họ ra khỏi dòng ngược. Nên nói: *"ngược dòng chảy lục trần của phàm phu vào dòng Pháp tính của Thánh nhân"* (Nghịch phàm phu lục trần lưu, nhập Thánh nhân Pháp tính lưu), đó gọi là hằng thuận chúng sinh. Nếu không như thế, quý vị thuận theo chúng sinh, họ vui thích tạo nghiệp, lẽ nào Bồ-tát như quý vị lại tạo tội theo họ? Chúng sinh còn mê hoặc, do mê hoặc nên tạo nghiệp, tạo nghiệp thì phải chịu quả báo (*khởi hoặc, tạo nghiệp, thọ báo*). Thế quý vị cũng khởi mê hoặc theo chúng sanh, tạo nghiệp và chịu quả báo? Đó chẳng phải là đã biến thành chúng sinh rồi ư?

Hằng thuận chúng sinh là thường giáo hóa chúng sinh không hề nhàm chán, làm cho chúng sinh bỏ mê về giác, xa lìa đường mê đạt đến giác ngộ, thế nên hằng thuận chúng sinh cũng chính là tinh tấn ba-la-mật, tinh tấn ba-la-mật là không không hề phiền chán chúng sinh tạo tội. Chúng sinh tạo ra rất nhiều tội nghiệp, Phật cũng không ghét bỏ họ, sẽ không thốt lên: "Ô! ông là chúng sinh tạo nhiều tội nghiệp như thế, ta sẽ không độ ông, để ông đọa địa ngục!". Phật không có tâm như thế. Dù chúng sinh có tạo tội nghiệp, Phật cũng chỉ dùng một tâm từ bi, hỷ xả để cứu độ họ. Đó là chân chính tinh tấn ba-la-mật.

Khi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni còn đang hành đạo Bồ-tát, có một kiếp Ngài ở trên núi tu hạnh bố thí tinh tấn ba-la-mật. Có một lần, trời đổ tuyết lớn trong nhiều ngày, tất cả cảnh vật trên núi đều chìm trong biển tuyết. Có một con hổ mẹ dẫn theo một chú hổ con đi tìm mồi nhưng chẳng có. Mắt nhìn chú hổ con đói sắp chết, hổ mẹ cũng đói đi không nổi. Đức Phật Thích-ca-mâu-ni nhìn thấy, bèn nghĩ: "Ta nguyện đem thân mình bố thí cho hổ ăn, nguyện chúng sau khi ăn thịt ta xong phát tâm Bồ-đề, thành đạo vô thượng". Phát nguyện rồi, Ngài liền cởi bỏ y phục, nhảy xuống bên cạnh con hổ làm mồi cho chúng ăn. Đó là bố thí ba-la-mật, cũng là tinh tấn ba-la-mật, vốn là một phần của hằng thuận chúng sinh. Phật hằng thuận chúng sinh là như thế, còn chúng ta hằng thuận chúng sinh thì phải giáo hóa họ, không thể nói: "Bồ-tát Phổ Hiền nói phải hằng thuận chúng sinh nên có chúng sinh hút chích, tôi cũng hút chích theo họ; có chúng sinh nhậu nhẹt, tôi cũng nhậu nhẹt theo; có chúng sinh làm việc mê lầm, tôi cũng làm chút việc mê lầm như họ", đó không phải là hằng thuận chúng sinh. Hằng thuận chúng sinh là đưa chúng sinh ra khỏi đường mê, cảm hóa chúng sinh đến với chúng ta, cùng chúng ta tu đạo, đó mới là hằng thuận chúng sinh. Quý vị không nên hiểu lầm "hằng thuận chúng sinh" là cùng chạy đua với chúng sinh, chạy mãi đến nỗi quên mất nhà mình, chẳng biết đâu là quê hương của mình.

Mười là hồi hướng khắp cả: "Phổ" là cùng khắp, "giai" là hoàn toàn. "Phổ giai hồi hướng" là tất cả những việc làm được đều xin hồi hướng. Hồi hướng đến ai? Hồi hướng đến Chư Phật. Những công đức làm được mỗi ngày đều hồi hướng về Chư Phật. Vì thế nên nói:

Nguyện đem công đức này

Trang nghiêm cõi nước Phật

Trên đền bốn ân nặng

Dưới cứu khổ ba đường

Nếu có ai thấy nghe

Đều phát tâm bồ-đề

Hết một báo thân này

Đồng sinh nước Cực Lạc.

Đó chính là hồi hướng. Hồi là quay lại, là xoay vào bên trong; hướng là hướng ra bên ngoài. Trước phải quay lại, sau đó mới có thể hướng ra bên ngoài. Hồi hướng về đâu? Mỗi mỗi chúng ta đều từ phàm phu hướng đến thánh nhân, tức là từ chúng sinh hướng đến Chư Phật. Hồi phàm hướng thánh, đó là hồi hướng; hồi chúng sinh hướng Phật; hồi sự hướng lý; hồi tiểu hướng đại; hồi tự hướng tha, đó đều là hồi hướng.

Thế nào gọi là hồi tự hướng tha? Thí như chúng ta làm những việc tốt, rồi đem công đức của những việc làm ấy hồi hướng cho bạn bè của mình, khiến họ phát tâm Bồ-đề, thành vô thượng đạo, đó gọi là hồi tự hướng tha. Hồi sự hướng lý là ta làm công việc ấy tuy có hình tướng, nhưng ta phải hướng đến lý của nó, lý vốn vô hình, đem công đức hữu hình hồi hướng khắp pháp giới vô cùng tận. Hồi tiểu hướng đại là trước đây mình tu học pháp Tiểu thừa, nay không tu pháp Tiểu thừa nữa mà đổi lại tu theo pháp Đại thừa, đó gọi là hồi tiểu hướng đại.

Lại ví như chúng ta ngày ngày giảng kinh là bố thí pháp, đó là sự bố thí thù thắng hơn tất cả các sự bố thí khác, có thể nói là công đức còn lớn hơn đem bảy báu bố thí cùng khắp tam thiên đại thiên thế giới. Công đức ấy tuy lớn như thế nhưng bản thân tôi không cầu, mà nguyện đem công đức giảng kinh, thuyết pháp, chuyển đại pháp luân để trang nghiêm tịnh độ của chư Phật trong mười phương. Trên báo đáp công ơn của trời đất, quốc vương, cha mẹ, thầy tổ; dưới cứu tế sự khổ não trong ba đường địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Nếu như có ai có duyên gặp được pháp hội giảng kinh này, nghe được pháp này nên mau chóng phát tâm Bồ-đề, đợi sau khi báo thân trong hiện tại này hết, chúng ta sẽ cùng vãng sinh về cõi nước Cực Lạc. Đây chính là hồi hướng. Nguyện thứ mười của Bồ-tát Phổ Hiền là hồi hướng khắp cả, tất cả những công đức có được Ngài đều hồi hướng đến chư Phật.

Ghi chú:

[[1]] **Ngũ Thường**: *ngũ* là năm, *thường* là hằng có. Ngũ thường là năm điều phải hằng có trong khi ở đời, gồm: nhân, nghĩa, lễ, trí, tín.

1. Nhân: Lòng yêu thương đối với muôn loài vạn vật.
2. Nghĩa: Cư xử với mọi người công bình theo lẽ phải.
3. Lễ: Sự tôn trọng, hòa nhã trong khi cư xử với mọi người.
4. Trí: Sự thông biết lý lẽ, phân biệt thiện ác, đúng sai.
5. Tín: Giữ đúng lời, đáng tin cậy.

(http://vi.wikipedia.org/wiki/Nho_giáo)

[[2]] **Thiên không 偏空**: ngộ, biết một cách thiên lệch hay chưa cứu cánh về "Không". Theo Tam Luận Huyền Nghĩa, thì "Không" được chia làm Đãn không và Bất đãn không. *Đãn không* là chỉ chấp không, chớ không biết đến Chân không và Diệu hữu. *Bất đãn không* nghĩa là biết rõ Chân không và

thừa nhận Diệu hữu, tức là Trung đạo không. *(theo Phật Quang Đại Từ Điển)*

[3] Ba mươi hai tướng tốt: (Tam thập nhị tướng **三十二相**: S: dvātriṃśan mahā-puruṣa-lakṣaṇāni): những tướng thù thắng vi diệu của Chuyển luân thánh vương, ứng thân và hóa thân của Phật. Ba mươi hai tướng tốt gồm có:

1. Túc hạ an bình lập tướng 足下安平立相 (S: su-pratiṣṭhita-pāda): tướng lòng bàn chân bằng phẳng mềm mại, tiếp xúc vừa khít mặt đất.
2. Thủ túc luân tướng 手足輪相 (S: cakrāṅkita-hasta-pāda-tala): Tướng bánh xe báu nghìn căm xe được tạo bằng những vân thịt hiện dưới lòng bàn chân.
3. Tiêm trường chỉ tướng 纖長指相 (S: dīrghāṅguli): tướng ngón tay, ngón chân đều thon dài, ngay thẳng.
4. Túc căn quảng bình tướng足跟廣平相 (S: āyata-pāda-pārṣṇi): gót chân tròn đầy, rộng bằng.
5. Thủ túc chỉ man võng tướng 手足指縵網相 (S: jālāvanaddha-hasta-pāda): giữa các ngón tay và các ngón chân đều có màng nối liền nhau, giống như nhạn chúa hễ xòe các ngón chân thì hiện.
6. Thủ túc nhu nhuyễn tướng 手足柔軟相 (S: mṛdu-taruṇa-hasta-pāda-tala): tướng tay chân rất mềm mại.
7. Túc phu cao mãn tướng 足趺高滿相 (S: ucchaṅkha-pāda): tướng mu bàn chân cao, tròn đầy.
8. Lộc vương thuyên tướng 鹿王腨相 (S: aiṇeya-jaṅgha): xương đùi tròn nhỏ như nai chúa
9. Bình trụ thủ quá tất tướng 平住手過膝相 (S: sthitānavanata-pralamba-bāhutā): khi đứng thẳng, hai tay duỗi xuống dài quá gối.
10. Âm mã tàng tướng 陰馬藏相 (S: kośopagata-vasti-guhya): tướng nam căn ẩn kín trong bụng, không lộ ra ngoài, giống như dương căn của ngựa, voi.
11. Thân quảng trường đẳng tướng身廣長等相 (S: nyagrodha-parimaṇḍala): chỉ cho thân Phật cao rộng cân đối, thể hình đẹp một cách hoàn hảo, giống như cây Ni-câu-luật.
12. Mao thượng hướng tướng 毛上向相 (S: ūrdhvaṃ-ga-roma): tất cả lông tóc của Phật từ đầu đến chân đều xoay về bên hữu và có màu xanh, mềm mại, bóng mướt.
13. Nhất nhất mao tướng 一一毛相 (S: ekaika-roma-pradakṣiṇāvarta): mỗi lỗ chân lông có một cọng lông màu lưu ly xanh, mỗi lỗ chân lông đều tỏa ra mùi thơm vi diệu.
14. Kim sắc tướng 金色相 (S: suvarṇa-varṇa): thân và tay chân Phật đều màu vàng ròng, như đài vàng vi diệu được trang nghiêm bằng các thứ báu.
15. Thân quang diện các nhất trượng tướng 身光面各一丈相: ánh sáng xung quanh thân Phật nhậm vận chiếu khắp ba nghìn thế giới, bốn phía mỗi phía đều chiếu xa một trượng.
16. Tế bạc bì tướng 細薄皮相 (S: sūkṣma-suvarṇa-cchavi): da dẻ mịn màng, trơn láng, tất cả bụi bặm không dính.
17. Thất xứ long mãn tướng 七處隆滿相 (S: saptotsada): thịt ở bảy chỗ (lòng hai bàn tay, hai bàn chân, hai vai và cổ) của Phật đều đầy đặn, mềm mại.
18. Lưỡng dịch hạ long mãn tướng 兩腋下隆滿相 (S: citāntarāṃsa): nghĩa là xương, thịt ở hai nách của Phật tròn đầy không bị khuyết lõm.
19. Thượng thân như sư tử tướng 上身如獅子相 (S: siṃha-pūrvārdha kāya): nửa thân trên của Phật rộng lớn, oai nghi đi đứng nằm ngồi trang nghiêm giống như sư tử chúa.

20. Đại trực thân tướng 大直身相 (S: ṛjugātratā): trong tất cả mọi người, thân Phật cao lớn, ngay thẳng nhất.
21. Kiên viên hảo tướng 肩圓好相 (S: su-saṃvṛta-skandha): nghĩa là tướng thù thắng vi diệu hai vai tròn đầy.
22. Khẩu tứ thập xỉ tướng 口四十齒相 (S: catvāriṃśad-danta): Phật có bốn mươi cái răng, mỗi mỗi đều bằng nhau, đầy đặn và trắng như tuyết.
23. Xỉ mật tề bình tướng 齒密齊平相 (S: sama-danta): các răng của Phật đều đặn không lớn không nhỏ, khít nhau không hở một mảy may.
24. Nha bạch tướng 牙白相 (S: suśukla-danta): Ngoài bốn mươi cái răng, hàm trên và dưới mỗi hàm đều có hai cái răng nanh màu sắc trắng trong, sáng sạch, bén nhọn như gươm, cứng chắc như kim cương.
25. Giáp xa như sư tử tướng 頰車如獅子相 (S: siṃha-hanu): hai má của Phật đầy đặn như má sư tử.
26. Tri vị vị tướng 知味味相 (S: rasa-rasāgratā): trong miệng Phật thường có mùi vị tối thượng trong các mùi vị.
27. Đại thiệt tướng 大舌相 (S: prabhūta-tanu-jihva): đầu lưỡi lớn rộng, mềm mỏng, le ra thì phủ đến mí tóc.
28. Phạm thanh tướng 梵聲相 (S: brahma-svara): phạm âm thanh tịnh của Phật có hồng thanh viên mãn như tiếng trống trời và như tiếng chim ca-lăng-tần-già.
29. Mục cám thanh sắc tướng 目紺青色相 (S: abhinīla-netra): mắt Phật xanh biếc như hoa sen xanh.
30. Ngưu nhãn tiệp tướng牛眼睫相 (S: go-pakṣmā): tướng lông mi thẳng bằng không rối loạn.
31. Đảnh thượng nhục kế tướng 頂上肉髻相 (S: uṣṇīṣa-śiraskatā): tướng trên đảnh đầu Phật có bướu thịt nổi lên như hình búi tóc.
32. Mi gian hào tướng 眉間毫相 (S: ūrṇā-keśa): giữa hai đầu chân mày của Phật có sợi lông trắng, mềm mại như đâu-la-miên, dài một trượng năm thước, cuộn tròn lại theo chiều bên hữu.

[4] Tám mươi vẻ đẹp (bát thập chủng hảo 八十種好; S: aśīty-anuvyañjanāni): hình tướng dung mạo của Phật có tám mươi thứ vi tế ẩn kín khó thấy. Tám mươi vẻ đẹp có nhiều thuyết mô tả khác nhau. Theo kinh Đại Bát-Nhã thì tám mươi vẻ đẹp là: 1. Móng tay thon dài, mỏng bóng; 2. Ngón tay, chân tròn thon dài; 3. Chân tay cân xứng giữa các ngón khi khép lại thì đầy kín; 4. Tay chân sáng bóng, tươi dài; 5. Gân cốt ẩn không hiện; 6. Hai mắt cá ở chân đều ẩn; 7. Bước đi thẳng tới trước oai nghi, khoan thai như voi, rồng chúa; 8. Bước đi oai nghi tề chỉnh như sư tử chúa; 9. Bước đi vững vàng như trâu chúa; 10. Cách tiến, dừng uyển chuyển thanh nhã như ngỗng chúa; 11. Quay nhìn đều quay bên phải như voi chúa nhấc mình di chuyển; 12. Các khớp tay và chân đều đặn tròn đầy; 13. Đốt xương liền lạc như rồng cuộn; 14. Đầu gối tròn đầy; 15. Chỗ kín có vân xinh đẹp, thanh lịch; 16. Tay chân trơn mềm sạch sẽ; 17. Dung mạo đôn hậu nghiêm túc và hiện tướng vô úy; 18. Tay chân tráng kiện; 19. Thân thể an khang viên mãn; 20. Thân tướng giống như vua tiên, toàn thân đoan nghiêm sáng sạch; 21. Có hào quang tròn bao quanh thân, thường tự chiếu sáng; 22. Bụng vuông vắn, trang nghiêm; 23. Rốn sâu xoay bên phải; 24. Cuốn rốn đầy, không lõm, không lồi; 25. Da dẻ không ghẻ lác; 26. Bàn tay mềm mại, dưới bàn chân bằng phẳng; 27. Chỉ tay sâu, dài, rõ ràng; 28. Môi đỏ thắm, bóng mềm; 29. Mặt không dài, không ngắn, không lớn, không nhỏ, đoan nghiêm vừa vặn; 30. Tướng lưỡi mỏng mềm, rộng dài; 31. Âm thanh oai hùng, xa vang trong suốt; 32. Âm vận hay đẹp như tiếng vang từ hang sâu; 33. Sống mũi cao và thẳng, lỗ mũi kín; 34. Răng đều đặn trắng bóng; 35. Răng tròn, trắng, bóng, bén; 36. Mắt tròng đen, trắng phân minh; 37. Tướng mắt dài rộng;

38. Lông mi đều đặn dày dài; 39. Đôi mày dài nhuyễn mịn; 40. Hai mi xanh biếc như màu lưu li; 41. Lông mày cách xa mắt và cong như trăng lưỡi liềm; 42. Vành tai rộng lớn, trái tai đầy thòng xuống; 43. Hai vành tai bằng nhau không có khuyết tật; 44. Vóc dáng khiến người thấy sinh lòng ái kính; 45. Trán rộng bằng phẳng; 46. Thân oai nghiêm đầy đủ; 47. Tóc dài xanh biếc, dày mà không bạc; 48. Tóc mịn màng tỏa mùi hương thanh khiết; 49. Tóc suông không rối; 50. Tóc không đứt rụng; 51. Tóc trơn bóng, bụi bặm không dính; 52. Thân thể vững chắc đầy đặn; 53. Thân thể cao lớn đoan chính; 54. Các khiếu trong sạch tròn đẹp; 55. Sức mạnh hơn người; 56. Thân tướng được mọi người thích nhìn; 57. Mặt như trăng tròn mùa Thu; 58. Vẻ mặt thư thái; 59. Da mặt trơn bóng không có vết nhăn; 60. Làn da sạch sẽ không có cáu ghét không mùi hôi; 61. Các lỗ chân lông luôn toát hương thơm; 62. Miệng luôn tỏa hương thơm thanh khiết; 63. Thân tướng đầy đặn xinh đẹp; 64. Lông trên mình xanh biếc sạch sẽ; 65. Pháp âm tùy chúng ứng hiện không sai; 66. Tướng đỉnh đầu không ai thấy được; 67. Ngón tay, ngón chân đường khu ốc phân minh; 68. Lúc đi chân cách mặt đất; 69. Tự giữ gìn không nhờ người khác hộ vệ; 70. Oai đức bao trùm tất cả; 71. Âm thanh Phật nói vừa với sự tiếp nhận của mỗi chúng sinh; 72. Tùy theo sự yêu thích của chúng hữu tình mà thuyết pháp; 73. Chỉ một âm diễn thuyết chính đạo mà loài hữu tình tùy mỗi loại đều nhận biết được; 74. Thuyết pháp theo thứ lớp tùy nhân duyên; 75. Lời của Phật thường khen thiện chê ác mà tâm không yêu ghét; 76. Bất cứ việc gì trước quan sát sau mới làm; 77. Tướng tốt loài hữu tình không thể thấy hết; 78. Xương đảnh cứng chắc, tròn đầy; 79. Dung nhan trẻ hoài không già; 80. Chân tay và trước lồng ngực đều có đức tướng cát tường.

D3. NÊU TỪNG ĐOẠN ĐỂ GIẢI THÍCH: *(gồm có 2 phần)*

E1. Nêu chung về chúng đương cơ

E2. Giải thích từng hạnh nguyện của Bồ-tát

E1. Nêu chung về chúng đương cơ

Thiện Tài bạch rằng: "Đại Thánh! Lễ kính như thế nào? cho đến hồi hướng như thế nào?"

Thiện Tài bạch ngôn: Đại Thánh! vân hà lễ kính nãi chí hồi hướng?

"**Thiện Tài bạch rằng: "Đại Thánh!"**: Thiện Tài đồng tử nghe thấy Bồ-tát Phổ Hiền phát mười đại nguyện như thế, tuy đã hiểu rõ nhưng Thiện Tài lại sợ những chúng sanh như chúng ta vẫn chưa hiểu tường tận về mười đại nguyện ấy, cho nên cố ý hỏi để Bồ-tát Phổ Hiền nói. Đại Thánh chính là đại Bồ-tát, cũng chính là người tu hạnh đại từ bi.

"Lễ kính như thế nào? cho đến hồi hướng như thế nào?": Sao gọi là lễ kính Chư Phật? Sao gọi là xưng tán Như Lai? Cho đến thế nào là rộng tu hạnh cúng dường, sám hối nghiệp chướng, tùy hỷ công đức, thỉnh chuyển pháp luân, thỉnh Phật trụ thế, thường học theo Phật, hằng thuận chúng sinh, hồi hướng khắp cả?

E2. Giải thích từng hạnh nguyện của Bồ-tát

(Gồm có mười phần):

F1. Lễ kính Chư Phật

F2. Xưng tán Như Lai

F3. Tu hạnh cúng dường
F4. Sám hối nghiệp chướng
F5. Tùy hỷ công đức
F6. Thỉnh chuyển Pháp luân
F7. Thỉnh Phật trụ thế
F8. Thường học theo Phật
F9. Hằng thuận chúng sinh
F10. Hồi hướng khắp cả

F1. Lễ kính Chư Phật: *(gồm có ba phần):*

G1. Nêu danh
G2. Giải thích tướng trạng
G3. Tổng kết vô tận

G1. Nêu danh.

Phổ Hiền Bồ-tát bảo Thiện Tài rằng: "Này Thiện nam tử! Nói "Lễ kính các đức Phật" là như vầy:

Phổ Hiền Bồ Tát cáo Thiện Tài ngôn: Thiện nam tử! ngôn lễ kính chư Phật giả.

Phổ Hiền Bồ-tát bảo Thiện Tài rằng: Ông là một thiện nam tử biết tu hành, nay ta sẽ nói cho ông nghe về việc kính lễ Chư Phật.

G2. Giải thích tướng trạng: *(gồm có hai phần)*

H1. Cảnh sở lễ
H2. Tướng năng lễ

H1. Cảnh sở lễ:

Bao nhiêu các đức Phật Thế Tôn nhiều như số cực vi trần trong cõi Phật khắp pháp giới hư không giới mười phương ba đời.

Sở hữu tận pháp giới, hư không giới, thập phương tam thế nhất thiết Phật sát cực vi trần số chư Phật Thế Tôn.

Tận là cùng tận, nghĩa là tận cùng hư không, rộng khắp pháp giới, bao hàm cả mười phương (đông, tây, nam, bắc, đông nam, tây nam, đông bắc, tây bắc, trên, dưới); ba đời (quá khứ, hiện tại và tương lai), Chư Phật Thế Tôn số nhiều như số cực vi trần trong tất cả cõi nước của Chư Phật. Cực chính là đến cực điểm vậy.

H2. Tướng năng lễ

Tôi do nơi hạnh nguyện của Phổ Hiền thâm tâm tín giải như đối trước mắt, đều dùng thân, khẩu, ý ba nghiệp thanh tịnh thường tu hạnh lễ kính. Nơi mỗi đức Phật đều hóa hiện thân nhiều như số cực vi trần trong bất khả thuyết cõi Phật. Mỗi thân đều khắp lễ kính

các đức Phật nhiều như số cực vi trần trong bất khả thuyết bất khả thuyết cõi Phật.

Ngã dĩ Phổ Hiền hạnh nguyện lực cố, thâm tâm tín giải, như đối mục tiền, tất dĩ thanh tịnh thân ngữ ý nghiệp, thường tu lễ kính. Nhất nhất Phật sở, giai hiện bất khả thuyết bất khả thuyết Phật sát vi trần số thân; nhất nhất thân, biến lễ bất khả thuyết bất khả thuyết Phật sát cực vi trần số Phật.

"Tôi do nơi hạnh nguyện của Phổ Hiền thâm tâm tín giải": Vì tôi tu hạnh Phổ Hiền, hạnh Phổ Hiền là hạnh lớn, những hạnh môn này khắp cả pháp giới, tận cùng cả hư không. Tôi nhờ nhân duyên sức đại nguyện tu hành của Bồ-tát Phổ Hiền, dùng tâm chân chính chí thành khẩn thiết để tin hiểu hết thảy Chư Phật.

"Như đối trước mắt": Khi kính lễ Chư Phật, trong tâm nên quán tưởng: "Tôi đang ở trước Chư Phật, Chư Phật cũng đang ở trước mặt tôi". Có bài kệ mà hễ ai lễ Phật đều cần phải biết và bài kệ đó cũng là nội dung quán tưởng khi lễ "Đại Bi Sám":

Năng lễ, sở lễ tánh rỗng lặng
Cảm ứng đạo giao khó nghĩ bàn
Lưới Đế châu ví đạo tràng
Thích-ca Như Lai hiện ở trong
Trước Như Lai thân con ảnh hiện
Dập đầu đảnh lễ nguyện quay về.

Năng lễ sở lễ tánh không tịch
Cảm ứng đạo giao nan tư nghì
Ngã thử đạo tràng như đế châu
Thích-ca Như Lai ảnh hiện trung
Ngã thân ảnh hiện Thích-ca tiền
Đầu diện tiếp túc quy mạng lễ.

Chúng ta hiện đang lễ Phật, đó là năng lễ; Phật là đối tượng để chúng ta lễ, đó là sở lễ. Bất luận là người hành lễ, hay Phật được lễ, bản tính cả hai đều rỗng lặng. Tuy quý vị tự mình là không và Phật được lễ cũng là không, nhưng ở trong chỗ không ấy lại có một sức cảm ứng đạo giao, điều này thật ngoài sức tưởng tượng, chẳng thể nghĩ bàn. Chẳng thể nghĩ bàn, chính là "dứt đường ngôn ngữ, bặt tướng tâm hành" (ngôn ngữ đạo đoạn, tâm hành xứ diệt). Quý vị muốn nói cũng nói không ra, trong lòng quý vị muốn biết việc đó là như thế nào cũng chẳng thể nghĩ ra được. Đạo tràng của con cũng giống như mành lưới châu đặt trước cung điện của trời Đế Thích, tất cả ảnh tượng đều được phản chiếu trong mành châu ấy. Đạo tràng của chúng con cũng giống như mành lưới bảo châu ấy của trời Đế Thích, kim thân của Đức Phật Thích-ca hiện bày trong ánh sáng của mành châu ấy, thân con cũng giống như một cái bóng, hiện đang ở trước đức Phật Thích-ca Mâu-ni, năm vóc sát đất, một lòng lễ Phật.

Chúng ta lễ Phật phải giữ tâm như thế mà lễ, phải quán tưởng chúng ta đang ở trước Phật, Phật cũng đang ở trước chúng ta, như thế gọi là cùng ảnh hiện.

Khổng Tử ở Trung Qu ốc cũng nói: "Tế thần như thần tại". Lúc quý vị cúng tế quỷ thần, thì phải quán tưởng như quỷ thần đang có mặt ở đây; Khổng Tử lại nói: "Như tại kỳ thượng, như tại kỳ tả hữu". Quý vị lễ bái quỷ thần, phải xem như họ đang ngự phía trên quý vị hay đang ở hai bên quý vị. Chữ "như" là tưởng tượng như thế. Lễ Phật cũng thế, phải tưởng tượng như Phật ở phía trên hay hai

bên mình. Nếu như Phật đang ở trước mặt quý vị thì đương nhiên quý vị sẽ cung kính lễ bái Ngài mà không thể đường đột thô tháo. Giống như khi chúng ta gặp người khác, chúng ta sẽ cung kính cúi chào người ấy. Nếu như người ấy không có ở đây thì chúng ta sẽ tùy tiện một chút, không có thái độ kính cẩn như khi đối diện. Cho nên lễ kính Chư Phật thì phải quán tưởng như đang đối trước các Ngài.

"Đều dùng thân, khẩu, ý ba nghiệp thanh tịnh": "tất" là hoàn toàn; "dĩ" nghĩa là lấy, dùng. Dùng cả ba nghiệp thân, miệng, ý thanh tịnh để lễ Phật. Quý vị không thể trước tạo mười nghiệp ác rồi sau đó đến lễ Phật, mà phải thân, miệng, ý thanh tịnh đến lễ Phật. Thân có ba ác là giết hại, trộm cắp, dâm dục. Quý vị không thể đi ra ngoài giết hại, hai tay dính đầy máu tanh, sau đó biết mình có lỗi nên quay về lễ Phật để sám hối tội trạng của mình, cho đến khi không sát sinh thì quý vị cũng chẳng thèm lễ Phật, đó gọi là thân nghiệp không thanh tịnh. Quý vị cũng chẳng thể thấy người khác có vật đáng giá liền trộm đem về, sau đó lại nói: "Tôi trộm đồ vật của người khác là đã phạm vào giới trộm, tôi phải mau đến trước Phật lễ Phật sám hối!" Làm vậy, thân nghiệp cũng chẳng được gọi là thanh tịnh. Bất luận nam nữ, nếu quý vị đã làm nhiều việc không chân chính, sau đó nghĩ lại mình đã làm nhiều việc xấu như thế liền đến trước Phật cầu lễ bái, cầu xin sám hối, đó cũng gọi là thân nghiệp không thanh tịnh. Quý vị cần phải không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm thì sau đó lễ Phật mới có cảm ứng.

Ý có ba ác tham, sân, si. Vì sao từ sáng đến tối chúng ta bận túi bụi như thế mà cũng chẳng chịu nghỉ ngơi? Chính là vì tâm tham. Bị tâm tham này sai sử, quý vị chẳng lúc nào có thời gian nhàn rỗi. Lại còn tâm sân, tham đồ vật nhưng không đạt được theo ý mình thì quý vị liền khởi sinh phiền não. Vì sao sinh phiền não? Vì quá ngu si nên sinh phiền não. Nếu là người thông minh trí tuệ, cho dù gặp phải bất kỳ sự việc nào cũng sẽ không buồn phiền. Chúng ta vì ngu si nên mới sinh phiền não. Ngu si đến mức nào? Người ngu si rất đáng cười, nhưng cũng thật đáng thương. Họ chưa hề được học qua tiểu học, trung học, đại học, khi nhìn thấy người ta đạt được học vị tiến sĩ, được mọi người gọi là tiến sĩ gì gì đó rất là vinh hạnh nên họ cũng muốn có được học vị tiến sĩ. Vốn chưa từng đi học thì ai có thể cấp văn bằng tiến sĩ cho quý vị! Có người chưa học Phật pháp, cũng chẳng nghe kinh, nhưng người ấy nghe nói thành Phật là quả vị tối cao không ai bằng, nên cũng muốn thành Phật. Đó là chẳng phải là ngu si ư? Có người vốn không có vốn mà lại muốn buôn bán kiếm lời, không có tiền vốn làm sao có thể buôn bán kiếm lời! Lại có một loại người rất đáng cười, họ vốn không mua vé số mà lại muốn dành phần thưởng hạng nhất, đâu thể có lý này.

Lại có một hạng người càng ngu si hơn, họ nói:

Hoa đẹp khoe mình vào mỗi sáng
Trăng tỏ đâu ngại đêm đêm tròn
Khắp nơi có suối đều thành rượu
Rừng sâu khắp chốn mọc dao tiền[[1]].

Hảo hoa thường linh triêu triêu diễm,
Minh nguyệt hà phương dạ dạ viên;
Đại địa hữu tuyền giai hóa tửu,
Trường lâm vô thọ bất dao tiền.

Người yêu hoa thì nghĩ nếu như hoa ấy tươi mãi, đẹp mãi, vĩnh viễn không tàn úa thì hay biết mấy. Quý vị xem! Đó chính là vọng tưởng. Người ấy lại nghĩ, ngày trăng tròn là lúc trăng đẹp nhất, cớ

gì lại phải khuyết? Nếu trăng mỗi đêm đều tròn như thế thì đêm đêm đều có ánh sáng vằng vặc thật đẹp. Người thích uống rượu lại nghĩ nếu như tất cả dòng suối trên trái đất này đều biến thành rượu thì khi muốn uống liền có thể lấy uống tùy ý, như thế thật tốt biết bao! Nhưng tiếc là việc ấy không thể được. Người tham tài lại nghĩ nếu tất cả cây trong rừng đều biến thành cây "dao tiền", khi cần dùng đến, chỉ cần leo lên cây hái về một ít là được, như thế quá tốt! Nhưng điều đó cũng chẳng thể làm được. Rượu khắp nơi đều có, tiền cũng muốn như thế; *"hoa đẹp khoe mình vào sáng sớm"* là muốn cho sắc hoa mãi không bị biến đổi; *"trăng tỏ đâu ngại đêm đêm tròn"* là thuộc về "khí" *(khí nộ, "tỳ khí", sân).* Vì sao nói là thuộc về "sân"? Vì họ mong mỏi đêm đêm trăng đều tròn sáng, nhưng trăng không thể đêm nào cũng tròn nên người ấy không được như ý, không được như ý chính là một dạng của nóng giận *("tỳ khí").* Vì thế bốn câu này là biểu hiện cho "tửu, sắc, tài, khí" (tứ đổ tường cũng là tham sân si). Nếu không ngu si thì sẽ không có những phiền não như thế. Đây thuộc về nghiệp của ý.

Khẩu, nghiệp chướng mà miệng chúng ta tạo gồm có: ỷ ngữ, vọng ngôn, ác khẩu, lưỡng thiệt. Ỷ ngữ là chuyên nói những điều không chân chính, người nam thích nói với người nữ như thế như thế…; người nữ thích nói với người nam như thế như thế…toàn những lời tà mỵ, chẳng có chút ích lợi, cũng chẳng có đạo lý. Vọng ngôn chính là vọng ngữ. Vọng ngữ có đại vọng ngữ, trung vọng ngữ và tiểu vọng ngữ. Đại vọng ngữ là ví như quý vị giết người, nhưng khi người ta hỏi quý vị có giết người không? Quý vị đáp: "Tôi không giết người, không phải tôi!" Thậm chí đến trộm cắp, tà dâm đều giống như thế, đó chính là đại vọng ngữ. Ác khẩu là phát ra những lời hung ác, làm cho mọi người đều không muốn nghe. Lưỡng thiệt là thích làm rắn hai đầu, gây chuyện thị phi.

Nếu có những lỗi lầm kể trên đều gọi là nghiệp thân, miệng, ý không thanh tịnh, nhưng điều hôm nay nói là phải thanh tịnh ba nghiệp thân, miệng, ý để lễ Phật.

"Thường tu hạnh lễ kính": luôn luôn tu tập ba nghiệp thân, khẩu, ý thanh tịnh để lễ Phật. Như trên vừa nói, người phạm sát sinh, trộm cắp, tà dâm mà đến lễ Phật là không thanh tịnh. Nhưng tuy không thanh tịnh song quý vị còn biết cải sửa lỗi lầm, làm mới lại mình để lễ Phật, điều đó còn tốt hơn nhiều so với người không chịu lễ Phật, nhưng vẫn không được gọi là thân khẩu ý thanh tịnh lễ Phật. Nay chúng ta kính lễ Chư Phật, muốn cho ba nghiệp thân khẩu ý luôn thanh tịnh thì phải thường tu hạnh kính lễ này.

"Nơi mỗi đức Phật đều hóa hiện thân nhiều như số cực vi trần trong bất khả thuyết cõi Phật": Chư Phật nhiều vô lượng vô biên như thế, nên khi lễ Phật, chúng ta phải quán tưởng trước mỗi vị Phật chúng ta đều hiện thân chẳng thể nói, chẳng thể bàn, nói chẳng cùng, nói chẳng tận, nhiều như số cực vi trần ở cõi nước Chư Phật để lễ bái các Ngài. Vì Phật pháp là cảnh giới không thể nghĩ bàn, quý vị chỉ cần phát tâm lễ Phật khắp cả pháp giới như thế thì công đức lễ lạy của quý vị cũng sẽ khắp đầy pháp giới.

Đầu tiên, Thiện Tài đồng tử bái Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi làm thầy. Sau đó, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi lại dạy Thiện Tài đồng tử đi về phía nam tham bái năm mươi ba vị Thiện tri thức,trong đó có Bồ-tát Di-lặc. Thiện Tài đến chỗ của Bồ-tát Di-lặc, nhìn thấy chỗ ở của Bồ-tát lầu gác đều được trang nghiêm bằng bảy báu, trùng trùng vô tận—trong lầu gác có lầu gác, trong lầu gác ấy lại có lầu gác nữa, không biết số bao nhiêu mà kể. Trong mỗi lầu gác lại có một vị Bồ-tát Di-lặc đang thuyết pháp. Thiện Tài cũng không biết được là có bao nhiêu Bồ-tát Di-lặc và thân mình ảnh hiện ra bao nhiêu thân ở đó đảnh lễ Bồ-tát, có nhiều vô lượng vô biên thân chẳng thể tính kể như thế.

Nay chúng ta đang giảng về *Kinh Hoa Nghiêm* thì phải tu môn "pháp giới quán" này, tức là quán tưởng pháp giới. Thí như quý vị lễ bái *Kinh Diệu Pháp Liên Hoa,* thân quý vị tuy ở tại Phật

đường này lễ Kinh, nhưng quý vị phải quán tưởng ở trước Chư Phật nhiều như số vi trần trong mười phương đều có thân quý vị ở đó lễ bái *Kinh Pháp Hoa.* Quý vị phải phát tâm vô tận vô tận như thế. Tất cả đều do tâm tạo, tâm lượng của quý vị biến khắp pháp giới, hiện ra vô số thân lễ bái vô số Chư Phật và vô số Chư Phật cũng đều tiếp nhận được sự lễ bái này của quý vị.

"Mỗi thân đều khắp lễ kính các đức Phật nhiều như số cực vi trần trong bất khả thuyết bất khả thuyết cõi Phật": Mỗi một thân này của quý vị đều có thể kính lễ một cách cùng khắp, kính lễ Chư Phật nhiều như số cực vi trần bất khả thuyết bất khả thuyết cõi Phật. Tuy chưa thành Phật nhưng quý vị có thể quán tưởng như thế, có thể hiện thân ra trước mỗi vị Phật kính lễ các Ngài.

Chúng ta trong kỳ nghỉ hè này, tuy số người tham dự khóa tu không nhiều nhưng cũng có người có thành tâm, tọa thiền rất tốt. Nói đến tu tập, nhiều người cũng tốt, ít người cũng tốt; một người cũng chẳng ít mà vạn vạn người cũng chẳng nhiều. Vì sao thế? Vì tu đạo là tự mình tu đạo của mình, chẳng phải người bên cạnh tu thay mình được, mình cũng chẳng tu dùm người bên cạnh được. Vì thế nên nói: *"Tự mình ăn tự mình no, tự mình chịu sinh tử, tự mình giải thoát"* (tự kỷ ngật phạn, tự kỷ bảo; tự kỷ sinh tử, tự kỷ liễu). Lúc Đức Phật còn tại thế, Tôn giả A-nan cho rằng Phật là anh của mình, nên mình có thể không cần tu đạo, không cần tu tập định lực, kết quả là những vị A-la-hán, đại Tỳ-kheo khác đều chứng quả mà Ngài vẫn giậm chân mãi ở Sơ quả.

Ngày nay có người hỏi tôi: Vì sao lúc tọa thiền tay hoặc chân của mình bị dao động, đó là vì lẽ gì? Đó là một hiện tượng nhỏ cần phải có trong quá trình ngồi thiền. Có người thắc mắc: "Vì sao có người chẳng có hiện tượng đó?" Đó là do người ấy công phu chưa đủ, hoặc là đã trải qua cảnh giới này. Tay chân lay động là tự nó lay động và không chỉ tay chân mới lay động mà có lúc con mắt cũng tự nhiên máy động, mở ra rồi nhắm lại, nhắm lại rồi mở ra, nó khiến cho mình không biết phải làm thế nào. Không muốn nó mở thì nó cũng mở, mở rồi thì nhắm, cứ như thế giống như nháy mắt vậy, nháy rất nhanh, rất nhanh. Người không hiểu bèn nói: "Không biết có phải bị trúng tà không? Có phải ma vương đến rồi chăng, nó đến nên khiến cho thân mình bị chấn động như thế?" Hoặc có người lo lắng: "Có phải mình bị bệnh rồi chăng?" Hoặc có người tự cảm thấy tình trạng này thật đáng sợ, có phải mình sắp bị điên không? Quý vị không cần phải sợ hiện tượng này, nó là biểu hiện của sự lưu thông khí huyết, nhân vì trước đây quý vị chưa từng dụng công như thế nên khí huyết không thông thoáng; nay quý vị vừa dụng công thì khí huyết liền lưu động, làm cho những chỗ trước kia chưa được lưu thông nay đều lưu thông. Khi khí huyết lưu thông, đôi khi có những chỗ khí huyết nhất thời chưa đi qua được nên có sự chấn động nhẹ như thế. Chấn động này thường sẽ xảy ra ba mươi sáu lần nhưng do quý vị không để ý đến số lần đó mà thôi. Có khi tay rung động, lúc thì đùi rung động, hoặc chỗ khác rung động, tất cả đều là ba mươi sáu lần. Do vì trên thân thể con người có ba mươi sáu khớp xương lớn, khí huyết lưu thông qua mỗi khớp xương đều sẽ chấn động một chút, đây cũng có thể nói là đại địa chấn động theo sáu cách. Lúc đại địa có sáu thứ chấn động thì quý vị ngồi ở đây, gian phòng này giống như bị lay động, đừng sợ, đó chỉ là tác dụng của khí huyết lưu thông trong cơ thể con người.

G3. Tổng kết vô tận

Cõi hư không kia hết, sự lễ kính của tôi mới hết. Nhưng cõi hư không chẳng cùng tận nên sự lễ kính của tôi cũng không cùng tận. Nhẫn đến cõi chúng sanh hết, nghiệp chúng sanh hết, phiền não chúng sanh hết, sự lễ kính của tôi mới dứt. Nhưng cõi chúng sanh cho đến phiền não chẳng hết, nên sự lễ kính của tôi cũng không cùng tận, niệm niệm nối luôn không hở, ba nghiệp thân, khẩu, ý không hề nhàm mỏi.

Hư không giới tận, ngã lễ nãi tận, dĩ hư không giới bất khả tận cố, ngã thử lễ kính vô hữu cùng tận. Như thị nãi chí chúng sinh giới tận, chúng sinh nghiệp tận, chúng sinh phiền não tận, ngã lễ nãi tận; nhi chúng sanh giới nãi chí phiền não vô hữu tận cố, ngã thử lễ kính, vô hữu cùng tận. Niệm niệm tương tục vô hữu gián đoạn, thân ngữ ý nghiệp, vô hữu bì yếm.

"Cõi hư không kia hết, sự lễ kính của tôi mới hết": Sao gọi là "không"? sao lại gọi là "hư"? *"Hư"* là không thật; *"không"* là không có. Cõi hư không ấy có từ khi nào? Chẳng biết. Khi nào nó sẽ bị diệt tận? Nó không có lúc bị diệt tận. Vì hư không không có khởi đầu, cũng chẳng có kết thúc, nó là vô thủy vô chung. Vậy đến khi nào cõi hư không vô thủy vô chung này không còn nữa thì sự kính lễ của con đối với mười phương chư Phật mới hết.

"Nhưng cõi hư không chẳng cùng tận nên sự lễ kính của tôi cũng không cùng tận": Vì cõi hư không chẳng bao giờ cùng tận, nên sự kính lễ của con cũng không cùng tận; cho đến tận cùng đời vị lai, giờ giờ, phút phút con đều kính lễ chư Phật.

"Nhẫn đến cõi chúng sanh hết, nghiệp chúng sanh hết, phiền não chúng sanh hết, sự lễ kính của tôi mới dứt": Kính lễ chư Phật như thế, kính lễ mãi cho đến khi tất cả chúng sinh đều không còn, nghiệp của chúng sinh cũng không còn, phiền não của chúng sinh cũng cùng tận thì sự kính lễ của con mới cùng tận.

"Nhưng cõi chúng sanh cho đến phiền não chẳng hết, nên sự lễ kính của tôi cũng không cùng tận": Nhưng cõi giới chúng sinh không bao giờ dứt, cho đến nghiệp và phiền não của chúng sinh cũng không bao giờ hết. Vì phiền não của chúng sinh từ vô minh sinh, nghiệp của chúng sinh do phiền não tạo thành, cõi giới chúng sinh từ nghiệp lực mà ra. Cõi chúng sinh, nghiệp của chúng sinh, phiền não của chúng sinh đã mãi mãi không cùng tận nên sức nguyện đảnh lễ chư Phật của con cũng không cùng tận.

"Niệm niệm nối luôn không hở": Tâm niệm thành khẩn kính lễ Phật của con, niệm trước tiếp nối niệm sau, niệm sau lại tiếp nối niệm sau nữa, niệm niệm tiếp nối, liên tiếp không dứt.

"Ba nghiệp thân, khẩu, ý không hề nhàm mỏi": Thân, miệng và ý niệm này của con chẳng bao giờ mệt mỏi. Con dùng ba nghiệp thân, miệng, ý thanh tịnh kính lễ chư Phật, mãi mãi chẳng bao giờ mệt mỏi và phiền chán, mãi mãi không bao giờ cùng tận.

Ghi chú:

[1] Nguyên văn: **dao tiền thọ 搖錢樹**. Theo truyền thuyết dao tiền thọ là một loại cây báu, mỗi khi lay động thì có tiền vàng rơi rụng.

F2. Xưng tán Như Lai

(Gồm có ba phần: G1. Nêu danh; G2. Giải thích tướng trạng; G3. Tổng kết vô tận)

G1. Nêu danh

Lại này Thiện nam tử! Nói "Khen ngợi đức Như Lai" là như vầy:

Phục thứ, Thiện nam tử! ngôn xưng tán Như Lai giả:

"Lại này": Là nói lại vấn đề một lần nữa.

"Thiện nam tử": Phổ Hiền Bồ-tát bảo Thiện Tài: Ông là một Thiện nam tử giữ gìn năm giới, thực hành mười điều thiện, tu hành mật hạnh Bồ-tát. Thiện Tài đồng tử tuy thân là một đứa bé nhưng kỳ thật là một vị đại Bồ-tát, vì thế Bồ-tát Phổ Hiền mới gọi là Thiện nam tử.

"Khen ngợi đức Như Lai": Vì sao gọi là xưng tán Như Lai? Nay tôi sẽ nói quý vị nghe.

G2. Giải thích tướng trạng

(Gồm có hai phần: H1.Cảnh sở tán; H2. Tướng năng tán)

H1. Cảnh sở tán

Bao nhiêu số cực vi trần trong cõi nước khắp cùng hư không pháp giới mười phương ba đời, trong mỗi cực vi đều có các đức Phật nhiều như số cực vi trong tất cả thế gian. Nơi mỗi đức Phật, đều có rất đông Bồ-tát vây quanh nhóm họp.

Sở hữu tận pháp giới, hư không giới, thập phương tam thế nhất thiết sát độ, sở hữu cực vi nhất nhất trần trung, giai hữu nhất thiết thế giới cực vi trần số Phật; nhất nhất Phật sở, giai hữu Bồ-tát hải hội vi nhiễu.

"Tận cùng pháp giới, hư không giới": Pháp giới bao gồm pháp giới của Phật, pháp giới của Bồ-tát, cho đến pháp giới của Thanh Văn, Duyên Giác, chư thiên, loài người, A-tu-la, súc sinh, địa ngục và ngạ quỷ. Hợp mười loại này lại gọi là thập pháp giới. Mười loại pháp giới này đều không ngoài một niệm hiền tiền của chúng ta, một tâm niệm của chúng ta có đủ cả mười pháp giới. Mười pháp giới này lại có đầy đủ vô lượng pháp giới khác. Cho nên mới nói pháp giới là có nhiều vô lượng vô biên, cho đến hư không giới cũng vô cùng vô tận.

"Bao nhiêu số cực vi trần trong cõi nước khắp cùng hư không pháp giới mười phương ba đời, trong mỗi cực vi đều có các đức Phật nhiều như số cực vi trong tất cả thế gian": Mỗi một hạt cực vi trần ở trong tất cả cõi nước của chư Phật thuộc mười phương ba đời, trong pháp giới, hư không giới vô cùng vô tận đều có chư Phật số nhiều như số cực vi trần của tất cả thế gian.

"Nơi mỗi đức Phật, đều có rất đông Bồ-tát vây quanh nhóm họp": Ở chỗ mỗi một vị Phật đều lại có vô lượng vô số vô biên các vị đại Bồ-tát tụ hợp giống như biển lớn và cùng vây quanh đức Phật.

H2. Tướng năng tán

Tôi phải trọn dùng sức thậm thâm thắng giải tri kiến hiện tiền, đều dùng lưỡi vi diệu hơn Biện Tài Thiên Nữ. Mỗi lưỡi phát xuất vô tận âm thanh hải. Mỗi âm thanh diễn xuất tất cả ngôn từ hải, khen ngợi các công đức hải của tất cả đức Như Lai, ca ngợi đến tột đời vị lai nối luôn không dứt, khắp cả pháp giới, không sót chỗ nào.

Ngã đương tất dĩ thậm thâm thắng giải hiện tiền tri kiến, các dĩ xuất quá Biện Tài Thiên Nữ vi diệu thiệt căn, nhất nhất thiệt căn, xuất vô tận âm thanh hải; nhất nhất âm thanh hải xuất nhất thiết

ngôn từ hải, xưng dương tán tán nhất thiết Như Lai chư công đức hải, cùng vị lai tế, tương tục bất đoạn, tận ư pháp giới, vô bất chu biến.

"Tôi phải trọn dùng sức thậm thâm thắng giải tri kiến hiện tiền": Bồ-tát Phổ Hiền nói tôi phải dùng sự tu tập chứng đắc thâm sâu nhất, sự tin hiểu vượt bực nhất, sức thấy biết và tri kiến hiện tiền của tôi. "Tri" là trí tuệ; "kiến" cũng chính là kiến tánh.

"Đều dùng lưỡi vi diệu hơn Biện Tài Thiên Nữ": Trước mỗi vị Phật, các vị Bồ-tát dùng chiếc lưỡi vi diệu vượt hơn biện tài của tất cả loài người và Thiên nữ. Chiếc lưỡi của Thiên nữ rất giỏi về biện luận nhưng vô ngại biện tài của Bồ-tát Phổ Hiền lại hơn hẳn sức biện tài của Biện Tài Thiên nữ.

Vô ngại biện tài gồm có bốn:

1. *Từ vô ngại biện*: sử dụng ngôn từ không bị chướng ngại, giỏi về biện luận.
2. *Pháp vô ngại biện*: ở nơi một pháp có khả năng khai triển ra vô lượng pháp, ở nơi vô lượng pháp có khả năng quy về một pháp.
3. *Nghĩa vô ngại biện*: Từ một nghĩa lý có thể giảng nói thành vô lượng nghĩa, từ vô lượng nghĩa lại có thể qui về một nghĩa.
4. *Lạc thuyết vô ngại biện*: Vui ưa thuyết pháp trong mọi thời mọi lúc đều không biết mệt mỏi.

Chiếc lưỡi vi diệu là chiếc lưỡi nói năng rất khéo, giảng rất hay khiến người bên cạnh nghe hoàn toàn tin tưởng, vui thích lắng nghe. Nếu chiếc lưỡi của quý vị không tốt thì khi nói ra không ai tin tưởng, cũng không ai muốn nghe.

"Mỗi lưỡi phát xuất vô tận âm thanh hải": Mỗi một chiếc lưỡi vi diệu luôn phát ra biển âm thanh vô lượng vô biên không cùng tận.

"Mỗi âm thanh diễn xuất tất cả ngôn từ hải, khen ngợi các công đức hải của tất cả đức Như Lai": Trong mỗi một biển âm thanh phát ra rất nhiều ngôn từ hoa mỹ để tán dương biển công đức vô lượng của hết thảy Như Lai trong mười phương ba đời.

"Ca ngợi đến tột đời vị lai nối luôn không dứt": Cho đến tận cùng đời vị lai đều xưng tán công đức Như Lai một cách liên tục, không bao giờ gián đoạn như thế.

"Khắp cả pháp giới, không sót chỗ nào": Tận cùng tất cả pháp giới, không nơi đâu không có âm thanh này vang tới, tất cả pháp giới đều vang lên âm thanh xưng tán Như Lai.

G3. Tổng kết vô tận

Như vậy hư không giới, chúng sanh giới, chúng sanh nghiệp, chúng sanh phiền não đều hết, thời sự khen ngợi công đức chư Phật của tôi đây mới cùng tận. Nhưng cõi hư không kia cho đến phiền não của chúng sanh chẳng cùng tận, nên sự khen ngợi của tôi cũng không cùng tận, niệm niệm nối luôn không hở, ba nghiệp thân, khẩu, ý không hề nhàm mỏi.

Như thị hư không giới tận, chúng sinh giới tận, chúng sinh nghiệp tận, chúng sinh phiền não tận, ngã tán nãi tận; nhi hư không giới nãi chí phiền não vô hữu tận cố, ngã thử tán thán vô hữu cùng tận. Niệm niệm tương tục vô hữu gián đoạn, thân ngữ ý nghiệp vô hữu bì yếm.

"Như vậy hư không giới, chúng sanh giới, chúng sanh nghiệp, chúng sanh phiền não

đều hết, thời sự khen ngợi công đức chư Phật của tôi đây mới cùng tận": Xưng tán Như Lai như thế, cho đến cõi hư không diệt tận, cõi chúng sinh diệt tận, phiền não của chúng sinh diệt tận thì sự tán thán này của tôi mới cùng tận.

"Nhưng cõi hư không kia cho đến phiền não của chúng sanh chẳng cùng tận, nên sự khen ngợi của tôi cũng không cùng tận": Nhưng cõi hư không không thể diệt tận, cõi chúng sinh, nghiệp của chúng sinh, phiền não của chúng sinh cũng không cùng tận, vì thế sự xưng tán này của tôi cũng không bao giờ cùng tận.

"Niệm niệm nối luôn không hở": Niệm này nối tiếp niệm kia liên tục không gián đoạn.

"Ba nghiệp thân, khẩu, ý không hề nhàm mỏi": Ba nghiệp thân, miệng, ý của tôi luôn xưng tán Như Lai như thế, không bao giờ có sự chán mỏi, cũng không bao giờ sinh tâm chán ngán.

F3. Rộng tu cúng dường

(Gồm ba phần: G1. Nêu danh; G2. Giải thích tướng trạng; G3. Tổng kết vô tận)

G1. Nêu danh

Lại này Thiện nam tử! Nói "Rộng tu cúng dường" là như vầy:

Phục thứ, Thiện nam tử! ngôn quảng tu cúng dường giả:

"Lại này": Vì sao nói lại nữa? Vì ở trước đã nói kính lễ chư Phật và xưng tán Như Lai rồi, tiếp phần này phải nói đến rộng tu cúng dường, vì thế nên nói "lại nữa".

"Thiện nam tử": Bồ-tát Phổ Hiền gọi Thiện nam tử là chỉ cho Thiện Tài đồng tử.

"Nói 'Rộng sắm đồ cúng dường' là như vầy": Ngay bay giờ đây chúng ta sẽ nói đến pháp môn rộng tu cúng dường. Vì sao gọi là rộng tu cúng dường? Nay tôi sẽ giảng cho quý vị nghe, vì thế quý vị nên chú tâm lắng nghe.

G2. Giải thích tướng trạng

(Gồm hai phần: H1. Nói rõ hạnh cúng dường; H2. So sánh làm nổi bậc sự thù thắng của cúng dường Pháp)

H1. Nói rõ hạnh cúng dường

(Gồm ba phần: I1. Trình bày cảnh sở cúng; I2. Trình bày nhân năng cúng; I3. Trình bày vật cúng dường)

I1. Trình bày cảnh sở cúng

Bao nhiêu số vi trần trong khắp cõi Phật cùng hư không pháp giới mười phương ba đời, trong mỗi cực vi trần đều có chư Phật như số cực vi trong tất cả thế giới, nơi mỗi đức Phật có vô số Bồ-tát vây quanh nhóm họp.

Sở hữu tận pháp giới, hư không giới, thập phương tam thế nhất thiết Phật sát cực vi trần trung, nhất nhất các hữu nhất thiết thế giới cực vi trần số Phật; nhất nhất Phật sở, chủng chủng Bồ-tát hải hội vi nhiễu.

"Tận cùng pháp giới hư không giới (sở hữu tận pháp giới, hư không giới)": "Sở hữu" là bao quát hết thảy, bao quát pháp giới, hư không giới. Tận pháp giới là tận cùng pháp giới này, cùng khắp pháp giới, đầy trong pháp giới. Hư không giới, cũng là cùng khắp hư không giới, đầy khắp hư không giới.

"Bao nhiêu số vi trần trong khắp cõi Phật cùng hư không pháp giới mười phương ba đời, trong mỗi cực vi trần đều có chư Phật như số cực vi trong tất cả thế giới": Hết thảy Phật sát trong mười phương ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai. Phật sát là cõi Phật, tất cả cõi nước của chư Phật. Trong tất cả cõi nước của chư Phật, đem mỗi một hạt vi trần chia thành bảy phần gọi là *lân hư trần*. Những cực vi trần (lân hư trần) này, bên trong mỗi hạt cực vi trần lại xuất hiện vô lượng vô

biên thế giới, trong mỗi một thế giới lại có chư Phật nhiều như số cực vi trần đang chuyển pháp luân. Vi trần tuy nhỏ nhưng có thể hàm chứa cả thế giới, thế giới tuy lớn nhưng cũng không ngoài một hạt vi trần, đây gọi là trong nhỏ hiện lớn. Nên nói *"Ở trong một hạt bụi hiện cõi nước Phật, Đức Phật ngồi trong hạt vi trần chuyển đại Pháp luân"* (Ư nhất trần trung hiện Bảo Vương sát, tọa vi trần lý chuyển đại Pháp luân – *Kinh Lăng Nghiêm*). Ở trong một hạt vi trần cũng có thể hiện ra cõi Phật, đó là trong nhỏ hiện lớn, lớn không chướng ngại nhỏ; trong lớn hiện nhỏ, nhỏ cũng không chướng ngại lớn, lớn nhỏ dung nhiếp lẫn nhau, viên dung không ngăn ngại; nhỏ cũng chính là lớn, lớn cũng chính là nhỏ. Đó chính là cảnh giới trùng trùng vô tận, cũng chính là cảnh giới ánh sáng chiếu rọi, phản chiếu lẫn nhau.

"Nơi mỗi đức Phật có vô số Bồ-tát vây quanh nhóm họp": Mỗi một chỗ Phật đều có vô số hải hội Bồ-tát khác nhau vây quanh. Phật nói pháp hội Kinh Kim Cang thì có Bồ-tát của hội Kim Cang vây quanh; Phật nói pháp hội Kinh Pháp Hoa thì có Bồ-tát của hội Pháp Hoa vây quanh. Phật nói pháp hội Kinh Bát Nhã thì có Bồ-tát của hội Bát Nhã vây quanh, Phật nói pháp hội Kinh A-hàm thì có Bồ-tát của hội A-hàm vây quanh, Phật nói pháp hội Kinh Phương Đẳng thì có Bồ-tát của hội Phương Đẳng vây quanh, Phật nói pháp hội Kinh Hoa Nghiêm thì có Bồ-tát của hội Hoa Nghiêm vây quanh. Phật nói pháp hội Kinh Lăng Nghiêm thì có Bồ-tát của hội Lăng Nghiêm vây quanh.

I2. Trình bày nhân năng cúng

Tôi dùng sức hạnh nguyện của Ngài Phổ Hiền mà khởi lòng tín giải rất sâu và hiện tiền tri kiến.

Ngã dĩ Phổ Hiền hạnh nguyện cố, khởi thâm tín giải, hiện tiền tri kiến.

"Tôi dùng sức hạnh nguyện Phổ Hiền": Tôi dùng nguyện lực tu hành rộng khắp.

"Mà khởi lòng tín giải rất sâu": Khởi tâm tin hiểu sâu sắc.

"Hiện tiền tri kiến": Thấy biết tất cả chư Phật và cõi nước Phật đều ở trong một niệm hiện tiền, đều không rời một niệm hiện tiền, một niệm trí tuệ. Phật pháp giống như biển lớn, quý vị có tín tâm mới có thể vào được; nếu quý vị không có tín tâm thì không thể vào được biển lớn, do đó nên nói: *"Phật pháp như biển lớn, chỉ có lòng tin mới có thể vào"* (Phật pháp như đại hải, duy tín năng nhập).

I3. Trình bày vật cúng dường

Đều đem đồ cúng dường thượng diệu mà cúng dường pháp hội của Phật. Như là mây hoa, mây tràng hoa, mây âm nhạc cõi trời, mây tàn lọng cõi trời, mây y phục cõi trời, các thứ hương trời: hương xoa, hương đốt, hương bột. Các thứ mây trên đây thảy đều nhiều lớn như núi Tu Di. Lại thắp các thứ đèn, đèn tô lạc, đèn dầu, các thứ đèn dầu thơm mỗi tim đèn lớn như núi Tu Di, dầu trong đèn như nước bể cả. Đem các thứ đồ cúng dường như trên để thường cúng dường.

Tất dĩ thượng diệu chư cúng dường cụ nhi vi cúng dường: sở vi hoa vân, hoa tràng vân, thiên âm nhạc vân, thiên tán cái vân, thiên y phục vân, thiên chủng chủng hương, đồ hương, thiêu hương, mạt hương, như thị đẳng vân, nhất nhất lượng như Tu Di sơn vương. Nhiên chủng chủng đăng: tô đăng, dầu đăng, chư hương dầu đăng, nhất nhất đăng trụ như Tu Di sơn, nhất nhất dầu như đại hải thủy. Dĩ như thị đẳng chư cúng dường cụ, thường vi cúng dường.

"Đều đem đồ cúng dường thượng diệu mà cúng dường pháp hội của Phật": Hoàn toàn dùng những vật tốt nhất, không có vật nào tốt hơn để cúng dường chư Phật, Bồ-tát. Những vật phẩm cúng dường thượng diệu gồm những thứ gì?

"Như mây hoa": Hoa nhiều vô lượng vô biên giống như mây; **"Mây tràng hoa"**: Lại có một loại gọi là mây vòng hoa thơm, tức là vật cúng dường làm bằng hoa hoặc lụa giống như tràng phan rất trang nghiêm.

"Mây âm nhạc cõi trời": Lại tấu lên vô số bản nhạc cõi trời, tấu âm nhạc cũng là một loại cúng dường, thế nên trong cung của Ngọc Hoàng (Indra or Shakra) có Càn-thát-bà và Khẩn-na-la chuyên phụ trách tấu nhạc cho Ngọc Hoàng nghe, họ dùng âm nhạc tấu lên cúng dường Phật.

"Mây tàn lọng cõi trời": Lọng mây của cõi trời chính là khói hương mà quý vị đốt, chúng bay lên không trung ngưng kết lại giống như một cây dù che phủ chúng sinh. Ở phần đầu *Chú Lăng Nghiêm* có "lọng báu trắng lớn" (Đại bạch tán cái); quý vị tụng thần chú này thì trên hư không sẽ xuất hiện một lọng báu trắng lớn, nơi được lọng báu trắng lớn ấy che phủ sẽ không có tai nạn xảy ra, sẽ không bị động đất, cũng không bị thiên tai... tai nạn gì cũng đều không có.

"Mây y phục cõi trời": Y phục của cõi trời rất nhẹ và rất đẹp, giống như y phục có pha ni-lông hiện nay của chúng ta, vô cùng nhẹ và vô cùng đẹp.

"Các thứ hương trời": Trên trời lại có các loại hương; quý vị niệm *Chú Đại Bi* niệm một cách thành tâm thì sẽ có một làn hương thơm, hương thơm ấy không phải là hương chiên-đàn hay các thứ hương khác do chúng ta đốt ở nhân gian, nhân gian không có mùi hương ấy. Đó là do vì quý vị niệm chú này nên tất cả quỷ thần dùng mùi hương ấy để cúng dường quý vị và quý vị cũng cảm nhận được mùi hương ấy. Nhưng quý vị phải thành tâm, nếu không thành tâm sẽ không có mùi hương. **"Hương xoa**": chính là thứ hương dùng để thoa lên thân, nhưng hương xoa ở đây không phải để xoa lên thân mà là một loại hương đặt ở trước Phật để cúng dường Ngài. **"Hương đốt"**: Chính là loại hương dùng để đốt. **"Hương bột"**: Chính là bột hương, phấn hương.

"Các thứ mây trên đây thảy đều nhiều lớn như núi Tu Di": Giống như ở trên đã nói về các thứ mây cúng dường. Lượng của chúng bao nhiêu? Số lượng của mỗi một thứ lớn như núi chúa Tu-di, nhiều như núi chúa Tu-di! Quý vị nói xem, cúng dường như thế có phải là cúng dường lớn không!

Núi Tu-di là tiếng Phạn *(Sumeru)*, dịch là núi Diệu Cao, nghĩa là núi đó cao không thể tưởng tượng, bao quanh núi Tu-di có bảy lớp biển Hương Thủy, ngoài bảy lớp biển Hương Thủy lại có bốn châu lớn, đó là Đông Thắng Thần châu (Purvavideha), Nam Thiệm-bộ châu (Jambudvipa), Tây Ngưu Hóa châu (Aparagodaniya) và Bắc Câu-lư châu (Uttarakuru). Núi Tu-di ấy cao bao nhiêu? Cao tám vạn bốn nghìn do tuần *(yojana)*, mặt trăng và mặt trời chỉ ở độ cao một nửa núi Tu-di, Tứ thiên vương cũng ở độ cao một nửa núi Tu-di; như vậy núi Tu-di cao hơn cả cõi Tứ thiên vương. Núi Tu-di cao như thế, mỗi vật cúng dường của quý vị lớn như núi Tu-di, số lượng ấy là lớn nhất, có thể nói là số lượng không thể nghĩ bàn.

"Lại thắp các thứ đèn": Đốt, chính là thắp đèn, thắp lên vô số loại đèn chứ không phải chỉ một loại. Thắp các loại đèn ấy đặt ở đâu? Thắp đèn ở trước Phật để cúng dường Ngài, cốt là để cho phía trước mặt được sáng, do quý vị thắp đèn làm cho phía trước Phật được sáng nên nhờ đó mà mắt của quý vị cũng được sáng; mắt sáng chính là phước báo của việc thắp đèn cúng Phật. Còn nếu mắt

không sáng? Đó là do quý vị chưa từng dâng đèn cúng dường Phật. Các thứ đèn ấy gồm những loại nào? **"Đèn tô lạc"**: Đèn được thắp bằng bơ, nghĩa là dùng một dạng của sữa để thắp. **"Đèn dầu"**: Là loại đèn có dầu, dùng loại dầu thông thường để thắp. **"Các thứ đèn dầu thơm"**: Là đèn được thắp bằng các loại dầu thơm như dầu mè…

Trong Mật tông có một loại pháp gọi là *Hộ Ma*, vị đại sư Kim cang Mật tông, ngay phía trước mình, đốt một đống lửa bằng dầu bơ hoặc dầu thông thường và trì chú. Có người đem y phục hay những vật cúng dường khác bỏ vào đống lửa đốt để cúng dường Phật. Nghe nói vật được đốt cúng dường càng có giá trị bao nhiêu thì càng có công đức bấy nhiêu. Nếu quý vị đem vàng để đốt thì công đức cúng dường ấy rất lớn. Trên thực tế, công đức lớn nhỏ không phải như thế, chẳng thể nói quý vị đốt vàng công đức mới lớn, còn quý vị đốt một khối bùn thì công đức sẽ nhỏ. Sự lớn nhỏ của công đức hoàn toàn tùy thuộc vào tâm thành của quý vị. Vật quý giá nhất mà quý vị có thể đem cúng dường Phật chứng tỏ quý vị có tâm thành, có tâm thành thì có công đức, tuyệt đối chẳng phải nhất định đốt vàng mới có công đức. Đốt bao nhiêu đèn thì việc ấy cũng giống như đạo lý này trong Mật tông. Suy cho cùng những vật ấy một khi đã đốt sẽ mất hết, rốt cuộc tốt chỗ nào chứ? Đây chính là thử nghiệm quý vị có tâm thành hay không. Nếu quý vị có tâm bố thí thật sự thì có đốt gì cũng không tiếc, công đức được nói ở đây chính là một loại tâm xả.

"Mỗi tim đèn lớn như núi Tu Di": Tim của mỗi ngọn đèn đều lớn như núi Tu-di. **"Dầu trong đèn như nước bể cả"**: Dầu dùng để đốt đèn nhiều như nước biển lớn, sự cúng dường như thế, ai có thể cúng dường nổi chứ? Ai có thể cúng dường tim đèn lớn như núi Tu-di, dầu thắp đèn nhiều như nước bốn biển? Đó chính là điều mà Kinh Hoa Nghiêm gọi là *"lượng pháp giới, tánh pháp giới"*. Chỉ cần quý vị thành tâm cúng dường thì lượng ấy sẽ bằng núi Tu-di, lượng ấy sẽ bằng nước bốn biển chứ chẳng phải nhất định phải dùng lượng dầu thắp đèn nhiều như nước bốn biển. Nếu quý vị phát tâm thành kính thì lượng cúng dường ấy bằng với sa giới, nhiều như số cát sông Hằng. Ở đây nói núi chúa Tu-di không hề mang ý nghĩa phải thật giống núi Tu-di mà là nói quý vị phát tâm lớn như núi Tu-di thì lượng của vật cúng dường cũng sẽ lớn bằng núi Tu-di. Quý vị phát tâm nhỏ thì công đức cúng dường của quý vị cũng nhỏ.

"Đem các thứ đồ cúng dường như trên để thường cúng dường": giống như trên vừa nói vô số các loại đồ dùng cúng dường đều cúng dường với số lượng nhiều như thế.

Trước đây có người rất nghèo, người ấy mua được một cân dầu đến chùa Kim Sơn thuộc Trấn Giang, Tô Châu để cúng Phật, ông đốt đèn để trước Phật. Phương trượng của chùa Kim Sơn là một vị *minh nhãn nhân*, tức là người đã chứng đắc Ngũ Nhãn. Trước đó một ngày, vị Phương Trượng đã báo trước cho vị Tăng tri khách rằng: "Ngày mai con hãy mở cửa chính điện, khoảng mười giờ sẽ có một vị đại hộ pháp đến đây để cúng Phật. Sau khi vị ấy cúng dường xong, con nên mời vị ấy dùng cơm chay ở phòng Phương Trượng, đừng để vị ấy đi và phải ân cần đối với vị hộ pháp ấy". Ngày hôm sau, vị Tăng tri khách lo quét dọn các nơi sạch sẽ và mở cửa chính để đợi vị đại hộ pháp.

Lúc vị hộ pháp đến chùa, Phương Trượng liền mặc áo dài ra đón tiếp. Vị hộ pháp ấy hình dạng như thế nào? Là một người hết sức nghèo, tay xách một cân dầu để cúng Phật nhưng Hòa Thượng Phương Trượng rất nồng nhiệt đón tiếp vị ấy, lại mời vị ấy vào phòng Phương Trượng dùng cơm. Vì sao cúng dường một cân dầu mà Hòa Thượng Phương Trượng nồng nhiệt đón tiếp vị ấy như thế? Chính vì toàn bộ tài sản cả một đời của người ấy chỉ đủ để mua được một cân dầu, vị ấy đem toàn bộ số tiền đó mua dầu cúng Phật.

Bấy giờ cũng có một người giàu có đang lễ Phật, khi thấy vị cúng Phật một cân dầu được Hòa Thượng Phương Trượng tiếp đãi ân cần như thế nên ngày hôm sau vị người ấy đã mua một nghìn cân

dầu mang đến chùa và thắp đèn cúng dường trước Phật, vị ấy nghĩ: "Hôm qua người kia chỉ cúng một cân dầu mà vị Phương Trượng đã tiếp đãi tốt như thế, nay ta cúng một nghìn cân dầu thì đương nhiên vị Phương Trượng tiếp đãi ta lại càng tốt hơn". Nhưng vị ấy hoàn toàn không biết rằng lần này Phương Trượng cũng biết trước nên gọi vị Tăng tri sự nói: "Ngày mai lại có một vị hộ pháp mang dầu đến cúng, đốt đèn trước Phật, con nên mở cửa một bên cho vị ấy vào và lưu vị ấy dùng cơm ở khách đường, chẳng cần phải vào phòng Phương Trượng". Vị tri khách theo lời dạy của Phương Trượng mà lo liệu nhưng trong lòng còn hồ nghi.

Đợi lo xong việc của hai vị hộ pháp, thầy tri sự mới đến hỏi Phương Trượng:

-Thưa Thầy! Vì sao đón vị bần cùng chỉ cúng một cân dầu thì phải mở cửa chính và còn thỉnh vị ấy thụ trai trong phòng Phương Trượng? Còn vị có tiền đem cúng một nghìn cân dầu thì vì sao Phương Trượng cũng chẳng đích thân ra đón tiếp họ cũng không mở cửa chính lại còn chỉ lưu lại dùng cơm ở phòng khách?

Vị Phương Trượng đáp:

-Con có biết không! Người mang một cân dầu, vị ấy chỉ có vỏn vẹn bấy nhiêu tiền, và đã đem toàn bộ số tiền ấy để mua dầu cúng Phật, còn người mua một nghìn cân dầu thì tiền rất nhiều, không chỉ mua một nghìn cân mà có thể mua cả vạn vạn cân nên đối với họ phần đã cúng là rất bình thường, vì thế thầy không cần đích thân ra nghinh tiếp.

Xét từ câu chuyện đó, cúng Phật quan trọng nhất là tâm thành, tâm thành của quý vị đến cực độ thì sẽ có công đức, nếu quý vị không thành tâm thì dù quý vị có cúng dường nhiều cũng chẳng có công đức bao nhiêu.

H2. So sánh làm nổi bậc sự thù thắng của cúng dường Pháp

(Gồm hai phần: I1. So sánh; I2. Nêu lên để giải thích)

I1. So sánh

(Gồm hai phần: J1. Đối tượng so sánh; J2. Chính thức so sánh)

J1. Đối tượng so sánh

Thiện nam tử! Trong các thứ cúng dường, Pháp cúng dường là hơn hết. Pháp cúng dường là: Tu hành đúng theo lời Phật dạy để cúng dường, làm lợi ích cho chúng sanh để cúng dường, chịu khổ thế cho chúng sanh để cúng dường, nhiếp thọ chúng sanh để cúng dường, siêng năng tu tập căn lành để cúng dường, không bỏ hạnh Bồ-tát để cúng dường, chẳng rời tâm Bồ-đề để cúng dường.

Thiện nam tử! Chư cúng dường trung, Pháp cúng dường tối! Sở vị như thuyết tu hành cúng dường, lợi ích chúng sanh cúng dường, nhiếp thọ chúng sanh cúng dường, đái chúng sanh khổ cúng dường, cần tu thiện căn cúng dường, bất xả Bồ-tát nghiệp cúng dường, bất ly Bồ-đề tâm cúng dường.

“Thiện nam tử”: Bồ-tát Phổ Hiền lại gọi Thiện Tài bằng từ *Thiện nam tử*. **“Trong các thứ cúng dường, Pháp cúng dường là hơn hết”**: Trong các cách cúng dường, giảng kinh thuyết pháp cho người nghe là cách cúng dường lớn nhất. *Kinh Phạm Võng* nói rằng nếu quý vị có thể giảng kinh thuyết pháp cho người khác nghe thì một ngày quý vị tiêu hết ba lượng vàng cũng không phải là quá, mức thọ nhận đó có thể chấp nhận được. Nhưng chúng ta không nên cho rằng một ngày có thể thọ nhận ba lượng vàng cúng dường và đem đi tiêu hết mà chẳng cần sinh tâm tàm quý (hổ thẹn). Tuy Kinh nói như thế nhưng chúng ta cũng không thể tự mãn mà nói rằng: “Tôi giảng kinh thuyết pháp, nếu một ngày cúng dường cho tôi ba lượng vàng thì tôi có tiêu hết cũng đáng”. *Kinh Kim Cang* cũng nói nếu quý vị đem bảy báu bố thí khắp tam thiên đại thiên thế giới, công đức ấy cũng không lớn bằng công đức quý vị giảng cho người nghe bốn câu kệ. Vì thế trong các sự cúng dường, cúng dường pháp là quý nhất. Hiện nay, mỗi ngày tôi đều giảng kinh thuyết pháp cho quý vị nghe, đó là bố thí pháp và cũng là dùng pháp cúng dường Phật. Chúng ta ở đây chuyển pháp luân, giảng kinh thuyết pháp đều được gọi là cúng dường pháp.

“Pháp cúng dường là: Tu hành đúng theo lời Phật dạy để cúng dường”: Ví như nghe giảng về bố thí ba-la-mật, có người liền tu theo pháp bố thí; nghe giảng về trì giới ba-la-mật, có người liền tu trì giới ba-la-mật, ăn mỗi ngày một bữa; nghe giảng về nhẫn nhục ba-la-mật, người thật sự hiểu biết Phật pháp liền tu nhẫn nhục, không khởi sân hận, không chấp tướng nhân, tướng ngã, tướng chúng sinh, tướng thọ giả; có người nghe nói về tinh tấn ba-la-mật thì đêm ngày sáu thời tinh tấn, luôn nương pháp tu hành; có người nghe giảng về thiền định ba-la-mật, biết được bốn thiền[[1]] tám định[[2]] có thể sinh ra vô lượng công đức, đạt được vô số các môn giải thoát thì liền nương theo thiền định ba-la-mật tu hành; có người nghe được bát-nhã-ba-la-mật liền tu bát-nhã-ba-la-mật, không khởi niệm tưởng ngu si; có người nghe giảng về Tứ thánh đế *Khổ, Tập, Diệt, Đạo* liền nương theo pháp Tứ đế tu hành, biết *Khổ*, dứt *Tập*, mến *Diệt*, tu *Đạo* (tri Khổ, đoạn Tập, mộ Diệt, tu Đạo); có người nghe giảng về Mười hai nhân duyên liền nương theo pháp Mười hai nhân duyên tu hành; có người nghe giảng về Bốn tâm vô lượng *Từ, Bi, Hỷ, Xả* liền nương vào bốn tâm vô lượng ấy tu hành. Nói tóm lại là nghe thấy pháp môn gì thì liền thực hành theo pháp môn ấy, đó gọi là cúng dường bằng cách *như pháp tu hành*.

Bàn đến *“Trong tất cả sự cúng dường, pháp cúng dường là bậc nhất”* thì Phật Thích-ca-mâu-ni lúc còn ở nhân địa cũng đã từng vì nửa bài kệ mà xả bỏ thân mệnh. Một bài kệ có bốn câu thì nửa bài kệ có hai câu. Đức Phật Thích-ca-mâu-ni lúc còn ở nhân địa tu hành hết thảy thiện pháp, có một hôm Ngài nghe được một con quỷ La-sát nói:

Các hành vô thường
Là pháp sinh diệt
Chư hành vô thường
Thị sinh diệt pháp.

Đức Phật Thích-ca-mâu-ni vừa nghe xong liền hỏi:

-Ồ! Câu kệ ngươi nói vừa rồi là Phật pháp, nhưng ngươi chỉ mới nói một nửa, còn lại một nửa sau ngươi có thể nói hết cho ta nghe chăng?

Quỷ La-sát đáp:

-Không sai, kệ ta nói chính là Phật pháp, nhưng hiện nay ta rất đói, không có sức để nói tiếp nên muốn tìm một người để ăn, ta ăn xong mới có sức nói tiếp.

Đức Phật Thích-ca-mâu-ni thoáng nghĩ, liền bảo:

-Ngươi hãy nói xong bài kệ rồi ta sẽ để ngươi ăn thân ta được không?

La-sát hỏi lại:

-Ngươi thật có thể để ta ăn ư?

Đức Phật Thích-ca-mâu-ni đáp:

-Ta để cho ngươi ăn, nhưng trước tiên ngươi phải nói xong bài kệ ấy đã, sau khi ta hiểu rõ được pháp ấy thì ngươi có ăn ta, ta cũng mãn nguyện.

La-sát nói:

-Được!

Rồi đọc tiếp:

Sinh diệt dứt rồi
Tịch diệt là vui

Sinh diệt diệt dĩ
Tịch diệc vi lạc.

Nói kệ xong, La-sát bảo Đức Phật Thích-ca-mâu-ni:

- Pháp ấy ta đã nói xong rồi. Nay ta có thể ăn ngươi được rồi chứ?

Đức Phật Thích-ca-mâu-ni bảo:

-Xin hãy đợi chốc lát, lát nữa ta sẽ để ngươi ăn.

Quỷ La-sát hỏi:

-Sao! Ngươi đã hối hận rồi chăng? Lúc nãy ngươi đã hứa với ta rồi, nay lại muốn nuốt lời ư?

Thích-ca-mâu-ni Phật từ tốn:

-Không phải thế, do vì bốn câu kệ Phật pháp ngươi vừa nói, đa số mọi người chưa từng được nghe nên nay ta muốn dùng dao khắc bốn câu kệ này lên thân cây, đợi ta khắc xong người hãy ăn ta, như thế được không?

Quỷ la-sát ngẫm nghĩ rồi nói:

-Cũng được, ngươi hãy khắc kệ lên cây đi.

Thế là Đức Phật Thích-ca-mâu-ni dùng dao lột bỏ lớp vỏ cây bên ngoài rồi khắc bốn câu kệ lên thân cây. Khắc xong, Ngài lại nghĩ thân cây không được lâu bền, nhưng lúc ấy quỷ a-sát lại đòi ăn ngài.

Ngài khẩn khoản:

-Người hãy đợi ta chốc lát, ta muốn cho tất cả mọi người đều biết được bài kệ Phật pháp này,

nhưng thân cây không được bền chắc, đợi ta khắc bốn câu này vào đá, sau đó ngươi ăn ta cũng không muộn. Chẳng phải ta ích kỷ cho riêng mình mà ta muốn cho tất cả chúng sinh đều biết rõ Phật pháp.

La-sát ngẫm nghĩ, rồi bảo:

-Thôi được, thế ngươi bắt đầu làm đi, chẳng nên kéo dài thời gian nữa.

Thế là Đức Phật Thích-ca-mâu-ni khắc bốn câu kệ lên đá. Khắc xong, Ngài mời la-sát đến ăn ngài.

Bấy giờ, la-sát hỏi lại:

-Ngươi thật muốn để ta ăn thịt ngươi sao?

Đức Phật đáp:

-Đương nhiên rồi, ta không nói dối đâu, nay mời ngươi cứ đến ăn ta đi!

La-sát lại hỏi:

-Ngươi đúng thật là một người tu hành! Nay ta đã biết ngươi là một bậc chân tu, tốt lắm, chúng ta tạm biệt!

Nói xong, la-sát liền bay lên hư không. Thì ra là Bồ-tát Quán Thế Âm biến hóa đến thử ngài. Cho nên tu đạo nhất định phải có tâm chân thật, không vì bản thân. Nếu có quỷ đòi ăn thịt thì tự mình cũng phải vì pháp quên thân, có thể vì pháp mà đem sinh mạng của mình ra bố thí.

"Làm lợi ích cho chúng sanh để cúng dường": Người thực hành đạo Bồ-tát vì chúng sinh thuyết pháp để lợi ích cho họ, đó chính là cúng dường bằng cách *làm lợi ích cho chúng sinh*.

"Nhiếp thọ chúng sanh để cúng dường": Xem tất cả chúng sinh đều là con của mình, dùng lòng từ bi không có sự phân biệt để hóa độ tất cả chúng sinh.

"Chịu khổ thế cho chúng sanh để cúng dường": Người thực hành đạo Bồ-tát phải phát nguyện chịu khổ thay cho chúng sinh, thường ở trước Phật phát nguyện "xin cho tất cả chúng sanh đều thoát khỏi những tai kiếp như binh đao, nước, lửa, ôn dịch. Có những nỗi khổ mà đáng lẽ chúng sinh phải chịu, xin hãy để cho con chịu thay, còn những nỗi khổ mà cá nhân con phải chịu, xin đừng để liên lụy đến những chúng sanh khác". Đó chính là phát tâm Bồ-tát.

"Siêng năng tu tập căn lành để cúng dường": Bồ-tát không những tự mình siêng tu hạnh lành mà còn khuyến hóa hết thảy chúng sinh siêng tu hạnh lành. Đây cũng là một cách cúng dường.

"Không bỏ hạnh Bồ-tát để cúng dường": thế nào là hạnh Bồ-tát? Hạnh nguyện mà Bồ-tát lập chính là *lục độ vạn hạnh*. Thường hành lục độ vạn hạnh, hành đạo Bồ-tát, đó gọi là cúng dường bằng cách không bỏ hạnh Bồ-tát.

"Chẳng rời tâm Bồ-đề để cúng dường": Thường luôn phát tâm Bồ-đề, không lúc nào lìa tâm Bồ-đề để cúng dường chúng sinh, thường những việc gì mang đến lợi ích cho chúng sinh đều nên làm. Không chỉ tự mình không lìa tâm Bồ-đề mà còn khuyến hóa chúng sinh, khiến cho hết thảy chúng sinh đều có thể phát tâm giác ngộ chân chính. Bồ-đề chính là đạo giác ngộ.

J2. Chính thức so sánh

Thiện nam tử! Như vô lượng công đức của sự cúng dường trước kia sánh với một niệm công đức của Pháp cúng dường, thời không bằng một phần trăm, không bằng một phần ngàn, không bằng một phần trăm ngàn cu-chi, na-do-tha, một phần ca-la, một phần toán, một phần số, một phần dụ, cũng chẳng bằng một phần ưu-ba-ni-sa-đà.

Thiện nam tử! Như tiền cúng dường vô lượng công đức, bỉ Pháp cúng dường nhất niệm công đức, bách phân bất cập nhất, thiên phân bất cập nhất, bách thiên phân bất cập nhất, bách thiên cu-chi, na-do-tha phân, ca-la phân, toán phân, số phân, dụ phân, ưu-ba-ni-sa-đà phân, diệc bất cập nhất.

"Thiện nam tử": Bồ-tát Phổ Hiền lại gọi Thiện Tài bằng "Thiện nam tử".

"Như vô lượng công đức của sự cúng dường trước": giống như phần trước nói về những sự cúng dường, công đức của các sự cúng dường ấy nhiều vô lượng vô biên, nhưng nếu đem **"sánh với một niệm công đức của Pháp cúng dường, thời không bằng một phần trăm, không bằng một phần ngàn"**: Nếu đem công đức chỉ trong một niệm của các cách cúng dường trước so với Pháp cúng dường cũng không bằng một phần trăm của Pháp cúng dường, cho đến không bằng một phần nghìn, và cho đến không bằng **"một phần trăm ngàn cu chi, na do tha"**: "Cu-chi" là tiếng Phạn *(koti)*, Trung Hoa gọi là trăm nghìn vạn ức. "Na-do-tha" *(nayuta)* cũng là một con số rất lớn. **"Một phần ca-la"**: Ca-la *(kala)* nghĩa là con số chẳng thể nghĩ bàn, một phần ca-la nghĩa là cho đến một phần của con số chẳng thể nghĩ bàn. **"Một phần toán, một phần số"**: Quý vị dùng toán để tính, dùng số để phân chia. **"Một phần dụ"**: dụ là tỷ dụ, dùng thí dụ để biểu đạt phần so sánh, cho đến **"một phần ưu-ba-ni-sa-đà"**: ưu-ba-ni-sa-đà (upanishad) nghĩa là vi trần, còn gọi là trần tính nghĩa là tính của vi trần; số lượng của vi trần nhiều như thế, **"cũng chẳng bằng"**: cũng chẳng so sánh được với một phần của sự cúng dường Pháp.

-

I2. Nêu lên để giải thích

Vì sao? Vì các đức Như Lai tôn trọng chánh Pháp. Vì theo đúng như lời Phật dạy mà tu hành thì sanh ra các đức Phật. Nếu các Bồ-tát thật hành Pháp cúng dường, thì trọn nên sự cúng dường Phật. Tu hành như vậy mới là chân cúng dường.

Hà dĩ cố? Dĩ chư Như Lai tôn trọng Pháp cố, dĩ như thuyết hành xuất sanh chư Phật cố; nhược chư Bồ-tát hành Pháp cúng dường, tắc đắc thành tựu cúng dường Như Lai, như thị tu hành thị chân cúng dường cố.

"Vì sao": Nguyên nhân vì sao công đức của cúng dường Pháp lại lớn như thế?

"Vì các đức Như Lai tôn trọng chánh Pháp": Là vì hết thảy chư Phật Như Lai đều tôn trọng Phật pháp. Không chỉ hết thảy phàm phu chúng ta mới tôn trọng Phật pháp mà ngay cả các đức Phật Như Lai cũng đều tôn trọng Phật pháp, vì nếu không có Phật pháp thì không ai có thể thành Phật. Quý vị muốn thành Phật tất cần phải học Phật pháp. Nên nói *"Pháp nhờ Tăng truyền"* (Pháp lại Tăng

truyền), người xuất gia chính là người nắm giữ Phật pháp, vì thế quý vị cần phải học Phật pháp với người xuất gia. Đem pháp để cúng dường chư Phật và chúng sinh, công đức ấy chẳng thể nghĩ bàn và không có cách nào có thể nói ra được có bao nhiêu công đức.

"Vì theo đúng như lời Phật dạy mà tu hành thì sanh ra các đức Phật": Vì quý vị nương theo pháp Phật nói mà tu hành là nhân duyên để thành tựu Phật quả.

"Nếu các Bồ-tát thật hành Pháp cúng dường, thì trọn nên sự cúng dường Phật": Giả như có vị Bồ-tát thực hành Pháp cúng dường, thì một mặt vị Bồ-tát ấy cúng dường Như Lai, một mặt vị ấy cũng thành tựu được quả vị Như Lai. **"Tu hành như vậy mới là chân cúng dường"**: Tu hành theo cách thức như thế mới chính là cúng dường chân thật.

G3. Tổng kết vô tận

Nên Pháp cúng dường là sự cúng dường rộng lớn hơn tất cả. Cõi hư không cùng tận cõi chúng sanh cùng tận, nghiệp chúng sanh cùng tận, phiền não chúng sanh cùng tận, sự cúng dường của tôi mới cùng tận, nhưng cõi hư không cho đến phiền não chẳng cùng tận nên sự cúng dường của tôi cũng không cùng tận, niệm niệm nối luôn không hở, thân, khẩu, ý nghiệp không hề nhàm mỏi.

Thử quảng đại tối thắng cúng dường, hư không giới tận, chúng sinh giới tận, chúng sinh nghiệp tận, chúng sinh phiền não tận, ngã cúng nãi tận; nhi hư không giới nãi chí phiền não bất tận cố, ngã thử cúng dường diệc vô hữu tận. Niệm niệm tương tục vô hữu gián đoạn, thân ngữ ý nghiệp, vô hữu bì yếm.

"Nên Pháp cúng dường là sự cúng dường rộng lớn hơn tất cả": Loại pháp cúng dường này rất rộng lớn, rất thù thắng. **"Cõi hư không cùng tận, cõi chúng sanh cùng tận, nghiệp chúng sanh cùng tận, phiền não chúng sanh cùng tận, sự cúng dường của tôi mới cùng tận"**: Cho đến hư không cũng chẳng còn, chúng sinh cũng chẳng còn, nghiệp của chúng sinh và phiền não của chúng sinh đều không còn thì sự cúng dường này của tôi mới diệt tận **"Nhưng cõi hư không cho đến phiền não chẳng cùng tận nên sự cúng dường của tôi cũng không cùng tận"**: Nhưng cõi hư không và cõi chúng sinh, nghiệp của chúng sinh, phiền não của chúng sinh mãi không cùng tận, vì thế nguyện tu hạnh cúng dường rộng lớn của tôi cũng không có lúc tận cùng.

"Niệm niệm nối luôn không hở": Sức nguyện cúng dường này của tôi niệm niệm nối tiếp nhau mãi không hề gián đoạn, **"Thân, khẩu, ý nghiệp không hề nhàm mỏi"**: cho đến thân cúng dường cũng không nhàm mỏi, ý cúng dường cũng không nhàm mỏi, miệng cúng dường cũng không nhàm mỏi. Nói đến tam nghiệp thân khẩu ý, có câu rằng:

Nét mặt tươi vui để cúng dường
Lời nói không sân tỏa diệu hương
Tâm niệm không sân châu ngọc quý
Không tham không si chân cúng dường

Diện thượng vô sân cúng dường cụ
Khẩu lý vô sân thổ diệu hương

Ý lý vô sân thị trân bảo
Vô si vô tham cúng dường hương.

Trên mặt của quý vị không biểu hiện sự sân giận, đó là cúng dường thân nghiệp một cách trọn vẹn; miệng quý vị không nói lời ác thì là giống như tỏa ra làn hương thơm vi diệu, đây là cúng dường khẩu nghiệp; ý niệm của quý vị không sân hận chính là trân bảo cúng dường, đó là cúng dường ý nghiệp. Tâm niệm của quý vị lại có thể không có si và tham thì đó là cúng dường chân chính.

Ghi chú:

[1] Bốn thiền (tứ thiền 四禪; S: catvāri dhyānāni): Bốn bậc thiền gồm: sơ thiền, đệ nhị thiền, đệ tam thiền, đệ tứ thiền.

[2] Tám định (bát định 八定): Tám bậc định gồm bốn thiền cộng với bốn không định: không vô biên xứ định, thức vô biên xứ định, vô sở hữu xứ định, phi tưởng phi phi tưởng xứ định.

F4. SÁM HỐI NGHIỆP CHƯỚNG (gồm 3 phần)

G1. Nêu Danh

G2. Giải Thích Tướng Trạng

G3. Tổng Kết Vô Tận

G1. NÊU DANH

Lại này Thiện nam tử! Nói "Sám hối nghiệp chướng" là như vầy:

Phục thứ, Thiện nam tử! ngôn sám hối nghiệp chướng giả:

"Lại nữa": Sau khi giảng xong tu hạnh cúng dường rộng lớn thì phải đến sám hối nghiệp chướng, nếu quý vị tu hạnh cúng dường mà không sám hối nghiệp chướng thì chẳng thể có điều đó. **"Thiện nam tử"**: Vì thế mà Bồ-tát Phổ Hiền lại gọi, này thiện nam tử! **"Nói sám hối nghiệp chướng là"**: **Sám** là ăn năn lỗi trước; trước đây đã lỡ tạo bao nhiêu nghiệp chướng thì phải ăn năn sửa đổi. **Hối** là chừa bỏ lỗi sau; sau này không còn tái phạm nữa. Trong Phật giáo có pháp tu lạy sám hối, nghĩa là đối trước Phật tinh tấn lễ lạy Phật để sám hối tội lỗi. Khi chúng ta lễ lạy sám phải vận hết tâm thành khẩn thiết, như thế mới có kết quả, chẳng thể thiếu thành tâm, làm qua loa mà có kết quả.

Quý vị xem Đại sư Trí Giả! Lúc *Kinh Lăng Nghiêm* còn chưa truyền đến Trung Hoa , Ngài hướng về phương Tây lễ bái tên của *Kinh Lăng Nghiêm*, lễ bái mười tám năm, mười tám năm trôi qua, Ngài cũng chẳng thấy được *Kinh Lăng Nghiêm*. Nếu là chúng ta thì chẳng thể nói mười tám năm mà là mười tám tháng, nếu cảm thấy không có kết quả liền thôi, nói rằng tôi lễ bái mà không có kết quả gì cả nên không lễ bái nữa.

Đại sư Trí Giả một đời lễ bái *Kinh Pháp Hoa*, Ngài lại trọn ngày lễ bái sám hối, sao chép kinh tạng nhiều lần, tạc tượng Phật bằng gỗ và họa tượng tranh tổng cộng hơn tám vạn tôn tượng. Lúc Ngài sắp sinh, mẹ Ngài thấy hào quang ngũ sắc chiếu sáng rực nhà, sau đó thì sinh Ngài. Lúc Đại sư Trí Giả mười mấy tuổi nghe một vị Pháp sư tụng *Phẩm Phổ Môn*, Ngài vừa nghe qua liền nhớ hết, giống như kiếp trước Ngài đã từng tụng kinh này. Đến lúc Ngài gặp Đại sư Nam Nhạc, Đại sư vừa thấy Ngài, nói:

-Nay con đã đến, ngày trước ở hội Linh Sơn chúng ta cùng nghe *Kinh Pháp Hoa*, con còn nhớ không? Nay nhân duyên đã thành thục chúng ta lại đến nơi này.

Đại sư Nam Nhạc liền dạy **Phẩm An Lạc Hạnh** trong *Kinh Pháp Hoa* cho Ngài, lại dạy Ngài đọc tụng *Kinh Pháp Hoa*, lễ bái *Kinh Pháp Hoa*, Khi Ngài lễ bái đến *Phẩm Dược Vương Bồ Tát Bổn Sự*, thì chợt khai ngộ. Ngài liền đem cảnh giới chứng đắc trình lên Đại sư Nam Nhạc, nói:

-Con lễ bái kinh, lúc lễ bái đến đoạn *"Đó là chân tinh tấn, đó gọi là chân cúng dường Pháp"* (Thị chân tinh tấn, thị danh chân pháp cúng dường), không biết vì sao lại thấy Phật Thích-ca-mâu-ni ở tại hội Linh Sơn đang nói *Kinh Pháp Hoa*? Như vậy là thế nào?

Đại sư Nam Nhạc liền ấn chứng cho Ngài, nói:

-Nếu không phải là con thì không thể thấy được cảnh giới vi diệu như thế, nếu không phải là ta thì cũng chẳng thể biết được cảnh giới ấy của con; vì thế cảnh giới ấy của con hẳn phải là con mới có thể chứng đắc và cũng nhất định phải là ta mới có thể nhận biết được mà ấn chứng cho con. Nay con đã đạt được cảnh giới tiền phương tiện của Pháp Hoa Tam Muội –*Triền Đà La Ni*.

Sau khi Đại sư ấn chứng, Ngài thật sự đạt được trí tuệ biện tài vô ngại.

Đại sư Nam Nhạc nói với Ngài:

- Trí tuệ của con bây giờ dù cả ngàn vạn pháp sư bình thường khác, cũng không có cách nào có thể biện luận thắng con.

Từ đó, trí tuệ của Đại sư Trí Giả khai mở và khai mở trọn vẹn. Sau khi trí tuệ khai mở, Ngài càng dụng công, càng tinh tấn tu hành theo *Kinh Pháp Hoa*. Ngay đến khi sắp viên tịch, Ngài còn bảo vị thị giả tụng *Kinh Pháp Hoa* cho Ngài nghe, sau khi nghe xong, Ngài lại bảo thị giả đem nước thơm cho Ngài súc miệng rồi đọc lên bài kệ và sau đó ngồi an nhiên viên tịch.

Trước khi Đại sư Trí Giả đến núi Thiên Thai, vùng này vốn có rất nhiều người đánh cá, về sau Ngài mua lại nơi này, từ đó nơi đây cách hơn ba trăm dặm đường đều không có người đánh cá, cũng không có người sát sinh, người dân trong vùng đều quy y với Ngài. Cảnh giới của Đại sư Trí Giả thật không thể nghĩ bàn, sinh tiền Ngài tu pháp môn lễ bái sám hối.

G2. GIẢI THÍCH TƯỚNG TRẠNG (gồm hai phần)

H1. Cảnh Sở Sám

H2. Tướng Năng Sám

H1. CẢNH SỞ SÁM

Bồ-tát tự nghĩ rằng: Tôi từ vô thủy kiếp về quá khứ, do lòng tham lam, giận dữ, ngu si khiến thân, khẩu, ý tạo vô lượng vô biên nghiệp ác. Nếu các nghiệp ác này mà có hình tướng, thì khắp cõi hư không cũng chẳng thể đựng chứa hết được.

Bồ-tát tự niệm: ngã ư quá khứ vô thủy kiếp trung, do tham sân si phát thân khẩu ý, tác chư ác nghiệp vô lượng vô biên. Nhược thử ác nghiệp hữu thể tướng giả, tận hư không giới bất khả dung thọ.

"Bồ-tát tự nghĩ rằng": Đa số phát tâm sám hối đều là Bồ-tát, một số người không có thiện căn thì căn bản họ chẳng biết sám hối. Giống như quý vị vậy, cũng quy y Tam Bảo, cũng tin Phật nhưng có người chịu lễ Phật, còn có người thì không chịu lễ Phật, cũng chẳng chịu tụng kinh, thậm chí họ từng là người phát động kêu gọi mọi người tụng kinh, mọi người đều tụng được một thời gian nhưng sau đó ngay đến bản thân họ cũng chẳng màng đến kinh kệ, đây là do nghiệp chướng của họ vẫn chưa trừ dứt. Bồ-tát tự nghĩ **"Tôi từ vô thủy kiếp về quá khứ"**: Ta ở trong quá khứ vô số kiếp về trước. **"Do lòng tham lam, giận dữ, ngu si khiến thân, khẩu, ý"**: vì tâm tham, tâm sân, tâm si phát khởi ba nghiệp thân, miệng, ý nghiệp. **"Tạo vô lượng vô biên nghiệp ác"**: tạo ra vô số ác nghiệp không có ngằn mé.

"Nếu các nghiệp ác này mà có hình tướng": Giả sử những nghiệp ác tôi tạo có hình dáng tướng mạo. **"Thì khắp cõi hư không cũng chẳng thể đựng chứa hết được"**: toàn cả hư không chứa cũng không hết! những nghiệp ấy nếu có hình tướng sẽ làm cho cõi hư không tràn đầy và bung nứt. Quý vị xem nghiệp chướng như thế có nhiều không!

H2. TƯỚNG NĂNG SÁM

Nay tôi đem trọn cả ba nghiệp thanh tịnh đối trước các đức Phật và chúng Bồ-tát khắp cực vi trần cõi nước trong pháp giới, thành tâm sám hối, về sau không tái phạm nữa, hằng an trụ trong hết thảy công đức của sự trì giới thanh tịnh.

Ngã kim tất dĩ thanh tịnh tam nghiệp, biến ư pháp giới cực vi trần sát nhất thiết chư Phật Bồ-tát chúng tiền, thành tâm sám hối, hậu bất phục tạo, hằng trụ tịnh giới nhất thiết công đức.

"Nay tôi đem trọn cả ba nghiệp thanh tịnh": Nay tôi hoàn toàn dùng ba nghiệp thanh tịnh, miệng không tạo nghiệp, thân không tạo nghiệp, ý không tạo nghiệp, ba nghiệp thân khẩu ý đều thanh tịnh "**đối trước các đức Phật và chúng Bồ-tát khắp cực vi trần cõi nước trong Pháp giới**": có mặt khắp các cõi nước chư Phật số nhiều như số cực vi trần trong pháp giới, đối trước chư Phật và chư đại Bồ-tát, **"thành tâm sám hối, về sau không tái phạm nữa"**: chí thành sám hối, nguyện từ nay về sau không tạo các tội nghiệp như thế nữa, **"hằng an trụ trong hết thảy công đức của sự trì giới thanh tịnh"**: luôn trụ trong tất cả công đức trì giới thanh tịnh, nghiêm trì giới tướng. Tôi cũng sẽ trụ trong tất cả công đức của giới tướng và hết thảy công đức của sự tu hành, tôi luôn trụ trong những nơi ấy.

G3. TỔNG KẾT VÔ TẬN

Như vậy hư không giới cùng tận, chúng sanh giới cùng tận, chúng sanh nghiệp cùng

tận, chúng sanh phiền não cùng tận, thì sự sám hối của tôi mới cùng tận, nhưng hư không giới cho đến chúng sanh phiền não chẳng cùng tận, nên sự sám hối của tôi đây cũng không cùng tận, niệm niệm nối luôn không hở thân, khẩu, ý ba nghiệp không hề nhàm mỏi.

Như thị hư không giới tận, chúng sinh giới tận, chúng sinh nghiệp tận, chúng sinh phiền não tận, ngã sám nãi tận; nhi hư không giới nãi chí chúng sanh phiền não bất khả tận cố, ngã thử sám hối vô hữu cùng tận. Niệm niệm tương tục, vô hữu gián đoạn. Thân ngữ ý nghiệp vô hữu bì yếm.

"Như vậy hư không giới cùng tận, chúng sanh giới cùng tận, chúng sanh nghiệp cùng tận, chúng sanh phiền não cùng tận, thì sự sám hối của tôi mới cùng tận": cứ như thế cho đến hư không chẳng còn, chúng sinh chẳng còn, nghiệp của chúng sinh, phiền não của chúng sinh cũng chẳng còn thì sức nguyện sám hối này của tôi mới không còn. **"Nhưng hư không giới cho đến chúng sanh phiền não chẳng cùng tận, nên sự sám hối của tôi đây cũng không cùng tận"**: nhưng hư không chẳng thể mất, chúng sinh cũng chẳng thể mất, nghiệp chướng của chúng sinh và phiền não của chúng sinh cũng chẳng thể mất, vì thế sức nguyện sám hối này của tôi cũng chẳng thể mất.

"Niệm niệm nối luôn không hở": giữa các niệm nối tiếp nhau không dứt, **"thân, khẩu, ý ba nghiệp không hề nhàm mỏi"**: ba nghiệp thân, miệng, ý của tôi cũng không bao giờ phiền chán. Lễ lạy, sám hối càng nhiều càng tốt, không thể lạy một lạy rồi nói: "Tôi cực khổ quá!, mệt mỏi quá!". Phải càng lễ lạy càng có tinh thần, càng sám hối càng sanh hoan hỷ, phải như thế mới là chân thật sám hối.

F5. TÙY HỶ CÔNG ĐỨC: (gồm ba phần)

G1. Nêu Danh

G2. Giải Thích Tướng Trạng

G3. Tổng Kết Vô Tận

G1. NÊU DANH

Lại này Thiện nam tử! Nói "Tùy hỷ công đức" là như vầy:

Phục thứ, Thiện nam tử! ngôn tùy hỷ công đức giả:

Hạnh nguyện thứ năm là "**tùy hỷ công đức**", được phân thành bốn:

1. Có tùy mà không hỷ.
2. Có hỷ mà không tùy.
3. Vừa tùy vừa hỷ.
4. Không tùy không hỷ.

Tùy mà không hỷ nghĩa là làm việc công đức một cách miễn cưỡng; **hỷ mà không tùy** là tuy hoan hỷ biết rằng làm việc công đức là tốt nhưng bản thân họ không làm, họ kêu người khác làm, nói: "anh nên làm nhiều hơn, làm như thế là rất tốt". **Vừa tùy vừa hỷ** nghĩa là cùng làm việc công đức và lại hoan hỷ. **Không tùy không hỷ** là chẳng hề có chút tùy thuận lại cũng chẳng hề có chút hoan hỷ để làm việc công đức ấy. **"Công"** chính là công lao nhờ làm một việc nào đó, **"đức"** chính là những hạnh đức có được khi làm những công việc đó. Công thì hiển bày, đức thì ẩn tàng; công thì mọi người có thể thấy, đức có lúc mọi người không thể thấy.

"Lại này, Thiện nam tử": Bồ-tát Phổ Hiền lại nói với Thiện Tài Đồng Tử, tôi sẽ nói với ông thêm một lần nữa, này Thiện nam tử! **"Nói tùy hỷ công đức là như vầy":** Thế nào gọi là tùy hỷ công đức? Nay tôi sẽ nói cho ông nghe.

G2. GIẢI THÍCH TƯỚNG TRẠNG: (gồm bốn phần)

H1. Tùy Hỷ Với Công Đức Của Chư Phật

H2. Tùy Hỷ Với Điều Thiện Của Sáu Đường

H3. Tùy Hỷ Với Điều Thiện Của Nhị Thừa

H4. Tùy Hỷ Với Công Đức Của Bồ-Tát

H1. TÙY HỶ VỚI CÔNG ĐỨC CỦA CHƯ PHẬT

Bao nhiêu đức Phật như số vi trần trong tất cả cõi Phật khắp hư không pháp giới mười phương ba đời, từ khi mới phát tâm vì muốn chứng Nhứt thiết trí mà siêng tu tích phước chẳng tiếc thân mạng, trải qua số kiếp như số cực vi trần trong bất khả thuyết bất khả thuyết cõi Phật. Mỗi kiếp đều thí xả đầu, mắt, tay, chân v.v... nhiều như số cực vi trong bất khả thuyết bất khả thuyết cõi Phật, làm tất cả những hạnh khổ khó làm như vậy, đầy đủ các món ba la mật, chứng nhập các trí địa của Bồ tát, trọn nên quả Vô Thượng Bồ Đề của chư Phật, cho đến nhập Niết-bàn phân chia xá-lợi. Bao nhiêu căn lành ấy tôi đều tùy hỷ cả.

Sở hữu tận pháp giới, hư không giới, thập phương tam thế nhất thiết Phật sát cực vi trần số chư Phật Như Lai. Tùng sơ phát tâm, vi Nhất thiết trí, cần tu phúc tụ, bất tích thân mệnh, kinh bất khả thuyết bất khả thuyết Phật sát cực vi trần số kiếp. Nhất nhất kiếp trung, xả bất khả thuyết bất khả thuyết Phật sát cực vi trần số đầu mục thủ túc. Như thị nhất thiết nan hành khổ hạnh, viên mãn chủng chủng ba-la-mật môn, chứng nhập chủng chủng Bồ-tát trí địa, thành tựu chư Phật vô thượng Bồ-đề, cập Bát Niết-bàn, phân bố xá-lợi, sở hữu thiện căn, ngã giai tùy hỷ.

"Bao nhiêu đức Phật như số vi trần trong tất cả cõi Phật khắp hư không pháp giới mười phương ba đời": Chư Phật Như Lai nhiều như số cực vi trần (hạt bụi li ti) trong hết thảy cõi Phật của mười phương ba đời, tận cùng hư không và khắp cả pháp giới. **"Từ khi mới phát tâm vì muốn chứng Nhứt thiết trí":** từ lúc mới phát khởi tâm Bồ-đề vì muốn thành tựu nhất thiết trí, **"mà siêng tu tích phúc":** nên đã tu phúc tu tuệ một cách tinh tấn không hề biếng lười, gom nhặt mọi phúc lành làm một. Làm thế nào để gom nhặt được phúc lành? Phúc lành ấy đến từ sự tu tập ở nhiều phương diện chứ chẳng phải một phương diện, vì thế nói:

Chớ cho rằng việc thiện nhỏ mà không làm;
Chớ cho rằng việc ác nhỏ mà cứ tạo.

Đừng cho việc ấy có công đức nhỏ nên không làm, vì công đức lớn là do những công đức nhỏ gom góp lại mà thành, cũng đừng cho rằng việc ác ấy rất nhỏ, như nói dối một việc gì đó rất nhỏ, điều ấy xem chừng như chẳng đến đâu, nhưng quý vị nói dối nhiều lần nhỏ như thế thì thành ra nói dối lớn rồi; cũng chẳng thể nói giết chết một con kiến là việc rất nhỏ, chẳng có hề gì, quý vị giết người cũng bắt đầu từ chỗ giết kiến. Vì thế những việc nhỏ nhặt cần phải chú ý, chẳng nên tùy tiện làm. Việc quý vị nên làm là dù công đức nhỏ đến đâu cũng đều nên làm, từng chút từng chút gom góp lại sẽ thành nhiều, phúc lành bấy giờ sẽ được gom lại một. Quý vị xem, hạt bụi tuy nhỏ nhưng gom nhiều hạt lại thì có thể thành một ngọn núi, núi lớn chính là do nhiều hạt bụi nhỏ tạo thành. Chúng ta tạo phúc cũng giống như thế.

"Chẳng tiếc thân mạng": Chư Phật Như Lai vì giáo hóa chúng sinh nên hy sinh thân mạng hết sức quý báu của mình mà chẳng tiếc, giống như Đức Phật Thích-ca-mâu-ni từng cắt thịt làm thức ăn cho chim ưng: Lúc Đức Phật Thích-ca-mâu-ni đang còn tu tập ở quả vị Nhân địa, một hôm có con chim ưng đang đuổi bắt một con chim nhỏ để ăn thịt, con chim nhỏ trong lúc nguy cấp đã chui xuống núp dưới tay áo ngài, Ngài liền che chở cho nó. Lúc ấy con chim ưng nói:

-Ông có thể bảo vệ cho con chim ấy, nhưng nó sống thì tôi phải chết, vì tôi không có thịt để ăn thì phải đói mà chết. Ông cứu nó mà chẳng thể cứu tôi, như thế không bình đẳng, không từ bi. Nếu ông chẳng thể cứu tôi thì ông cũng chẳng nên cứu nó.

Ngài nói:

-Ngươi muốn ăn thịt thì ta cho ngươi thịt để ăn là được rồi.

Chim ưng đáp:

-Được, vậy ông hãy tìm thịt cho tôi ăn đi!

Đức Phật Thích-ca-mâu-ni liền cắt một miếng thịt trên thân của Ngài đưa cho chim ưng ăn. Chim ưng ăn một miếng còn chưa no, đòi ăn một miếng nữa. Ngài lại cắt một miếng nữa đưa cho nó và cứ thế chim ưng ăn hết thịt trên thân Ngài mà vẫn chưa no. Bấy giờ, Ngài nói:

-Ngươi đã ăn hết sạch thịt trên thân ta mà vẫn chưa no, vậy ngươi xem trên thân ta còn có gì ăn được thì hãy ăn.

Chim ưng nói:

Ôi! Ngài quả đúng là một bậc tu hành, sau này nhất định sẽ thành quả Phật.

Nói lời ấy xong nó liền bay lên không. Thì ra, chim ưng vốn là chư thiên đến thử sức tu của Phật Thích-ca-mâu-ni.

Đức Phật Thích-ca-mâu-ni vì giáo hóa chúng sinh mà xả bỏ không biết bao nhiêu thân mạng, vì thế nói khắp cả đại địa, đến từng hạt bụi nhỏ, không có nơi nào mà chẳng phải là nơi trong quá khứ hết thảy chư Phật trong mười phương ba đời xả bỏ thân mạng.

Phật Thích-ca-mâu-ni trong đời quá khứ đã từng phát nguyện muốn bố thí một nghìn thân thể của mình để cứu độ chúng sinh, nay chúng ta có thể chăng, cũng phát được đại nguyện như thế, xả bỏ thân mệnh của chúng ta để giáo hóa chúng sinh? Nếu quý vị có thể phát nguyện thì đó là *vừa tùy mà vừa hỷ*. Nếu quý vị cho rằng đức Phật tu hạnh như thế trong đời quá khứ là rất đáng khâm phục nhưng bản thân lại không thể xả bỏ thân mệnh như thế thì đó gọi là *hỷ mà không tùy*. Nếu quý vị cũng có thể phát nguyện thế này: "Phật có thể xả bỏ thân mạng, con tuy là chúng sinh nhưng cũng có thể phát nguyện xả bỏ thân thể để cứu độ chúng sinh". Nhưng sự xả bỏ thân thể của quý vị phải đích thực là giải quyết được vấn đề sinh tử của chúng sinh, hoặc là có thể cứu độ được pháp thân huệ mạng của họ, xả bỏ thân để có một chút giá trị mới được, đó gọi là *vừa tùy và vừa hỷ*. Quý vị không nên xả bỏ thân mệnh một cách ngu si thiếu hiểu biết. Hoặc như khi quý vị vừa nghe xả thân mệnh để độ sinh, liền nói: "Xả thân mệnh là việc rất khó, việc ấy tôi làm không được. Tôi cũng chẳng tán thành pháp môn tu này, có thuyết cho rằng không xem trọng bản thân nên xả bỏ thân thể. Tôi không làm việc khổ hạnh như thế". Đó gọi là *không tùy cũng không hỷ*. Hoặc là quý vị làm miễn cưỡng vì vốn không muốn làm việc như thế nhưng do vì hoàn cảnh hay vì danh dự, lợi ích mà hy sinh thân mạng. Đó gọi là *tùy mà không hỷ*. Giống như ở nước nào đó có một vài vị xuất gia nhân vì chính trị mà đốt thân, thân của họ đã xả bỏ nhưng mà không có hoan hỷ, thậm chí còn ôm trong lòng sự sân hận đấu tranh. Như thế gọi là tùy mà không hỷ.

"Trải qua số kiếp như số cực vi trần trong bất khả thuyết bất khả thuyết cõi Phật": Đời đời kiếp kiếp đều bố thí như thế, trải qua số kiếp nhiều như hạt bụi trong các cõi nước của chư Phật chẳng thể nói bàn hay tính đếm cho hết được, **"Mỗi kiếp đều thí xả đầu, mắt, tay, chân v.v... nhiều như số cực vi trong bất khả thuyết bất khả thuyết cõi Phật":** ở trong mỗi một kiếp đều bố thí đầu, mắt, tay, chân, số ấy nhiều như số hạt bụi nhỏ li ti trong các cõi Phật, nói cũng chẳng cùng, giảng cũng chẳng thể hết.

"Làm tất cả những hạnh khổ khó làm như vậy": Theo lối tu tập tất cả các hạnh khổ mà

người thường không thể làm được như thế này, giống như hiện nay có người phát tâm, sau khi chết muốn đem con mắt cho người khác, có người muốn cho tim, cho gan, cho lá lách, cho phổi, cho thận…, nhìn bề ngoài thì họ đều là con người nhưng thực tế họ được xem như những vị Phật, Bồ-tát phát nguyện làm việc ấy. Hiện tại trên thế gian này có thể thấy những vị Phật khác tu tập hạnh bố thí như thế, tinh thần vĩ đại như thế, đem thân mệnh bố cho hết thảy chúng sinh, cứu giúp tất cả chúng sinh. Đó đều là hạnh khổ khó làm.

"Đầy đủ các món ba-la-mật": Các pháp môn đưa đến bờ giải thoát như bố thí ba-la-mật, trì giới ba-la-mật, nhẫn nhục ba-la-mật, tinh tấn ba-la-mật, thiền định ba-la-mật, bát-nhã ba-la-mật, cho đến muôn hạnh khác đều tu hành viên mãn. **"Chứng nhập các trí địa của Bồ-tát"**: đạt được các món trí tuệ của Bồ-tát, khi đã chứng nhập được như thế thì "**trọn nên quả Vô thượng Bồ-đề của chư Phật**": chứng được quả vị Vô thượng Bồ-đề của chư Phật, đạt được quả Phật, **"cho đến nhập Niết-bàn phân chia xá-lợi"**: lại chứng được quả vị an vui của đại Bát-niết-bàn, đại diệt độ đồng thời phân bố xá-lợi còn lưu lại sau khi hỏa táng. Xá-lợi (sharira) còn gọi là "kiên cố tử" (viên bền chắc) là sự kết tinh của việc tu trì giới, định, tuệ và các pháp môn.

"Bao nhiêu căn lành ấy tôi đều tùy hỷ cả": đối với tất cả những hạnh lành của hết thảy chư Phật đã tu hành, cùng những công đức của bố thí đầu, mắt, tủy, não ấy tôi đều xin tùy hỷ tu tập theo.

H2. TÙY HỶ VỚI ĐIỀU THIỆN CỦA SÁU ĐƯỜNG

Đến các loài lục thú, tứ sanh trong tất cả mười phương thế giới kia có bao nhiêu công đức, dầu nhỏ như mảy trần, tôi đều tùy hỷ.

Cập bỉ thập phương nhất thiết thế giới, lục thú, tứ sanh nhất thiết chủng loại sở hữu công đức, nãi chí nhất trần, ngã giai tùy hỷ.

"Đến các loài lục thú, tứ sanh trong tất cả mười phương thế giới kia": Cho đến tất cả những chủng loại ở trong mười phương thế giới như sáu đường: trời, người, a-tu-la, địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh và bốn loài: loài sinh từ bào thai, loài sinh từ trứng, loài sinh từ ẩm thấp, loài do hóa sinh. **"bao nhiêu công đức, dầu nhỏ như mảy trần, tôi đều tùy hỷ"**: không kể là chúng sinh trong sáu đường hay trong bốn loài, tất cả những công đức mà hết thảy chúng sinh tạo được dầu nhỏ như hạt bụi tôi cũng đều hoan hỷ tu tập theo.

H3. TÙY HỶ VỚI ĐIỀU THIỆN CỦA NHỊ THỪA

Mười phương ba đời tất cả các vị Thanh văn, Bích Chi Phật, hữu học và vô học có bao nhiêu công đức tôi đều tùy hỷ.

Thập phương tam thế nhất thiết Thanh văn cập Bích-chi Phật, hữu học, vô học sở hữu công đức, ngã giai hồi hướng.

"Mười phương ba đời tất cả các vị Thanh văn, Bích Chi Phật": hết thảy chúng sinh thuộc hàng Thanh văn và Bích-chi Phật trong mười phương ba đời, **"bậc hữu học, bậc vô học"**: chứng được Sơ quả, Nhị quả, Tam quả gọi là bậc hữu học; chứng được Tứ quả A-la-hán gọi là bậc vô học. **"Có bao nhiêu công đức tôi đều tùy hỷ"**: hết thảy công đức của những vị ấy có được tôi đều

hoan hỷ tu tập theo.

H4. TÙY HỶ VỚI CÔNG ĐỨC CỦA BỒ-TÁT

Tất cả chư Bồ tát tu hạnh cần khổ khó làm, chí cầu quả Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề công đức rộng lớn, tôi đều tùy hỷ.

Nhất thiết Bồ-tát, sở tu vô lượng nan hành khổ hạnh, chí cầu Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề, quảng đại công đức, ngã giai hồi hướng.

"Tất cả chư Bồ tát tu hạnh cần khổ khó làm, chí cầu quả Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề": tất cả các Bồ-tát đều tu vô lượng khổ hạnh khó làm, lập chí cầu chứng đắc quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ-đề. **"Công đức rộng lớn, tôi đều tùy hỷ"**: những công đức rộng lớn mà Bồ-tát đã tu tạo tôi đều vui thuận làm theo.

G3. TỔNG KẾT VÔ TẬN

Như vậy, hư không giới cùng tận, chúng sanh giới cùng tận, chúng sanh nghiệp cùng tận, chúng sanh phiền não cùng tận, sự tùy hỷ của tôi đây không có cùng tận, niệm niệm nối luôn không hở, ba nghiệp thân, khẩu, ý không hề nhàm mỏi.

Như thị hư không giới tận, chúng sinh giới tận, chúng sinh nghiệp tận, chúng sinh phiền não tận, ngã thử tùy hỷ vô hữu cùng tận. Niệm niệm tương tục, vô hữu gián đoạn. Thân ngữ ý nghiệp vô hữu bì yếm.

"Như thế, cõi hư không diệt tận, cõi chúng sinh diệt tận, nghiệp của chúng sinh diệt tận, phiền não của chúng sinh diệt tận nhưng sự tùy hỷ của tôi không có cùng tận": Giống như thế cho đến cõi hư không chẳng còn, cõi chúng sinh, nghiệp của chúng sinh, phiền não của chúng sinh cũng đều không còn, nhưng hạnh nguyện tùy hỷ này của tôi chẳng thể mất.

"Niệm niệm nối tiếp không gián đoạn": trong lòng tôi luôn luôn phát những đại nguyện như thế, mãi mãi không bao giờ chấm dứt, **"ba nghiệp thân miệng ý cũng không chán mỏi"**: thân của tôi cũng phát nguyện như thế, tâm cũng phát nguyện như thế, miệng cũng phát nguyện như thế, ba nghiệp thân, khẩu, ý đều không có lúc nào mỏi mệt, chán phiền, tôi mãi mãi đều phát nguyện ấy mà tâm không sinh một niệm lười biếng, chỉ một lòng tinh tấn, càng khó khăn gian khổ tôi càng phải thực hành.

F6. THỈNH CHUYỂN PHÁP LUÂN: (gồm ba phần)

G1. Nêu Danh

G2. Giải Thích Tướng Trạng

G3. Tổng Kết Vô Tận

G1. NÊU DANH

Lại này Thiện nam tử! Nói "Thỉnh đức Phật thuyết pháp" là thế này:

Phục thứ, Thiện nam tử! ngôn thỉnh chuyển pháp luân giả:

"Lại này, Thiện nam tử": Tôi lại nói sơ lược nghĩa lý của việc thỉnh chuyển pháp luân cho ông nghe. Thi ện nam tử! **"Nói 'Thỉnh chuyển pháp luân"**: Nói việc thỉnh chuyển pháp luân ấy.

G2. GIẢI THÍCH TƯỚNG TRẠNG: (gồm hai phần)

H1. Nêu Lên Đối Tượng Thỉnh

H2. Nói Rõ Về Phép Thỉnh

H1. NÊU LÊN ĐỐI TƯỢNG THỈNH

Trong số cực vi khắp hư không pháp giới mười phương ba đời tất cả cõi Phật. Mỗi cực vi đều có cõi Phật rộng lớn nhiều như số cực vi trong bất khả thuyết bất khả thuyết cõi Phật. Mỗi cõi trong một niệm đều có tất cả chư Phật thành Chánh Đẳng Chánh Giác số đông như số cực vi trong bất khả thuyết bất khả thuyết cõi Phật, tất cả chúng Bồ-tát nhóm họp vây quanh.

Sở hữu tận pháp giới, hư không giới, thập phương tam thế nhất thiết Phật sát cực vi trần trung, nhất nhất các hữu bất khả thuyết bất khả thuyết Phật sát cực vi trần số quảng đại Phật sát; nhất nhất sát trung, niệm niệm hữu bất khả thuyết bất khả thuyết Phật sát cực vi trần số nhất thiết chư Phật thành Đẳng Chánh Giác, nhất thiết Bồ Tát hải hội vi nhiễu.

"Nói thỉnh chuyển pháp luân là trong số cực vi khắp hư không pháp giới mười phương ba đời tất cả cõi Phật": chính là những hạt cực vi trong khắp hư không pháp giới mười phương ba đời tất cả cõi Phật, **"Mỗi cực vi đều có cõi Phật rộng lớn nhiều như số cực vi trong bất khả thuyết bất khả thuyết cõi Phật"**: trong mỗi vi trần đều có cõi Phật rộng lớn, nhiều không thể tính kể như số cực vi trần.

"Mỗi cõi trong một niệm đều có tất cả chư Phật thành Chánh Đẳng Chánh Giác số đông như số cực vi trong bất khả thuyết bất khả thuyết cõi Phật": Ở trong mỗi một cõi Phật, trong mỗi niệm ấy đều có chư Phật chứng được quả vị Chánh Đẳng Chánh Giác số ấy không thể kể hết, nhiều như số cực vi trần của cõi Phật. **"tất cả chúng Bồ tát nhóm họp vây quanh"**: bao nhiêu chúng hội Bồ-tát đều đông như biển lớn đứng vây quanh những vị Phật ấy.

H2. NÓI RÕ VỀ PHÉP THỈNH

Tôi đều đem thân, khẩu, ý ba nghiệp dùng những phương tiện ân cần khuyến thỉnh tất cả Phật nói pháp nhiệm mầu.

Nhi ngã tận dĩ thân khẩu ý nghiệp, chủng chủng phương tiện, ân cần khuyến thỉnh, chuyển diệu pháp luân.

"Tôi đều đem thân, khẩu, ý ba nghiệp dùng những phương tiện": Tôi đều dùng ba nghiệp thân, miệng, ý thanh tịnh của tôi với mọi phương tiện **"ân cần khuyến thỉnh tất cả Phật**

nói pháp nhiệm mầu": Ở nơi ấy tôi tinh tấn, tha thiết khuyến thỉnh chư Phật và đại Bồ-tát, Thanh văn, Duyên giác trong mười phương đến chuyển bánh xe pháp lớn, thù thắng vi diệu nhất.

G3. TỔNG KẾT VÔ TẬN

Như vậy, hư không giới cùng tận, chúng sanh giới cùng tận, chúng sanh nghiệp cùng tận, chúng sanh phiền não cùng tận, tôi luôn khuyên mời tất cả các đức Phật chuyển pháp luân chơn chánh không cùng tận, niệm niệm nối ý luôn không hở, ba nghiệp thân, khẩu, ý không hề nhàm mỏi.

Như thị hư không giới tận, chúng sinh giới tận, chúng sinh nghiệp tận, chúng sinh phiền não tận, ngã thử tùy hỷ vô hữu cùng tận. Niệm niệm tương tục, vô hữu gián đoạn. Thân ngữ ý nghiệp vô hữu bì yếm.

"Như vậy, hư không giới cùng tận, chúng sanh giới cùng tận, chúng sanh nghiệp cùng tận": Như thế cho đến dù hư không có diệt tận, cõi chúng sinh, nghiệp của chúng sinh và phiền não của chúng sinh đều không còn. **"tôi luôn khuyên mời tất cả các đức Phật chuyển pháp luân chơn chánh không cùng tận"**: thế nhưng sức thệ nguyện thường khuyến thỉnh hết thảy chư Phật chuyển pháp luân trong tôi mãi mãi không thể cùng tận. **"Niệm niệm nối tiếp nhau chẳng gián đoạn"**: sức thệ nguyện này của tôi, không ngừng nối tiếp trong từng ý niệm, mãi mãi không hề gián đoạn. **"Ba nghiệp thân, miệng, ý của tôi không hề nhàm mỏi"**: Ba nghiệp thân, miệng, ý của tôi cũng mãi mãi không hề chán mỏi, không bao giờ cho rằng việc làm này quả là phiền toái mà không vui vẻ làm, chẳng có điều như thế.

F6. THỈNH PHẬT TRỤ THẾ: (gồm ba phần)

G1. Nêu Danh

G2. Giải Thích Tướng Trạng

G3. Tổng Kết Vô Tận

G1. NÊU DANH

Lại này Thiện nam tử! Nói "Thỉnh Phật ở lại đời" là như vầy:

Phục thứ, Thiện nam tử! ngôn thỉnh Phật trụ thế giả:

Bồ-tát Phổ Hiền lại gọi Thiện Tài đồng tử: **Thiện nam tử!** Tôi sẽ nói lại cho ông nghe về nghĩa lý của việc **"Thỉnh Phật ở lại đời"**, đó là sức thệ nguyện cầu thỉnh Phật thường trụ ở đời.

G2. GIẢI THÍCH TƯỚNG TRẠNG

Các đức Như Lai như số cực vi trong tất cả cõi Phật khắp hư không pháp giới mười phương ba đời toan muốn thị hiện nhập Niết-bàn, cùng các Bồ-tát, Thanh văn, Duyên giác, Hữu học, Vô học, cho đến tất cả các bậc Thiện tri thức, tôi đều khuyên mời xin đừng nhập Niết-bàn, xin ở lại đời trải qua số kiếp như vi trần trong tất cả cõi Phật, vì muốn cho tất cả chúng sanh được lợi lạc.

Sở hữu tận pháp giới, hư không giới, thập phương tam thế nhất thiết Phật sát cực vi trần số chư Phật Như Lai, tương dục thị hiện Bát Niết Bàn giả; cập chư Bồ-tát, Thanh văn, Duyên giác, Hữu học, Vô học, nãi chí nhất thiết chư Thiện tri thức, ngã tất khuyến thỉnh mạc nhập Niết Bàn, kinh ư nhất thiết Phật sát cực vi trần số kiếp, vị dục lợi lạc nhất thiết chúng sanh.

"Khắp hư không pháp giới": chính là khắp đầy pháp giới, hư không giới, **"hết thảy chư Phật Như Lai như số cực vi trần ở cõi nước Phật trong mười phương ba đời, muốn thị hiện Niết-bàn"**: cũng như duyên giáo hóa của chư Phật nhiều như số bụi nhỏ trong các cõi Phật trong mười phương ba đời đã đến lúc hoàn mãn, sắp nhập Niết-bàn, lúc ấy tôi nhất định sẽ thỉnh cầu các Ngài không nên nhập Niết-bàn mà thường trụ ở đời để giáo hóa chúng sinh. **"cùng các Bồ-tát, Thanh văn, Duyên giác, Hữu học, Vô học, cho đến tất cả các bậc Thiện tri thức, tôi đều khuyến thỉnh xin đừng nhập Niết-bàn"**: Tôi không chỉ khuyến thỉnh chư Phật thường trụ ở đời mà còn khuyến thỉnh hết thảy các Bồ-tát, Thanh văn thừa, Duyên giác thừa, cho đến những bậc Hữu học chứng Sơ quả, Nhị quả, Tam quả và bậc Vô học chứng đệ tứ quả và tất cả các bậc Thiện tri thức, chư Tăng, Ni giảng kinh pháp, tôi cũng đều khuyến thỉnh các Ngài chẳng nên vào Niết-bàn sớm. **"xin ở lại đời trải qua số kiếp như vi trần trong tất cả cõi Phật, vì muốn cho tất cả chúng sanh được lợi lạc"**: trải qua số kiếp nhiều như số cực vi trần của hết thảy cõi Phật, tôi đều mong muốn chư Phật, Bồ-tát, Thanh văn, Duyên giác, cho đến tất cả các bậc Thiện tri thức đều thường ở đời để làm lợi ích cho hết thảy chúng sinh.

G3. TỔNG KẾT VÔ TẬN

Như vậy, cõi hư không cùng tận, cõi chúng sanh cùng tận, nghiệp chúng sanh cùng tận, phiền não chúng sanh cùng tận, sự khuyến mời của tôi đây vẫn không cùng tận, niệm niệm nối luôn không hở, ba nghiệp thân, khẩu, ý không hề nhàm mỏi.

Như thị hư không giới tận, chúng sinh giới tận, chúng sinh nghiệp tận, chúng sinh phiền não tận, ngã thử khuyến thỉnh vô hữu cùng tận. Niệm niệm tương tục, vô hữu gián đoạn. Thân ngữ ý nghiệp vô hữu bì yếm.

"Như vậy, cõi hư không cùng tận, cõi chúng sanh cùng tận, nghiệp chúng sanh cùng tận": giống như thế, cõi hư không vốn không thể tan hoại và giả như nó có bị tan hoại đi nữa; cõi chúng sinh vốn cũng không thể biến mất, giả như nó có thể biến mất; nghiệp chướng của chúng sinh vốn không thể hết, nhưng giả như nó cũng hết, phiền não của chúng sinh không thể cùng tận, giả như nó cũng có thể cùng tận, nhưng nguyện lực khuyến thỉnh chư Phật, Bồ-tát, Thanh văn, Duyên giác cho đến tất cả các bậc Thiện tri thức này của tôi cũng không bao giờ cùng tận. **"Niệm niệm nối luôn không hở"**: niệm niệm liên tiếp nối nhau không hề gián đoạn. **"Ba nghiệp thân, khẩu, ý không hề nhàm mỏi"**: Ba nghiệp thân, miệng, ý của tôi cũng không bao giờ có sự chán nản, mệt mỏi.

F8. THƯỜNG HỌC THEO PHẬT: *(gồm ba phần)*

G1. Nêu Danh

G2. Giải Thích Tướng Trạng

G3. Tổng Kết Vô Tận

G1. NÊU DANH

Lại này Thiện nam tử! Nói "Thường học tập theo Phật" là như vầy:

Phục thứ, Thiện nam tử! ngôn thường tùy Phật học giả:

Bồ-tát Phổ Hiền lại bảo, Thiện Tài Đồng Tử! Hạnh nguyện **"thường học theo Phật"**, nay tôi sẽ giảng qua cho ông nghe.

G2. GIẢI THÍCH TƯỚNG TRẠNG: *(gồm hai phần)*

H1. Học Theo Bổn Sư (Đức Thích Ca Mâu Ni Phật)

H2. Học Theo Chư Phật

H1. Học Theo Bổn Sư: *(gồm hai phần)*

I1. Nói rõ diệu hạnh trong nhân

I2. Luận quả từ nhân thù thắng

I1. NÓI RÕ DIỆU HẠNH TRONG NHÂN

Như đấng Tỳ Lô Giá Na Phật ở cõi Ta Bà đây, từ khi mới phát tâm tinh tấn không trễ lui, đem bất khả thuyết bất khả thuyết thân mạng ra mà bố thí. Lột da làm giấy, chẻ xương làm viết, chích máu làm mực, dùng biên chép kinh điển, chứa lại nhiều như núi Tu Di. Vì tôn trọng chánh pháp nên Phật không tiếc thân mạng, huống là ngôi vua, Thành, ấp, cung điện, xóm làng, vườn, rừng, tất cả sản nghiệp, cùng những hạnh khổ khó làm khác.

Như thử Ta Bà thế giới Tỳ Lô Giá Na Như Lai, tùng sơ phát tâm tinh tấn bất thối, dĩ bất khả thuyết bất khả thuyết thân mệnh nhi vi bố thí; bác bì vi chỉ, tích cốt vi bút, thích huyết vi mặc, thư tả Kinh điển, tích như Tu Di. Vị trọng pháp cố, bất tích thân mệnh, hà huống vương vị, thành quách, bộ lạc, cung điện, viên lâm nhất thiết sở hữu, cập dư chủng chủng nan hành khổ hạnh.

"Như cõi Ta-bà đây": "Như": là giống như, giống như cõi Ta-bà. Ta-bà là tiếng Phạn (Saha), dịch là "kham nhẫn". Nghĩa là sống ở thế giới này khổ thế ấy, tất cả chúng sinh thật khó có thể chịu đựng. Vì sao nói thế giới này là khổ? Vì tất cả những thứ vui thú ở thế giới này đều là nhân của khổ, hoàn toàn không có sự an lạc chân thật. Tất cả pháp ở thế giới này đều là pháp nhiễm ô, đều không thanh tịnh, vì thế vô cùng đau khổ.

Vì sao nói vui thú chính là nhân của khổ? Giống như mọi người cho rằng mặc áo quần mới là điều sung sướng, nhưng khi quý vị mặc áo quần mới, một khi không cẩn thận để thức ăn hoặc bụi bặm dính vào thì trong lòng cũng đã thấy phiền não. Lúc mặc áo quần mới thì rất vui, áo quần vừa bị dơ thì buồn phiền lại đến. Lại nữa, con người ta thích nhất là phát tài, lúc còn sống thì từng xu từng đồng đều được tính toán rõ ràng, lúc không có tiền thì phải nghĩ làm cách nào cho có, khi đã có lại sợ mất đi. Khi chưa có tiền thì trong lòng lại tham cầu, đó là khổ. Sau khi có tiền lại sợ mất, đó cũng là khổ, thế nhưng quý vị không nhận ra được đó là khổ. Tuy một đời quý vị lo lắng chuyện được mất nhưng đến lúc chết thì một hào quý vị cũng không thể mang theo. Quý vị nói đó là khổ hay là vui? Vì thế nói, tất cả những sự vui thú đều là nhân của khổ, chẳng qua quý vị không cảm nhận được. Do đó cõi này gọi là kham nhẫn.

"Đức Tỳ-lô-giá-na Như Lai từ khi mới phát tâm tinh tấn không trễ lui": Tỳ-lô-giá-na là tiếng Phạn (Vairochana), dịch là "thanh tịnh". Đây là Pháp thân của Đức Phật Thích-ca-mâu-ni. Ban đầu đức Thích-ca-mâu-ni gặp cổ Phật Thích-ca-mâu-ni, Ngài còn là một người thợ gốm làm các loại như chén, đĩa, tách trà... Lúc ấy Ngài cúng dường cổ Phật Thích-Ca và phát nguyện muốn được giống như cổ Phật Thích-ca. Nhân lời phát nguyện ban đầu đó, nên Ngài lúc nào cũng thường tinh tấn, thân cũng tinh tấn, tâm cũng tinh tấn, tu hành một cách tinh tấn, một giờ một khắc cũng không buông thả, cũng không biếng nhác. **"Đem bất khả thuyết bất khả thuyết thân mạng ra mà bố thí"**: Ngài dùng thân mạng nhiều chẳng thể nghĩ bàn, hoặc là xả thân, hoặc là xả mạng để làm tất cả các việc bố thí.

Lúc Phật Thích-ca-mâu-ni gặp Phật Nhiên Đăng, Ngài lại dùng thân bố thí. Lúc Phật Thích-ca-mâu-ni tu hành ở thời kỳ tu nhân (nhân địa) gặp Phật Nhiên Đăng, Phật Nhiên Đăng thị hiện thành một vị Tỳ-kheo già từ bên kia đi qua, phía trước vị Tỳ-kheo ấy là vũng bùn lầy. Phật Thích-ca liền nằm dài xuống vũng bùn, nhưng bên cạnh còn có thêm vũng bùn khác, nên Ngài lại xõa tóc che trải vũng bùn kia để vị Tỳ-kheo già bước lên thân Ngài đi qua. Đó chính là dùng thân bố thí. Ngài dùng thân thể của mình để giúp người khác. Nếu xét theo quan niệm thông thường của chúng ta thì đó là việc làm quá ngu si, quý vị có thể tìm một tấm ván hay vài thân cây gác qua vũng bùn, chẳng phải là tốt hơn sao, đâu cần chính mình phải nằm trên vũng bùn? Không sai, quý vị rất thông minh, Phật Thích-

ca-mâu-ni lúc ấy không nghĩ ra cách này, nhưng thật may mắn cho Ngài là đã không nghĩ ra. Nếu như Ngài nghĩ ra cách này thì chưa chắc Phật Nhiên Đăng đã thọ ký cho Ngài. Vì sao? Điều này chứng tỏ rằng Ngài còn có một sự đắn đo, còn có một thân thể tồn tại. Ngài trải thân trên vũng nước, đó chính là một biểu hiện không còn tướng chấp ngã để giúp đỡ chúng sinh, làm lợi ích chúng sinh. Đó chính là Ngài đang hành đạo Bồ-tát, chẳng kể đến mình, đem thân thể trải trên nước bùn để giúp vị Tỳ-kheo già đi qua.

Phật Nhiên Đăng vừa thấy vị Tỳ-kheo này thành tâm như thế, trải thân trên vũng nước để mình đi qua, liền thọ ký cho Phật Thích-ca-mâu-ni rằng: "Ông đời sau sẽ thành Phật! Ông hành đạo Bồ-tát như thế, ta cũng hành đạo Bồ-tát như thế, như thế. Đời sau ông thành Ph ật hiệu là Thích-ca-mâu-ni."

Bấy giờ, Phật Thích-ca-mâu-ni là một vị tu hạnh đầu-đà[1]. Tỳ-kheo thực hành hạnh đầu-đà không cạo đầu, cũng chẳng cạo râu, nhưng chẳng phải là trò cười, quý vị đừng ngộ nhận cho rằng lúc đầu Phật Thích-ca-mâu-ni là một kẻ chẳng ra gì. Có người Trung Hoa viết một bài văn, nói rằng Khổng Tử ở Trung Hoa là một anh chàng hề. Đó là lời nói hồ đồ, thật đúng là lấy giả khuấy chân, lấy cái gian truyền bá cái gian. Phật Thích-ca-mâu-ni lúc tu hành ở nhân địa (thời kỳ tu nhân, chưa chứng quả) đã đem thân mình để bố thí; từ vô lượng kiếp đến nay, đời đời sinh ra Ngài đều làm như vậy, vì thế đạo hạnh Bồ-tát của Ngài rất viên mãn.

"Tỳ-lô-giá-na" là tiếng Phạn (Vairochana), dịch là "cùng khắp mọi nơi" (biến mãn nhất thiết xứ). Đức Phật thanh tịnh pháp thân Tỳ-lô-giá-na có mặt khắp tất cả mọi nơi. Pháp thân thì không hiện hữu, nhưng nơi đâu cũng hiện hữu, không có nơi nào Ngài không có mặt, cũng chẳng có nơi nào có Ngài. Nhưng nếu nói pháp thân của Phật chẳng có nơi nào mà chẳng có mặt, thế thì vì sao chúng ta không thấy? Chúng ta không nhìn thấy thì chứng tỏ Ngài không có? Chẳng phải thế! Chúng ta trông thấy Ngài cũng tồn tại, không trông thấy Ngài cũng tồn tại. Pháp thân của Phật có mặt khắp pháp giới, cùng tận mọi nơi, không có nơi nào mà Ngài chẳng hiện hữu.

Có người hỏi:

-Ngài có mặt khắp tất cả mọi nơi vậy ở nhà cầu hay ở những nơi không sạch sẽ Ngài có hiện hữu không?

-Không chỉ ở nhà cầu mà bất kỳ những nơi không sạch sẽ nào Ngài cũng có mặt. Tận cùng hư không, khắp cả pháp giới đều là pháp thân của Phật. Nói đến pháp thân thì chẳng dơ, chẳng sạch, chẳng sinh chẳng diệt, chẳng tăng, chẳng giảm, vì thế mà bất kỳ ở đâu Ngài cũng hiện hữu.

"Lột da làm giấy, chẻ xương làm bút": Phật Thích-ca-mâu-ni vì thực hành đạo Bồ-tát, vì cầu quả Phật vô thượng nên từ vô thủy kiếp đến nay đều đem thân bố thí, Ngài lột da trên thân mình ra để làm giấy, lại lấy xương mình để làm bút, **"chích máu làm mực biên chép kinh điển"**: lại chích máu làm mực để biên chép kinh điển.

Vì sao Phật Thích-ca-mâu-ni không đi mua giấy, bút, mực để biên chép kinh điển? Điều này và việc Phật Thích-ca-mâu-ni xõa tóc che bùn vừa mới trình bày có cùng một ý nghĩa. Mặt khác cũng là vì thời bấy giờ không có giấy. Giống như lần kết tập kinh điển đầu tiên ở Ấn-độ, các Tỳ-kheo phải dùng lá bối[2] để biên chép kinh điển. *Kinh Pháp Hoa* đã được chép bằng lá bối. Cứ nối tiếp nhau như vậy nếu trải dài ra thì dài đến bảy dặm (3.5km). Thời bấy giờ khoa học chưa phát triển, không có xưởng giấy nên càng không phải nói đến công ty chế giấy, vì thế không có nơi nào để đi mua giấy. Không giống như chúng ta bây giờ, dùng giấy quá tiện nghi, ghi chép rồi đánh máy là có thể in ra rồi. Thời bấy giờ chẳng phải được tiện nghi như thế. Kinh Thư, Kinh Thi, Kinh Dịch xưa của Trung Hoa

vốn đều viết trên thẻ trúc. Hiện tại, giấy, bút, mực đều rất sẵn sàng, xưa căn bản không có những thứ này, cũng chẳng có nơi nào để mua, đó là một trong những lý do. Một lý do khác là Ngài dùng da, xương, máu trên thân thể mình để biên chép kinh điển, điều này đủ để chứng minh Ngài vì pháp quên thân, vì xiển dương Ph ật pháp nên chẳng sợ gì. Đó cũng có thể nói là vì cầu Phật pháp mà dùng thân để bố thí.

"Chứa lại như núi Tu-di": Ngài dùng da, xương, máu của mình để biên chép kinh điển, nếu tích chứa lại thì nhiều như núi Tu-di. **"Vì trọng pháp nên chẳng tiếc thân mạng"**: vì Ngài tôn trọng Phật pháp nên không tham tiếc thân mạng của mình. Hiện tại ở Hương Cảng có Hòa Thượng Thọ Dã, Ngài ở am tranh nơi Ngũ Đài Sơn, từng làm Phương Trượng chùa Bồ-đề ở Thượng Hải, ở Việt Nam Ngài cũng xây dựng một ngôi chùa rất lớn. Khi Việt Nam có chiến tranh, Ngài trở lại Hương Cảng. Ngài tự chích máu ở đầu lưỡi của mình để chép xong bộ *kinh Hoa Nghiêm* , mỗi chữ lớn đến khoảng 2 inches (5, 8cm). Ngài chuyên tụng *kinh Hoa Nghiêm* , chuyên lễ bái *kinh Hoa Nghiêm* , chuyên tu tập *kinh Hoa Nghiêm.* Đó cũng là một dạng cảnh giới không thể nghĩ bàn của Bồ-tát.

"Huống là ngôi vua": Phật Thích-ca-mâu-ni đối với thân mạng của mình còn chẳng tiếc, huống gì là ngôi vua! Phật Thích-ca-mâu-ni nếu không xuất gia tu đạo thì có thể làm Chuyển Luân Thánh Vương. Chuyển Luân Thánh Vương gồm có Kim Luân Vương, Ngân Luân Vương, Đồng Luân Vương, Thiết Luân Vương. Kim Luân Vương làm vua thống lãnh cả bốn châu: Đông Thắng Thần châu, Nam Thiệm bộ châu, Tây Ngưu Hóa châu, Bắc Câu-lư châu. Ngân Luân Vương cai quản ba châu, không quản Bắc-câu-lư-châu. Đồng Luân vương cai quản hai châu. Thiết Luân Vương cai quản một châu.

Phật Thích-ca-mâu-ni phước quý là làm thái tử, phước giàu thì có bốn châu, được như thế nhưng Ngài đều xả bỏ xuất gia tu đạo. **"Thành, ấp, cung điện, xóm làng, vườn, rừng, tất cả sản nghiệp"**: ngoài đất nước ra còn có tất cả sản nghiệp, gia nghiệp như vợ con, thôn ấp, cung điện quý báu, vườn rừng...Ngài cũng đều bố thí không cần đến.

"Cùng những hạnh khổ khó làm khác": cho đến tất cả những hạnh khổ khó làm khác, Ngài cũng đều có thể thực hành, những việc khó nhẫn, Ngài cũng đều có thể kham nhẫn. Từ địa vị thái tử, Ngài xuất gia, tu các pháp khổ hạnh. Điều này đâu phải một người bình thường có thể làm được! Bởi vậy, Phật Thích-ca-mâu-ni ở trong đời quá khứ và trong hiện tại đã thực hành muôn hạnh khổ đều là những việc phi thường chẳng dễ làm được.

I2. LUẬN QUẢ TỪ NHÂN THÙ THẮNG

Nhẫn đến ngồi dưới cây thành quả đại Bồ Đề: thị hiện các thứ thần thông, khởi các sự biến hóa, hiện các thân Phật ở trong những chúng hội: hoặc ở trong chúng hội đạo tràng của các vị đại Bồ Tát, hoặc ở trong đạo tràng của chúng hội Thanh văn, Duyên giác, hoặc ở trong đạo tràng của Chuyển Luân Vương, các vị Tiểu Vương cùng quyến thuộc, hoặc ở trong đạo tràng của chúng hội Cư sĩ, Trưởng giả, Bà la môn cùng Sát đế lợi, nhẫn đến hoặc ở trong đạo tràng của chúng hội Thiên, Long, Bát bộ, Nhơn, Phi Nhơn v.v... ở trong các chúng hội như vậy, dùng tiếng viên mãn như đại lôi chấn, tùy theo căn tánh của mỗi loại mà giáo hóa cho chúng sanh đều được thành thục. Nhẫn đến thị hiện nhập Niết bàn. Cả thảy hạnh đức như thế tôi đều học tập theo.

Nãi chí thọ hạ thành đại Bồ-đề: thị chủng chủng thần thông, khởi chủng chủng biến hóa, hiện chủng chủng Phật thân, xứ chủng chủng Phật hội, hoặc xứ nhất thiết chư Đại Bồ Tát chúng hội đạo tràng, hoặc xứ Thanh văn cập Bích-chi Phật chúng hội đạo tràng, hoặc xứ Chuyển Luân Thánh

Vương, Tiểu Vương quyến thuộc chúng hội đạo tràng, hoặc xứ Sát-lợi cập Bà-la-môn, Trưởng giả, Cư sĩ chúng hội đạo tràng, nãi chí hoặc xứ Thiên Long Bát Bộ, nhân phi nhân đẳng chúng hội đạo tràng. Xứ ư như thị chủng chủng chúng hội, dĩ viên mãn âm, như đại lôi chấn, tùy kỳ nhạo dục, thành thục chúng sanh, nãi chí thị hiện nhập ư Niết-bàn. Như thị nhất thiết ngã giai tùy học.

"Nhẫn đến ngồi dưới cây thành quả đại Bồ Đề: "nhẫn đến" (thậm chí): là từ rút gọn lại. Ở khoảng thời gian giữa, Ngài còn trải qua rất nhiều giai đoạn, như ngồi tu ở Tuyết sơn sáu năm, sau đó thành đạo dưới cây Bồ-đề. Lúc đầu Phật Thích-ca khi còn tu đạo trên Tuyết Sơn, vua cha Tịnh Phạn đã phái năm người cùng tu với Ngài, cũng chính là để bảo vệ Pháp của Ngài, nhưng trong năm người đó có ba người không chịu được khổ nên đã bỏ đi đến vườn Nai để tu. Lúc ấy, Phật Thích-ca-mâu-ni mỗi ngày chỉ ăn một hạt mè, một hạt gạo, thân thể Ngài gầy như que củi. Sau đó, có người con gái chăn bò dâng Ngài bát sữa. Có thuyết nói là thiên nữ, có thuyết nói là người con gái chăn bò, tôi nghĩ thiên nữ hay người con gái chăn bò đều không quan trọng. Tóm lại, cô ấy đã dùng sữa bò nấu cháo cúng dường Ngài, Phật nhận sự cúng dường của cô và ăn hết bát cháo sữa bò. Hai người còn lại thấy thế nói: "Thế là hết rồi! Trước đây thái tử chịu khổ còn có thể tu đạo, nay nhận bát sữa của người chăn bò, người không chịu được khổ thế này, chúng ta chẳng thể cùng tu đạo với thái tử". Thế rồi họ cũng rời bỏ Phật Thích-ca-mâu-ni đi đến vườn Nai.

Năm người ấy đều đã đi, một mình Phật Thích-ca-mâu-ni ở trên núi tuyết cũng phải dời chỗ. Vừa tìm thì Ngài thấy cội cây Bồ-đề. Cây cổ thụ này rất lớn, có thể che quanh ba dặm. Biết rằng đây là một chỗ tốt, Ngài liền ngồi thiền dưới gốc cây và phát nguyện rằng: "Nếu tôi không thành đạo nghiệp thì mãi mãi chẳng rời khỏi chỗ này". Thế rồi có đồng tử Cát Tường mang đến tặng một bó cỏ Cát Tường, Ngài ngồi kiết già trên bó cỏ tu đạo. Ngài ngồi tu đến bốn mươi chín ngày, khi thấy sao mai ở phương Đông, Ngài bỗng nhiên khai ngộ. Ngài thốt lên: "Lạ thay! Lạ thay! Lạ thay! Tất cả chúng sinh đều có đức tướng trí tuệ của Như Lai, chỉ vì vọng tưởng chấp trước mà chẳng thể chứng đắc". Vì sao chúng sinh không thành Phật? Là vì chúng sinh có vọng tưởng, chấp trước nên không thể thành Phật."

"Thị hiện các thứ thần thông, khởi các sự biến hóa": Ngài hiện vô lượng thần thông diệu dụng, lại bày vô lượng phép biến hóa, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn. "**Hiện các thân Phật ở trong những chúng hội**": lại hiện ra thân Phật Tỳ-lô-giá-na Pháp thân thanh tịnh, Phật Lô-xá-na Báo thân viên mãn, Phật Thích-ca-mâu-ni với muôn ngàn ức hóa thân, cho đến thị hiện thân Phật khắp cả mười phương thế giới, ở trong vô lượng pháp hội vì chúng sinh nói pháp. "**Hoặc ở trong chúng hội đạo tràng của các vị đại Bồ tát**": hoặc là ở nơi chỗ của các vị Bồ-tát để giảng nói kinh pháp. "**hoặc ở trong đạo tràng của chúng hội Thanh văn, Duyên giác**": hoặc là ở trong chúng hội của hàng Nhị thừa Thanh văn và Bích-chi Phật để giảng nói kinh pháp. "**hoặc ở trong đạo tràng của Chuyển Luân Vương, các vị Tiểu Vương cùng quyến thuộc**": hoặc ở trong đạo tràng chúng hội của Chuyển Luân Thánh Vương, các vua nước nhỏ dưới quyền cai quản của Chuyển Luân Thánh Vương và quyến thuộc của Chuyển Luân Thánh Vương.

Thế nào là Chuyển Luân Thánh Vương? Luân Vương (Vua Chuyển Luân) gồm có Kim Luân Vương, Ngân Luân Vương, Đồng Luân Vương và Thiết Luân Vương. Kim Luân Vương thống trị bốn châu thiên hạ, có đầy đủ bảy báu:

1. Luân Bảo: ngồi trên xe báu còn nhanh hơn hỏa tiễn, chỉ trong một thời gian ngắn có thể đi khắp bốn châu, làm mọi việc. "Luân bảo" là một loại xe bay, bất luận là đất liền, biển cả hay không trung, nó đều bay qua được; trên mặt đất, trong không trung, trong nước, thậm chí trong lửa nó cũng có thể bay qua.

2. Bạch tượng bảo: đó là một con voi trắng chạy vô cùng nhanh.

3. Cám mã bảo: Đó là một loài long mã (ngựa rồng), lông của nó có màu xanh biếc, trên mặt đất nó cũng chạy mà ở dưới nước nó cũng có thể đi, và cũng có thể bay trên không trung, vô cùng diệu kỳ.

4. Như ý bảo châu: còn gọi là thần châu bảo. Đó là một viên ngọc quý có sức thần biến hóa như ý nguyện. Vua Chuyển Luân muốn cái gì thì ngọc Như Ý liền hiện ra cái ấy.

5. Ngọc nữ bảo: Lúc Luân vương muốn vui vẻ cùng người nữ thì có một ngọc nữ đến hầu tiếp.

6. Chủ tàng thần bảo: Vị quan trông coi về của báu ẩn tàng, có thể khai quật của báu ẩn tàng theo ý mình, Vua Chuyển Luân đi đến bất cứ chỗ nào nếu muốn dùng đến vàng thì bảo vị quan này đào đất liền có vàng. Nếu muốn bất kỳ một thứ châu báu nào, khi bảo vị này khai quật đều có như ý muốn.

7. Chủ binh bảo: Vua Chuyển Luân không cần huấn luyện quân đội, khi cần dùng binh thì chỉ cần gọi vị quan trông coi binh bị, muốn ít nhiều đều có. Luân Vương lại có một nghìn người con, tất cả đều vô cùng anh dũng và thiện chiến.

"Hoặc ở trong đạo tràng của chúng hội Cư sĩ, Trưởng giả, Bà-la-môn cùng Sát-đế-lợi": Sát-lợi chính là Sát-đế-lợi (Kshatriyas), một trong bốn giai cấp ở Ấn độ, cũng chính là giai cấp quý tộc, dòng dõi vua chúa. Bà-la-môn là Phạn ngữ (Brahman), dịch là Tịnh Duệ, chính là người tu hạnh thanh tịnh. Trưởng Giả chính là người giàu có. Cư sĩ là tất cả Phật tử tại gia. **"Nhẫn đến hoặc ở trong đạo tràng của chúng hội Thiên, Long, Bát bộ, Nhơn, Phi Nhơn v.v..."**: hoặc ở đạo tràng của chúng hội của Thiên Long Bát Bộ, quỷ thần, người và phi nhân.

"Ở trong các chúng hội như vậy, dùng tiếng viên mãn như đại lôi chấn, tùy theo căn tánh của mỗi loại mà giáo hóa cho chúng sanh đều được thành thục.": Phật ở trong vô lượng chúng hội ấy, Ngài dùng âm thanh tròn đầy giống như tiếng sấm rền trong không trung, tùy theo sự ưa thích của chúng sinh mà giáo hóa họ. Chúng sinh chưa trồng căn lành thì Ngài khiến họ trồng căn lành, chúng sinh đã trồng căn lành thì Ngài khiến cho căn lành thêm lớn, những chúng sinh căn lành đã lớn thì Ngài khiến cho họ được tròn đầy, giải thoát.

"Nhẫn đến thị hiện nhập Niết bàn. Cả thảy hạnh đức như thế tôi đều học tập theo.": Cho đến sau cùng, Ngài thị hiện nhập Niết-bàn, đạt đến bốn đức của Niết-bàn: thường, lạc, ngã, tịnh. Tất cả những hạnh khổ khó làm như thế tôi đều học theo.

H2. HỌC THEO CHƯ PHẬT

Như đức Thế Tôn T ỳ Lô Giá Na hiện nay, các đức Phật Như Lai như số vi trần trong tất cả cõi Phật khắp hư không pháp giới mười phương ba đời cũng như thế ấy, trong mỗi niệm tôi đều học tập theo.

Như kim Thế Tôn Tỳ Lô Giá Na, như thị tận pháp giới, hư không giới, thập phương tam thế nhất thiết Phật sát, sở hữu trần trung nhất thiết Như Lai, giai diệc như thị; ư niệm niệm trung, ngã giai tùy học.

"Như đức Thế Tôn T ỳ Lô Giá Na hiện nay": Giống như hiện nay, đức Thế Tôn Tỳ-lô-giá-na Phật trước kia đã tu hành vô lượng hạnh như đã nói, lại ở nơi vô lượng chúng hội đạo tràng. **"Các đức Phật Như Lai như số vi trần trong tất cả cõi Phật khắp hư không pháp giới mười phương ba đời cũng như thế ấy"**: cho đến hết thảy Như Lai số như vi trần trong cõi nước của hết thảy chư Phật thuộc mười phương, ba đời khắp cùng pháp giới, hư không giới, tôi cũng đều phát nguyện giống như trước thường học theo tất cả hạnh môn của chư Phật. **"Trong mỗi niệm tôi đều học tập theo"**: Ở trong mỗi niệm tôi đều học theo vô lượng hạnh môn của tất cả chư Phật.

G3. TỔNG KẾT VÔ TẬN

Như vậy, cõi hư không cùng tận, cõi chúng sanh cùng tận, nghiệp chúng sanh cùng tận, phiền não chúng sanh cùng tận, sự tùy học của tôi đây vẫn không cùng tận niệm niệm nối luôn không hở, ba nghiệp thân, khẩu, ý không hề nhàm mỏi.

Như thị hư không giới tận, chúng sinh giới tận, chúng sinh nghiệp tận, chúng sinh phiền não tận, ngã thử tùy học vô hữu cùng tận. Niệm niệm tương tục, vô hữu gián đoạn. Thân ngữ ý nghiệp vô hữu bì yếm.

"Như vậy, cõi hư không cùng tận, cõi chúng sanh cùng tận, nghiệp chúng sanh cùng tận, phiền não chúng sanh cùng tận, sự tùy học của tôi đây vẫn không cùng tận": Giống như thế, giả sử hư không có thể diệt tận, cõi chúng sinh có thể diệt tận, nghiệp của chúng sinh có thể hết, phiền não của chúng sinh có thể sạch nhưng sức thệ nguyện học theo chư Phật của tôi không thể nào tận cùng. **"Niệm niệm nối luôn không hở "**: sự theo học đó được tiếp nối trong từng niệm, không hề gián đoạn. **"Ba nghiệp thân, khẩu, ý cũng không chán mỏi"**: ba nghiệp thân, miệng ý của tôi mãi mãi không bao giờ mệt mỏi, lười biếng.

---

[1] Hạnh đầu-đà (Đầu-đà-hạnh 十二頭陀條): Tu sĩ Phật giáo lập chí giữ mười hai hạnh sau: mặc y phần tảo, mặc ba y, tự đi khất thực, không ăn quá ngọ, ngày ăn một bữa, ăn vừa đủ, ở chỗ thanh vắng, ngồi ở nơi gò mã, ngồi ở dưới gốc cây, ngồi ở vùng đất trống, ngồi ở vùng đất cỏ, thường ngồi không nằm.

[2] Lá bối (bối diệp貝葉; Gđ: Bối-đa-la; S: Pattra): lá cây đa-la. Cây có thân là lá giống như cây cọ, cổ đại Ấn độ người ta dùng là này để chép kinh điển.

F9. HẰNG THUẬN CHÚNG SANH: *(gồm ba phần)*

G1. Nêu Danh

G2. Giải Thích Tướng Trạng

G3. Tổng Kết Vô Tận

G1. NÊU DANH

Lại này Thiện nam tử! Nói "Hằng thuận lợi chúng sanh" là như vầy:

Phục thứ, Thiện nam tử! ngôn hằng thuận chúng sanh giả:

Bồ-tát Phổ Hiền lại gọi Thiện Tài đồng tử. Thiện nam tử! Tôi lại lược giảng về ý nghĩa "hằng thuận chúng sinh" cho ông nghe.

G2. GIẢI THÍCH TƯỚNG TRẠNG: *(gồm 2 phần)*

H1. Nói Rõ Ý Chính

H2. Nêu Lên Để Giải Thích

H1. Nói Rõ Ý Chính: *(gồm 2 phần)*

I1. Đối tượng chúng sinh để hằng thuận

I2. Nói rõ về sự tùy thuận

I1. ĐỐI TƯỢNG CHÚNG SINH ĐỂ HẰNG THUẬN

Bao nhiêu chúng sanh sai khác trong tất cả cõi ở mười phương pháp giới, hư không giới, chính là những loài noãn sanh, thai sanh, thấp sanh, hóa sanh, các loài nương nơi chất tứ đại mà sanh, có giống nương nơi hư không cùng cây cỏ mà sanh. Các giống sanh loại: các thứ sắc thân, các thứ hình trạng, các thứ tướng mạo, các thứ thọ lượng, các thứ tộc loại, các thứ danh hiệu, các thứ tâm tánh, các thứ tri kiến, các thứ dục lạc, các thứ ý hành, các thứ oai nghi, các thứ y phục, các thứ ăn uống, ở trong các thôn dinh, thành ấp, cung điện, nhẫn đến tất cả Thiên, Long, Bát bộ, Nhơn, Phi Nhơn v.v... loài không không chân, loài hai chân, bốn chân, nhiều chân, loài có hình sắc, loài không có hình sắc, loài có tâm tưởng, loài không có tâm tưởng, loài chẳng phải có tâm tưởng chẳng phải không tâm tưởng.

Vị tận pháp giới, hư không giới, thập phương sát hải sở hữu chúng sanh chủng chủng sai biệt, sở vị noãn sanh, thai sanh, thấp sanh, hóa sanh, hoặc hữu y ư địa, thủy, hỏa, phong nhi sanh trú giả,

hoặc hữu y không cập chư hủy mộc nhi sanh trú giả, chủng chủng sanh loại, chủng chủng sắc thân, chủng chủng hình trạng, chủng chủng tướng mạo, chủng chủng thọ lượng, chủng chủng tộc loại, chủng chủng danh hiệu, chủng chủng tâm tính, chủng chủng tri kiến, chủng chủng dục lạc, chủng chủng ý hành, chủng chủng oai nghi, chủng chủng y phục, chủng chủng ẩm thực, xứ ư chủng chủng thôn doanh tụ lạc, thành ấp cung điện, nãi chí nhất thiết Thiên Long Bát Bộ, nhân phi nhân đẳng, vô túc, nhị túc, tứ túc, đa túc, hữu sắc, vô sắc, hữu tưởng, vô tưởng, phi hữu tưởng, phi vô tưởng.

"**Bao nhiêu chúng sanh sai khác trong tất cả cõi ở mười phương pháp giới, hư không giới, chính là những loài noãn sanh, thai sanh, thấp sanh, hóa sanh**": Số chúng sinh hiện hữu trong các cõi nước nhiều như nước biển của mười phương chư Phật, tận cùng pháp giới và hư không giới, có vô lượng giống loài chẳng đồng. Sở dĩ gọi chúng sinh là vì nhiều duyên hòa hợp mà phát sinh (chúng nhân duyên sanh). Bởi do nhiều duyên hòa hợp mà sinh nên mỗi chúng sinh đều có những duyên khác nhau, vì thế có vô lượng giống loài bất đồng.

"**Các loài nương nơi chất tứ đại mà sanh, có giống nương nơi hư không cùng cây cỏ mà sanh.**": Trong *kinh Lăng Nghiêm* có ghi: "Loài sinh từ bào thai là do dục tình; loài sinh từ trứng là do tâm tưởng; loài sinh từ ẩm ướt là do hợp cảm, loài sinh từ hóa sinh là bởi ly ứng". Nhân vì có ái tình nên sinh từ bào thai, vì có niệm tưởng nên sinh từ trứng. Giống như gà mẹ lúc ấp trứng, nó nằm ôm quả trứng và khởi tưởng, lâu ngày trứng gà được ấp liền nở thành con. Loài sinh từ ẩm thấp là bởi khí ẩm thấp ứng hợp với độ ẩm thấp mà sinh ra, loài do hóa sinh chính là sự biến hóa. Giống như con sâu lông biến thành con bướm. Đó chính là sự lột xác xa rời nguyên gốc của nó mà biến thành một loài khác.

"**Các loài nương nơi chất tứ đại mà sanh**": hoặc có chúng sinh nương vào tứ đại đất, nước, gió, lửa mà sinh trưởng. "**Có giống nương nơi hư không cùng cây cỏ mà sanh.**": Hoặc có chúng sinh nương vào hư không cho đến nương vào cây cỏ mà sinh trưởng. "**Các giống sanh loại**": vô số chủng loại chúng sinh sai khác, thân hình cũng chẳng đồng.

"**Các thứ sắc thân, các thứ hình trạng, các thứ tướng mạo**": vô số hình trạng, vô số tướng mạo cũng sai khác. "**Các thứ thọ lượng**": chúng sinh có thọ mạng dài, ngắn chẳng giống nhau. "**Các thứ tộc loại**": súc sinh có dòng họ của súc sinh, cọp có dòng họ của cọp, gấu có dòng họ của gấu, nai có dòng họ của nai… mỗi loại đều có dòng họ của chúng. "**Vô số tên gọi, vô số tâm tính**": mỗi chúng sinh đều có tên khác nhau và tính tình cũng khác nhau. Như tính của con cọp thích giết hại chúng sinh, tính của con nai thì hiền lành, chỉ thích ăn cỏ, không ăn thịt loài nào cả. Chúng sinh có loài bạo dạn, có loài nhút nhát, có loài vừa thấy người liền bỏ chạy, có loài thấy người thì muốn ăn thịt. "**Các thứ tri kiến, các thứ dục lạc**": sự nhận biết và ưa thích của chúng sinh không giống nhau. "**Các thứ ý hành, các thứ oai nghi**": việc làm của chúng sinh chẳng giống nhau; thái độ cách thức biểu hiện của chúng sinh cũng khác nhau. "**Các thứ y phục**": Người thì mặc y phục của người, muôn thú thì lấy da làm y phục, chim muông dùng bộ lông làm y phục… có vô số y phục. "**Các thứ ăn uống**": có loài thú thì ăn thịt, có loài thì ăn cỏ, có loài thì ăn đất, có loài thì ăn những thứ khác…có vô số thức ăn khác nhau.

"**Ở trong các thôn dinh, thành ấp, cung điện**": chúng sinh cũng ở nơi thôn, trại, tụ lạc, thành ấp, cung điện. "**Nhẫn đến tất cả Thiên, Long, Bát bộ, Nhơn, Phi Nhơn v.v...**": cho đến hết thảy tám bộ trời, rồng, quỷ thần, càn-thát-bà, a-tu-la, khẩn-na-la, Ca-lâu-la, ma-hầu-la-già, cho đến nhân và phi nhân.

"**Loài không không chân, loài hai chân, bốn chân, nhiều chân**": hoặc có chúng sinh không có chân như con trăn, có loài có hai chân, có loài có bốn chân, có loài có nhiều chân. "**Loài có**

hình sắc, loài không có hình sắc, loài có tâm tưởng, loài không có tâm tưởng, loài chẳng phải có tâm tưởng chẳng phải không tâm tưởng": có loài có hình sắc, có loài không có hình sắc, có loài có tư tưởng, có loài không có tư tưởng, có loài chẳng phải có tư tưởng chẳng phải không có tư tưởng... có vô số chúng sinh bất đồng như thế.

I2. NÓI RÕ VỀ SỰ TÙY THUẬN

Các loài như vậy tôi đều tùy thuận tất cả mà thật hành các sự vâng thờ, cúng dường, như kính cha mẹ, như thờ bậc thầy, cùng A La Hán , nhẫn đến như đức Như Lai đồng nhau không khác. Trong các loài ấy, nếu là kẻ có bịnh thì tôi vì họ mà làm lương y, nếu ai bị lạc đường thì tôi vì họ mà chỉ cho con đường chánh, nơi đêm tối tôi vì họ mà làm ngọn đuốc sáng, người nghèo thiếu tôi làm cho được của báu. Bồ-tát bình đẳng lợi ích cho chúng sanh như vậy.

Như thị đẳng loại, ngã giai ư bỉ tùy thuận nhi chuyển. Chủng chủng thừa sự, chủng chủng cúng dường, như kính phụ mẫu, như phụng sư trưởng cập A La Hán, nãi chí Như Lai, đẳng vô hữu dị. Ư chư bệnh khổ, vi tác lương y; ư thất đạo giả, thị kỳ chánh lộ; ư ám dạ trung, vi tác quang minh; ư bần cùng giả, linh đắc phục tàng. Bồ Tát như thị bình đẳng nhiêu ích nhất thiết chúng sanh.

"Các loài như vậy tôi đều tùy thuận tất cả": Vô lượng chúng sinh giống như trên đã nói, tôi đều hiện thân giống họ để giáo hóa. **"Mà thật hành các sự vâng thờ, cúng dường"**: Dùng rất nhiều cách để hầu hạ và cúng dường chúng sinh. **"Như kính cha mẹ, như thờ bậc thầy, cùng A La Hán , nhẫn đến như đức Như Lai đồng nhau không khác."**: Giống như cung kính cha mẹ, hầu hạ sư trưởng và những bậc chứng quả A-la-hán cho đến giống như cúng dường Phật không có sai khác.

"Trong các loài ấy, nếu là kẻ có bịnh thì tôi vì họ mà làm lương y": chúng sinh có tám vạn bốn nghìn thứ bệnh, Bồ-tát dùng tám vạn bốn nghìn phương thuốc hay để trị bệnh cho chúng sinh. Thầy thuốc giỏi chính là vị thầy thuốc tinh thông y thuật. Đối với vị Bồ-tát thực hành Bồ-tát đạo mà nói, khi chúng sinh có bệnh thì giống như chính mình mang bệnh, vì thế phải tận tâm dùng mọi phương pháp làm cho bệnh tật của chúng sinh được tiêu trừ. **"Nếu ai bị lạc đường thì tôi vì họ mà chỉ cho con đường chánh"**: chúng sinh tuy có hai mắt nhưng không biết con đường nào là chính, con đường nào là tà vì thế có lúc lầm vào ngã rẽ, đi sai đường. Quý vị nếu biết họ đi sai đường thì phải chỉ cho họ con đường chân chính. Như hiện tại có rất nhiều thanh niên không biết đi trên con đường chân chính, chỉ biết lười biếng uống rượu, hút chích ma túy, lạc vào con đường sai lầm. Lúc ấy, Bồ-tát phải dùng nhiều phương pháp để dẫn dắt những chúng sinh ấy đi trên con đường chân chính, khiến họ không còn trở lại con đường tà nữa.

"Nơi đêm tối tôi vì họ mà làm ngọn đuốc sáng": đêm tối nghĩa là ở trong đêm đen mờ mịt. Chúng ta không hiểu rõ Phật pháp thì giống như ở trong đêm tối, sau khi hiểu rõ Phật pháp chính là được ánh sáng chiếu soi. Vì sao lại nói như thế? Do vì chúng ta không hiểu rõ Phật pháp thì hành động một cách điên đảo, nhưng sau khi hiểu rõ Phật pháp mới biết đi trên con đường quang minh chính đại. Vì thế chúng sinh không hiểu rõ Phật pháp thì phải làm cho họ hiểu rõ Phật pháp, thấy được ánh sáng. **"Người nghèo thiếu tôi làm cho được của báu"**: đối với người nghèo cùng thì khiến cho họ hoặc là gặp được của báu như vàng, bạc... **"ẩn tàng trong lòng đất"**. **"Bồ tát bình đẳng lợi ích cho chúng sanh như vậy."**: Bồ-tát phải giống như thế, bình đẳng không có phân biệt để làm lợi ích cho hết thảy chúng sinh, giáo hóa hết thảy chúng sinh.

H2. NÊU LÊN ĐỂ GIẢI THÍCH**:** *(gồm hai phần)*

I1. Làm Cho Phật Hoan Hỷ

I2. Vì Tăng Trưởng Lòng Đại Bi

I1. LÀM CHO PHẬT HOAN HỶ

Vì sao thế? Vì Bồ tát nếu có thể tùy thuận chúng sanh, thì chính là tùy thuận cúng dường các đức Phật. Còn tôn trọng và thừa sự chúng sanh thì chính là tôn trọng và thừa sự các đức Như Lai. Nếu làm cho chúng sanh vui mừng thì chính là làm cho tất cả đức Như Lai vui mừng.

Hà dĩ cố? Bồ Tát nhược năng tùy thuận chúng sanh, tắc vi tùy thuận cúng dường chư Phật; nhược ư chúng sanh tôn trọng thừa sự, tắc vi tôn trọng thừa sự Như Lai; nhược linh chúng sanh sanh hoan hỷ giả, tắc linh nhất thiết Như Lai hoan hỷ.

"Vì sao?": nguyên nhân vì sao? **"Vì Bồ-tát nếu có thể tùy thuận chúng sanh, thì chính là tùy thuận cúng dường các đức Phật"**: Bồ-tát thực hành Bồ-tát đạo nếu thường tùy thuận chúng sinh, đó chính là tùy thuận chư Phật, cũng chính là cúng dường chư Phật. Nhân vì tâm, Phật và chúng sinh, cả ba không sai biệt, không khác.

"Còn tôn trọng và thừa sự chúng sanh thì chính là tôn trọng và thừa sự các đức Như Lai": cung kính hầu hạ đối với hết thảy chúng sinh, đó chính là giống như tôn trọng, cung kính, cúng dường Như Lai. **"Nếu làm cho chúng sanh vui mừng thì chính là làm cho tất cả đức Như Lai vui mừng":** Nếu làm cho hết thảy chúng sinh đều sinh lòng vui mừng, chúng sinh đã hoan hỷ thì các đức Như Lai cũng hoan hỷ. Vì thế người xuất gia, phải:

Giữ miệng, nhiếp ý, thân chớ phạm,
Chẳng gây não phiền cho chúng sinh.
Xa lìa những khổ hạnh vô ích,
Hành giả như thế khéo độ sinh.
Thủ khẩu nhiếp ý thân mạc phạm,
Mạc não nhất thiết chư hữu tình;
Vô ích khổ hạnh đương viễn ly,
Như thị hành giả đắc độ thế.

Người tu hành cần phải giữ gìn ba nghiệp thân, miệng, ý của mình, không nên gây phiền não cho tất cả chúng sinh, phải xa lìa những hạnh khổ vô ích, không tu những pháp môn này. Người thực hành được như thế mới có thể giáo hóa chúng sinh. Thế nên, quý vị phải thường làm cho chúng sinh hoan hỷ, như thế thì chư Phật Như Lai cũng hoan hỷ.

I2. VÌ TĂNG TRƯỞNG LÒNG ĐẠI BI: *(gồm ba phần)*

J1. Nói Pháp

J2. Thí Dụ Làm Rõ

J3. Thí Dụ Phù Hợp Với Pháp

J1. NÓI PHÁP

Vì sao thế? Vì các đức Như Lai dùng tâm đại bi mà làm thể. Nhơn nơi chúng sanh mà sanh lòng đại bi, nhơn lòng đại bi mà phát tâm Bồ-đề, nhơn vì nơi tâm Bồ-đề mà thành bậc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Hà dĩ cố ? Chư Phật Như Lai, dĩ đại bi tâm nhi vi thể cố. Nhân ư chúng sanh nhi khởi đại bi, nhân ư đại bi sanh Bồ-đề tâm, nhân Bồ-đề tâm thành Đẳng Chánh Giác.

"Vì sao thế?": nguyên nhân vì sao mà chúng sinh vui mừng thì Phật cũng vui mừng? Do vì Phật và chúng sinh đồng một thể tính, Phật cũng là chúng sinh, chúng sinh cũng là Phật; Phật là chúng sinh đã thành Phật, chúng sinh là chúng sinh chưa thành Phật. Chúng ta và Phật là một, tương lai đều là bình đẳng. Vì thế mà Phật giáo khác với những tôn giáo khác, bởi Phật giáo bình đẳng tuyệt đối. **"Vì các đức Như Lai dùng tâm đại bi mà làm thể"**: Chư Phật Như Lai chính là lấy lòng đại bi làm bản thể của các ngài. **"Nhơn nơi chúng sanh mà sanh lòng đại bi"**: nhân vì chúng sinh mà chư Phật phát khởi lòng đại bi. **"Nhơn lòng đại bi mà phát tâm Bồ-đề"**: nhờ có tâm đại bi ấy mà làm phát sinh tâm tưởng học đạo. **"Nhơn vì nơi tâm Bồ-đề mà thành bậc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác"**: nhân vì có tâm học đạo mà các ngài mới thành tựu Đẳng Chính Giác, mới thành tựu quả Phật.

J2. THÍ DỤ LÀM RÕ

Ví như giữa chốn sa mạc có cây thọ vương to lớn, nơi gốc cây ấy được nước rưới nhuần, thì cành lá hoa quả thảy đều sum suê tươi tốt.

Thí như khoáng dã sa thích chi trung, hữu đại thọ vương, nhược căn đắc thủy, chi diệp hoa quả tất giai phồn mậu.

"Ví như giữa chốn sa mạc có cây thọ vương to lớn": Điều này có một thí dụ: Giống như giữa bãi sa mạc mênh mông, có một cây đại thụ rất lớn. "**Nơi gốc cây ấy được nước rưới nhuần, thì cành lá hoa quả thảy đều sum suê tươi tốt**": Nơi góc cây đại thụ này nếu được tưới tẩm, thì cành lá sẽ tươi tốt, hoa quả cũng thơm ngọt.

J3. THÍ DỤ PHÙ HỢP VỚI PHÁP: *(gồm bốn phần)*

K1. Chính Thức Nói Về Thí Dụ Phù Hợp Với Pháp

K2. Nêu Lại Để Giải Thích

K3. Tóm Kết

K4. Chỉ Bày

K1. CHÍNH THỨC NÓI VỀ THÍ DỤ PHÙ HỢP VỚI PHÁP

Cây thọ vương Bồ-đề ở chốn sa mạc sanh tử rộng lớn cũng như vậy: tất cả chúng sanh là gốc rễ, Bồ-tát là hoa, Phật là quả. Dùng nước đại bi đượm nhuần gốc rễ chúng sanh thì có thể trổ bông Bồ-tát trí huệ kết thành quả Phật toàn giác.

Sinh tử khoáng dã Bồ-đề thọ vương, diệc phục như thị. Nhất thiết chúng sanh nhi vi thọ căn, chư Phật Bồ Tát nhi vi hoa quả, dĩ đại bi thủy nhiêu ích chúng sanh, tắc năng thành tựu chư Phật Bồ Tát trí huệ hoa quả.

"Cây thọ vương Bồ-đề ở chốn sa mạc sanh tử rộng lớn cũng như vậy": Cây đại thụ bồ-đề trong sa mạc sinh tử cũng giống như cây đại thụ trong sa mạc. Cây Bồ-đề chính là Đức Phật Thích-ca-mâu-ni, Ngài đã thành đạo dưới cội cây Bồ-đề này.

"Tất cả chúng sanh là gốc rễ, Bồ-tát là hoa, Phật là quả": Vì sao tất cả chúng sinh và Phật có liên quan với nhau? Bởi vì chúng sinh giống như rễ cây đại thụ, chư Phật và Bồ-tát chính là sự khai hoa, kết quả phần trên của cây. **"Dùng nước đại bi đượm nhuần gốc rễ chúng sanh thì có thể trổ bông Bồ-tát trí huệ kết thành quả Phật toàn giác"**: chư Phật, Bồ-tát dùng nước trí tuệ đại bi, khiến cho chúng sinh đều đến chỗ tốt đẹp, như thế có thể thành tựu hoa quả trí tuệ vô lượng vô biên của Phật và Bồ-tát.

K2. NÊU LẠI ĐỂ GIẢI THÍCH

Vì sao thế? Bởi các Bồ tát dùng nước đại bi làm lợi ích cho chúng sanh, thì có thể thành tựu quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Hà dĩ cố ? Nhược chư Bồ Tát dĩ đại bi thủy nhiêu ích chúng sanh, tắc năng thành tựu A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề.

"Vì sao thế?": Vì sao nói chúng sinh là rễ cây đại thụ, còn chư Phật và Bồ-tát là hoa quả của trí tuệ?

"Nếu các Bồ-tát dùng nước đại bi làm lợi ích chúng sinh": Giả như các vị Bồ-tát dùng nước đại bi để làm lợi ích chúng sinh. Thế nào là nước đại bi? Chính là tâm từ bi, tâm thương xót đối với hết thảy chúng sinh. Đó gọi là nước đại bi. Lại có Bồ-tát Quán Thế Âm cùng hết thảy các vị Bồ-tát cũng tụng Chú Đại Bi, gia trì vào nước đại bi để làm lợi ích chúng sinh. Vì thế mà Bồ-tát Quán Thế Âm có bốn mươi hai Thủ Nhãn; có tay cầm nhành dương và có tay cầm tịnh bình. Dương chi và tịnh bình này là hợp dụng, đem nhành dương nhúng vào tịnh bình cho thấm nước đại bi. Ngài Quán Thế Âm lúc nào cũng trì tụng Chú Đại Bi gia trì vào nước đại bi trong bình tịnh thủy, ngài dùng nước đại bi này để làm lợi ích chúng sinh. Vì thế nói: "Nước cam lộ trong tịnh bình thường rảy khắp" (Bình trung cam lộ thường biến sái). Nước ở trong tịnh bình ấy gọi là nước đại bi, cũng gọi là nước cam lộ.

"Thì có thể thành tựu quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác": Do Bồ-tát dùng nước đại bi để làm lợi ích chúng sinh nên mới thành tựu được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. A-nậu-đa-la tam-miệu-tam-bồ-đề là tiếng Phạn (Anuttarasamyaksambodhi), Trung Hoa dịch là Vô Thượng

Chánh Đẳng Chánh Giác. Chánh Giác là quả vị của Nhị thừa đạt được. Người tu hạnh Nhị thừa đạt đến giác ngộ, chứng đắc quả vị Thanh Văn hoặc Duyên Giác, nhưng như thế các Ngài chỉ là tự giác mà không có Chánh Đẳng. Quả vị của Bồ-tát là Chánh Đẳng Chánh Giác chính bằng như Phật, nhưng Bồ-tát chỉ đạt được Chánh Đẳng mà chưa đạt được Vô Thượng. Bồ-tát gọi là Thượng Sĩ, Phật được gọi là Vô Thượng Sĩ, nên đạt được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác chính là quả vị Phật. Nếu Bồ-tát không làm lợi ích chúng sinh, không dùng nước đại bi để giáo hóa chúng sinh thì rốt cuộc cũng không thể thành Phật. Như thế nào mới có thể thành Phật? Chính là phải làm lợi ích chúng sinh, sau đó tự mình mới có thể thành Phật. Đó gọi là tự lợi, lợi tha.

K3. TÓM KẾT

Cho nên quả Bồ Đề thuộc về chúng sanh, vì nếu không chúng sanh, tất cả Bồ tát trọn không thể thành đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Thị cố Bồ-đề thuộc ư chúng sanh, nhược vô chúng sanh, nhất thiết Bồ Tát chung bất năng thành Vô Thượng Chánh Giác.

"**Cho nên quả Bồ Đề thuộc về chúng sanh**": Nhân vì điều này nên sự thành tựu đạo quả là từ ở nơi chúng sinh. "**Vì nếu không chúng sanh, tất cả Bồ tát trọn không thể thành đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác**": giả như không có chúng sinh thì tất cả các Bồ-tát cũng chẳng thể thành Phật. Vì sao? Vì các Ngài không có chỗ để tu tạo công đức. Chúng sinh thì ở nơi Tam Bảo mà tu tạo công đức, còn Bồ-tát thì ở nơi chúng sinh mà tu tạo công đức. Bồ-tát ở nơi chúng sinh tu tạo công đức như thế nào? Chính là làm lợi ích chúng sinh, khiến chúng sinh xa lìa đau khổ, được an vui, giải thoát sinh tử, từ bờ mê quay về bến giác. Đó chính là làm lợi ích chúng sinh.

K4. CHỈ BÀY

Này Thiện nam tử! Ông ở nơi nghĩa ấy nên hiểu như thế.

Bởi đối với chúng sanh mà tâm bình đẳng thì có thể sanh lòng đại bi đầy đủ hoàn toàn. Dùng tâm đại bi mà tùy thuận chúng sanh thì có thể thành tựu pháp cúng dường Như Lai.

Thiện nam tử! Nhữ ư thử nghĩa, ưng như thị giải, dĩ ư chúng sanh tâm bình đẳng cố, tắc năng thành tựu viên mãn đại bi; dĩ đại bi tâm tùy chúng sanh cố, tắc năng thành tựu cúng dường Như Lai.

"**Này Thiện nam tử! Ông ở nơi nghĩa ấy nên hiểu như thế**": Ông là thiện nam tu hành đạo Bồ-tát! Đối với nghĩa lý này nên hiểu như thế. **"Bởi đối với chúng sanh mà tâm bình đẳng thì có thể sanh lòng đại bi đầy đủ hoàn toàn"**: Nhân vì *Phật, chúng sinh* và *tâm* tuy ba mà một, một mà ba. Tâm, Phật, chúng sinh đều bất khả tư nghì; chúng sinh bất khả tư nghì, Phật cũng bất khả tư nghì, tâm cũng bất khả tư nghì nên *tâm, Phật, chúng sinh* cả ba không sai biệt, là đồng nhất thể. Ông thấu rõ nghĩa lý ấy thì mới có thể thành tựu viên mãn tâm đại bi. **"Dùng tâm đại bi mà tùy thuận chúng sanh thì có thể thành tựu pháp cúng dường Như Lai"**: dùng tâm đại bi này để tùy thuận chúng sinh thì có thể thành tựu công đức cúng dường Như Lai.

G3. TỔNG KẾT VÔ TẬN

Bồ tát tùy thuận chúng sanh như thế ấy.

Cõi hư không cùng tận, cõi chúng sanh cùng tận, nghiệp chúng sanh cùng tận, phiền não chúng sanh cùng tận, sự tùy thuận chúng sanh của tôi vẫn không cùng tận, niệm niệm nối luôn không hở, thân khẩu, ý ba nghiệp không hề nhàm mỏi.

Bồ Tát như thị tùy thuận chúng sanh, hư không giới tận, chúng sinh giới tận, chúng sinh nghiệp tận, chúng sinh phiền não tận, ngã thử tùy thuận vô hữu cùng tận. Niệm niệm tương tục, vô hữu gián đoạn. Thân ngữ ý nghiệp vô hữu bì yếm.

"Bồ-tát tùy thuận chúng sinh như thế": Thực hành Bồ-tát đạo nghĩa là Bồ-tát tu hành hạnh Bồ-tát thì phải tùy thuận chúng sinh như thế. "Hư không có thể cùng tận, chúng sinh có thể cùng tận, nghiệp chúng sinh có thể cùng tận, phiền não chúng sinh có thể cùng tận nhưng sự tùy thuận chúng sinh này của tôi không bao giờ cùng tận": giả như cõi hư không diệt tận, cõi chúng sinh, nghiệp của chúng sinh và phiền não của chúng sinh đều diệt tận nhưng hạnh nguyện tùy thuận chúng sinh này của tôi cũng không bao giờ cùng tận. Xưa nay pháp giới hư không, và cõi chúng sinh, nghiệp chúng sinh, phiền não của chúng sinh vốn chẳng thể diệt tận, nhưng giả như các thứ ấy đều không còn thì nguyện này của tôi cũng mãi mãi tồn tại.

"Niệm niệm nối tiếp không gián đoạn": mỗi niệm đều như thế, nối nhau liên tiếp không dứt. "Ba nghiệp thân, miệng, ý không hề chán mỏi": thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp của tôi mãi mãi đều phải thực hành hạnh nguyện này, nương nơi nguyện lực này mà làm, mãi mãi đều không chán mỏi.

---

[1] **Trời rồng tám bộ** (hâ: Thiên long bát bộ 天龍八部): tám bộ chúng gồm Thiên, Long, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lầu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già. Vì trời, rồng là ở bậc cao nhất trong tám bộ nên được trưng dẫn.

F10. PHỔ GIAI HỒI HƯỚNG: *(gồm ba phần)*

G1. Nêu Danh

G2. Giải Thích Tướng Trạng

G3. Tổng Kết Vô Tận

G1. NÊU DANH

Lại này Thiện nam tử! Nói "Hồi hướng khắp tất cả" là như vầy:

Phục thứ, Thiện nam tử! ngôn phổ giai hồi hướng giả:

Bồ-tát Phổ Hiền nói, Thiện nam tử! Tôi lại nói cho ông nghe vì sao gọi là "Hồi hướng khắp cả?". Tôi nay nói lược qua.

G2. GIẢI THÍCH TƯỚNG TRẠNG: *(gồm 3 phần)*

H1. Hồi Tự Hướng Tha

H2. Hồi Sự Hướng Lý

H3. Hồi Nhân Hướng Quả

H1. HỒI TỰ HƯỚNG THA

Từ sự lễ kính ban đầu nhẫn đến tùy thuận có bao nhiêu công đức, thảy đều đem hồi hướng cho tất cả chúng sanh khắp trong hư không pháp giới.

Tùng sơ lễ bái, nãi chí tùy thuận sở hữu công đức, giai tất hồi hướng tận pháp giới hư không giới nhất thiết chúng sanh.

Từ hạnh nguyện thứ nhất là lễ kính chư Phật cho đến hạnh nguyện thứ chín là hằng thuận chúng sinh, bao nhiêu hạnh nguyện, pháp môn tôi đã tu tập trong khoảng thời gian ấy, có rất nhiều công đức. Nhưng những công đức đó có phải tôi để dành cho riêng tôi dùng không? Không phải. Tất cả những công đức ấy tôi đều đem hồi hướng tất cả. Hồi hướng cho ai? Hồi hướng cho hết thảy chúng sinh khắp cả pháp giới và hư không giới.

H2. HỒI SỰ HƯỚNG LÝ

Nguyện cho tất cả chúng sanh thường được an lạc, không các bịnh khổ, muốn thật hành pháp ác thảy đều không thành, còn tu nghiệp lành thì đều mau thành tựu. Đóng chặt cửa của tất cả các ác thú, mở bày đường chánh Nhơn Thiên Niết-bàn.

Nguyện linh chúng sinh, thường đắc an lạc, vô chư bệnh khổ; dục hành ác pháp giai tất bất thành, sở tu thiện nghiệp giai tốc thành tựu. Quan bế nhất thiết chư ác thú môn, khai thị Nhân Thiên Niết Bàn chánh lộ.

"Nguyện cho tất cả chúng sanh thường được an lạc, không các bịnh khổ": Xin tình nguyện đem công đức này hồi hướng khiến cho hết thảy chúng sinh lúc nào cũng được an lạc, được lợi ích, tất cả những bệnh khổ đều không còn. **"Muốn thật hành pháp ác thảy đều không thành"**: Giả sử như chúng sinh muốn làm các việc ác thì các pháp ấy đều không được thành tựu. **"Còn tu nghiệp lành thì đều mau thành tựu"**: Nếu họ tu tập các hạnh lành, làm các việc tốt thì được thành tựu một cách nhanh chóng.

"Đóng chặt cửa của tất cả các ác thú": Tôi phát nguyện đem công đức của tôi, hồi hướng cho hết thảy chúng sinh, đóng chặt tất cả cánh cửa ác Địa ngục, Ngạ quỉ, Súc sinh, A-tu-la; khiến cho chúng sinh không đọa vào Địa ngục, không thành Ngạ quỉ, không làm Súc sinh và A-tu-la. **"Mở bày đường chánh Nhơn Thiên Niết-bàn"**: Mở bày con đường chân chính nhân, thiên và Niết-bàn nghĩa là đối với con người thì dạy rõ cho họ biết tu thế nào để được làm người, tu thế nào để được sinh thiên. Quý vị muốn làm người thì phải giữ gìn năm giới, quý vị muốn sinh thiên thì phải giữ gìn năm giới và mười điều thiện, quý vị muốn được Niết-bàn thì phải tu Tứ-đế, Thập nhị nhân duyên, Lục độ Vạn hạnh, tất cả những hạnh của Bồ-tát mới có thể đạt được cảnh giới Niết-bàn "thường, lạc, ngã, tịnh".

H3. HỒI NHÂN HƯỚNG QUẢ

Nếu các chúng sanh nhơn vì trước kia chứa nhóm các nghiệp ác nên chiêu cảm tất cả quả rất khổ, tôi đều chịu thế cho, khiến chúng sanh đều được giải thoát, rốt ráo thành tựu quả Vô Thượng Bồ Đề.

Nhược chư chúng sanh, nhân khởi tích tập chư ác nghiệp cố, sở cảm nhất thiết cực trọng khổ quả, ngã giai đái thọ; linh bỉ chúng sanh, tất đắc giải thoát, cứu cánh thành tựu Vô Thượng Bồ Đề.

"Nếu các chúng sanh nhơn vì trước kia chứa nhóm các nghiệp ác nên chiêu cảm tất cả quả rất khổ, tôi đều chịu thế cho": giả như có chúng sinh, do vì tích tập rất nhiều nghiệp ác khác nhau, những chúng sinh đó nhất định phải chịu quả khổ nặng nề. Tôi đều thay thế họ mà nhận lấy quả khổ ấy. Quý vị thử xem! Bồ-tát Phổ Hiền phát nguyện này rất là từ bi, chúng ta nghe được lời phát nguyện này của Bồ-tát, nếu không chịu tu hành thì kẻ đó thật là ngu si hết chỗ nói! Bồ-tát Phổ Hiền phát nguyện thay chúng ta chịu khổ, hiện nay chúng ta khổ nhiều hay ít, bởi vì Bồ-tát Phổ Hiền thay ta chịu khổ rất nhiều nhưng mà Ngài cũng chẳng bảo cho ta biết, nói rằng: "Tôi thay ông chịu bao nhiêu khổ, hoặc là khổ của một ngày, khổ của một năm, khổ của một đời, tôi đã thay ông chịu khổ, nay ông phải cám ơn tôi, mời ta ăn một bữa cơm hay uống một chén trà". Ngài cũng không bảo ta cảm ơn Ngài, cũng không bảo ta phải mời khách. Chúng ta nghe kinh, nghe đến chỗ này chúng ta phải khóc một cách thống thiết, lệ chảy tràn trề để cảm tạ Bồ-tát Phổ Hiền.

"Khiến chúng sanh đều được giải thoát, rốt ráo thành tựu quả Vô Thượng Bồ Đề.": Khiến cho hết thảy chúng sinh đều không bị trói buộc, không bị ngăn ngại, chẳng có quả khổ nào làm chướng ngại họ, họ đều được giải thoát, cuối cùng thành tựu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

G3. TỔNG KẾT VÔ TẬN

Bồ-tát tu hạnh hồi hướng như vậy. Cõi hư không cùng tận, cõi chúng sanh cùng tận, nghiệp chúng sanh cùng tận, phiền não chúng sanh cùng tận, sự hồi hướng của tôi vẫn không cùng tận, niệm niệm nối luôn không hở, ba nghiệp thân khẩu, ý không hề nhàm mỏi.

Bồ Tát như thị sở tu hồi hướng, hư không giới tận, chúng sinh giới tận, chúng sinh nghiệp tận, chúng sinh phiền não tận, ngã thử hồi hướng vô hữu cùng tận. Niệm niệm tương tục, vô hữu gián đoạn. Thân ngữ ý nghiệp vô hữu bì yếm.

"Bồ-tát tu hạnh hồi hướng như vậy.": Bồ-tát giống như thế, đem toàn bộ công đức của mình hồi hướng cho chúng sinh. Đó là việc mà Bồ-tát phải làm. Bồ-tát chính là luôn làm lợi ích của người khác, không phải chỉ riêng lo lợi ích của riêng mình. Vì thế những công đức có được của Ngài đều không nắm giữ mà hồi hướng cho hết thảy chúng sinh trong pháp giới. **"Cõi hư không cùng tận, cõi chúng sanh cùng tận, nghiệp chúng sanh cùng tận, phiền não chúng sanh cùng tận"**: cõi hư không giả như có cùng tận; cõi chúng sinh, nghiệp lực của chúng sinh, phiền não của chúng sinh giả như cũng sẽ cùng tận nhưng nguyện lực hồi hướng này của tôi mãi mãi cũng không thể cùng tận. Hư không xưa nay chẳng bao giờ hoại diệt, chúng sinh cũng không thể hết, nghiệp của chúng sinh, phiền não của chúng sinh cũng chẳng thể dứt sạch, nhưng giả sử những thứ ấy đều tiêu diệt, không còn nữa thì nguyện lực hồi hướng này của tôi cũng không thể cùng tận.

"Niệm niệm nối luôn không hở": Giống niệm lực của con người, niệm niệm nối tiếp nhau,

mãi mãi không hề gián đoạn. **"Ba nghiệp thân khẩu, ý không hề nhàm mỏi."**. Thân của tôi cũng tu mười hạnh nguyện này. Miệng cũng tu mười hạnh nguyện, ý niệm cũng tu mười hạnh nguyện, mãi mãi không thấy khổ nhọc, mệt mỏi. Tôi không bao giờ dừng nghỉ, đêm ngày tinh tiến hành trì pháp môn mười hạnh nguyện lớn này.

Nay chúng ta đã hiểu rõ mười đại nguyện của đức Bồ-tát Phổ Hiền. Nếu đem mười nguyện lực này để so rộng hẹp với hư không, thì dù hư không có tiêu mất đi, nguyện lực này của Ngài cũng không cùng tận.

Mười hạnh nguyện này không phải chỉ riêng Bồ-tát Phổ Hiền hành trì mà thôi. Nếu chỉ riêng Ngài tự mình tu trì hạnh nguyện này thì Bồ-tát Phổ Hiền sẽ chẳng thể ở hội kinh Hoa Nghiêm mà phát biểu mười hạnh nguyện lớn này. Ngài nói ra mười hạnh nguyện này chính là để khiến tất cả chúng sinh như chúng ta đều noi theo để tu hành, phát tâm nguyện rộng lớn như pháp giới hư không, đem hết công đức của mình hồi hướng về cho pháp giới chúng sinh. Bao nhiêu thệ nguyện của tất cả chúng sinh đều cùng hạnh nguyện Bồ-tát Phổ Hiền hợp làm một, cũng có nghĩa là tất cả chúng sinh đều là Phổ Hiền, rồi bao nhiêu Phổ Hiền ấy trở lại giáo hóa chúng sinh. Quý vị tu tập theo 10 nguyện rộng lớn của Phổ Hiền thì quý vị chính là Bồ-tát Phổ Hiền. Tôi nương theo mười hạnh nguyện lớn này để tu hành thì tôi là Bồ-tát Phổ Hiền. Vì thế nên nói: "Phổ là cùng khắp; Hiền là thánh hiền". Phổ Hiền chính là cùng khắp pháp giới, hết thảy chúng sinh đều trở thành hiền nhân, thánh nhân. Vì thế mười hạnh nguyện lớn của Bồ-tát Phổ Hiền không phải chỉ dự bị cho Bồ-tát Phổ Hiền mà cũng là dự bị cho cho tất cả chúng sinh như chúng ta. Bồ-tát Phổ Hiền sợ rằng chúng sinh như chúng ra không hiểu rõ tu tập như thế nào, vì thế mới khởi lòng đại bi bày ra mười hạnh nguyện lớn này, rồi dạy chúng ta noi theo mười nguyện lớn này mà tu hành. Thế nên, sau khi quý vị đã nghe mười hạnh nguyện lớn này rồi thì không nên cho rằng mười hạnh nguyện lớn này là việc của Bồ-tát Phổ Hiền, không phải là việc của quý vị. Như vậy là sai lầm! Chúng ta nghe được phương pháp tu hành mười hạnh nguyện lớn này, cũng nên phát những nguyện như thế rồi nương vào pháp mà tu hành.

VI. TÓM KẾT NHỮNG ĐIỀU LỢI ÍCH CẦN PHẢI BIẾT

Này Thiện nam tử! Ấy là mười điều nguyện lớn đầy đủ viên mãn của đại Bồ tát. Nếu các vị Bồ tát ở nơi mười điều nguyện lớn này mà tùy thuận tu hành, thì có thể thuần phục tất cả chúng sanh, thì có thể tùy thuận đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, thì có thể trọn đủ các hạnh nguyện hải của Ngài Phổ Hiền Bồ tát. Này Thiện nam tử! Do cớ ấy ở nơi các nghĩa trên đây ông nên hiểu biết như vậy.

Thiện nam tử! Thị vi Bồ-tát Ma-ha-tát thập chủng đại nguyện, cụ túc viên mãn. Nhược chư Bồ-tát ư thử đại nguyện tùy thuận thú nhập, tắc năng thành thục nhất thiết chúng sanh, tắc năng tùy thuận A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề, tắc năng thành mãn Phổ Hiền Bồ-tát chư hạnh nguyện hải. Thị cố Thiện nam tử! Nhữ ư thử nghĩa, ứng như thị tri.

"Thiện nam tử": Bồ-tát Phổ Hiền sau khi đã nói xong mười hạnh nguyện rộng lớn, lại gọi: Thiện nam tử! **"Ấy là mười điều nguyện lớn đầy đủ viên mãn của đại Bồ tát"**: Ma-ha-tát là tiếng Phạn, Trung Hoa dịch là 'đại'. Bồ-tát Ma-ha-tát chính là Bồ-tát lớn trong hàng Bồ-tát. Mười hạnh nguyện rộng lớn ấy là hạnh tu tập của các Bồ-tát lớn. Hết thảy chư Phật Bồ-tát đều do nơi mười hạnh nguyện rộng lớn này mà thành tựu. Chúng ta phát tâm muốn thành quả Phật cũng phải nương theo mười hạnh nguyện rộng lớn này mà tu hành. "Cụ túc viên mãn": tu mười hạnh nguyện này cần phải đầy đủ, cần phải giống như sự phát nguyện của Bồ-tát Phổ Hiền, chẳng được giữa đường bỏ dở,

không được tu hành giữa chừng rồi cảm thấy khó khăn rồi thay đổi. Nếu quý vị thay đổi thì không phải cụ túc, cũng không phải viên mãn. Nếu quý vị không bao giờ thay đổi thì chính là hư không có tận cùng, chúng sinh có diệt tận, nghiệp và phiền não chúng sinh có thể tiêu hết nhưng mà mười hạnh nguyện này cũng không thể tiêu mất.

"Nếu các vị Bồ tát ở nơi mười điều nguyện lớn này mà tùy thuận tu hành, thì có thể thuần phục tất cả chúng sanh": giả như tất cả các Bồ-tát tùy thuận mười hạnh nguyện rộng lớn này mà tu hành, thực hành mười hạnh nguyện này thì có thể giáo hóa hết thảy chúng sinh. Mười hạnh nguyện lớn này chính là Bồ-tát thực hành đạo Bồ-tát. Bồ-tát thực hành đạo Bồ-tát cũng chính là thực hành mười hạnh nguyện rộng lớn này. Pháp và người biến làm một, không còn phân biệt, đó gọi là tùy thuận thú nhập.

Thế nào gọi là thuần thục hết thảy chúng sinh? Chúng sinh không có căn lành, quý vị liền dắt dẫn cho họ tu mười hạnh nguyện rộng lớn này, khiến cho họ gieo trồng được căn lành. Thí như chúng sinh không biết hiếu thuận cha mẹ là việc tốt, thì quý vị có thể dạy họ, khiến cho họ biết hiếu thuận với cha mẹ. Đó cũng là một phương pháp khiến cho chúng sinh gieo trồng căn lành. Bởi luật chung của đất trời là: *"Trong muôn việc ác thì Dâm là đứng đầu, trong trăm điều lành thì hiếu là trước nhất"* (Vạn ác dâm vi thủ, bách thiện hiếu vi tiên). Sở dĩ chúng ta cùng với cầm thú khác nhau là vì con người biết hiếu thảo với cha mẹ, tôn kính sư trưởng; cầm thú thì không biết hiếu thảo cha mẹ, nhưng cũng có trường hợp ngoại lệ, như dê con quỳ khi bú sữa mẹ, quạ con biết mớm mồi mời lại quạ mẹ. Con dê con khi bú sữa thì quỳ xuống để bú, con quạ đen khi trưởng thành biết mớn mồi trở lại cho mẹ già. Hiếu là điều căn bản của con người, con người nếu không hiếu thuận với cha mẹ thì không có căn lành. Còn người hiếu thuận với cha mẹ thì nhất định có căn lành. Người không có căn lành thì quý vị khiến cho họ gieo trồng căn lành, người đã có thiện căn thì quý vị giúp đỡ cho căn lành của họ thêm lớn.

Nghe rằng đức Lục Tổ lúc còn ở nhà, ngày ngày lên núi đốn củi, sau đó mang ra chợ bán rồi mua gạo về nuôi mẹ. Như thế Ngài cũng đang gieo căn lành. Ngài Lục Tổ vốn đã có căn lành, đó là một cảnh giới của Bồ-tát. Một hôm, Ngài đến nhà trọ bán củi, nghe một vị khách tụng *kinh Kim Cương*, nghe đến đoạn : *"Ưng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm"*, trong tâm liền có sở ngộ. Thế rồi, vị khách đó liền cho Ngài mười lượng bạc, bảo Ngài để lại một ít tiền cho mẹ Ngài, còn một ít làm lộ phí đi đến Hoàng Mai[1] cầu pháp. Việc làm của vị khách đó chính là giúp đỡ Ngài gieo trồng căn lành, giúp đỡ Ngài thành tựu đạo nghiệp.

Chúng sinh đã có căn lành thì khiến cho căn lành của họ ngày càng thêm lớn; chúng sinh căn lành đã tăng trưởng thì lại giúp họ thành thục. Thành thục chính là thành tựu đạo nghiệp, thành tựu quả Phật.

"Thì có thể tùy thuận đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác": Tùy thuận chính là y theo con đường ấy mà tu hành. Tu hành cái gì? Tu hành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Vô Thượng thì cao hơn Bồ-tát, Chánh Đẳng thì cao hơn Nhị thừa, Chánh Giác thì vượt khỏi phàm phu. Vì thế Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thì siêu phàm nhập thánh, là tên gọi chỉ cho đạt đến quả Phật. "thì có thể trọn đủ các hạnh nguyện hải của Ngài Phổ Hiền Bồ tát.": Quý vị nếu tu hành mười hạnh nguyện rộng lớn này thì có thể thành tựu, viên mãn các hạnh lớn như biển của đức Bồ-tát Phổ Hiền. Bồ-tát Phổ Hiền luôn làm mãn nguyện chúng sinh, chúng sinh cầu gì thì Ngài liền đáp ứng, làm cho chúng sinh được toại ý.

Giảng đến đây tôi chợt nghĩ đến tích Bồ-tát Phổ Hiền thuở quá khứ làm hành đường[2] trong một ngôi chùa. Tăng chúng khi thọ trai đều tập trung ở trai đường để ăn. Bàn trong trai đường được

xếp hàng hai bên, người ngồi đối diện với nhau, trước mặt mỗi người có hai bát, một bát đựng cơm, một bát đựng thức ăn. Bồ-tát Phổ Hiền làm nhiệm vụ sớt cơm và thức ăn cho mọi người. Bên hông mang những chiếc bình nhỏ bên trong đựng các thứ gia vị như nước tương, muối, ớt, tiêu…Quý vị muốn mặn thì Ngài cho một tí muối, quý vị muốn nước tương thì Ngài lại đưa, quý vị cần gì thì Ngài gia thêm một ít thứ đó cho vừa khẩu vị. Đó là Ngài làm mãn nguyện chúng sinh. Nhưng có lúc Ngài cho một tí muối, thì vị tăng ấy lại nói: "Tôi không muốn nhiều như thế, thầy cho tôi nhiều như thế làm gì?". Lát sau lại có một vị yêu cầu thêm muối, Ngài cho ít hơn một chút, vị ấy nói: "Thầy cho tôi thêm một ít nữa, làm như là ăn hết đồ của thầy vậy, đây là của công, sao ông keo vậy?". Hoặc là có người không yêu cầu, quý vị cho thêm gia vị thì người ấy nói không cần, có khi quý vị không thêm thì có người nói xem thường họ, đối xử với họ không tốt. Vì thế Bồ-tát Phổ Hiền cũng không dễ gì làm vừa lòng chúng sinh.

Như vậy có phải là cho không thể mãn nguyện chúng sinh, rồi không bỏ rơi chúng sinh? Chúng sinh càng như thế, thì quý vị phải càng tu thêm khổ hạnh. Quý vị tu khổ hạnh, có người chửi, đánh quý vị, xem thường quý vị, đó chính là đang khảo nghiệm quý vị, xem quý vị có tâm thành không. Vì thế người tu đạo như chúng ta không nên sợ khó khăn, càng khó khăn thì càng phải hoàn thành. Thí như quý vị quét nhà, có người chửi quý vị: "Ông từ suốt ngày quét chỗ đất ấy làm gì, có được gì đâu?" Quý vị cũng mặc kệ họ. Như thế có phải quý vị có quyền cố ý quét suốt ngày khiến cho họ nổi sân không? Cũng không phải là như thế. Tóm lại, không kể là đi theo con đường nào, quý vị làm đúng thì có người chửi mắng quý vị, quý vị cũng mặc kệ họ. Nếu quý vị làm sai, có người nhắc nhở, thì phải mau cải đổi. Tất cả mọi việc đều giống như thế.

Nguyện lực của Bồ-tát Phổ Hiền lớn như biển cả, không phải chỉ thuần là mười hạnh nguyện rộng lớn này. Chúng ta cũng phải cố gắng tu tập để lấp đầy biển đại nguyện này.

"Này Thiện nam tử! Do cớ ấy ở nơi các nghĩa trên đây ông nên hiểu biết như vậy": Nhân vì như thế, nên thiện nam tử ông đối với ý nghĩa này cần phải hiểu một cách rõ ràng giống như tôi đã nói.

---

[1] Hoàng Mai 黃梅: hai ngọn núi phía Đông và Tây của huyện Hoàng Mai, nằm phía Đông-Nam tỉnh Hồ Hải. Nơi đây là chỗ tu hành chứng đạo của Tứ Tổ và Ngũ Tổ, cũng là nơi Ngài Lục Tổ đến cầu pháp với Ngũ Tổ và được truyền y bát.

[2] Hành đường 行堂: người làm thị giả cho chư tăng, lo việc dọn thức ăn, châm cơm canh, pha trà nước…

 Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện Nhập Bất Tư Nghì Giải Thoát Cảnh Giới

---

B2. KỆ TỤNG

Gồm 2 phần:

C1. Dẫn Đến Kệ Tụng
C2. Kệ Tụng

C1. DẪN ĐẾN KỆ TỤNG

Lúc bấy giờ, Phổ Hiền Bồ tát Ma Ha Tát muốn nói lại nghĩa ấy, Ngài quán sát khắp mười phương mà nói kệ rằng:

Nhĩ thời, Phổ Hiền Bồ-tát Ma-ha-tát dục trùng tuyên thử nghĩa, phổ quán thập phương nhi thuyết kệ ngôn:

"Lúc bấy giờ, Phổ Hiền Bồ tát Ma Ha Tát muốn nói lại nghĩa ấy": Ngay lúc ấy đại Bồ-tát Phổ Hiền muốn nói rõ lại ý nghĩa trên. **"Ngài quán sát khắp mười phương mà nói kệ rằng"**: Ngài liền quán sát căn tính và nhân duyên của chúng sinh khắp mười phương và tuyên nói kệ. Quý vị xem, Bồ-tát Phổ Hiền rất từ bi với chúng ta, vì sợ chúng ta còn chưa rõ được ý nghĩa trong kinh văn nên Ngài nói tiếp kệ tụng để thuyết minh thêm một lần nữa.

C2. KỆ TỤNG *(gồm ba phần):*

D1. Nêu Bày Nhân Chung

D2. Hiển Bày Công Đức Thù Thắng Của Kinh

D3. Tóm Kết Khuyên Thọ Trì

D1. NÊU BÀY NHÂN CHUNG *(gồm có hai phần):*

E1. Nêu Lên Mười Môn Bằng Mười Bài Tụng Riêng Biệt

E2. Bài Tụng Tổng Kết Vô Tận

E1. NÊU LÊN MƯỜI MÔN BẰNG MƯỜI BÀI TỤNG

Gồm có tám phần:

F1. Bài tụng Lễ kính chư Phật

F2. Bài tụng Xưng tán Như Lai

F3. Bài tụng Rộng tu cúng dường

F4. Bài tụng Sám hối nghiệp chướng

F5. Bài tụng Tùy hỷ công đức

F6. Bài tụng Thỉnh Phật chuyển pháp luân

F7. Bài tụng Thỉnh Phật trụ thế

F8. Bài tụng gồm ba nguyện sau

F1. BÀI KỆ TỤNG KÍNH LỄ CHƯ PHẬT

Tất cả chư Phật trong ba đời

Ở nơi thế giới khắp mười phương

Tôi đem thân ngữ ý trong sạch

Khắp lạy chư Phật không hề sót

Sức oai thần hạnh nguyện Phổ Hiền

Phân thân hiện khắp trước Như Lai

Một thân lại hiện sát trần thân

Mỗi thân lạy khắp sát trần Phật

Sở hữu thập phương thế giới trung

Tam thế nhất thiết nhân sư tử

Ngã dĩ thanh tịnh thân ngữ ý

Nhất thiết biến lễ tận vô dư

Phổ Hiền hạnh nguyện oai thần lực

Phổ hiện nhất thiết Như Lai tiền

Nhất thân phục hiện sát trần thân

Nhất nhất biến lễ sát trần Phật

Đây là nói về sự kính lễ chư Phật.

"Tất cả chư Phật trong ba đời": Mười phương chính là Đông, Tây, Nam, Bắc; thêm vào Đông Nam, Tây Nam, Đông Bắc, Tây Bắc và phương trên cùng phương dưới, hợp tất cả lại thành mười phương. Chùa chiền được gọi là của thập phương thường trụ, bởi chùa chính là nơi chư tăng trong mười phương đều có thể đến ở. Sao lại có chư tăng ở phương trên và phương dưới? Vì trong số chư tăng mười phương, có rất nhiều vị là Thánh Hiền Tăng, Thánh Hiền Tăng là những bậc thánh nhân đã chứng quả, có vị chứng sơ quả A-la-hán, có vị chứng nhị quả, tam quả cho đến tứ quả A-la-hán, hoặc có người là bậc Bồ-tát… quả vị không giống nhau. Bậc thánh nhân chứng quả có thể từ phương trên xuống, cũng có thể từ phương dưới lên, chư Phật cũng ở trong mười phương. Cho nên chùa chiền được gọi là của thập phương thường trụ, là nơi chiêu đãi chư tăng trong mười phương.

Trong số một trăm vị tăng, nhất định có một người tu đạo chân chính, trong một nghìn vị tăng, nhất định có một vị chứng quả A-la-hán. Ở những đại tùng lâm, khi chư tăng quá đường ăn ngọ có lúc đến mấy trăm người, hoặc mấy nghìn người không cố định. Nếu ba nghìn người thì sẽ có ba vị chứng quả A-la-hán ở trong đó, chẳng qua là quý vị không biết ba vị nào mà thôi. Vị A-la-hán cũng không cố ý khiến quý vị nhận ra Ngài, Ngài có vô số hình tướng khác nhau. Lúc hiện ra một vị oai đức lớn, có oai khiến người nể sợ, có đức khiến người kính trọng. Hoặc khi thì hiện thành một người có dáng vẻ rất khờ khạo, vừa ngu dốt lại thô lỗ, khiến ai nhìn qua đều không muốn gặp lại nữa, nhưng đâu ai biết người đó chính là một vị A-la-hán. Cho nên dù vị A-la-hán có xuất hiện trước mặt thì quý vị cũng không nhận ra Ngài đâu, đợi khi Ngài đi rồi, quý vị nhớ lại những hành xử của Ngài mới biết đó chính là một vị A-la-hán, lúc bấy giờ quý vị có đi tìm khắp nơi cũng không tìm được Ngài. Không chỉ A-la-hán như thế mà Bồ-tát cũng vậy, vì thế nên nói: "Đối diện bất thức Quán Thế Âm", nghĩa là tuy đối diện nhưng quý vị cũng không nhận ra Ngài là Bồ-tát Quán Thế Âm.

Ở núi Thiên Thai tại Trung Qu ốc có ngôi chùa tên là Quốc Thanh. Xưa kia có một vị thái thú (giống như trưởng huyện ngày nay), có lầnchuyện trò cùng Hòa Thượng Phong Can, trụ trì chùa Quốc Thanh:

-Xưa nay Bồ-tát thường thị hiện chốn nhân gian, La-hán cũng thế. Hiện tại có rất nhiều người tu, nhưng tôi cũng chưa nhìn thấy một vị La-hán hay Bồ-tát nào cả .

Hòa Thượng Phong Can đáp:

-Ông muốn thấy Bồ-tát và A-la-hán không? Dễ lắm, trong nhà bếp sau chùa chúng ta có một người nấu cơm, đó chính là Bồ-tát Văn-thù, còn vị nấu nước chính là Bồ-tát Phổ Hiền.

Thái thú lại hỏi:

-Hai vị ấy tên gì?

-Một vị tên Hàn Sơn, còn vị kia là Thập Đắc.

Thái thú mừng rỡ:

-Thế thì tôi phải diện kiến các Ngài một lần.

Phương trượng bảo:

-Được, nếu ông thích gặp thì cứ đi gặp.

Thái thú đến nhà bếp hỏi:

-Ở đây vị nào tên là Hàn San và Thập Đắc vậy?

Có mấy vị chỉ tay nói:

-Hai người ấy chính là Hàn Sơn và Thập Đắc.

Thái Thú nhìn qua thấy tướng mạo hai vị rất xấu, đầu tóc bù xù, râu ria bờm xờm, nói một cách đơn giản là chẳng khác gì hippie (híp pi) thời nay. Nhưng hippie thì đều có ma quỷ bám theo, trên thân luôn toát ra một luồng khí đen, còn hai vị này trên thân tỏa ra ánh sáng sắc vàng.

Nếu quý vị có được thiên nhãn thông thì sẽ thấy hippie ma khí càng lớn thì hắc khí càng mạnh, phía sau luôn có ma quỷ đi theo họ, còn nếu không có thiên nhãn thông thì đương nhiên quý vị sẽ không biết gì, song quý vị cũng còn một điểm để nhận biết đó là những ma quỷ đi theo hippie luôn toát ra một mùi rất hôi. Bản thân kẻ hippie không biết, nhưng những người bình thường khác đều có thể nhận ra.

Thái Thú tuy thấy hai vị ấy nhơ nhớp xấu xí, nhưng vì tin lời của Hòa Thượng phương trượng, Hòa Thượng đã nói hai vị ấy chính là Bồ-tát Văn-thù và Bồ-tát Phổ Hiền, vì thế nên ông hướng về hai vị ấy quỳ xuống đảnh lễ. Hai vị vội hỏi:

-Ông làm gì thế? Sao lại lạy chúng tôi?

Thái Thú thưa:

-Hòa Thượng phương trượng đã mách với con hai vị chính là Bồ-tát Văn-thù và Bồ-tát Phổ Hiền, kính xin nhị vị Bồ-tát từ bi hóa độ cho con!

Hai vị nghe thế nói:

-Phong Can lắm mồm mép! ông ấy thật đa sự, toàn nói bừa!

Thế là hai Ngài lùi lại, nhưng Thái Thú cứ tiến tới, hai Ngài lùi mãi lùi mãi đến vách đá Nguyệt Quang núi Thiên Thai. Thái Thú tận mắt nhìn thấy hai Ngài đi vào trong vách đá. Thì ra vách đá có

cửa, cửa vừa mở hai Ngài liền đi vào trong, cánh cửa nhanh chóng khép lại. Thái thú muốn đi theo vào nhưng không kịp, ông liền nói to:

-Hai Ngài hãy độ đệ tử! Xin phát tâm từ bi cứu độ đệ tử!

Hàn San, Thập Đắc liền nói:

-Di-đà không bái mà đuổi theo chúng tôi làm gì?

Thái Thú thưa:

-Ai là Đức Di-đà?

Hàn San, Thập Đắc bảo:

-Hòa Thượng Phong Can chính là hóa thân của Đức Phật Di-đà đến thế giới này để giáo hóa chúng sinh, sao ông không mau đi lễ bái Ngài? Đuổi theo chúng tôi làm gì?

Thái Thú nghe nói vui mừng:

-Ồ! Hòa Thượng phương trượng vốn là hóa thân của Đức Phật Di-đà!

Nói xong, cánh cửa trên vách đá liền khép lại, Thái Thú cũng không vào được. Thế là Thái Thú trở về đi gặp phương trượng, ông muốn cầu Hòa Thượng phương trượng độ cho ông, nhưng vừa vào phòng phương trượng thì Hòa Thượng phương trượng đã viên tịch, ngồi xếp bằng ngay ngắn vãng sanh. Đây thật đúng là đối diện mà để lỡ qua.

Bồ-tát Văn Thù và Bồ-tát Phổ Hiền đã đi rồi, Đức Phật Di-đà cũng đã viên tịch, nhưng may mắn là ông rất dụng công tu hành, nghe nói sau này ông tu hành rất tốt!

"Ở nơi thế giới khắp mười phương": Tất cả đấng Sư Tử trong loài người ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai cũng chính là tất cả chư Phật trong ba đời. **"Tôi đem thân ngữ ý trong sạch"**: Tôi đem ba nghiệp thân miệng ý thanh tịnh nhất, thành khẩn nhất của tôi **"Khắp lạy chư Phật không hề sót"** đảnh lễ khắp hết thảy chư Phật, không hề có sự thiếu sót.

"Sức oai thần hạnh nguyện Phổ Hiền": Bản thân tôi không có được khả năng đi đảnh lễ khắp chư Phật trong ba đời mười phương mà là nhờ tu tập sức mạnh oai thần lớn của hạnh nguyện Phổ Hiền. **"Phân thân hiện khắp trước Như Lai"**: Khiến tôi có mặt ở trước khắp tất cả chư Phật, đảnh lễ hết thảy chư Như Lai. Tuy hiện giờ tôi đang đảnh lễ một vị Phật, nhưng cũng chính là đảnh lễ hết thảy các Đức Phật vậy.

"Một thân lại hiện sát trần thân": Một thân này của tôi lại hiện ra vô số thân nhiều như vi trần trong cõi nước. **"Mỗi thân lạy khắp sát trần Phật"**: Mỗi một thân lại kính lễ khắp chư Phật nhiều như số vi trần. Đó là hoàn toàn là do Bồ-tát Phổ Hiền gia bị, tôi mới có được cảnh giới như thế. Lễ một vị Phật chính là lễ vô số chư Phật, lễ vô số chư Phật cũng chính là lễ một vị Phật.

Quý vị có thể tu pháp môn *"Pháp giới quán"* này thì một thân quý vị có thể đảnh lễ khắp hết thảy chư Phật. Quý vị ở tại đây đảnh lễ cũng chính là đảnh lễ trước mười phương ba đời hết thảy chư Phật! Đây cũng giống như sự liên tục ở địa ngục vô gián, nhưng ở đây không phải là địa ngục vô gián mà là pháp giới không ngăn ngại, tu pháp không ngăn ngại.

F2. KỆ XƯNG TÁN NHƯ LAI

Sát trần Phật ở trong một trần

Đều ngồi giữa chúng hội Bồ tát

Vô tận pháp giới cũng như vậy

Sâu tin chư Phật đều đầy đủ

Tôi đều dùng tất cả âm thinh

Khắp thổ vô tận lời nói hay

Tột tất cả kiếp thuở vị lai

Khen công đức sâu dầy của Phật

Ư nhất trần trung trần số Phật

Các xứ Bồ-tát chúng hội trung

Vô tận pháp giới trần diệc nhiên

Thâm tín chư Phật giai sung mãn

Các dĩ nhất thiết âm thanh hải

Phổ xuất vô tận diệu ngôn từ

Tận ư vị lai nhất thiết kiếp

Tán Phật thậm thâm công đức hải

Đó là xưng tán Như Lai.

"Sát trần Phật ở trong một trần": Ở trong mỗi hạt vi trần đều có chư Phật nhiều như số vi trần của cõi nước. **"Đều ngồi giữa chúng hội Bồ tát"**: Ở trong chúng hội của Phật đều có Bồ-tát, La-hán, Thanh văn, Duyên giác, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni cho đến hết thảy chúng sinh. **"Vô tận pháp giới cũng như vậy"**: nơi pháp giới vô cùng vô tận này vi trần cũng là vô tận. **"Sâu tin chư Phật đều đầy đủ"**: tôi tin chắc rằng trong pháp giới, các thế giới nhiều như số cực vi trần đều có chư Phật đông đầy.

"Tôi đều dùng tất cả âm thinh, khắp thổ vô tận lời nói hay": Mỗi một thân tôi đều dùng tất cả âm thanh như biển phát ra khắp cả những âm thanh vi diệu nhiều vô cùng vô tận và đều dùng tất cả âm thanh ấy để ca ngợi chư Phật.

"Tột tất cả kiếp thuở vị lai, khen công đức sâu dầy của Phật": Tận cùng vị lai hết thảy số kiếp luôn ca ngợi công đức thâm sâu vô lượng vô biên lớn như biển cả của chư Phật.

F3. BÀI KỆ TỤNG TU HẠNH CÚNG DƯỜNG

Sắm đồ rất đẹp: nào tràng hoa

Kỹ nhạc, hương, hoa cùng tàn lọng

Các thứ trang nghiêm đẹp như vậy

Tôi dùng cúng dường chư Như Lai.

Nào là y phục, các thứ hương:

Phấn hương, hương xông cùng đèn đuốc

Mỗi món đều như núi Tu Di

Tôi đem cúng dường các đức Phật.

Do nơi tâm thắng giải rộng lớn

Sâu tin tất cả Phật ba đời

Sức oai thần hạnh nguyện Phổ Hiền

Khắp đem cúng dường các đức Phật.

Dĩ chư tối thắng diệu hoa man

Kỷ nhạc đồ hương cập tán cái

Như thị tối thắng trang nghiêm cụ,

Ngã dĩ cúng dường chư Như Lai,

Tối thắng y phục tối thắng hương,

Mạc hương, thiêu hương dữ đăng chúc,

Nhứt nhứt giai như diệu cao tụ,

Ngã tất cúng dường chư Như Lai,

Ngã dĩ quảng đại thắng giải tâm,

Thâm tín nhứt thiết tam thế Phật,

Tất dĩ Phổ Hiền hạnh nguyện lực,

Phổ biến cúng dường chư Như Lai.

Đây là nói về hạnh quảng tu cúng dường.

"Sắm đồ rất đẹp: nào tràng hoa": chữ 'đem' giống như chữ 'dùng'. Tôi dùng vô số tràng hoa đẹp nhất và thù thắng nhất. Chúng ta cúng Phật, nên dùng những vật phẩm tốt đẹp nhất, không nên

đem những đồ vật mà ngay chính chúng ta cũng không thích để dâng cúng. 'Hoa' là các loại hoa; 'mạn' là dùng hoa kết thành từng tràng, là vật phẩm cúng dường thuộc vào loại tràng phan.

"**Kỹ nhạc, hương, hoa cùng tàn lọng**": Lại hát lên vô số bài ca, trổi lên vô số âm nhạc để tán thán Đức Phật. Hương xoa là một loại nước hoa, khi bôi vào người thì tỏa ra mùi thơm. Dù, lọng: dù là vật có tán giống như màn che, xung quanh có tua rủ xuống trông rất đẹp; lọng chính là bảo cái. Nếu quý vị khai mở được thiên nhãn thông thì có thể thấy trong hư không có rất nhiều tràng phan, bảo cái. Đó chính là những vật phẩm cúng dường mà hết thảy Bồ-tát dâng lên cúng dường chư Phật.

"Các thứ trang nghiêm đẹp như vậy, tôi dùng cúng dường chư Như Lai": Vô số vật phẩm trang nghiêm như trên đã nói, tôi đều đem cúng dường khắp cả các đức Như Lai nhiều như số vi trần trong tất cả cõi nước chư Phật.

"Nào là y phục, các thứ hương": Tôi dùng y phục và hương thơm tốt nhất để cúng dường chư Phật. **"Phấn hương, hương xông cùng đèn đuốc":** Là hương bột, hương chiên đàn dùng để đốt và đèn nến cúng dường trước Phật. **"Mỗi món đều như núi Tu Di":** Tôi quán tưởng vô số những vật dụng trang nghiêm vi diệu tôi dùng cúng dường chư Phật đều lớn như núi Tu-di, nhiều như nước biển lớn. **"Tôi đem cúng dường các đức Phật":** Tôi đem những vật báu ấy cúng dường các Đức Như Lai trong mười phương.

"Do nơi tâm thắng giải rộng lớn": Hạnh cúng dường tôi tu là hạnh cúng dường rộng lớn. Người thông thường không hiểu rõ nhưng tôi biết rõ tâm cúng dường rộng lớn này là tâm thắng giải. Tâm cúng dường này của tôi là tâm cúng dường pháp giới, dùng tâm pháp giới để cúng dường khắp pháp giới chư Phật, đem pháp giới Phật (Dharma Realm of The Buddhas) khế nhập vào pháp giới tâm (Dharma Realm of The Mind) nên gọi là tâm thắng giải. **"Sâu tin tất cả Phật ba đời":** tin sâu là niềm tin chân thật, niềm tin không cùng tận. Cho dù pháp giới, hư không có tận cùng, chúng sinh, nghiệp chướng của chúng sinh, phiền não của chúng sinh đều hết sạch thì niềm tin này của tôi cũng không bao giờ cùng tận. Tôi tin tưởng một cách sâu sắc chư Phật trong ba đời quá khứ, hiện tại và vị lai. **"Sức oai thần hạnh nguyện Phổ Hiền":** Tôi luôn nương vào sức hạnh nguyện tu hành của Bồ-tát Phổ Hiền. **"Khắp đem cúng dường các đức Phật":** Tôi dùng tâm lượng pháp giới để cúng dường chư Phật khắp trong pháp giới.

F4. BÀI KỆ TỤNG SÁM HỐI NGHIỆP CHƯỚNG

Từ xưa đã tạo nhiều nghiệp ác

Đều do ba độc tham, sân si

Từ thân khẩu ý mà gây nên

Tất cả nay tôi đều sám hối.

Ngã tích sở tạo chư ác nghiệp,

Giai do vô thủy tham, sân, si,

Tùng thân ngữ ý chi sở sanh,

Nhứt thiết ngã kim giai sám hối.

Đây là nói về sám hối nghiệp chướng.

Vì sao phải sám hối? Vì "Tội lớn bằng trời, sám hối liền tiêu" (Di thiên đại tội, nhất sám tiện tiêu), chỉ sợ quý vị không chịu sám hối, chứ nếu sám hối thì bất kể phạm tội nghiệp gì cũng đều có thể tiêu trừ. Khổng tử cũng đã nói: "Có lỗi chớ ngại cải đổi" (Quá tắc vật đan cải). Quý vị có lỗi thì nên mau sửa đổi, nếu ngại cải đổi thì lỗi lầm sẽ ngày càng nhiều. "Chịu sửa lỗi, lỗi biến thành không" (Quá năng cải, quy ư vô), nếu chịu cải đổi lỗi lầm thì lỗi lầm sẽ không còn nữa, còn như quý vị cố tình che giấu không cho ai biết lỗi lầm của mình thì lỗi lầm sẽ ngày một nặng hơn, ngày một nhiều thêm. "Người ngu không thấy lỗi[1]": Đa số người ngu đều cho rằng mình không có lỗi lầm. "Tiểu nhân giấu lỗi[2]": Tiểu nhân phạm lỗi thì cố che giấu tội lỗi của mình, không cho ai biết. "Quân tử sửa lỗi[3]": Người quân tử có lỗi thì vui vẻ sửa đổi. 'Thánh nhân ít lỗi[4]': Bậc thánh nhân hiếm khi phạm lỗi, còn Phật và Bồ-tát không hề phạm lỗi lầm.

"Từ xưa đã tạo nhiều nghiệp ác": Những nghiệp ác tôi đã tạo ra từ trước đến giờ, trong vô lượng kiếp quá khứ đến nay. Vì sao ta lại tạo ra quá nhiều nghiệp ác như thế? "**Đều do ba độc tham, sân si**": Đều vì từ vô thủy kiếp đến nay mình luôn khởi tâm tham, tâm sân, tâm si, rồi từ đó tạo nghiệp ác. Do tham không biết chán nên tạo ra rất nhiều nghiệp tội, nếu không đạt được vật mình ưa muốn liền sinh phiền não và ngay đó tâm sân có mặt.

Vì sao phát sinh phiền não? Chính vì ngu si. Mở đầu là tâm tham, gốc rễ của tâm tham chính là ngu si, nó sinh ra từ vô minh. **"Từ thân khẩu ý mà gây nên":** Từ thân của ta tạo ra nghiệp sát sinh, trộm cắp, tà dâm; từ ý niệm của ta tạo ra tham, sân, si; và từ miệng của ta phát ra lời nói hoa mỹ, lời nói dối gian, lời nói hung ác, lời nói đâm thọc. **"Tất cả nay tôi đều sám hối":** Tất cả mười loại nghiệp ác đã tạo, nay tôi đều xin sám hối, cải đổi lỗi lầm, làm mới lại chính mình.

Nói đến "Si", si này là một loại chấp trước. Thường người ta khi làm bất kỳ việc gì cũng đều có sự chấp trước vào việc đó. Người tham tiền tài thì có sự chấp mắc vào tiền tài, kẻ háo sắc đẹp thì có sự chấp mắc vào sắc đẹp, người thích viết văn thì có sự vướng mắc nơi văn chương, người thích làm thơ thì có sự vướng mắc nơi chữ nghĩa. Hôm nay tôi sẽ kể cho quý vị nghe một câu chuyện về sự chấp chữ nghĩa của một hòa thượng thích làm thơ. Vị hòa thượng này thích dùng văn thơ để giao lưu bạn bè, bệnh chấp ấy rất nặng, phàm hễ ai là người có học vấn đến viếng chùa thì hòa thượng đều vui mừng chào đón, người không có học thức đến chùa đều không được tiếp đón. Người có học vấn đến chùa nếu có thể làm được hai bài thơ thì được hòa thượng mời ở lại dùng cơm, hay nghỉ qua đêm đều được cả; nếu như không biết làm thơ thì đừng nói đến chuyện ăn cơm hay nghỉ lại mà ngay cả cổng chùa cũng không được bước vào. Bởi vì hòa thượng mắc phải bịnh cố chấp này nên liền bị ma chướng. Ma chướng gì?

Một tối nọ, có một vị khách ghé lại chùa, từ ngôi chùa này đi đến một làng quê gần đó đường hãy còn rất xa, cho nên vị khách muốn nghỉ lại qua đêm trong chùa. Chú sa-di bảo vị khách: "Nếu thí chủ muốn nghỉ lại đây thì sư phụ của tôi có một qui định. Thí chủ phải làm được một bài thơ hay một bài phú hoặc một bài văn thì mới được ở lại chùa. Thí chủ biết viết văn, làm thơ hay viết phú?" Vị khách đáp: "Cả ba tôi đều biết." Thật ra, vị khách này ngay cả chữ cũng không nhận ra nhưng vì trời sắp tối, nên đã nói dối để được nghỉ lại qua đêm và ăn cơm no bụng rồi tính tiếp. Chú sa-di nhỏ trở vào báo lại với sư phụ: "Bạch sư phụ, có một vị khách bảo rằng ông biết viết văn, làm thơ, làm phú, thi ca từ phú cái gì cũng biết." Sư phụ liền bảo: "Vậy thì mời ông ấy ở lại." Thế rồi chú sa-di cho vị khách ở lại qua đêm, còn làm nhiều món chay rất ngon để đãi khách.

Vị khách này có lẽ mấy ngày rồi chưa được ăn cơm nên chẳng nghĩ nhiều đến việc làm thơ hay không làm thơ, trước ăn một bụng no nê rồi hãy tính. Dùng cơm xong, chú sa-di mang đến một bình trà rồi lui ra ngoài khóa kín cửa lại, đề phòng vị khách bỏ trốn để mai còn khảo tài văn thơ của khách. Người này vì ăn quá no nên nửa đêm đau bụng, muốn đi vệ sinh. Nhưng khi mở cửa đi ra thì bên ngoài đã bị khóa chặt, không thể mở được. Chẳng biết làm sao, khách bèn quơ đại một bình hoa rồi đi vào đó. Một bình không đủ, khách lấy tiếp bình hoa khác và xả vào đó. Đi xong, khách lấy bình trà trên bàn uống sạch. Sau đó lại đi, lần này tận dụng luôn cả ấm trà, trong ấm trà toàn đầy…

Sáng hôm sau thức dậy, chú sa-di liền đến mở cửa và mang cơm đến cho khách. Đợi khách cơm nước xong, chú sa-di liền hỏi: "Tối qua ngài đã làm được bài thơ nào chưa?" Khách đáp: "Tôi đã làm hai bài, ở trong bình hoa ấy." Chú sa-di nghe khách nói đã làm được hai bài thơ bèn yên tâm mở cửa cho khách đi. Sau khi khách đi rồi, vị hòa thượng liền hỏi chú sa-di: "Vị khách hôm qua có làm được bài thơ nào không?" Chú sa-di thưa: "Bạch sư phụ có ạ! Ông ta làm được hai bài thơ, để trong bình hoa ấy!" Hòa thượng nói tiếp: "Thế con mang ra cho ta xem xem!". Chú sa-di bèn đi vào phòng, thò tay vào bình hoa lấy thơ, kết quả là nắm phải một tay phân. Chú nghĩ, chắc là nằm trong bình hoa bên kia, rồi tiếp tục thò tay vào lấy, lại vớ thêm một tay phân. Chú định lấy nước trong bình trà rửa tay, nào ngờ đổ ra cũng toàn là phân! Hòa thượng đứng bên ngoài giục đệ tử: "Con mang tất cả ra đây, thơ khách làm đâu?" Chú sa-di đành đưa hai bàn tay bẩn ra, mếu máo: "Sư phụ xem, đây chẳng phải là 'hai tay phân' sao!" *(Trong tiếng Hán có nhiều từ phát âm gần giống nhau và nhiều từ đồng âm, nên 'hai bài thơ' vừa đúng giống với âm của 'hai tay phân' liang shou shi. Đồng thời, trong tiếng Hán, lượng từ 'bài' phát âm giống 'tay', nên khi nói 'trái một tay, phải một tay' khiến người nghe sẽ lầm nghĩ là 'tay trái một bài, tay phải một bài'. Đây là lối truyện cười chơi chữ thường thấy trong tiếng Hán).* Về sau lão hòa thượng này không cho ai ở lại chùa và cũng không còn bắt ai làm thơ nữa. Hai bình phân của vị khách đã trị hết bịnh chấp chữ nghĩa của ngài.

[1] Nguyên văn: Ngu nhân vô quá 愚人無過

[2] Nguyên văn: Tiểu nhân văn quá 小人文過

[3] Nguyên văn: Quân tử cải quá 君子改過

[4] Nguyên văn: Thánh nhân quả quá 聖人寡過

F5. BÀI KỆ TỤNG TÙY HỶ CÔNG ĐỨC

Mười phương tất cả loài chúng sanh

Nhị thừa: Hữu học cùng Vô học

Hết thảy Như Lai và Bồ-tát

Tất cả công đức đều tùy hỷ.

Thập phương nhứt thiết chư chúng sanh,

Nhị thừa hữu học cập vô học,

Nhứt thiết Như Lai dữ Bồ tát,

Sở hữu công đức giai tùy hỷ.

Đây là nói về tùy hỷ công đức.

"Mười phương tất cả loài chúng sinh": Chúng sinh nghĩa là do các duyên hòa hợp mà sinh. Giống như làm người, không phải đơn giản mà được làm người, quý vị trước phải làm những việc của con người mới có thể làm người; nếu quý vị làm việc của quỷ thì tương lai sẽ thành quỷ. Chúng sinh cũng có thể nói là từ một tâm niệm hiện tiền này mà tạo thành. Tâm niệm hiện tại của quý vị muốn làm Phật thì tu Phật đạo, tương lai sẽ được thành Phật. Tâm niệm hiện tại của quý vị muốn thực hành Bồ-tát đạo để làm lợi ích cho mọi người, lợi mình, lợi người khác, tự mình giác ngộ, giác ngộ người khác thì có thể làm Bồ-tát. Nếu quý vị muốn tu hạnh Thanh văn thì sẽ chứng đắc quả A-la-hán. Nếu quý vị muốn tu Duyên giác đạo thì sẽ chứng đắc quả vị Duyên giác. Quý vị muốn sinh thiên thì thực hành năm giới, mười thiện. Quý vị muốn làm người thì phải thọ trì năm giới: không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu, được như thế mới có thể làm người. Quý vị muốn làm A-tu-la thì ngày ngày đấu tranh với người khác, sinh tâm sân hận, như thế có thể thành A-tu-la. Nếu quý vị muốn làm súc sinh thì tạo một số việc ngu xuẩn liền có thể làm súc sinh. Nếu quý vị muốn đọa ngạ quỷ thì làm một số chuyện mờ ám, hạ tiện, nhân đó sẽ được làm quỷ. Nếu quý vị muốn vào địa ngục thì cứ tạo nhiều tội nghiệp, nhất định sẽ được vào địa ngục. Tất cả đều do tâm tạo. Trong bản Kinh Hoa Nghiêm này cũng nói rõ:

Nếu người muốn biết được

Hết thảy Phật ba đời

Nên quán tánh pháp giới

Tất cả do tâm tạo

Nhược nhân dục liễu tri

Tam thế nhất thiết Phật

Ưng quán pháp giới tánh

Nhất thiết duy tâm tạo

Vốn không có thiên đường, cũng không có địa ngục; không có Phật, cũng không có Bồ-tát và cũng chẳng có người... tất cả đều không có! Thế tại sao lại có? Tất cả đều do một tâm niệm hiện tiền của chúng ta tạo thành, cho nên mới có vô số hình tướng trong mười pháp giới. Nếu chúng ta một niệm chẳng sinh thì ngay cả tâm cũng không có.

Không tâm không niệm phúc vô biên

Dục vọng, tạp niệm tạo tội khiên.

Vô tâm vô niệm phúc vô biên,

Tư dục tạp niệm thị tội khiên.

Nếu quý vị vô tâm cùng vô niệm thì là phúc đức vô biên. Nếu quý vị ích kỷ, tham dục tự lợi thì đó là tạo tội. Cho nên Phật nói: *"Tất cả chúng sinh đều có trí tuệ, đức tướng của Như Lai, nhưng vì vọng tưởng chấp trước nên không thể chứng đắc"* (Nhất thiết chúng sanh giai hữu Như Lai trí tuệ đức tướng, đản dĩ vọng tưởng chấp trước bất năng chứng đắc). Chúng sinh đều có Phật tánh, chúng sinh cũng đều không có Phật tánh. Vì sao nói chúng sinh cũng đều không có Phật tánh? Nếu quý vị không tu hành thì không có Phật tánh, nếu quý vị tu hành thì có Phật tánh. Lại có thể nói tu cũng có Phật tánh, không tu cũng có Phật tánh. Quý vị tu, Phật tánh vẫn có; quý vị không tu, Phật tánh ấy vẫn tồn tại. Cho nên nói tu cũng không có mà không tu cũng không có. Vì sao nói như thế? Nếu quý vị chấp trước mà nói: 'tôi có Phật tánh', như thế là đã có sự chấp trước. Nếu quý vị không chấp trước thì có mà như chẳng có, không mà như chẳng phải không. Tu cũng chẳng có, không tu cũng chẳng có, quý vị không nên chấp vào đấy! Câu chuyện tôi vừa kể giống như chuyện vui cười nhưng kỳ thật chính là phá sự chấp trước của con người. Vì sao chúng ta không thành Phật? Vì có sự chấp trước, vì thế chúng ta trước phải xả bỏ chấp trước, sau đó mới có thể thành Phật.

"Nhị thừa: Hữu học cùng Vô học": Nhị thừa là Thanh văn và Duyên giác. Từ sơ quả đến quả thứ ba gọi là bậc hữu học, quả A-la-hán thứ tư là bậc vô học. **"Hết thảy Như Lai và Bồ-tát":** cho đến hết thảy Như Lai và Bồ-tát. **"Tất cả công đức đều tùy hỷ":** công đức của các bậc Thanh văn, Duyên giác, hữu học, vô học, tôi đều tuy hỷ; công đức của Phật tôi cũng tùy hỷ; công đức của Bồ-tát tôi cũng tùy hỷ; công đức nhỏ như vi trần tôi cũng tùy hỷ, công đức lớn như núi Tu-di tôi cũng tùy hỷ. Tôi không vì công đức nhỏ mà không tùy hỷ, chỉ tùy hỷ những công đức lớn; cũng chẳng phải công đức lớn tôi không tùy hỷ, chỉ tùy hỷ những công đức nhỏ; bất luận là công đức lớn hay nhỏ, tôi đều tùy hỷ. Vì thế nên nói:

Chớ cho điều ác nhỏ mà làm

Chớ cho điều thiện nhỏ mà không làm.

Quý vị không nên cho rằng điều ác này nhỏ mà làm, cũng không nên cho rằng điều thiện kia không lớn nên không làm. Quý vị phải biết tất cả các ngọn núi đều do vi trần tích tụ mà thành, một hạt vi trần tuy nhỏ nhưng tích tụ nhiều hạt lại thì sẽ biến thành một ngọn núi; một điều thiện tuy nhỏ nhưng làm nhiều điều thiện nhỏ sẽ biến thành vô lượng vô biên.

[1] Hạnh đầu-đà (Đầu-đà-hạnh 十二頭陀條): Tu sĩ Phật giáo lập chí giữ mười hai hạnh sau: mặc y phần tảo, mặc ba y, tự đi khất thực, không ăn quá ngọ, ngày ăn một bữa, ăn vừa đủ, ở chỗ thanh vắng, ngồi ở nơi gò mã, ngồi ở dưới gốc cây, ngồi ở vùng đất trống, ngồi ở vùng đất cỏ, thường ngồi không nằm.

[2] Lá bối (bối diệp貝葉; Gđ: Bối-đa-la; S: Pattra): lá cây đa-la. Cây có thân là lá giống như cây cọ, cổ đại Ấn độ người ta dùng là này để chép kinh điển.

[1] **Trời rồng tám bộ** (hâ: Thiên long bát bộ 天龍八部): tám bộ chúng gồm Thiên, Long, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lầu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già. Vì trời, rồng là ở bậc cao nhất trong tám bộ nên được trưng dẫn.

F6. BÀI KỆ TỤNG THỈNH CHUYỂN PHÁP LUÂN

Các đấng soi đời khắp mười phương

Vừa mới chứng nên đạo Chánh Giác

Tất cả nay tôi đều khuyến thỉnh

Chuyển xe chánh pháp diệu vô thượng

Thập phương sở hữu thế gian đăng

Tối sơ thành tựu Bồ-đề giả

Ngã kim nhất thiết giai khuyến thỉnh

Chuyển ư vô thượng diệu pháp luân

Đây là Thỉnh chuyển pháp luân.

"Các đấng soi đời khắp mười phương": Mười phương này cũng chính là pháp giới, pháp giới cũng chính là mười phương. **"Thế gian đăng"** [1]: Phật là ngọn đèn sáng ở thế gian. Khi Phật chưa ra đời thì cả thế gian đều tối tăm, đầy dẫy bàng môn ngoại đạo, tà sư thuyết pháp. Sao gọi là tà sư? Tà sư là người có tri kiến không chân chính, vị ấy không thể dạy cho người chánh tri chánh kiến mà chỉ biết dạy người tà tri tà kiến, dẫn dắt con người vào cảnh giới ma. Một người có tà tri tà kiến chính là đen tối; quý vị có chánh tri, chánh kiến tức là ánh sáng.

Trước đây tôi từng nói:

Mộng đổng truyền mộng đổng,

Nhất truyền lưỡng bất đổng;

Sư phụ hạ địa ngục,

Đồ đệ vãng lý củng.

Mê muội truyền mê muội

Truyền nhận cả hai mê

Sư phụ đọa địa ngục

Đệ tử liền theo gót.

Đó chính là tà sư thuyết pháp. Vị ấy cho quý vị uống một ít thuốc để quý vị đạt được cảnh giới

hư không, sau đó người ấy chứng minh cho quý vị rằng: "Đây chính là hư không, hư không chính là như thế, lần này con đã chứng quả rồi, đã đạt đến cảnh giới Tứ thiền". Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền đây chẳng thành vấn đề, những cảnh giới này hết sức bình thường. Thậm chí người ấy còn nói: "Giờ con đã đạt được cảnh giới hư không rồi, cùng với Phật chẳng khác, Phật chẳng qua cũng chỉ như thế này thôi". Đó chính là làm lệch lạc tri kiến người khác, chỉ người đi sai đường. Bản thân người ấy còn không hiểu rõ, mơ mơ hồ hồ, đó gọi là "mộng đổng". *Mộng đổng* nghĩa là không biết gì cả, việc gì cũng không hiểu rõ ràng, mờ mờ mịt mịt. Người ấy tự mình đã mê mờ, lại còn muốn người khác học theo sự mê mờ này của mình, đây gọi là mê muội truyền mê muội, vừa truyền cả hai đều trở nên mê muội. Vì sao cả hai đều mê muội? Vì người mơ hồ truyền cho người mờ mịt, đó chẳng phải cả hai đều mê mờ sao! Điều này cũng giống như người mù dẫn đường cho kẻ khác, bản thân mình đã không thấy đường lại còn dẫn đường cho người không có mắt. Trong khi người không có mắt cho rằng người dẫn đường mình mắt sáng, họ đâu biết bản thân người dẫn đường cũng chẳng thấy đường đi, chỉ là kẻ ấy muốn gạt họ, nên dẫn đường cho họ.

Bản thân sư phụ còn không hiểu rõ tu hành phải như thế nào, cứ mê mê mờ mờ như thế mà chạy vào địa ngục. Còn đệ tử thì nghĩ: "Sư phụ đã đi trước dẫn đầu bảo đảm không lầm đường", thế là đệ tử bám theo sau sư phụ đi. Nhưng vừa đến cửa thì cửa đã đóng lại, đệ tử dùng mõm ủi cửa ngục giống như lợn, mong muốn ủi bật cửa ra. Đợi cửa ngục được đẩy ra rồi, sư phụ nhìn thấy đệ tử liền hỏi:

-Ngươi đến đây làm gì?

Đệ tử đáp:

- Thầy là sư phụ đã đến đây rồi, phận con là đệ tử đương nhiên phải theo thầy! Đây là nơi nào vậy sư phụ?

Sư phụ đáp:

-Hiện tại sư phụ còn chưa rõ lắm, không biết đây là Tịnh độ của Đức Phật nào.

Lát sau, quỷ Dạ-xoa đến bảo:

-Ông làm Thầy mà không có tâm dạy đệ tử cho tốt, dùng lời không thật để dối gạt người, vì thế, lần này phải đến địa ngục rút lưỡi để chịu cực hình!

Sư phụ liền bị đọa vào địa ngục rút lưỡi. Người đệ tử này tuy không dối gạt người nhưng cũng đã làm một số chuyện xấu. Quỷ Dạ-xoa bảo:

-Bắt người này bỏ vào trong chảo dầu rán giòn.

Người đệ tử hốt hoảng:

-Lần này tiêu rồi sư phụ ơi! Sư phụ gạt người bị đọa vào địa ngục rút lưỡi, tội sư phụ rất đáng! Bởi sư phụ đã làm chướng ngại người khác. Con theo sư phụ học một mớ hồ đồ này cũng đã tạo nên rất nhiều tội nghiệp, bị chiên trong vạc dầu sôi, tội này thật khó mà nhẫn chịu được!

Sư phụ than:

-Nay sư phụ chẳng có chú thuật gì để niệm, cũng chẳng có biện pháp nào cả, sư phụ không thể cứu được con! Ngay chính sư phụ cũng không thể cứu được bản thân mình.

Vị sư phụ này dẫn theo một đoàn đệ tử vào địa ngục chịu khổ. Bởi vậy nên nói tà sư thuyết pháp dẫn người lầm lạc, đưa người đi vào địa ngục.

Chúng ta tu hành cần phải tìm học với bậc thiện tri thức, thiện tri thức là người trí tuệ. Chúng ta học đạo cần phải học theo người có trí tuệ, không nên học theo người ngu si. Người có trí tuệ là người có luận lý, có tri kiến chính xác, không bao giờ dẫn người đi vào đường tà. Trước khi Phật ra đời, trên thế gian này toàn là những vị Thầy mê mờ. Phật xuất thế giống như ánh đèn chiếu sáng khắp cả thế gian.

"Vừa mới chứng nên đạo Chánh Giác": Người vừa mới thành tựu Bồ-đề chính là vị Phật mới thành tựu quả Phật. Ai là người vừa mới thành tựu Bồ-đề? Mọi người đều là người mới thành tựu Bồ-đề. Bồ-đề là gì? Có người nói: "Tôi nghe Hoà Thượng giảng pháp rằng: Bồ-đề chính là giác đạo, giác đạo chính là Bồ-đề". Vậy "giác đạo", giác là giác đạo gì? đạo làm sao để giác? Quý vị hiểu rõ tất cả việc ác đều không nên làm, tất cả việc thiện đều cần phải làm, đó chính là giác ngộ, đó chính là giác đạo. Nếu quý vị chỉ biết làm việc ác mà không biết làm việc thiện thì đó cũng là giác đạo, nhưng đạo mà quý vị giác ngộ là ác đạo. Cho nên quý vị biết làm lành, không làm ác, đó chính là giác đạo. Giác đạo như thế càng bước càng cao, giống như cây tre, cây trúc, mắt sau cao hơn mắt trước, đạo Bồ-đề cũng giống như thế, quý vị phải bước sau cao hơn bước trước, phải từng bước lên cao. Từ phàm phu đến Phật, mỗi bước thăng hoa, đó chính là giác ngộ con đường lành, còn gọi là Bồ-đề. Nếu quý vị từng bước xuống thì sao? Đó là quý vị giác ngộ con đường ác. Cho nên nói: "Quân tử thượng đạt, tiểu nhân hạ đạt", nghĩa là tiểu nhân đi xuống, còn quân tử thì đi lên.

Tối sơ thành tựu Bồ-đề giả chính là người ban đầu thành tựu quả vị Phật. Làm thế nào để thành tựu quả vị Phật ban đầu này? Chúng ta biết tụng kinh là tu hành, niệm chú cũng là tu hành, thực hành Lục độ vạn hạnh của Bồ-tát cũng là tu hành. Nhưng lúc ban đầu, khi chưa có Phật, không ai biết đến Lục độ vạn hạnh, cũng không ai hiểu rõ phải tu hành như thế nào, cũng không có pháp môn tụng kinh, niệm chú. Thế mọi người phải làm sao để thành Phật?

Hiện giờ chúng ta nói, quý vị nếu thường tụng chú Lăng-nghiêm thì trong bảy đời đều được giàu có giống như vua dầu hỏa, có người nghe nói như thế liền ra sức tụng chú Lăng-nghiêm. Vì cầu giàu sang mà tụng chú Lăng-nghiêm, thế là sai! Tuy phước báu tụng chú Lăng-nghiêm ở mức độ thấp nhất cũng được giàu sang bảy đời như vua dầu hỏa, nhưng mục đích tụng chú Lăng-nghiêm thật sự không phải để cầu giàu sang mà là muốn được thành Phật. Quý vị tụng chú Lăng-nghiêm liền có thể đạt đến quả Bồ-đề, có thể từng bước thăng hoa, từng bước lên cao. Nếu quý vị được giàu sang như vua dầu hỏa thì cũng chỉ là sự giàu có của thế gian mà thôi, sự giàu có xuất thế mới là giàu có thật sự.

Cho nên phải là người có thiện căn mới có thể tụng niệm chú Lăng-nghiêm và chú Đại Bi. Nếu quý vị không có thiện căn thì đừng nói chi đến chuyện tụng niệm mà ngay cả tên gọi của chú Đại Bi và chú Lăng-nghiêm cũng không nghe được.

Bây giờ quý vị thử tính xem trên thế gian này có bao nhiêu người không nghe đến tên, không được tụng chú Lăng-nghiêm? Có bao nhiêu người không nghe được tên, không được tụng chú Đại Bi? Hôm nay tôi thấy Quả Ninh dạy mọi người tụng chú Đại Bi, đây chính là bài dạy tu hành rất tốt. Nếu mọi người muốn học thì nên giảng cho mọi người nghe về lợi ích của việc trì tụng chú Đại Bi, dạy mọi người đều biết đọc, biết trì tụng. Người có thể trì tụng chú Đại Bi, chú Lăng-nghiêm thì những thành tựu sau này đều không thể nghĩ bàn, không chỉ làm vua dầu hỏa mà còn có thể làm quốc vương.

Chúng ta tụng kinh, trì chú chính là để thành tựu Bồ-đề, nhưng vị Phật ban đầu thành tựu Bồ-

đề, rốt cuộc Ngài đã trì chú gì, tụng kinh gì? Trong vô lượng kiếp ban đầu, vị Phật đầu tiên khai mở giáo pháp cho thế giới này, Ngài vốn là Phật, không cần phải trì niệm gì cả. Vì sao nói vốn là Phật? Vì vị Phật ấy không thể nói là vị Phật đầu tiên. Ai thành tựu đạo nghiệp thì đó chính là người thành tựu Bồ-đề trước nhất. Ai chưa thành tựu đạo nghiệp thì người đó không phải là người thành tựu Bồ-đề. Vị Phật đầu tiên ư? Xưa nay Ngài vốn hiện hữu. Cũng như Thiên Chúa đã dựa theo ý nghĩa của vị Phật đầu tiên này trong Phật Giáo mà biến hoá thành, nên gọi là Thiên Chúa.

"Tất cả nay tôi đều khuyến thỉnh": Con nay đều thỉnh cầu chư Phật và vị thành Phật đầu tiên đó trong mười phương ba đời. Cầu thỉnh các Ngài làm gì? **"Chuyển xe chánh pháp diệu vô thượng"**: Cầu thỉnh các Ngài vận chuyển bánh xe pháp vô thượng. **"Chuyển"** chính là chuyển động; **"vô thượng"** là không có gì cao hơn; **"diệu pháp luân"** chính là bánh xe pháp bất khả tư nghì.

Giảng kinh thuyết pháp hiển nhiên là chuyển pháp luân; tụng kinh, trì chú, ấn tống kinh sách cũng là chuyển pháp luân. Giống như chiếc máy photo này của chúng ta, chỉ cần quý vị bấm nút điều khiển như vầy thì nó sẽ in ra, quý vị không bấm nút thì nó không in, quý vị thấy có kỳ diệu không! Đây cũng là một dạng biểu hiện của việc chuyển bánh xe pháp nhiệm mầu. Đó là lấy ví dụ chúng ta có thể nhìn thấy được chứ kỳ thật, bánh xe pháp nhiệm mầu này dầu chúng ta có nhìn cũng chẳng thấy, nghĩ cũng chẳng tới, vì nó vốn là "*Bặt đường ngôn ngữ, dứt chỗ tâm hành*" (ngôn ngữ đoạn đoạn, tâm hành xứ diệt). Tất cả những ngôn từ đều không có cách nào hình dung được, tâm quý vị muốn đi theo lối xưa nay cũng bặt luôn, không còn lối nữa. Cho nên nói:

"Miệng muốn nói nói chẳng nên lời

Tâm muốn nghĩ niệm đâu chẳng thấy"

Khẩu dục ngôn nhi từ táng,

Tâm dục ngôn nhi lự vong.

Miệng quý vị muốn nói nhưng tìm chẳng ra lời, tâm quý vị muốn nghĩ nhưng tư duy bít lối, đó chính là đang chuyển bánh xe pháp vi diệu bất khả tư nghì. Có người nói: "Tôi chẳng thấy có vị Phật nào trên thế gian chuyển bánh xe diệu pháp". Đó là do quý vị ít đi đây đó nên không thấy. Lại nói: "Tất cả các nước trên thế giới tôi đều đi qua nhưng cũng chẳng thấy có vị Phật nào chuyển bánh xe pháp nhiệm mầu cả!". Quý vị nói quý vị đã đi khắp các nơi thế giới, thế quý vị đã vào trong hư không chưa? Nơi hư không ấy có Phật đang chuyển bánh xe pháp. Nếu quý vị muốn xem Phật chuyển bánh xe pháp thì hãy đi vào trong hư không. Nhưng có đi vào trong hư không cũng chưa hẳn quý vị sẽ thấy được. Quý vị nhìn không thấy, có phải là do không có? Không phải vậy. Chuyển bánh xe diệu pháp không nhất định muốn quý vị phải thấy, hơn nữa, trên cõi trời cũng có chư Phật đang chuyển bánh xe pháp nhưng quý vị cũng chẳng thấy, nên không thể nói quý vị nhìn không thấy là không có. Nếu quý vị hiểu rõ thì tất cả, tất cả đều đang chuyển bánh xe diệu pháp; nếu quý vị không hiểu rõ thì dù Phật có đang chuyển bánh xe diệu pháp, quý vị cũng không biết. Nếu quý vị giác ngộ thì tất cả sum la vạn tượng trên thế gian này, y báo, chánh báo không có vật gì là chẳng chuyển bánh xe diệu pháp. Nếu không như thế sao lại nói:

"Trên đầu cọng lông hiện cõi Phật

Trong mỗi vi trần chuyển pháp luân[2]*".*

Đó chính là chuyển bánh xe pháp nhiệm mầu.

Có một người nghe tôi giảng như thế, rất đồng ý với cách giảng này nên hỏi: "Lần này Hòa

Thượng giảng rất đúng, Thiên Chúa chính là Phật, Phật cũng chính là Thiên Chúa, chỉ là tên gọi sai khác, chứ thực chất cả hai là một, giống như một người có nhiều tên gọi. Hòa Thượng nói có phải lý này không?". Không phải! Vừa rồi tôi nói Thiên Chúa chỉ là một tỷ dụ, tôi không hề nói Thiên Chúa là Phật, Phật chính là Thiên Chúa. Quý vị đừng cho rằng mình thông minh, đừng nên nghĩ rằng mình đã khai ngộ rồi. Vì sao vậy? Tôi sẽ giảng lại cho quý vị nghe sự khác nhau giữa Thiên Chúa và Phật.

Vị Thiên Chúa này chỉ là vua của cõi trời thứ 33 (Trời Đao-lợi), trong chúLăng-nghiêm gọi là "Nhân-đà-la-da". "Nam-mô Nhân-đà-la-da", câu này chính là nói về vị Thiên Chúa ấy. Vị Thiên Chúa này ngày xưa vốn là một người nữ, cô gái này thấy một ngôi chùa bị hư hoại, ngay cả nơi thờ Phật cũng không có, tượng Phật phải đặt ngồi giữa đất trống. Cô gái nhìn thấy tượng Phật bị gió táp mưa sa nên phát tâm trùng tu lại ngôi chùa ấy, nhưng sức một người có hạn, vì thế cô đã rủ thêm được 32 cô gái nữa cùng giúp sức xây chùa, sau khi ngôi chùa xây xong, cô liền được sinh về làm vua cõi trời thứ 33. Đó là nhân duyên của vị Thiên Chúa này.

Phật là vô thủy vô chung, không có bắt đầu, cũng chẳng có kết thúc. Cho nên vừa rồi tôi nói vị Thiên Chúa này chẳng qua chỉ là một tỷ dụ. Là tỷ dụ bởi vì người theo Thiên Chúa Giáo cho rằng vị Thiên Chúa của họ có khả năng tạo ra muôn vật. Nếu nói thế thì ai là người tạo ra Thiên Chúa? Không có ai tạo, Thiên Chúa tự tạo ra chính mình. Thiên Chúa có khả năng tạo ra Thiên Chúa, thế tại sao chúng ta không có khả năng tạo ra chính mình mà phải đợi Thiên Chúa tạo ra chúng ta? Đó thật là một cách nghĩ ngu si, một cách nghĩ không có chút trí tuệ. Lại nói Thiên Chúa chỉ có một, những chúng sinh khác không thể làm Thiên Chúa, thế thì vị Thiên Chúa này chính là vị Thiên Chúa cô độc. Vị ấy muốn làm Thiên chúa cô độc thì cứ để vị ấy làm! Người sanh trong thế gian như chúng ta còn phải có một vài người bạn tốt, thế tại sao sau khi làm Thiên Chúa thì lại trở thành một cá thể rất đặc biệt, hoàn toàn khác với mọi người. Nên tôi cho rằng làm Thiên Chúa như vậy chẳng có ý nghĩa gì cả, chi bằng không làm còn hơn!

Lại nữa, theo Phật giáo mà nói thì Thiên Chúa chỉ là một vị hộ pháp, chẳng có chỗ ngồi trước Phật mà chỉ có thể đứng hầu, giống như Hộ pháp Vi-đà Tôn Thiên Bồ-tát và Già-lam Bồ-tát. Thế tại sao Thiên Chúa không nói trên Ngài còn có Phật? Đó chính là do tâm niệm ích kỷ của Thiên Chúa, giống như trong một nước, mỗi một làng có một vị thôn trưởng, chức vị giống như một vị quan nhỏ cai quản một vùng. Nhưng số người trong làng này chưa từng được đi đến những thành thị lớn, chưa nhìn thấy được những vùng đất lớn nên cũng chẳng biết rằng ngoài thôn trưởng mình ra còn có những vị quan lớn hơn. Trong khi vị quan quản lý vùng đất đó nói với dân làng rằng: "Trên thế giới này ta là lớn nhất, các ngươi đều phải nghe theo lời ta, ta bảo các ngươi làm gì thì các ngươi cứ làm đúng như thế."

Những người dân làng suốt đời nhốt mình trong thôn, chưa từng thấy thế giới bên ngoài nên tin theo lời vị thôn trưởng, cho rằng ông là người lớn nhất. Thiên Chúa cũng tự tôn xưng mình như thế: "Ta là cao nhất". Quý vị nói đến cao thấp thì phải đưa ra được một đạo lý công khai để nói, giáo lý của quý vị cũng phải được giảng công khai, không thể người ta hỏi quý vị: "Ba ngôi đồng một thể, đó là gì...?". Quý vị bèn nói: "Điều đó chẳng thể hỏi, hỏi như thế là mang tội! Là đắc tội với Thiên Chúa!". Đấy quả là chính sách ngu dân. "Quý vị không hiểu rõ à? Quý vị không được hỏi, quý vị vừa hỏi là đã phạm pháp rồi". Đó là một dạng chính sách ngu dân, dạy nhân dân không nên tìm cầu kiến thức, vì họ sợ nhân dân có kiến thức sẽ tạo phản. Thiên Chúa không dạy người học Phật pháp cũng chính vì lẽ đó. Vì nếu quý vị học Phật pháp, sau này thành Phật sẽ lớn hơn Thiên Chúa thì sao!

---

[1] Thế gian đăng 世間燈: từ tôn xưng chỉ cho chư Phật là ngọn đèn sáng trong đời.

[2] Nguyên văn: "Ư nhất hào đoan hiện Bảo Vương sát, tọa vi trần lý chuyển Đại Pháp luân" **於一毫端現寶王剎，坐微塵裏轉大法輪** (Kinh Lăng Nghiêm).

F7. BÀI KỆ TỤNG THỈNH PHẬT TRỤ THẾ

Chư Phật nếu muốn nhập Niết Bàn

Tôi xin thành tâm đều mời thỉnh

Cúi mong ở lại lâu trong đời

Cho chúng sanh được nhờ lợi lạc.

Chư Phật nhược dục thị Niết Bàn

Ngã tất chí thành nhi khuyến thỉnh

Duy nguyện cửu trụ sát trần kiếp

Lợi lạc nhất thiết chư chúng sinh

Đây là bài kệ nói về hạnh Thỉnh Phật trụ thế.

"Chư Phật nếu muốn nhập Niết Bàn": Có người không nguyện đạt Niết-bàn, họ nói Niết-bàn chính là chết, vì thế họ không muốn vào Niết-bàn. Kỳ thật, "Niết" chính là bất sinh, "Bàn" chính là bất diệt, Niết-bàn cũng chính là đến được Tịnh Độ Thường Tịch Quang. Tịnh Độ Thường Tịch Quang là bất sinh bất diệt, bất tăng bất giảm, bất cấu bất tịnh, là trụ xứ của chư Phật.

Thế giới mà chúng ta hiện đang ở gọi là Phàm Thánh Đồng Cư Độ. Trong thế giới ấy có phàm phu, thánh nhân, cũng có Phật, Bồ-tát, Thanh văn, Duyên giác cùng ở chung lẫn nên gọi là *Phàm Thánh Đồng Cư*. Nơi ở của hàng Nhị thừa gọi là Phương Tiện Hữu Dư Độ. Vì sao gọi là "phương tiện"? Vì nơi ấy cũng tốt, trụ lại ở đó cũng được, có điều nơi ấy chẳng phải là Niết-bàn rốt ráo mà chỉ là Niết-bàn hữu dư. Nơi Bồ-tát ở gọi là Thật Báo Trang Nghiêm Độ, Bồ-tát trong cõi ấy có đầy đủ thần thông dạo chơi khắp cõi nước Phật, giáo hóa chúng sinh. Chỉ có nơi ở của chư Phật trụ mới được gọi là cõi Thường Tịch Quang.

Quý vị học Phật pháp phải nên biết "tứ độ" là gì, không nên bắt chước người ta nói mình đã thành Phật rồi. Tôi hỏi vị ấy: "Anh ở cõi nước nào?". Người ấy đáp không ra, bản thân mình không có chỗ ở thì thành Phật gì chứ? Ngay cả nơi Phật ở còn không biết mà lại dám ba hoa mình đã thành Phật! Người ấy lại nói: "Mọi người đều là Phật!" Tôi hỏi lại: "Anh thành Phật gì?" Người ấy ngậm câm không trả lời được. "Ai thọ ký cho anh, anh thành Phật hiệu là gì?" Người ấy lại cứng họng, điều đó chứng minh kẻ ấy là Phật dỏm. Cho nên nếu nói thành Phật thì quý vị phải biết mình sẽ đến nơi nào, hiệu là gì. Như Tôn giả Xá-lợi-phất theo học Phật hơn bốn mươi năm, sau đó Đức Phật Thích-ca Mâu-ni thọ ký cho Tôn giả sau này sẽ thành Phật hiệu là Hoa Quang. Trên cuộc đời này cái gì cũng có giả, cho đến Phật cũng giả. Ha ha ha! – (nói đến đây Hòa Thượng bật cười sảng khoái). Từ vô lượng kiếp đến nay, những chúng sanh cần được độ, Đức Phật đều đã độ xong, đó gọi là "hóa duyên dĩ tận".

Nhân duyên Phật giáo hóa chúng sinh đã hết, thế nên ngài sẽ vào Niết-bàn đến cõi Thường Tịch Quang.

"Tôi xin thành tâm đều mời thỉnh": Bồ-tát Phổ Hiền tu mười nguyện lớn, lúc chư Phật muốn vào Niết-bàn thì Ngài thành khẩn tha thiết cầu xin Phật đừng vào Niết-bàn mà trụ ở đời để độ nhiều chúng sinh.

"Cúi mong ở lại lâu trong đời; cho chúng sanh được nhờ lợi lạc": Mong Phật trụ lâu ở đời số kiếp nhiều như vi trần trong các cõi nước để giáo hóa, làm lợi lạc cho tất cả chúng sinh.

F8. KỆ HỢP BA NGUYỆN SAU

(Gồm có hai phần: G1. Kệ hợp ba nguyện; G2. Nguyện sanh Tịnh độ)

G1. Kệ Hợp Ba Nguyện

(Gồm có ba phần: H1. Tổng nêu hồi hướng; H2. Kệ riêng của ba nguyện; H3. Quy kết hồi hướng)

H1.TỔNG NÊU HỒI HƯỚNG

Bao nhiêu phước đức bởi cúng dường

Ngợi khen, thỉnh pháp, mời trụ thế

Tuỳ hỷ, sám hối các căn lành

Hồi hướng, chúng sanh cùng Phật đạo.

Sở hữu lễ tán cúng dường phật
Thỉnh phật trụ thế chuyển pháp luân
Tùy hỷ sám hối chư thiện căn
Hồi hướng chúng sinh cập Phật Đạo.

Đây là bài kệ nói về hạnh nguyện Hồi hướng cùng khắp.

"Bao nhiêu phước đức bởi cúng dường": Tất cả những phước kính lễ chư Phật, xưng tán Như Lai, rộng tu cúng dường ở trước, có thuyết nói là "cúng dường phước". Cúng dường Phật cũng chính là cúng dường phước, vì Phật là bậc đầy đủ cả phước và tuệ.

"Ngợi khen, thỉnh pháp, mời trụ thế": Tôi dùng tâm thành khẩn nhất, nương nguyện lực mười nguyện lớn của Bồ-tát Phổ Hiền để thỉnh Phật thường trụ ở đời, thường chuyển bánh xe pháp vi diệu.

"Tuỳ hỷ, sám hối các căn lành": Vô số căn lành được sanh ra từ sự tùy hỷ và sám hối của tôi. Nhờ sám hối mà tội nghiệp được tiêu, căn lành thêm lớn, do đó, sám hối cũng là gieo trồng căn lành.

"Hồi hướng, chúng sanh cùng Phật đạo": Tất cả những căn lành ấy, tôi đều hồi hướng cho chúng sinh khắp pháp giới. Tất cả những công đức tôi có được đều là công đức của chúng sinh khắp pháp giới. Tất cả những tội lỗi của chúng sinh khắp pháp giới đều giao cho mình tôi gánh vác, tôi nguyện chịu khổ thay cho chúng sanh để hồi hướng thành tựu Phật đạo.

H2. KỆ RIÊNG CỦA BA NGUYỆN

(Gồm có ba phần: I1. Kệ thường học theo Phật; I2. Kệ thuận theo chúng sinh; I3. Kệ hồi hướng khắp cả)

I1. Kệ Thường Học Theo Phật

Tôi nay theo học với Như Lai

Tu tập viên mãn hạnh Phổ Hiền

Cúng dường chư Phật về quá khứ

Cùng với mười phương hiện tại Phật.

Vị lai tất cả Thiên Nhân Sư

Hết thảy tâm nguyện đều viên mãn

Nguyện theo học khắp ba đời Phật

Mau chứng nên quả đại Bồ Đề.

Ngã tùy nhất thiết Như Lai học
Tu tập Phổ Hiền viên mãn hạnh
Cúng dường quá khứ chư Như Lai
Cập dữ hiện tại thập phương Phật
Vị lai nhất thiết Thiên Nhân Sư
Nhất thiết ý lạc giai viên mãn
Ngã nguyện phổ tùy tam thế học
Tốc đắc thành tựu đại Bồ-đề

Đó là kệ nói về hạnh *Thường học theo Phật.*

"Tôi nay theo học với Như Lai, tu tập viên mãn hạnh Phổ Hiền": Tôi nguyện mãi mãi theo chư Phật để học tập Phật đạo, học tập hạnh nguyện tròn đầy của Bồ-tát Phổ Hiền. **"Cúng dường chư Phật về quá khứ, cùng với mười phương hiện tại Phật"**: Cúng dường tất cả chư Phật trong quá khứ và hiện tại trong mười phương.

"Vị lai tất cả Thiên Nhân Sư, hết thảy tâm nguyện đều viên mãn": Tất cả bậc Thiên Nhân

Sư ở vị lai cũng chính là chư Phật, tất cả những sự hoan hỷ trong lòng **"nguyện theo học khắp ba đời Phật, mau chứng nên quả đại Bồ Đề"**: con nguyện luôn theo học Phật pháp với chư Phật trong ba đời, nhanh chóng thành tựu giác ngộ Bồ-đề.

I2. Kệ Hằng Thuận Chúng Sinh

Cả thảy cõi cùng khắp mười phương

Rộng lớn thanh tịnh trang nghiêm đẹp

Chúng hội vây quanh các Như Lai

Đều ở dưới cội Bồ Đề thọ,

Bao nhiêu chúng sanh trong mười phương

Nguyện lìa lo khổ thường an lạc

Đều được lợi ích chánh pháp mầu

Dứt hết phiền não không còn thừa.

Sở hữu thập phương tam thế sát

Quảng đại thanh tịnh diệu trang nghiêm

Chúng hội vi nhiễu chư Như Lai

Tất tại Bồ-đề thọ vương hạ

Thập phương sở hữu chư chúng sinh

Nguyện ly ưu hoạn thường an lạc

Hoạch đắc thậm thâm chánh pháp lợi

Diệt trừ phiền não tận vô dư

"Cả thảy cõi cùng khắp mười phương": *Tất cả* là bao hàm toàn thể pháp giới, tất cả các cõi nước chư Phật trong mười phương pháp giới. *"Nhất thiết sát"* chính là tất cả các cõi nước, tất cả cõi nước của chư Phật.

"Rộng lớn thanh tịnh trang nghiêm đẹp": Cõi nước của chư Phật rộng lớn thanh tịnh, không có một mảy may ô nhiễm; có vô số sự vi diệu không thể nghĩ bàn trang nghiêm pháp giới mười phương này.

"Chúng hội vây quanh các Như Lai": Lại có hải hội Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, hoặc hải hội Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di; hải hội tám bộ trời rồng đến nhiễu quanh tất cả chư Phật.

"Đều ở dưới cội Bồ Đề thọ": Cõi nước của chư Phật trong mười phương đều có cây Bồ-đề. Mỗi một vị Phật đều ngồi dưới cội Bồ-đề này thành đạo.

"Bao nhiêu chúng sanh trong mười phương": Tất cả chúng sinh trong mười phương thế giới.

"Nguyện lìa lo khổ thường an lạc": Tôi hồi hướng cho họ, nguyện cho tất cả chúng sinh trong mười phương thế giới đều lìa xa tất cả lo buồn khổ não, luôn được an vui.

"Đều được lợi ích chánh pháp mầu": Đều được lợi lạc từ pháp mầu trí tuệ thâm sâu. **"Dứt hết phiền não không còn thừa"**: Diệt trừ hết thảy các phiền não, không còn vương lại mảy may. Nói thì dễ thế nhưng thực hành lại rất khó. Quý vị muốn không có phiền não thì phiền não lại đến; muốn đoạn trừ phiền não nhưng đoạn không dứt. giống như phiền não ấy đã thân thiết với quý vị từ rất lâu rồi vậy, cho nên muốn dứt cũng không dứt được. Vì sao quý vị không lìa được phiền não? Do vì quý vị không có trí tuệ, chính vì ngu si mà không thể dứt được phiền não. Người có trí tuệ sẽ chiếu phá được phiền não, phiền não bị chiếu phá sẽ tiêu mất không còn. Chúng ta nghe kinh pháp, nói là học tập trí tuệ, kỳ thật, trí tuệ ấy không phải do học tập mà có, nó là cái vốn có của chúng ta. Chúng ta vốn có sẵn thứ trí tuệ ấy, chẳng qua từ rất lâu, chúng ta không sử dụng đến trí tuệ bát-nhã vi diệu sâu mầu ấy nên quên mất. Bây giờ chúng ta nhờ nghe kinh pháp mà nhớ lại được toàn bộ trí tuệ vốn có của mình. Quý vị khơi dậy được trí tuệ thì ngu si, phiền não sẽ chạy mất, cho dù quý vị không đuổi nó thì nó cũng không thể tồn tại được. Vô minh phiền não này vốn ở nơi tăm tối, nay ánh sáng đã chiếu đến nơi ấy thì chúng sẽ tự rút lui. Ánh sáng đó là gì? Ánh sáng chính là trí tuệ. Hắc ám là gì? Hắc ám là vô minh, vô minh cũng chính là hắc ám. Cho nên nếu quý vị không còn vô minh thì phiền não không có mặt, phiền não không có mặt thì trí tuệ chân chính phát sinh. Vô minh chính là mơ hồ, mơ hồ chính là không rõ ràng. Vì sao có phiền não? Vì không hiểu rõ , nếu hiểu rõ thì sẽ không có phiền não.

I3. Kệ Tụng Hồi Hướng Khắp Cả

(Gồm có hai phần: J1. Phát đại nguyện riêng biệt; J2. Tổng kết đại nguyện)

J1. Phát đại nguyện riêng biệt

Gồm có mười:

K1. Nguyện thọ trì
K2. Nguyện tu hành tự lợi và lợi tha
K3. Nguyện giáo hóa chúng sinh
K4. Nguyện chẳng xa lìa chúng sinh
K5. Nguyện cúng dường
K6. Nguyện làm lợi ích
K7. Nguyện chuyển pháp luân
K8. Nguyện sinh Tịnh độ
K9. Nguyện thừa sự
K10. Nguyện thành Chánh Giác

K1. NGUYỆN THỌ TRÌ

Khi tôi vì Bồ Đề mà tu

Trong các loài đều biết túc mạng

Thường được xuất gia tu tịnh giới

Không nhơ không lỗi cũng không hư.

Trời, Rồng, Dạ-xoa, Cưu-bàn-trà

Nhẫn đến loài Người cùng Phi Nhơn

Tất cả ngôn ngữ của chúng sanh

Đều dùng các tiếng tăm nói pháp.

Ngã vị Bồ-đề tu hành thời
Nhất thiết thú trung thành túc mệnh
Thường đắc xuất gia tu tịnh giới
Vô cấu vô phá vô xuyên lậu
Thiên long dạ-xoa cưu-bàn-trà
Nãi chí nhân dữ phi nhân đẳng
Sở hữu nhất thiết chúng sinh ngữ
Tất dĩ chư âm nhi thuyết pháp

"Khi tôi vì Bồ Đề mà tu": Khi tôi vì cầu đạo Bồ-đề giác ngộ mà tu hành. Quý vị muốn có trí tuệ thì phải tu hành, không tu hành thì không có trí tuệ. Quý vị thấy những người thông minh, họ đều đã từng tu đạo, hoặc kiếp trước đã từng xem kinh rất nhiều nên đời này được thông minh; hoặc kiếp trước đã từng dụng công tu khổ hạnh nên nay sinh ra liền được thông minh. Nhưng sự khổ hạnh ấy chẳng phải là khổ hạnh về sự ngủ nghỉ, cũng chẳng phải là khổ hạnh về ăn uống, khổ hạnh về lười biếng. Cái gì cũng không làm, chẳng phải là chuyện dễ; phải có chút định lực mới có thể làm biếng, nếu không có định lực thì ngồi mãi cũng chẳng thoải mái, đứng mãi cũng không tự tại. Tu hành có nhiều phương pháp: Có người tu hạnh bố thí, có người tu hạnh trì giới, có người tu hạnh nhẫn nhục, người thì tu hạnh hạnh tinh tấn, kẻ lại tu hạnh thiền định và có người tu hạnh trí tuệ… Có những pháp tu khác nhau như thế.

Giảng đến đây, tôi nhớ ra một công án. Cách đây một vạn năm, có một vị hành giả già. Làm sao biết được cách đây cả vạn năm? Đương nhiên là biết, có những việc xảy ra từ mấy vạn năm trước, các nhà khảo cổ học hiện nay đều biết rõ, huống gì Phật giáo có năng lực ngũ nhãn, lục thông có thể biết được những việc từ mấy trăm vạn năm trước. Vị hành giả già ấy tu pháp gì? Vị ấy ngồi thiền. Lúc đầu mới tập ngồi thiền, ngồi được một lúc thì bắp chân đau không chịu nổi, vị lão hành giả liền đấu tranh với bắp chân đau rằng:

-Ngươi không chịu đau được à? Nhưng ta thì chịu đau được!

Ông đã thương lượng với bắp chân như thế.

Bắp chân rên rỉ:

-Ôi! Tôi chịu hết nổi rồi.

-Không chịu được là việc của ngươi. Ta không quan tâm.

Ông vẫn tiếp tục ngồi thiền. Lần đầu, ông ngồi được nửa giờ thì đổi chân, sau đó kiên trì luyện tập ngồi được một tiếng, rồi đến một tiếng rưỡi, hai tiếng. Cứ luyện tập như thế, về sau, mỗi lần ngồi là ông có thể ngồi được mấy ngày hoặc mấy tháng, thậm chí mấy năm cũng không có vấn đề gì. Bắp chân của ông cuối cùng đã phải chịu thua. Trải qua một thời gian dài ngồi thiền, ông không còn quan tâm đến khái niệm thời gian nữa, mỗi lần ngồi là nhập định cả mấy mươi năm. Ngồi suốt mấy mươi năm, ông đứng dậy đổi chân rồi lại ngồi tiếp, ngồi đợi Đức Phật Thích-ca ra đời giúp Ngài hoằng dương Phật pháp. Vì ông ta thích nhập định nên ở luôn trong định không dậy. Lần này vào định ở luôn trong ấy suốt mấy nghìn năm, quần áo trên người đều đã mục nát, mặt đầy bụi đất, tóc trên đầu cũng bị chim dùng làm tổ. Ông tuy là người nhưng nhìn chẳng khác gì một pho tượng, không biết ông đã ngồi như thế bao nhiêu năm.

Đến đời Đường, Pháp sư Huyền Trang đi Ấn Độ thỉnh kinh, trên đường gặp vị hành giả này. Lúc ấy, y phục trên thân ông đã rách đến độ không thể rách thêm được nữa. Bụi đất bám trên y phục, trên mặt, trên đầu thành một lớp rất dày. Pháp sư Huyền Trang bèn đánh lên một hồi khánh dài để gọi ông tỉnh dậy. Keng! Vị lão hành giả ấy đã tỉnh. Ông hỏi Pháp sư Huyền Trang:

-Ngài làm gì vậy?

-Thế Tôn giả đang làm gì? Pháp sư Huyền Trang hỏi lại.

-Tôi ở đây đợi Đức Phật Thích-ca ra đời sẽ đến giúp Ngài hoằng dương Phật pháp.

-Ồ! Tôn giả đã nhập định quá lâu, suốt mấy nghìn năm. Đức Phật Thích-ca-mâu-ni đã nhập Niết-bàn hơn một nghìn năm rồi mà Tôn giả vẫn còn đợi Ngài xuất thế ư! Pháp sư Huyền Trang nói.

-Thế chẳng sao, tôi sẽ ngồi thiền tiếp để đợi Đức Phật Di-lặc ra đời sẽ giúp Ngài giáo hóa chúng sinh.

Thế là ông lại muốn nhập định tiếp. Vì ông đã quen nhập định rồi, nên chỉ luôn muốn nhập định.

Pháp sư Huyền Trang khuyên:

-Này Tôn giả, Tôn giả đừng nên nhập định nữa. Tuy Đức Phật Thích-ca Mâu-ni nay đã nhập Niết-bàn, nhưng Phật pháp vẫn còn ở thế gian, Tôn giả hãy giúp tôi hoằng dương Phật pháp.

-Tôi giúp Ngài hoằng dương Phật pháp như thế nào? Ngài là ai?

-Tôi là người xuất gia ở triều Đường, pháp danh Huyền Trang, nay tôi chuẩn bị đến Ấn Độ thỉnh pháp bảo của Phật. Đợi tôi thỉnh kinh về nhất định phải có người giúp tôi hoằng dương Phật pháp. Tôn giả đã nhập định đợi ở đây nhiều năm như thế, việc gì cũng chẳng làm quả thật là đáng tiếc. Tôn giả hãy đến giúp tôi hoằng dương Phật pháp!

-Tôi có thể giúp được Ngài ư?

-Có thể, nhưng không phải bằng thân này. Tôi tin thân hiện tại này của Tôn giả muốn đứng cũng không đứng dậy được bởi Tôn giả đã ngồi quá lâu nên hai chân đã gắn khít vào nhau. Vì thế, Tôn giả nên đổi căn phòng này của mình (*ý nói là xác thân này*) và dọn sang một ngôi nhà khác.

-Thế tôi phải dọn đến đâu?

-Tôn giả nên đầu thai vào ngôi nhà có mái ngói lưu ly màu vàng ở Trường An, đợi sau khi trở về, tôi sẽ đến tìm Tôn giả.

-Vâng! Tôi tin lời Ngài, tôi sẽ giúp Ngài hoằng dương Phật pháp.

Thế là vị ấy đầu thai đến Trường An.

Nguyên Pháp sư Huyền Trang bảo vị ấy đầu thai vào nhà có mái ngói lưu ly màu vàng, nhưng vị ấy nhớ lầm thành mái ngói màu xanh nên đã đầu thai nhầm vào nhà quan Úy Trì[1], làm con trai của người anh quan Úy Trì.

Lúc pháp sư Huyền Trang rời Trường An, vua Đường Thái Tông có hỏi Ngài:

-Lúc nào Pháp sư về? Khi về, nhớ báo tin trước để trẫm nghinh đón Pháp sư.

Pháp sư Huyền Trang liền chỉ vào cây tùng trước cung nói:

-Nhánh của cây tùng này đều phát triển về hướng Tây, Hoàng thượng xem khi nào nhánh của nó quay về hướng Đông thì đó chính là lúc bần đạo trở về.

Vì thế, vua Đường Thái Tông thường nhìn cây tùng xem lúc nào nhánh của nó uốn về hướng Đông.

Trải qua mười bốn năm, có một hôm, tất cả nhánh của cây tùng này đều uốn về hướng Đông. Quý vị xem có kỳ lạ không? Cây tùng này có sự cảm ứng rất lớn. Thái Tông liền bảo triều thần: "Có lẽ hôm nay Pháp sư Huyền Trang trở về, chúng ta mau ra ngoài thành nghinh đón Pháp sư quay về". Thế là mọi người đều ra ngoài thành nghinh đón, quả nhiên rước được Pháp sư Huyền Trang trở về. Pháp sư Huyền Trang vừa nhìn thấy Thái Tông liền vui mừng nói:

-Bần đạo xin chúc mừng Hoàng thượng.

-Pháp sư chúc mừng trẫm điều gì? Trẫm cũng đâu có việc gì đặc biệt. Vua nói.

Huyền Trang đáp:

-Chẳng phải bần đạo vừa đi được một năm thì Hoàng thượng hạ sinh được một thái tử sao?

-Đâu có! Pháp sư đi đã bao nhiêu năm, trẫm cũng chẳng có thêm được một thái tử nào!

Huyền Trang vừa nghe, bảo:

-Thật kỳ lạ, bần đạo có bảo một người đến làm thái tử của Hoàng thượng, sao người ấy vẫn chưa đến? Hoàng thượng hãy chờ, đến tối bần đạo sẽ quan sát xem người ấy đến nơi nào.

Vua Đường Thái Tông cũng không biết Pháp sư Huyền Trang nói chuyện gì nên cũng chỉ nói xuôi theo nhưng không tin lắm. Đợi đến chiều tối, pháp sư Huyền Trang ngồi thiền, quán sát nhân duyên của người kia thì thấy ông đã đầu thai vào nhà họ Úy Trì, nay đã mười bốn tuổi, dáng người cao to nhưng suốt ngày chỉ biết rong chơi lêu lổng. Quý vị xem! Vị hành giả này trước kia sống rất khuôn phép, nhưng khi đến nhà họ Úy Trì thì chẳng giữ phép tắc nữa. Không giữ phép tắc như thế nào? Người ấy lại ăn thịt, uống rượu, vui đùa với phụ nữ ... không từ một thú vui ngũ dục nào. Vì nhà họ Úy Trì có tiền có thế, lại có địa vị cho nên người ấy làm gì cũng không ai dám ngăn cản.

Pháp sư Huyền Trang thấy người ấy đi lầm đường, đầu thai vào nhà họ Úy Trì nên ngày hôm sau, Ngài tâu với vua:

-Hôm qua bần đạo nói bệ hạ sẽ sinh một thái tử, nhưng người ấy đã đi lầm đường. Trước đây bần đạo bảo người ấy đầu thai làm thái tử nhưng người ấy lại đi nhầm vào nhà họ Úy Trì. Nay xin Hoàng thượng hạ thánh chỉ bảo người ấy xuất gia vì trước đây bần đạo có giao hẹn với người ấy đến giúp đỡ bần đạo hoằng dương Phật pháp.

Đường Thái Tông nghe xong nói:

-Được.

Thế rồi, Hoàng đế hạ một đạo chiếu thư bắt đứa cháu trai của ông Úy Trì phải phụng chỉ xuất gia. Mệnh lệnh của Hoàng đế thì gọi là chiếu thư, hay thánh chỉ. Ông Úy Trì vừa tiếp chiếu thư bèn gọi người cháu đến, bảo:

-Nay Hoàng đế bắt cháu phải xuất gia.

-Đâu có lý ấy. Vì sao Hoàng đế lại có thể bắt cháu xuất gia! Cháu còn vui chơi chưa đủ, sao có thể xuất gia được chứ!

-Không thể cãi lệnh được, Hoàng đế bảo cháu xuất gia, cháu không tuân lệnh sẽ bị chém đầu. Cháu không thể kháng lại lệnh của Hoàng đế! Ông Úy trì nói.

Người cháu không phục:

-Thế cháu sẽ đi gặp Hoàng đế để hỏi cho ra lẽ.

Pháp sư Huyền Trang biết người ấy không muốn xuất gia nên ngày hôm trước Ngài đã thưa với vua:

-Ngài mai, cháu của ông Úy Trì sẽ đến diện kiến bệ hạ để nói lý lẽ. Người ấy sẽ xuất gia có điều kiện, nhưng bất luận người ấy đưa ra điều kiện gì, xin Hoàng thượng đều chấp thuận, người ấy thích như thế nào nên chiều theo thế ấy.

Vua Đường Thái Tông nói:

-Được! Ngày mai trẫm sẽ theo ý Pháp sư.

Hôm sau, quả nhiên ông Úy Trì dẫn cháu đến diện kiến Hoàng thượng. Đường Thái Tông bảo người cháu:

-Nay trẫm tin sâu Phật pháp, biết xuất gia là một việc rất tốt, cho nên trẫm hy vọng khanh xuất gia để hoằng dương Phật pháp.

- Hoàng thượng muốn thần xuất gia ư? Nhưng thần có ba thứ chẳng thể bỏ được, nếu Hoàng thượng có thể chấp nhận ba điều kiện này thì thần xin vâng chỉ. Còn như Hoàng thượng không chấp nhận thì dù Hoàng thượng có giết thần, thần cũng không xuất gia!

Quý vị xem! Người này quả thật xem thường sự sống chết.

-Ngươi có ba điều kiện gì?

-Thần rất thích uống rượu, người xuất gia thì không được uống rượu, nhưng lần này thần vâng chỉ xuất gia, xin Hoàng thượng cho ngoại lệ vì thần không thể thiếu rượu. Sau khi thần xuất gia, bất luận là đi đến chỗ nào đều phải có một xe rượu theo sau.

-Trẫm chấp nhận cho khanh điều kiện này. Vậy điều thứ hai là gì? Đường Thái Tông hỏi.

-Thần rất thích ăn thịt, người xuất gia phải ăn chay, nhưng thần thì không thể, thần nhất định phải có thịt, một ngày không ăn thịt thần không chịu nổi. Cho nên bất luận thần đi đến nơi nào cũng đều có một xe thịt theo sau.

-Cũng được! Chuyện nhỏ, trẫm chấp nhận. Còn điều kiện thứ ba? Đường Thái Tông hỏi.

-Xuất gia làm Hòa thượng thì không được có vợ, không được có người nữ, Hoàng thượng ép thần xuất gia nhưng thần không thể thiếu được nữ sắc. Nên bất kể thần đi đến đâu cũng phải có một xe mỹ nữ theo sau. Thần cần một xe rượu, một xe thịt, một xe mỹ nữ, nếu bệ hạ chấp nhận được ba điều kiện ấy của thần thì thần có thể miễn cưỡng xuất gia theo ý Hoàng thượng. Nếu một trong ba điều kiện không được đáp ứng thì thần cũng không xuất gia!

-Những điều kiện ngươi đưa ra quá hư đốn. Thái Tông nói.

Nhưng Pháp sư Huyền Trang đã dặn dò vua trước là bất luận người ấy có đưa ra yêu cầu gì thì vua cũng đều nên đáp ứng, vì thế Thái Tông đều chấp thuận cho người ấy, ngài nói:

-Được! Ngươi muốn một xe mỹ nữ, ta cũng đáp ứng cho ngươi, chỉ cần ngươi xuất gia là được. Những điều kiện của ngươi ta đều chấp nhận. Bây giờ ngươi có thể xuất gia rồi chứ?

Người cháu ông Úy Trì nghĩ: "Những gì mình thích đều có, Hoàng thượng đều đã đáp ứng nguyện vọng rồi, tuy lòng không vui lắm nhưng cũng đành buồn bã chấp nhận đến xuất gia ở chùa Đại Hưng Thiện".

Chùa Đại Hưng Thiện là chùa Pháp sư Huyền Trang ở tu tập. Cổng ngoài cách phòng phương trượng mười dặm, tức là xa khoảng 3-4 km. Bên trong chùa có thể chứa được cả mấy vạn người. Lần này Hoàng đế hạ chiếu cho người đến xuất gia nên chùa gióng chuông trống cung nghinh rất náo nhiệt. Trong chùa, khi có Phật sự gì gióng chuông trống lên thì Hộ pháp Thiện thần đều đến hộ trì, cho nên chuông trống trong chùa không thể tùy ý muốn đánh thì đánh, không muốn thì không đánh. Nếu chùa có pháp hội thì nhất định phải đánh, đánh chuông trống không phải để thông báo cho mọi người biết mà là để cho tất cả Hộ pháp đều nghe được hiệu lệnh ấy. Lúc này, chùa Đại Hưng Thiện có người phụ trách đánh trống người phụ trách đánh chuông, tiếng chuông trống được đánh vang lên tùng… tùng… tùng …tùng, boong… boong …boong …boong.

Cháu ông Úy Trì đi vào trong chùa, nghe được tiếng chuông trống vang lên như thế, người ấy bỗng nhiên khai ngộ và nhớ rõ: "Ồ! Ta vốn là hậu thân của một vị tu hành già nọ!" Thế là người ấy quay lại xua tay bảo với ba xe đằng sau:

-Các ngươi hãy quay về, quay về đi! Nay ta đã đủ cả rồi, không cần gì cả!

Thế là xe mỹ nhân cũng lui về, xe rượu cũng chạy mất, xe thịt cũng không còn. Người ấy đã đến chùa Đại Hưng Thiện xuất gia như thế, vì vậy, có người gọi Ngài là Tổ sư ba xe (Tam Xa Tổ sư).

Vị Tổ sư ba xe đó chính là pháp sư Khuy Cơ[2], bậc thầy về Duy thức. Ngài thông minh tuyệt đỉnh, bất luận kinh điển gì, chỉ cần xem qua một lần là ghi nhớ chẳng bao giờ quên. Đó là nhân duyên (xuất gia) tu hành của Pháp sư Khuy Cơ. Về sau, Ngài đã dùng hết tâm lực của mình vào sự nghiệp hoằng dương Phật pháp ở triều Đường.

"Trong các loài đều biết túc mạng": Cho dù ở trong ác đạo cũng đều có thể thành tựu được

Túc mạng thông, đều biết được kiếp trước của mình. A-tu-la, địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh gọi là tứ ác thú (bốn ác đạo). **"Thường được xuất gia tu tịnh giới"**. Quý vị chớ nên cho rằng xuất gia là việc dễ làm, ai cũng có thể tùy tiện xuất gia. Xuất gia thực sự không dễ. Nên nói:

"*Chớ bảo xuất gia là việc dễ, đều do nhiều kiếp tạo căn lành*".

Ở Bảo Hoa Sơn có một hang động, có người chưa qua khỏi được hang động này thì bị ma chướng, hoặc bị chết ngay trong hang. Có người thọ giới, khi thọ giới Sa-di thì không sao, nhưng đến lúc thọ giới Tỳ-kheo thì bị phát điên, không thọ giới được. Những chuyện như thế xảy ra rất nhiều. Vì sao vậy? Vì những người đó không có đức hạnh.

Vị Tam Xa Tổ sư đã nói ở trên, kiếp trước Ngài đã tu hành trải qua không biết bao nhiêu năm, nhưng đến đời này vẫn bị mê, khi xuất gia còn yêu cầu một xe rượu, một xe thịt và một xe mỹ nữ, đến lúc vừa nghe tiếng chuông trống nhất loạt vang lên mới ngộ ra kiếp trước mình vốn là một người tu đạo. Thế là từ đó Ngài trợ giúp Pháp sư Huyền Trang hoằng dương Phật pháp, Ngài chuyên nghiên cứu về Tông Duy thức.

Đương thời còn có một vị Pháp sư rất nổi tiếng là Luật sư Đạo Tuyên. Luật sư Đạo Tuyên chuyên tu trì giới luật, bốn oai nghi lớn đi, đứng, nằm, ngồi đều không một chút khiếm khuyết, luôn giữ đúng giới luật. Giữ như thế nào? Đi như gió thoảng, lúc đi giống như "thanh phong từ lai, thủy ba bất hưng". Gió nhẹ thoảng qua không làm mặt nước gợn sóng, nếu là gió mạnh thì mặt nước sẽ dậy sóng! Đi đứng cũng phải nhẹ nhàng như thế. "Lập như thông", lúc đứng thì đứng thẳng như cây tùng. "Tọa như chung", lúc ngồi dáng vững chãi như một quả chuông. "Ngọa như cung", lúc nằm giống như một cây cung. Đó là bốn uy nghi lớn đi đứng nằm ngồi, Ngài đều thực hành rất tốt. Miệng không nói tùy tiện, mắt không nhìn ngắm tùy ý, tai cũng không tùy tiện nghe các âm thanh. Đó gọi là "phi lễ vật thị, phi lễ vật thính, phi lễ vật ngôn, phi lễ vật động[3]". Những gì không hợp với lễ thì không nhìn, những tiếng không hợp với lễ thì chẳng nghe, những điều không hợp với đạo lý thì không nói, những việc không hợp với lễ thì chẳng làm. Vì Ngài trì giới rất chân thật, rất nghiêm minh nên cảm ứng trời người đến cúng dường. Ngài nhật trung nhất thực, một ngày chỉ ăn một bữa. Bữa ăn đó Ngài chẳng cần làm mà do vị thiên cõi trời cúng dường cho Ngài. Vị trời đó tên là Lục Huyền Sướng.

Pháp sư Khuy Cơ chính là Tam xa Tổ Sư, khi chưa xuất gia, thịt gì Ngài cũng ăn qua, sau khi xuất gia Ngài cũng nếm qua hầu hết các món chay thượng vị. Tất cả những món ăn trong nhân gian Ngài đều thưởng thức qua, nên Ngài lại khởi niệm tham. Tham gì? Ngài nói: "Mình chưa được ăn thức ăn của cõi trời. Luật sư Đạo Tuyên có chư thiên dâng cúng, chi bằng mình đến đó hóa duyên". Pháp sư Khuy Cơ do phụng chỉ xuất gia nên rất có địa vị, lại là một quốc sư, vì thế Ngài muốn làm là làm.

Một sáng nọ, Ngài đi đến chỗ Luật sư Đạo Tuyên. Luật sư ra đón Ngài, Ngài nói: "Ồ, thức ăn gì tôi cũng đã nếm qua, chỉ có thức ăn cõi trời là tôi chưa được ăn. Đợi khi chư thiên mang thức ăn đến cúng dường, Luật sư nên chia cho tôi một phần, không nên ăn hết một mình". Luật sư Đạo Tuyên bảo: "Được! Tôi sẽ chia cho Pháp sư một phần, Pháp sư ở đây đợi nhé!" Đợi mãi, đợi mãi đã quá ngọ rồi mà chư thiên vẫn chưa mang đến. Lần đó Pháp sư Khuy Cơ không những không ăn được thức ăn cõi trời mà ngay cả thức ăn cõi người cũng chẳng được ăn. Bởi ở đó Luật sư Đạo Tuyên vốn không chuẩn bị thức ăn, lại không có nhà bếp, không có gạo, mì, dầu, muối, rau...cái gì cũng không có, trong sạch thanh khiết. Nếu thực sự muốn ăn thì chỉ có thể ăn những loại như cỏ, lá cây. Pháp sư Khuy Cơ có chút không vui, trách rằng: "Thì ra Luật sư gạt tôi, Luật sư nói có chư thiên đến cúng dường, sao đến giờ này vẫn chưa thấy vị nào đến?" Luật sư Đạo Tuyên cũng chẳng nói gì, vì Ngài là người trì giới nên chẳng muốn nhiều lời. Ông nói tôi lừa dối, cũng được; nói tôi vọng ngữ, cũng được, tôi cũng chẳng cần biện bạch. Cứ thế chờ đợi mãi đến khi trời tối. Từ Trường An đến núi Chung Nam

khoảng bảy mươi dặm đường, đêm xuống, trời tối cũng không thể đi được, Pháp sư Khuy Cơ đành phải ngủ lại đó một đêm.

Vào phòng, Pháp sư Khuy Cơ vừa đặt mình xuống giường là đã ngủ ngay, hơi thở vang dậy như sấm. Xưa nay Luật sư Đạo Tuyên nhất mực trì giới tu hành không hề khởi vọng tưởng, nhưng lần này vọng niệm đã khởi lên, Ngài nghĩ: "Thật là, còn ra thể thống gì của một vị quốc sư nữa! Một chút tu hành cũng không có, ngủ kiểu gì mà như thế, thật chẳng ra gì cả". Trong lòng đang khởi vọng tưởng như thế, thì Ngài cảm thấy trên thân có con rận đang cắn mình. Vì người xuất gia thường nhiều ngày không tắm rửa, nên thân thể có lúc sinh rận. Có rận cắn mình, Ngài túm lấy nó liệng xuống đất. Lúc sau, con rận khác lại cắn, Ngài cũng bắt nó ném xuống đất. Cứ như thế, cộng thêm tiếng ngáy như sấm của Pháp sư Khuy Cơ làm cho Luật sư Đạo Tuyên ngồi thiền không tài nào nhập định được, trở thành vọng tưởng suốt đêm.

Sáng sớm hôm sau, Luật sư Đạo Tuyên không nhịn nổi nên nói với Pháp sư Khuy Cơ:

-Pháp sư thật là, đêm qua ngủ ngáy như sấm, chẳng có quy củ gì cả, làm tôi suốt đêm không thể nhập định.

Pháp sư Khuy Cơ nói:

-Ồ, Luật sư nói tôi chẳng có tu hành gì ư? Chính Luật sư mới không biết tu!

Hai người tranh biện với nhau, Luật sư Đạo Tuyên hỏi:

-Sao Pháp sư biết tôi không tu hành?

Pháp sư Khuy Cơ bảo:

-Luật sư là bậc chuyên tu trì giới, đáng lẽ không nên sát sinh, nhưng đêm qua Luật sư đã bắt hai con rận trên thân phải không? Con thứ nhất Luật sư nhẫn tâm liệng mạnh xuống đất, làm nó chết ngay. Con thứ hai tuy Luật sư liệng nhẹ hơn nhưng cũng làm nó gãy chân. Con rận chết xuống địa phủ tố cáo Luật sư với Diêm vương rằng Luật sư là bậc tu hành trì giới mà còn sát sanh. Tôi liền đến đó hòa giải, nói Luật sư không cố ý, bảo nó không nên báo thù. Vua Diêm-la gọi nó đi đầu thai, nên oan trái này mới được hóa giải.

Luật sư Đạo Tuyên nghe nói kinh ngạc:

-Ôi! Hôm qua mình bắt rận rất khẽ, không ai hay biết, sao ông ấy lại biết vậy kìa? Kỳ lạ quá!

Pháp sư Khuy Cơ cũng không vui mấy nên cáo từ:

-Tôi đi đây! Ở đây không hề có chư thiên gì đến cúng dường, Luật sư toàn gạt người!

Pháp sư Khuy Cơ nói xong, bỏ đi.

Đến giờ ngọ, vị trời tên là Lục Huyền Sướng lại đem cơm đến. Luật sư Đạo Tuyên rất không vui hỏi vị trời ấy rằng:

-Hôm qua sao ông không mang cơm đến? Hôm qua tôi có khách quý đến muốn dùng cơm, sao ông không mang cơm đến?

Vị trời Lục Huyền Sướng thưa:

-Xin Luật sư từ bi tha thứ cho con. Hôm qua, con vốn mang cơm đến cúng dường Luật sư như thường lệ, nhưng trong vòng bốn mươi dặm nơi đây được bao quanh bởi hào quang sắc vàng, con muốn đi vào trong vòng kim quang ấy nhưng không tài nào mở mắt ra được, không thể phân biệt được Đông, Tây, Nam, Bắc. Lúc ấy, con hỏi thần thổ địa ở đây, ông ta chính là vị thần cai quản nơi này. Ông ta nói có nhục thân Bồ-tát ở chỗ của Ngài, vì thế, trong vòng bốn mươi dặm đều có hào quang sắc vàng này. Do vậy mà con không thể đến, xin Luật sư hoan hỷ cho con.

Luật sư Đạo Tuyên vừa nghe nói như thế, bèn nghĩ: "Ồ! Pháp sư Khuy Cơ là nhục thân Bồ-tát! Đó là cảnh giới bất khả tư nghì, thế mà mình lại nói Ngài không tu hành gì, ngủ ngáy như sấm, thì ra Ngài cố ý làm ra vẻ như vậy. Cảnh giới của Ngài cao hơn mình rất xa, ngay cả chư thiên cũng không thể đến gần được Ngài."

Về sau, Luật sư Đạo Tuyên càng tinh tấn tu hành. Pháp sư Khuy Cơ cũng không còn khởi ý niệm muốn ăn thức ăn chư thiên cúng dường nữa. Kết quả, hai người bạn tu hành đều trở thành bậc cao tăng trong thời ấy.

"Thường được xuất gia tu tịnh giới": Luôn được xuất gia, tu trì giới luật thanh tịnh. Vừa rồi giảng về Luật sư Đạo Tuyên và tổ sư Khuy Cơ đều thuộc cảnh giới Bồ-tát bất khả tư nghì, người bình thường không thể sánh được. Hiện tại chúng ta tu tập mười đại nguyện lớn của Bồ-tát Phổ Hiền cũng phải phát nguyện luôn được xuất gia. Xuất gia chính là ra khỏi nhà phiền não, ra khỏi nhà tam giới và ra khỏi nhà vô minh. Thế nào là ra khỏi nhà phiền não? Mọi người đều có phiền não, nếu quý vị có thể buông bỏ phiền não, không khởi phiền não nữa thì đó gọi là ra khỏi nhà phiền não. Ra khỏi nhà tam giới, tam giới chính là dục giới, sắc giới và vô sắc giới. Quý vị tuy đang ở trong Dục giới nhưng không có tâm dâm dục, hình sắc cũng không, cho đến vô sắc giới cũng không nốt, đó gọi là ra khỏi nhà tam giới. Ra khỏi nhà vô minh, vô minh chính là gốc rễ phiền não, quý vị có thể phá vỡ được vô minh, đạt được giác ngộ bồ đề, trí tuệ tròn đầy, đó gọi là ra khỏi nhà vô minh.

Ở Trung Hoa, không nhất định ai xuất gia cũng đều có thể tu hành. Trước đây, người Trung Hoa có xu hướng như vầy: Một đứa bé vừa sinh ra đã có rất nhiều bệnh tật, mời bác sĩ đến trị cũng chẳng lành, đứa bé xem như không cứu được. Lúc ấy, cha mẹ đứa bé nói: "Dù sao con cũng sẽ chết, chi bằng mình đem nó vào chùa cho làm Sa-di". Khi đã xuất gia, bệnh của đứa bé liền khỏi, không sợ chết nữa. Trường hợp xuất gia như thế đương nhiên là có căn lành nhưng vì do sợ chết mà xuất gia, đó gọi là mê. Mê như thế nào? Người ấy không biết tu hành. Thiện căn tuy có nhưng quên mất, cho nên người đó không chắc chắn là có thể tu hành. Đó là do trường hợp lúc nhỏ đưa vào chùa xuất gia.

Còn có trường hợp vì vấn đề cuộc sống mà xuất gia. Có nhà quá bần cùng, nghe nói xuất gia rất dễ có cơm ăn, áo mặc, thế là liền đi xuất gia. Đó là trường hợp vì bát cơm mang áo mà đi xuất gia. Lại có người tuổi đã già nhưng không có ai để nương nhờ, vì thế phát tâm xuất gia, sau đó thâu nhận đệ tử nhỏ cốt để có người phụng dưỡng mình. Vì đệ tử phải có bổn phận hiếu thuận với sư phụ, bất luận ăn gì trước đều phải cúng dường sư phụ, đối với sư phụ nhất mực cung kính. Khi chưa xuất gia, người ấy là một cụ già không có con cái; sau khi xuất gia thì có đệ tử, xem như đã có người chăm sóc. Trường hợp xuất gia như thế chỉ muốn dưỡng lão, dạng xuất gia như thế cũng không bảo đảm là có thể tu hành được. Cũng có người bị hoàn cảnh bức ngặt mà xuất gia, giống như tổ sư Khuy Cơ là do hoàn cảnh mà xuất gia, nhưng Ngài có thể tu hành. Còn có một dạng khác nữa, trước đây pháp luật Trung Hoa có ra một điều lệ là bất kể người nào giết người phóng hỏa, cướp bóc... tạo ra bao nhiêu tội ác nhưng một khi đã xuất gia thì chính phủ không truy tội nữa, đây là vì chạy trốn pháp luật mà xuất gia. Hạng người này cũng không chắc chắn có thể tu hành.

Còn có một hạng người có thể tu hành, đó là hạng người nào? Là người thật sự vì sinh tử mà

phát tâm Bồ-đề, hạng người ấy có thể tu hành. Do đó xuất gia cũng có nhiều nhiều loại khác nhau. Có khi quý vị sẽ nghe người ta nói: "Họ là người xuất gia, sao còn nhiều sân hận như thế? Còn nhiều phiền não như thế?" Bởi nhân duyên xuất gia của mỗi người khác nhau, cho nên biểu hiện sau khi xuất gia cũng có rất nhiều hình thái.

"Không nhơ không lỗi cũng không hư": Tu trì giới thanh tịnh, trong sạch như bảo châu, vĩnh viễn không bao giờ phá giới, về phương diện giới luật không có chỗ khiếm khuyết.

Trời, Rồng, Dạ xoa, Bàn Trà quỷ

Nhẫn đến loài Người cùng Phi Nhân

Tất cả ngôn ngữ của chúng sanh

Đều dùng các tiếng tăm nói pháp.

Thiên Long Dạ-xoa Cưu-bàn-trà

Nãi chí nhân dữ phi nhân đẳng

Sở hữu nhất thiết chúng sinh ngữ

Tất dĩ chư âm nhi thuyết pháp

"Trời, Rồng, Dạ xoa, Bàn Trà quỷ": Khi ấy có trời, rồng và các loài quỷ như dạ-xoa, Cưu-bàn-trà...Do nguyên nhân gì mà làm rồng? Bởi vì giữ giới không tinh nghiêm, chúng rất tinh tấn tu pháp Đại thừa, nhưng lại cho rằng giới luật rất bình thường, rất phổ thông, trì không trì cũng được, nên bị đọa lạc làm loài súc sinh. Rồng cũng là một loại súc sinh nhưng do trước có tu hành nên tuy làm loài súc sinh mà vẫn có thần thông. Rồng là loài vật có thần thông.

Trời, rồng, dạ xoa là nói bao quát cả tám bộ thần chúng gồm A-tu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Càn-thát-bà v.v... Cưu-bàn-trà là một loại có thân chiều ngang rộng hơn chiều đứng, chiều cao hơn ba thước nhưng bề ngang hơn năm thước. Nó không có đầu, cũng không có chân, trông giống như cối xay hoặc trái bí đao, cho nên còn gọi là quỷ quả bí. Nó đợi người ta ngủ say liền đến giở trò. Nó giở trò gì? Nó chuyên môn đè người, làm người bị đè toàn thân cứng đờ, có khi quý vị còn mở mắt, có thể nhìn thấy đồ vật nhưng muốn cử động lại không cử động được, muốn nói cũng không phát ra tiếng. Cứ như thế, có người bị đè đến ngạt thở mà chết. Do vậy quỷ Cưu-bàn-trà là một loại quỷ rất nguy hại. Trong kinh này vì có mười nguyện lớn của Bồ-tát Phổ Hiền cảm hóa, nên nó không những không hại người mà còn có thể trở lại hộ pháp.

"Nhẫn đến loài Người cùng Phi Nhơn": Cho đến loài người hoặc chẳng phải người. **"Tất cả ngôn ngữ của chúng sanh"**: Hết thảy ngôn ngữ của chúng sinh không kể là trời, người hoặc A-tu-la.... **"Đều dùng các tiếng tăm nói pháp"**: Đều có thể dùng tất cả ngôn ngữ của chúng sinh để thuyết pháp cho họ nghe, gặp loại chúng sinh nào thì dùng ngôn ngữ của chúng sinh ấy.

[1] Úy Trì 尉遲: Họ kép, như ở đời đường có ông Úy Trì Kính Đức.

[2] **Khuy Cơ** 窺基 (632 ~ 682): Người Trường An, họ Úy Trì, tự Hồng Đạo, xuất gia năm 17 tuổi, thờ ngài Huyền Trang làm thầy. Ngài chính là Sơ tổ tông Pháp tướng, đạo hiệu thường gọi là Pháp sư Khuy Cơ.

[3] Nguyên văn: 非禮勿視，非禮勿聽，非禮勿言，非禮勿動

K2. Nguyện tu hạnh tự lợi, lợi tha

Siêng tu thanh tịnh ba-la-mật

Thường chẳng quên mất Bồ-đề tâm

Diệt trừ cấu chướng không ngăn ngại

Thành tựu tất cả diệu hạnh lành.

Thế gian hoặc nghiệp và ma cảnh

Giải thoát ra ngoài chẳng vấn vương

Giống như hoa sen không dính nước

Như vầng nhật nguyệt chẳng trụ không.

Cần tu thanh tịnh Ba-la-mật

Hằng bất vong thất Bồ-đề tâm

Diệt trừ chướng cấu vô hữu dư

Nhất thiết diệu hành giai thành tựu.

Ư chư hoặc nghiệp cập ma cảnh

Thế gian đạo trung đắc giải thoát

Do như liên hoa bất trước thủy

Diệc như nhật nguyệt bất trụ không.

"Siêng tu thanh tịnh ba-la-mật": siêng tu tức là không giải đãi, không sợ gian khổ, không sợ mệt nhọc, lúc nào cũng đều tinh tấn. Luôn tinh tấn siêng tu các hạnh ba-la-mật thanh tịnh không nhiễm ô. Ba-la-mật là tiếng Phạn, Trung Hoa dịch đáo bỉ ngạn, nghĩa là từ bờ sinh tử bên này đạt đến bờ Niết-bàn bên kia.

"Thường chẳng quên mất Bồ-đề tâm": đời đời kiếp kiếp đều không quên phát tâm Bồ-đề.

Thế nào là tâm Bồ-đề? Chính là tâm siêng cầu Phật đạo. Đời đời kiếp kiếp không bao giờ quên mất tâm siêng cầu Phật đạo ấy.

"Diệt trừ cấu chướng không ngăn ngại": diệt trừ tất cả các cấu chướng như báo chướng, nghiệp chướng và phiền não chướng. Có phiền não giống như có bụi bẩn, giờ trừ sạch hết khiến những bụi bẩn ấy không còn nữa.

"Thành tựu tất cả diệu hạnh lành": vừa rồi, tôi nghe mẹ của Quả Diệu nói: sau này khi Quả Diệu kết hôn thì phải đến Phật đường để làm lễ. Nếu như quý vị nói sau này khi muốn tu đạo thì sẽ đến Phật đường để tham thiền tĩnh tọa, liễu sinh thoát tử, đó chính là tu diệu hạnh. Tu hạnh gì thì thành tựu hạnh ấy, đó gọi là thành tựu diệu hạnh bất khả tư nghì. Thế nào là bất khả tư nghì? Bất khả tư nghì là vượt ngoài dự đoán của con người, quý vị không tưởng tượng đến được. Điều không tưởng đến được nhưng rốt cuộc cũng đạt được, đó gọi là diệu. Cái 'diệu' ấy là quý vị không có cách nào nghĩ đến, không chỉ tâm không thể nghĩ đến mà lời nói cũng không thể luận bàn. Thế nào gọi là hạnh vi diệu chẳng thể nghĩ bàn? Đấy là tham thiền khai ngộ. Quý vị có khả năng khai ngộ thì thành tựu hạnh vi diệu chẳng thể nghĩ bàn.

"Thế gian hoặc nghiệp và ma cảnh": Sao gọi là hoặc nghiệp? Hoặc chính là mê hoặc, cũng chính là nghi hoặc. Hoặc có ba loại: kiến tư hoặc, trần sa hoặc và vô minh hoặc. Kiến hoặc là hoặc thô (bên ngoài), tư hoặc còn gọi là hoặc vi tế (bên trong), trần sa hoặc cũng gọi là vô minh hoặc. Kiến hoặc là một loại tâm tham ái phát sanh khi gặp cảnh, lòng tham ái ấy chính là một dạng của mê hoặc. Mê hoặc nhiều thì mơ hồ, không rõ ràng. Tư hoặc là một loại tâm phân biệt sai lầm phát sinh khi không thông suốt đạo lý. Trần sa hoặc có rất nhiều, nhiều như bụi trần ở thế gian hay như số cát sông hằng. Trong tâm chúng ta có loại vô minh này, vô minh vốn rất ít và cũng rất nhỏ, nhưng từ ít mà thành nhiều, rồi nhiều lại càng nhiều, nên gọi là trần sa hoặc. Giống như quý vị gặp một cảnh nào đó, liền sinh tâm tham ái. Mặc dù nói nó là kiến hoặc nhưng trên căn bản vẫn là do vô minh sinh ra. Vì sao khởi sinh ra tâm tham ái? Tâm tham ái này từ đâu sinh ra? Quý vị ngược dòng tìm về nguồn cội của nó thì sẽ thấy đó là vô minh, cho nên vô minh chính là gốc rễ của sinh tử. Chúng ta sở dĩ không thể thoát khỏi sinh tử chính là do vô minh này ngăn chướng, nên mãi bị sanh tử triền miên.

Có bao nhiêu kiến hoặc? Có đến tám mươi tám phẩm kiến hoặc. Tư hoặc thì sao? Tư hoặc có tám mươi mốt phẩm. Đoạn trừ tám mươi tám phẩm kiến hoặc thì chứng quả vị thứ nhất. Dứt trừ sáu phẩm tư hoặc đầu của Dục giới thì chứng quả vị thứ hai. Dứt trừ ba phẩm tư hoặc sau của Dục giới thì chứng quả vị thứ ba. Dứt trừ hết tám mươi mốt phẩm tư hoặc của Tam giới thì chứng quả vị thứ tư. Đến cảnh giới Bồ-tát thì đoạn được trần sa hoặc. Đạt cảnh giới Đẳng Giác bồ-tát thì vẫn còn một phần sinh tướng vô minh chưa được phá trừ, phá trừ xong phần vô minh ấy thì thành tựu Diệu Giác, Diệu Giác chính là Phật.

Nghiệp chính là các hành động thiện hay ác mà quý vị đã làm. Nên nói:

"Giả sử trải trăm nghìn kiếp,

Nghiệp tạo không mất đi,

Nhân duyên hội đủ thời,

Quả báo mình tự chịu[1]*".*

Giả sử trải qua trăm nghìn kiếp sau, nghiệp mà quý vị đã tạo sẽ không bao giờ mất đi. Quý vị

làm thiện sẽ được quả lành, quý vị làm ác sẽ bị quả xấu, những nghiệp thiện ác ấy luôn theo sát quý vị, đến khi nhân duyên chín mùi thì quý vị phải tự mình lãnh thọ quả báo. Quý vị gieo nhân thiện, tương lai sẽ kết quả lành, quý vị gieo nhân ác, mai sau sẽ gặp quả xấu. Làm việc tốt thì được quả báo tốt, làm việc xấu thì chịu quả báo xấu.

Ngày xưa có một người rất giàu. Người ấy làm nghề bán gạo và rượu. Ở Trung Hoa, gạo được tính bằng đơn vị cân, vì thế phải dùng cân hoặc dùng đấu để đo lường. Người ấy đổ nước vào trong gạo để làm cho gạo được nặng ký hơn, hạt gạo cũng lớn hơn, dùng đấu đong được nhiều hơn, dùng cân cân được nặng hơn. Thí dụ có 100 pounds[2] gạo thì ông ta lại đổ thêm 10 pounds hoặc 20 pounds nước, như vậy hạt gạo vừa to vừa trông đẹp hơn, nhưng sau khi khô lại còn chẳng được bao nhiêu. Cứ như thế, ông kiếm được rất nhiều tiền. Ông còn bán rượu nấu, ông nói: "Người có tiền mới uống rượu, không có tiền uống không nổi rượu, mình phải tìm cách móc hầu bao của những người có tiền". Thế rồi ông cũng pha nước vào rượu, cứ một cân rượu thì thêm vào hai lạng nước, như vậy một cân lời thêm được hai lạng rượu, mười cân thì dư ra được rất nhiều, cứ thế ông cũng nhờ vào việc bán rượu mà phát tài. Ông một đời kiếm được tiền chẳng biết bao nhiêu mà kể, tóm lại là rất nhiều. Ông có ba đứa con, do một đời ông vui thích vàng bạc nên đặt tên cho đứa con lớn là Kim Tử, đứa thứ hai là Ngân Tử, còn đứa thứ ba tên là Nghiệp Chướng.

Khi về già, ông mắc bệnh, bệnh nặng sắp chết, mời lương y đến xem bệnh, lương y cũng hết cách, xua tay bảo: "Tôi không cứu nổi bệnh ông, ông có gì ngon nên ăn nhiều một chút". Đó chính là đợi ngày ra đi vậy.

Ông nghĩ: "Ta có nhiều tiền vậy mà chết như thế này thật vô nghĩa! Ta nên thương lượng với các con, xem có đứa nào tình nguyện đi theo ta. Thường ngày ta rất yêu thương đứa con lớn, nên bảo nó đi cùng ta". Ông bèn gọi đứa con lớn Kim Tử đến nói: "Con biết không, một đời này người ta thương mến nhất là con". Người con lớn đáp "Dạ, con biết! Cha đối với con không tệ, cha là cha của con, cha có nhiều tài sản như thế, tương lai những tài sản này đều là của con vì con biết cha đối với con rất tốt". Ông nói: "Cha thương yêu con, nay cha sắp chết rồi, nhưng cha chẳng nỡ rời con, con có thể theo cha không?" Người con nói: "Cha bệnh sao mà ngớ ngẩn mất rồi! Con làm sao có thể chết theo cha được? Phải chăng cha đang đùa với con? Được rồi cha, cha không nên giỡn như vậy!".

Người cha nói: "Không phải giỡn, cha đang nói thật với con đó, chẳng phải đùa giỡn đâu! Rốt cuộc con có thể theo cha được không?" Người con lớn khẳng định: "Không thể được! Cha đã cưới vợ cho con, hiện con đã có con, nếu con chết rồi thì con của con phải làm sao đây?" Người cha than: "Thế sao! Cha một đời thương yêu con vô cùng, nay cha bảo con theo cha xuống cửu tuyền mà con chẳng chịu. Con không chịu cũng đành thôi! Hãy mau đi đi! Gọi Ngân Tử đến gặp ta".

Ông lại thương lượng với Ngân tử rằng: "Trước đây cha đối xử với anh con có phần ưu ái hơn con một chút, nhưng nay cha phát hiện nó không có một chút tâm hiếu nào đối với cha. Cha thấy con thường ngày rất hiếu thuận, rất nghe lời cha, nay cha sắp chết rồi, con có thể chết cùng cha không?". Ngân Tử đáp: "Anh Kim Tử đã không đồng ý chết theo cha thì con làm sao có thể chết theo cha được? Điều đó không thể. Nếu cha đã sắp chết thì hãy chết nhanh một chút, cha không thể bảo con chết cùng cha được". Thế rồi Ngân Tử rũ tay áo bỏ đi, vừa đi vừa mắng: "Làm cha như ông thật là ngớ ngẩn, không có chút nhận thức, tôi tuổi trẻ như vầy, chưa hưởng thụ được bao nhiêu mà lại bảo tôi chết với ông, há có đạo lý này sao! Loại già lão như ông dù có nán lại ở đời cũng chỉ là một vật bỏ đi mà thôi".

Bấy giờ ông chỉ còn cách tìm đến đứa con út. Ông gọi người con thứ ba Nghiệp Chướng vào bảo: "Nghiệp Chướng! Nay cha sắp chết rồi, con có thể đi cùng cha không?" Nghiệp Chướng thưa:

"Dạ được! dạ được! Đó là điều con vui mừng nhất. Cha đi đến nơi nào thì con đi theo nơi ấy, con theo để hầu hạ cha". Ông nghe như thế rất hài lòng, trong đời này vẫn còn một đứa con chịu chết theo mình, thế là mãn nguyện lắm rồi. Thế là Nghiệp Chướng cùng cha xuống gặp vua Diêm La.

Vua Diêm La thấy ông đến, liền hỏi: " Ông một đời bán gạo đã đổ thêm nước, bán rượu cũng pha nước vào, có việc đó không?" Ông thưa: "Dạ, không có, tôi không hề làm những chuyện thất đức như thế!" Lúc ấy, Nghiệp Chướng con ông vọt miệng: "Có, con thấy cha bán rượu, bán gạo đều đổ thêm nước vào, vua Diêm La nói không sai, sao cha không chịu thừa nhận?". Đứa con này đến đây để làm chứng cho cha, chứng minh ông đã từng làm những việc xấu, ông chẳng còn chối cải gì được, thế là bị tống vào địa ngục. Bấy giờ ông chợt ngộ ra, bảo rằng: "Thì ra con theo để làm chứng cho ta, làm chứng ta đã tạo tội nghiệp. Sớm biết như thế, thà con đừng theo ta thì hơn". Vì thế có bài kệ:

Kim, Ngân chẳng chịu đi

Chỉ có Nghiệp theo mình

Diêm Vương tra hỏi đến

Nghiệp bảo chẳng hề sai.

Lúc quý vị lìa đời, vàng, bạc đều chẳng mang theo được, chỉ có nghiệp cùng sát cánh với quý vị. Khi Diêm Vương xét hỏi đến, nghiệp chướng liền làm chứng điều này thật có, điều kia cũng chẳng sai, thế nên nghiệp chướng rất là tai hại. Sao gọi là nghiệp chướng? Nghiệp chướng chính là những hành động tạo tác của quý vị. Nếu quý vị làm việc tốt thì được nghiệp lành, quý vị làm việc xấu thì bị nghiệp ác, nghiệp ác chính là nghiệp chướng.

Giảng đến đây, tôi lại nhớ đến một chuyện lúc nhỏ của mình. Đó là chuyện hồi tôi còn làm Sa-di. Lúc ấy nhằm vào dịp tết, người Trung Hoa ăn tết bất luận là ở chùa chiền hay nhà dân đều phải viết đối liễn dán trên cửa, còn gọi là "huy xuân" (đón xuân). Ở chùa, người ta thường viết chữ "Cát tường như ý", hoặc viết vô số những lời tốt lành. Lúc ấy, tôi viết bốn chữ "trí tuệ như hải". Tôi viết bốn chữ này viết rất nhanh, lại có hồn. Có một sư huynh khác cũng là Sa-di thấy bốn chữ này rất thích, sư huynh luôn miệng đọc: "Trí tuệ như hải, trí tuệ như hải, trí tuệ như hải...". Đọc tới đọc lui nhiều lần mãi như thế khiến tôi nghe phát chán nên nói với sư huynh:

-Tôi thấy sư huynh "Nghiệp lực như biển" thì có. Nghe tôi nói thế, tức thời sư huynh nổi giận sừng sộ:

- Vì sao chú nói tôi nghiệp lực như biển? Vì sao chú nói tôi nghiệp lực như biển? Thái độ gần như muốn đánh lộn với tôi vậy.

- Sư huynh đừng nóng vội, hãy nghe tôi nói. Tôi nói sư huynh "nghiệp lực như biển", đúng ra sư huynh không nên giận mà còn phải cám ơn tôi đã chúc phúc cho sư huynh.

-Đâu có lý ấy, chú nói tôi nghiệp lực như biển mà tôi còn phải cám ơn chú sao ? Không có lẽ ấy.

Tôi ôn tồn:

-Sư huynh hãy nghe tôi giải thích tí nào, giải thích rồi sư huynh sẽ rõ.

-Chú giải thích thế nào?

-Sư huynh biết thế nào gọi là nghiệp không?

-Nghiệp chính là sự tạo tác của con người.

-Nghiệp này có nghiệp lành và nghiệp dữ. Nếu tôi nói nghiệp lành của sư huynh như biển thì sư huynh sẽ như thế nào?

Lúc ấy, sư huynh trợn tròn mắt nhìn tôi không nói lời nào.

Tôi nói:

-Tôi không nói là sư huynh nghiệp lành hay nghiệp dữ như biển, vì sao sư huynh lại nổi sân lên? Ý của tôi là nghiệp lành của sư huynh như biển, nhưng giờ thì sư huynh như thế nào?

-"Không có vấn đề gì, tôi chỉ muốn, tôi muốn…." Rồi sư huynh xin lỗi nhận sai với tôi. Tôi lại nói:

-Từ câu nói này của tôi, sư huynh phải mời tôi một bữa cơm chay mới được.

Sư huynh vui vẻ:

-"Được, được, được!" đồng ý mời tôi dùng cơm chay.

Quý vị xem có kỳ diệu không, chỉ bỏ bớt đi một chữ, thêm vào chữ thiện thì sự sân giận của sư huynh không còn nữa, quý vị nói có kỳ lạ hay không? Đây cũng là diệu pháp, quý vị hiểu không? Chỉ một chữ tôi không nói rõ mà sư huynh đã nổi sân giận, tôi lại thế vào một chữ khác "thiện nghiệp như hải", thì sư huynh tôi liền hoan hỷ vô cùng. Cho nên, chỉ một chữ cũng có thể khiến người giận dữ hay vui mừng. Tâm tính của con người vô cùng kỳ lạ, giận hay vui chỉ trong một chữ. Nghiệp lực chính là như thế.

Còn có một lần, tôi cầm trên tay một cuộn giấy và lại bị chính vị sư huynh Sa-di ấy nhìn thấy. Vị sư huynh này là người nhiều chuyện, thích xen vào chuyện của người khác, sư huynh ấy hỏi tôi:

- Chú đang cầm vật gì ở trên tay vậy?

- Đó là giấy bán sư huynh.

Hả! Sư huynh lại nổi giận, do vì tánh hay giận, cho nên thỉnh thoảng tôi cũng tìm chút chuyện ghẹo sư huynh. Sư huynh hỏi lại lần nữa:

- Cái gì?

- Giấy bán sư huynh.

-Vì sao chú lại có thể bán ta? Vì sao chú lại có thể bán ta? Chú có quyền gì dám bán ta? Sư huynh giận dữ.

-Đương nhiên tôi có quyền bán sư huynh, tôi có đặc quyền ấy. Tôi bán sư huynh, sư huynh phải hoan hỷ, nếu không hoan hỷ thì tôi sẽ không bán sư huynh.

-Làm sao chú lại có đặc quyền? Sư huynh càng giận dữ với tôi hơn.

-Tôi bán sư huynh, có người mua, sư huynh nhất định sẽ hoan hỷ - Tôi nói.

-Đâu có lý ấy! Hãy nói cho ta biết, chú bán ta, có người mua, ta sẽ còn hoan hỷ nữa à?

-Tôi bán sư huynh cho Đức Phật Thích-ca Mâu-ni để sư huynh mãi mãi làm tu sĩ.

Mắt sư huynh lại sáng lên, nhìn tôi không chớp mắt. Tôi hỏi:

-Có được không? Sư huynh có vui không?

-Được, được chứ!

Lúc nhỏ, tôi nghịch ngợm như thế đấy!

Quý vị xem, sự việc như thế, thông qua sự trình bày của tôi, tôi nói muốn bán sư huynh, sư huynh lại rất thích thú. Đó cũng là diệu pháp. Quý vị không nên cho rằng đây là chuyện cười.

Lại nói về ma cảnh. Ma cảnh chính là cảnh giới của ma, nếu quý vị không tu đạo, thì ma ấy không tìm đến quý vị; một khi quý vị vừa tu đạo, ma chướng lập tức tìm đến quý vị ngay. Vì sao? Vì người khi không tu đạo giống như kẻ nghèo cùng, còn ma thì giống như thổ phỉ. Thổ phỉ không đến cướp đoạt của người bần cùng, bởi chúng biết rằng người bần cùng vốn không có đồ vật gì để cướp. Quý vị vừa khởi tâm tu đạo, giống như người phát tài. Quý vị có tiền rồi, thổ phỉ sẽ không kể ngày hay đêm luôn tìm cơ hội đến cướp đoạt tài vật của quý vị. Cho nên quý vị tu đạo là có ma. Có bài kệ rằng:

Ma để mài chánh đạo

Chánh đạo mới có ma

Càng mài càng lấp lánh

Lấp lánh càng phải mài

Mài sáng như trăng thu

Lồng lộng chiếu chúng ma

Chúng ma tiêu biến hết

Bản tánh Phật xưa nay.

Quý vị tu đạo có chút thành tâm chân chính rồi thì ma mới đến mài quý vị. Ma ấy đến chính là để khảo nghiệm quý vị. Vì muốn biết quý vị dụng công chân thật đến đâu nên ma ấy mới đến thử thách quý vị. Quý vị càng nhẫn thọ được thử thách bao nhiêu thì ánh sáng càng hiển lộ bấy nhiêu. Ánh sáng cũng chính là tánh sáng. Ánh sáng của quý vị mới lóe, cần phải mài nhiều thêm một chút, mài sáng cũng giống như trăng sáng ngày rằm trung thu. Lúc ấy quý vị có thể ở giữa hư không chiếu phá quân ma. Đó cũng chính là nói nếu quý vị có được trí tuệ chân chính thì ma đến quý vị liền nhận biết, ánh sáng trí tuệ của quý vị sẽ soi thấu mọi ngõ ngách của quân ma, khiến chúng phải bỏ chạy. Lúc này bản tánh Phật xưa nay của quý vị sẽ xuất hiện.

Khi quý vị tu đạo có được chút thành tựu thì sẽ có ma chướng phát sinh. Chẳng hạn nói về việc

giữ giới, trong tâm quý vị vốn chẳng muốn phạm giới, vốn chẳng muốn sát sinh, nhưng không biết vì sao lại sát sinh, lại phạm vào giới cấm. Quý vị vốn không muốn trộm cắp nhưng cũng không hiểu sao lại trộm cắp. Quý vị vốn không muốn tà dâm nhưng không biết sao cũng lại phạm phải. Sao lại không hay không biết gì cả? Chính là mơ hồ, lúc ấy vô minh ở ngay trước mặt. Một khi vô minh xuất hiện thì cái gì cũng quên, giới đã thọ cũng quên, trì trai cũng quên, do đó mới phạm trai, phá giới. Quý vị vốn không muốn nói dối, nhưng khi vô minh hiện khởi thì lại nói dối. Quý vị vốn không nghĩ đến uống rượu, nhưng vô minh có mặt thì lại uống rượu. Đây đều do vô minh ngăn che trí tuệ của quý vị, do không có trí tuệ nên đã phạm giới. Đó cũng là một loại cảnh giới.

Quý vị ngồi thiền vừa có một chút định lực, do định lực ấy mà phát sinh một ít trí tuệ, bèn muốn đoạn trừ tâm dâm dục, thế rồi quý vị phát tâm, nói: "Việc quan hệ nam nữ là chuyện chẳng tốt, tôi nhất định phải cải trừ". Quý vị chưa khởi tâm đoạn trừ dâm dục thì không có việc gì, nhưng một khi quý vị vừa phát tâm đoạn trừ dâm dục thì ma dâm tìm đến ngay. Tìm đến bằng cách nào? Hoặc lúc quý vị đang ngủ , nó hóa thành vô số gái đẹp, quý vị thích hình dáng thế nào thì nó liền hóa hiện những cô gái hình dáng như thế ấy để dụ dỗ quý vị. Nếu là người nữ thì nó sẽ hóa hiện ra vô số chàng trai đẹp để mê hoặc quý vị, khảo nghiệm quý vị ngay trong giấc mộng. Lúc ấy nếu quý vị không nắm rõ, liền phạm giới ngay trong mộng, mất đi định lực. Không có định lực thì cũng không có trí tuệ. Hoặc là không phải ở trong mộng mà ngay cả lúc bình thường, hoặc là quý vị gặp lại bạn trai hay bạn gái trước kia của mình và cũng bất tri bất giác phạm vào giới cấm. Phạm giới rồi sẽ không còn định lực, giống kẻ ngu si, không có trí tuệ. Đây đều do vô minh che lấp trí tuệ của quý vị, khiến cho quý vị phá hoại giới luật. Đây là một cảnh giới khác của ma.

Lại nữa, quý vị suốt ngày tĩnh tọa, tham thiền, khi ngồi cũng sẽ phát sanh ma chướng. Hoặc là quý vị thấy vô số cảnh giới, hoặc là quý vị thấy mình có thần thông, hoặc là quý vị thấy thân mình lớn như hư không. Năm mươi cảnh giới của ngũ ấm ma trong kinh Lăng Nghiêm đề cập đều hiện ra trước mắt, đây đều là những cảnh giới của ma.

Trước kia có một lão hành giả tọa thiền tu đạo tại đây, lúc sắp nhập định nhưng vẫn chưa vào định thì thấy một cảnh giới hiện ra. Vị ấy thấy trên đầu mình có một sợi dây rất nhỏ treo một khối đá nặng đến mấy tấn lơ lửng trên đầu, và trên sợi dây còn có một con chuột đang gặm sợi dây. Nếu dây bị cắn đứt thì nhất định khối đá đó sẽ rơi xuống đè chết vị ấy. Khi thấy cảnh giới này, nếu vị ấy sợ hãi, hoặc bỏ chạy thì sẽ bị tẩu hỏa nhập ma, ma vương sẽ giành được phần thắng. Nhưng tâm của vị ấy như nước lặng: "Anh đem khối đá treo trên đầu tôi mong muốn đè tôi chết, tôi cũng mặc, dù tôi có chết cũng phải ngồi ở đây thiền". Sau đó vị ấy nhập định, và kết quả là không có tảng đá nào đè vị ấy chết cả.

Lại nữa, lúc đức Phật Thích-ca Mâu-ni sắp thành đạo, ma vương Ba-tuần hoảng sợ, nói: "Ôi! Cù-đàm Tất-đạt-đa sắp thành Phật rồi, chúng ta cần phải nghĩ cách khiến cho hắn không thể thành Phật". Lúc ma vương đang lo lắng tìm kế thì con gái ma vương đến hỏi cha: "Phụ vương! Vì sao cha lại buồn rầu như thế?". Ma vương nói: "Hiện nay Cù-đàm sắp thành Phật rồi, cha không muốn ông ta thành Phật, vì ông ta thành Phật thì họ hàng ma vương của chúng ta không còn thế lực nữa, nên giờ đây cha đang nghĩ cách khiến cho Cù-đàm không thể thành Phật". Con gái ma vương thưa: "Con xung phong, con sẽ đi nhiễu loạn đạo tâm của ông ta, khiến cho ông ta sinh tâm dâm dục". Thế rồi ma nữ bèn đi phá hoại đạo nghiệp của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni.

Ma nữ xinh đẹp tuyệt trần, nó đi đến chỗ Đức Phật Thích Ca dùng vô số tư thế kiều mỵ để hòng mê hoặc Ngài, muốn Ngài khởi sanh tâm dâm dục. Nhưng Đức Phật lại như như bất động trước cảnh giới ấy, Ngài còn quán tưởng, nói rằng: "Ngươi cho rằng hiện giờ mình xinh đẹp, nhưng theo thời gian già suy, da dẻ trở nên sần sùi, tóc tai bạc trắng, trên mặt cũng sẽ xuất hiện những nếp nhăn nheo

trông thật xấu ". Đức Phật Thích Ca vừa quán tưởng như thế, ma nữ nhìn lại thấy mình lập tức trở thành một bà lão già nua, mắt mờ, tai lãng… Thế là ma nữ liền sinh tâm hổ thẹn, biến mất.

Nói về cảnh giới của ma thì có rất nhiều, có điều người tu đạo chúng ta bất luận gặp phải cảnh giới nào đều không nên để nó làm lay động. Quý vị không để bất kỳ cảnh giới nào làm lay động, đó chính là định lực, quý vị có định lực thì có thể nhiếp phục được tán loạn, không tán loạn thì không bị tẩu hỏa nhập ma và như thế có thể phá trừ được cảnh giới của ma.

"**Giải thoát ra ngoài chẳng vấn vương**": Ở trong thế gian đạo cũng được giải thoát. Thế gian đạo chính là đạo lý ở thế gian này của chúng ta. Ở ngay nơi thế pháp mà có thể xuất thế, tức ngay ở nơi thế gian mà có thể xuất thế gian. Thế nào là ở trong thế gian mà xuất thế gian? Nghĩa là không chấp trước, quý vị xa rời được sự chấp trước của mình thì sẽ được giải thoát. Thế nào là không chấp trước? Đó là:

*Thân tại thế gian, tâm xuất thế; hoa trong đáy giếng chẳng nhuốm trần***[3]**

Người dù ở trong thế giới này mà tâm vượt thoát ngoài trần thế, cũng giống như trồng hoa trong giếng, bụi trần không thể làm nhuốm bẩn.

"Giống như hoa sen không dính nước": cũng giống như hoa sen mọc từ bùn mà không nhiễm bùn. Rễ của hoa sen tuy phát triển ở trong bùn nhưng hoa của nó lại nở trên mặt nước hoàn toàn tinh khiết. Nếu chúng ta không đắm chấp tất cả các pháp thế gian thì cũng giống như hoa sen không nhiễm bùn vậy.

"Như vầng nhật nguyện chẳng trụ không": Cũng giống như mặt trời, mặt trăng, tuy ở trong hư không mà không bị dính mắc bởi hư không, không chỗ chấp trước.

---

[1] Nguyên văn: 假使百千劫，所作業不亡；因緣會遇時，果報還自受

[2] Bảng (pound) 磅: đơn vị đo trọng lượng của người Anh. 100 pounds (bảng)=45kg36.

[3] Nguyên văn: 人在塵心出塵，井裏栽花不染塵

K3. NGUYỆN THÀNH THỤC CHÚNG SINH

Dứt hết tất cả khổ ác đạo

Khắp đồng ban vui cho quần sinh

Như thế trải qua vô số kiếp

Lợi ích mười phương không cùng tận.

Tôi thường tùy thuận các chúng sanh

Cùng tận tất cả vị lai kiếp

Hằng tu hạnh lớn của Phổ Hiền

Viên mãn quả Bồ Đề Vô Thượng.

Tất trừ nhất thiết ác đạo khổ

Đẳng dữ nhất thiết quần sinh lạc

Như thị kinh ư sát trần kiếp

Thập phương lợi ích hằng vô tận

Ngã thường tùy thuận chư chúng sinh

Tận ư vị lai nhất thiết kiếp

Hằng tu Phổ Hiền quảng đại hạnh

Viên mãn vô thượng đại Bồ-đề

"Dứt hết tất cả khổ ác đạo, Khắp đồng ban vui cho quần sinh": Hoàn toàn đoạn trừ hết thảy các khổ trong ba đường ác địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, đồng thời mang đến an lạc một cách bình đẳng cho tất cả chúng sinh.

"Như thế trải qua vô số kiếp, Lợi ích mười phương không cùng tận": Trải qua kiếp số như vi trần đều thường làm lợi ích cho tất cả chúng sinh trong mười phương như thế, không lúc nào cùng tận.

"Tôi thường tùy thuận các chúng sanh, Cùng tận tất cả vị lai kiếp": Tôi tu học mười nguyện rộng lớn của Bồ tát Phổ Hiền thường tùy thuận tất cả chúng sinh cho đến tất cả kiếp cùng tận vị lai.

"Hằng tu hạnh lớn của Phổ Hiền, Viên mãn quả Bồ Đề Vô Thượng": Tôi thường tu tập theo phương pháp rộng lớn của Bồ-tát Phổ Hiền như thế để thành tựu trọn vẹn thiện căn Đại Bồ-đề vô thượng, đạt đến viên mãn.

K4. NGUYỆN KHÔNG XA LÌA

Nguyện tất cả người cùng phạm hạnh

Ở khắp mọi nơi đồng tụ hợp

Thân khẩu ý nghiệp đều tương ưng

Cùng nhau tu học hết thảy hạnh.

Các thiện tri thức lợi ích tôi

Vì tôi chỉ bày hạnh Phổ Hiền

Nguyện thường tụ hợp cùng với tôi

Đối với tôi lòng luôn hoan hỷ.

Sở hữu dữ ngã đồng hạnh giả

Ư nhất thiết xứ đồng tập hội

Thân khẩu ý nghiệp giai đồng đẳng

Nhất thiết hạnh nguyện đồng tu học

Sở hữu ích ngã thiện tri thức

Vị ngã hiển thị Phổ Hiền hạnh

Thường nguyện dữ ngã đồng tập hội

Ư ngã thường sanh hoan hỷ tâm

"Nguyện tất cả người cùng phạm hạnh, Ở khắp mọi nơi đồng tụ hợp": Tất cả những người tu hành cùng tu mười hạnh nguyện rộng lớn Phổ Hiền như tôi, dù đang ở bất cứ nơi nào, chúng tôi cũng đều có thể tập hợp lại với nhau.

"Thân khẩu ý nghiệp đều tương ưng, Cùng nhau tu học hết thảy hạnh.": Ba nghiệp thân khẩu ý của chúng tôi cũng đều giống nhau, chúng tôi cũng đều tu học tất cả những hạnh nguyện như nhau.

"Các thiện tri thức lợi ích tôi, Vì tôi chỉ bày hạnh Phổ Hiền": Tất cả những thiện tri thức làm lợi ích cho tôi, đều dạy tôi hạnh môn tu hành này của Bồ tát Phổ Hiền.

"Nguyện thường tụ hợp cùng với tôi": Những người có duyên với nhau mới có thể tụ hội lại một chỗ, người không có duyên thì dẫu có muốn tụ họp cũng không được. Cho nên những người thường có thể ở chung với nhau tu đạo đều là đời đời kiếp kiếp có lập nguyện này, muốn cùng nhau ở chung trong một pháp hội để dụng công tu hành.

"Đối với tôi lòng luôn hoan hỷ": Những người ấy thường khởi tâm hoan hỷ với tôi. Nếu là người không có duyên thì dù quý vị có đối xử tốt với họ thế nào, họ cũng không thấy tốt; nếu là người có duyên thì dù quý vị có đánh mắng họ thế nào đi nữa, họ đều sinh tâm hoan hỷ. Vì sao thế? Vì có duyên với nhau. Do đó luôn có một mối quan hệ vi diệu giữa người và người với nhau.

K5. NGUYỆN CÚNG DƯỜNG

Nguyện thường diện kiến các Như Lai

Cùng chúng Phật tử khắp vây quanh

Nguyện rộng cúng dường đến chư Phật

Tột kiếp vị lai không nhàm mỏi.

Nguyện gìn pháp mầu của chư Phật

Hiển bày cả thảy hạnh Bồ Đề

Rốt ráo thanh tịnh hạnh Phổ Hiền

Trọn kiếp vị lai thường tu tập.

Nguyện thường diện kiến chư Như Lai

Cập chư Phật tử chúng vi nhiễu

Ư bỉ giai hưng quảng đại cúng

Tận vị lai kiếp vô bì yếm

Nguyện trì chư Phật vi diệu pháp

Quang hiển nhất thiết Bồ-đề hạnh

Cứu cánh thanh tịnh Phổ Hiền đạo

Tận vị lai kiếp thường tu tập.

"Nguyện thường diện kiến các Như Lai": Tôi phát nguyện thường đến các cõi nước trong mười phương để diện kiến, thân cận hết thảy chư Phật. **"Cùng chúng Phật tử khắp vây quanh"**: Cùng ở chung trong tất cả chúng đệ tử của chư Phật nhiễu quanh, tán thán, cúng dường chư Phật. **"Nguyện rộng cúng dường đến chư Phật":** Đối với tất cả chúng hội, tôi đều phát khởi tâm cúng dường rộng lớn, cúng dường hết thảy chư Phật cùng tất cả đệ tử của Ngài. **"Tột kiếp vị lai không nhàm mỏi":** Nguyện tâm cúng dường rộng lớn này của tôi cho đến cùng tận kiếp vị lai cũng không nhàm mỏi.

"Nguyện gìn pháp mầu của chư Phật": tôi lại phát nguyện thọ trì pháp vi diệu thâm sâu của tất cả chư Phật trong mười phương ba đời, tôi nguyện nương theo pháp môn vi diệu của chư Phật để tu hành. Đó gọi là:

Pháp vi diệu rất sâu vô thượng

Trăm nghìn muôn kiếp khó gặp được

Con nay thấy nghe được thọ trì

Nguyện hiểu nghĩa chân thật của Phật.

Quý vị không nên cho rằng Phật pháp đơn giản dễ hiểu. Phật pháp không những không đơn giản dễ hiểu mà ngay cả gặp được Phật pháp cũng là vô cùng khó. Vì thế nói: "Thân người khó được, Phật pháp khó nghe, Thiện tri thức khó gặp[1]". Phật pháp khó được nghe nhưng hiện tại chúng ta đã được nghe Phật pháp; thân người khó được nhưng chúng ta cũng đã được thân người rồi; thiện tri thức khó gặp thì chúng ta phải tìm thiện tri thức. **"Rõ bày cả thảy hạnh Bồ Đề":** tôi phải xiển dương Phật pháp sâu rộng, khiến cho ánh sáng giác ngộ chiếu soi, hiển bày khắp trong vũ trụ. **"Rốt ráo thanh tịnh hạnh Phổ Hiền":** đạt đến cảnh giới Niết-bàn thanh tịnh rốt ráo, trọn vẹn đạo Bồ-đề lớn này của Bồ tát Phổ Hiền. **"Trọn kiếp vị lai thường tu tập":** Đến cùng tận kiếp vị lai tôi đều luôn tu tập tất cả hạnh Phổ Hiền này.

K6. NGUYỆN LÀM LỢI ÍCH

Tôi ở trong tất cả các cõi

Hằng tu phước, trí vô cùng tận

Định, tuệ, phương tiện và giải thoát

Được những tạng công đức vô tận.

Trong một mảy trần vô số cõi

Trong mỗi cõi nước vô số Phật

Mỗi Phật hiện thân trong chúng hội

Tôi thấy luôn giảng hạnh Bồ Đề.

Ngã ư nhất thiết chư hữu trung

Sở tu phúc trí hằng vô tận

Định tuệ phương tiện cập giải thoát

Hoạch chư vô tận công đức tạng

Nhất trần trung hữu trần số sát

Nhất nhất sát hữu nan tư Phật

Nhất nhất Phật xứ chúng hội trung

Ngã kiến hằng diễn Bồ-đề hạnh

"Tôi ở trong tất cả các cõi, Hằng tu phước, trí vô cùng tận": tôi ở tất cả những nước trong ba cõi, thường tu tập phúc đức và trí tuệ không bao giờ dừng nghỉ. Quý vị muốn tu phúc đức thì phải làm những việc tốt, quý vị muốn tu trí tuệ thì phải học nhiều Phật pháp, quý vị làm nhiều việc công đức lành thì có phúc; quý vị luôn hoằng dương Phật pháp, chuyển bánh xe pháp lớn, giáo hóa chúng sinh thì sẽ khai mở trí tuệ. Làm được như thế thì phúc cũng vô tận, mà tuệ cũng vô biên.

"Định, tuệ, phương tiện và giải thoát, Được những tạng công đức vô tận": Định lực đươc viên mãn và tuệ lực cũng trọn vẹn, dùng pháp môn phương tiện quyền xảo và giải thoát mà đạt đươc tạng công đức không cùng tận này. Tạng công đức ấy lớn như hư không, nhiều như pháp giới, cho nên đến cùng kiếp vị lai cũng không cùng tận.

"Trong một mảy trần vô số cõi": Với Phật pháp, trong lớn có thể hiện nhỏ, trong nhỏ cũng có thể hiện lớn. Một hạt vi trần là rất nhỏ, nhưng trong hạt vi trần ấy lại có thể hiện ra vô lượng vô biên cõi nước của chư Phật. **"Trong mỗi cõi nước vô số Phật":** Lại lấy mỗi hạt vi trần ở trong cõi nước ấy làm thành một cõi Phật, trong mỗi cõi Phật này lại có vô số cõi Phật nhiều như vi trần.

"Mỗi Phật hiện thân trong chúng hội": Mỗi một vị Phật đều có một pháp hội, trong những pháp hội ấy đều có chư Phật, Bồ-tát, Thanh văn A-la-hán cung kính vây quanh, tán thán. **"Tôi thấy luôn giảng hạnh Bồ Đề"**: Tôi thấy tất cả các Bồ-tát, những người tu đạo trong các hải hội ấy của chư Phật cũng đều tu theo hạnh Bồ-đề này của Bồ-tát Phổ Hiền.

K7. NGUYỆN CHUYỂN BÁNH XE PHÁP

Khắp cùng mười phương các cõi nước

Mỗi đầu sợi lông đủ ba đời

Phật cùng quốc độ số vô lượng

Tôi trải trần kiếp khắp tu hành.

Lời nói Như Lai đều thanh tịnh

Một lời đủ cả các âm thinh

Theo tiếng chúng sanh lòng ưa thích

Biển pháp tuôn chảy Phật biện tài.

Tất cả chư Phật trong ba đời

Dùng biển ngữ ngôn vô tận ấy

Hằng chuyển pháp luân diệu lý thú

Trí lực sâu tôi vào được khắp.

Phổ tận thập phương chư sát hải

Nhất nhất mao đoan tam thế hải

Phật hải cập dữ quốc độ hải

Ngã biến tu hành kinh kiếp hải

Nhất thiết Như Lai ngữ thanh tịnh

Nhất ngôn cụ chúng âm thanh hải

Tùy chư chúng sinh ý nhạo âm

Nhất nhất lưu Phật biện tài hải

Tam thế nhất thiết chư Như Lai

Ư bỉ vô tận ngữ ngôn hải

Hằng chuyển lý thú diệu pháp luân

Ngã thâm trí lực phổ năng nhập

"Khắp cùng mười phương các cõi nước": Trong biển Phật quốc khắp mười phương. 'Biển' là chỉ cho số nhiều; ý nói là vô lượng vô biên, quý vị không có cách nào tính biết được số ấy là bao nhiêu. **"Mỗi đầu sợi lông đủ ba đời"**: Ở trên mỗi đầu một sợi lông lại hiện ra hết thảy cõi nước của chư Phật trong mười phương ba đời. **"Phật cùng quốc độ số vô lượng":** Tất cả chư Phật số nhiều như biển lớn và tất cả cõi nước của chư Phật cũng nhiều không hạn lượng. **"Tôi trải trần kiếp khắp tu hành":** thời gian tôi tu hành cũng vô lượng vô biên, như biển lớn độ sâu khó dò.

"Lời nói Như Lai đều thanh tịnh": Tất cả âm thanh thuyết pháp của chư Phật Như Lai đều là thanh tịnh âm. **"Một lời đủ cả các âm thinh":** ở trong mỗi lời nói đều đầy đủ tất cả biển âm thanh, âm thanh này cũng là vô lượng vô biên. Trong *Kinh Địa Tạng* nói Phật có vô lượng âm thanh, như tiếng sấm động, tiếng sấm động lớn, tiếng sư tử gầm, tiếng sư tử gầm lớn... **"Theo tiếng chúng sanh lòng ưa thích":** Biển âm thanh này của Phật cũng là âm thanh diễn nói tùy theo sự ưa thích, sự ước nguyện của chúng sinh. **"Biển pháp tuôn chảy Phật biện tài":** mỗi một âm thanh đều lưu xuất từ vô lượng tam-muội biện tài của Phật, nên gọi là biển biện tài. Phật thuyết pháp chỉ một âm mà mỗi loại chúng sanh đều nghe hiểu. Khi Phật thuyết pháp, chỉ thuyết bằng một loại ngôn ngữ nhưng tất cả các loài chúng sinh đều nghe hiểu, không cần phiên dịch, cho nên nói pháp Phật thuyết pháp là không thể nghĩ bàn.

"Tất cả chư Phật trong ba đời": ba đời nếu theo *sự* mà nói chính là quá khứ, hiện tại và vị lai. Nếu y *lý* mà nói thì chỉ có một đời, không có quá khứ, cũng không có hiện tại và vị lai. Vì sao thế? Khi quý vị nói đó là quá khứ thì nó đã đi qua rồi; khi quý vị nói đây là hiện tại thì hiện tại này lại trở thành quá khứ; quý vị nói là vị lai thì vị lai còn chưa đến, hà tất gì phải nói đến nó? Thế nên nói: "tâm quá khứ chẳng thể được, tâm hiện tại chẳng thể được, tâm vị lai chẳng thể được[2]".

Nếu quý vị đã rõ ba tâm đều chẳng thể được thì ba đời chư Phật ở đây cũng cùng là một lý ấy, đó chỉ là một từ mang tính khái quát. Nếu quý vị chỉ nói quá khứ thì đã sót mất hiện tại; nếu quý vị nói vị lai thì quá khứ và hiện tại cũng chẳng bao hàm ở trong đó. Vậy nên nói ba đời để bao hàm luôn quá khứ, hiện tại và vị lai ở trong đó. Đó là nói chung, là một cách nói tổng quát. Như "tất cả chư Phật" chính là chỉ cho vô lượng vô biên các đức Phật, cũng có thể chỉ cho một vị Phật mà quý vị đang đối trước.

"Dùng biển ngôn ngữ vô tận ấy": hết thảy chư Phật trong mười phương ba đời đều dùng biển ngôn ngữ vô cùng tận - như biển lớn vô lượng vô biên - của mình. **"Hằng chuyển pháp luân diệu lý thú":** Các ngài thường xoay bánh xe pháp của *lý* và *thú* vi diệu chẳng thể nghĩ bàn. 'Lý' (noumenon) là dựa vào *sự*, hiện tượng (phenomena) mà nói lý, tức là giảng lý luận. 'Thú' là thú nhập, là đạo lý mà "lý" biểu hiện. Giống như hiện nay chúng ta đang giảng kinh thuyết pháp, chính là giảng về lý và thú[3]. Lý thú ấy có sâu có cạn, có rộng có hẹp[4]. **"Trí lực sâu tôi vào được khắp":** Tôi tu tập sâu sắc hạnh Bát-nhã này, cho nên có được sức mạnh trí tuệ Bát-nhã thâm sâu, có thể lãnh hội được vô lượng pháp âm của tất cả chư Phật.

K8. NGUYỆN TỊNH ĐỘ

Tôi hay thâm nhập đời vị lai

Tất cả kiếp thâu làm một niệm

Hết thảy những kiếp trong ba đời

Trong khoảng một niệm tôi đều nhập,

Tôi trong một niệm thấy ba đời

Tất cả các đấng Nhơn Sư Tử

Cũng thường vào trong cảnh giới Phật

Như huyễn giải thoát và oai lực.

Ngã năng thâm nhập ư vị lai

Tận nhất thiết kiếp vi nhất niệm

Tam thế sở hữu nhất thiết kiếp

Vi nhất niệm tế ngã giai nhập

Ngã ư nhất niệm kiến tam thế

Sở hữu nhất thiết nhân sư tử

Diệc thường nhập Phật cảnh giới trung

Như huyễn giải thoát cập uy lực.

"Tôi hay thâm nhập đời vị lai": Tôi không chỉ có thể thấu triệt tất cả biển âm thanh trong hiện tại mà còn có thể lãnh hội được tất cả biển âm thanh ở vị lai. **"Tất cả kiếp thâu làm một niệm":** có thể thâu vạn kiếp thành một niệm, phóng một niệm thành vạn kiếp. Tất cả kiếp cũng chính là một niệm, một niệm cũng chính là tất cả kiếp. Đạo lý này thật khó hiểu. Nay tôi kể ra một câu chuyện để minh họa cho đạo lý ấy, quý vị sẽ dễ hiểu hơn.

Tại Hàng Châu, Trung Hoa có năm ngọn núi Thiên Mục, đó là Đông Thiên Mục, Tây Thiên Mục, Nam Thiên Mục, Bắc Thiên Mục và Trung Thiên Mục. Vì sao những ngọn núi này có tên là Thiên Mục? Vì trên mỗi đỉnh núi đều có hai dòng suối, nhìn từ xa giống như hai con mắt của núi, vì thế gọi là núi Thiên Mục (mắt trời). Trên núi ấy có rất nhiều người tu hành. Ở trên núi Tây Thiên Mục có một ngọn gọi là Đảo Quải Liên Hoa, hình dạng giống như một đóa hoa sen treo ngược, có một vị thiền sư tên Cao Phong Diệu tu đạo ở đây.

Vì sao Ngài phải đến đây tu hành? Bởi vì mỗi lần tọa thiền, ngài hay bị ngủ gục, ngủ gục như vậy thì chẳng thể nhập định, bị bệnh hôn trầm rất nặng. Quý vị từng nghe trong *Tâm Kinh* khi giảng về 'tập đế' trong 'khổ, tập, diệt, đạo', tôi có đề cập đến hai mươi sáu thứ phiền não, trong đó có một thứ phiền não tên là hôn trầm. Vì sao gọi hôn trầm là phiền não? Bởi vì quý vị tu đạo mà bị hôn trầm thì không thể nhập định, không thể nhập định thì tâm sinh tán loạn. Thiền sư Cao Phong Diệu muốn tự mình tìm một phương pháp đối trị bệnh hôn trầm ấy. Ngài biết có một nơi ở Đảo Quải Liên Hoa thuộc Tây Thiên Mục có thể ngồi thiền, nơi đây tuy có thể ngồi thiền nhưng nếu hôn trầm thì sẽ bị rơi xuống khe núi. Khe núi này sâu đến mấy nghìn vạn trượng, nếu như bị rơi từ trên cao xuống thì chắc chắn sẽ nát thịt tan xương.

Thiền sư Cao Phong Diệu chẳng kể đến sinh mạng tìm đến Đảo Quải Liên Hoa để tu đạo, ngồi thiền trên vực sâu vạn trượng, nếu như ngủ gục sẽ bị rơi xuống mà chết. Ngài tọa thiền ngày thứ nhất không bị ngủ gục, ngày thứ hai, thứ ba cũng không ngủ gục, đến ngày thứ tư, không duy trì nổi, ngài lại bị ngủ gục. Quả nhiên khi vừa ngủ gục liền bị rơi xuống, lúc đang rơi ngài giật mình tỉnh dậy, nhưng khi rơi được nửa đường thì không rơi tiếp nữa, có một người đỡ đưa ngài lên.

Ngài hỏi:

-Ai đã cứu đưa tôi lên đây?

-Người ấy đáp:

-Tôi là Hộ pháp Vi-đà[5].

Ngài vừa nghe nói Hộ pháp Vi-đà cứu đưa mình lên liền sinh tâm tự hào hỏi Bồ-tát Vi-đà:

-Bạch Bồ-tát, trên thế gian này những người tu hành giống tôi được bao nhiêu?

Bồ-tát Vi-đà đáp:

-Trên thế gian này những người tu hành giống ông nhiều như lông trâu, thậm chí còn nhiều hơn lông trên thân trâu, ông thật không biết hổ thẹn! Tám vạn đại kiếp ta sẽ không hộ pháp cho ông nữa. Nói xong, Vi-đà liền bỏ đi.

Thiền sư Cao Phong Diệu vừa nghe Bồ-tát Vi-đà nói tám vạn đại kiếp không hộ pháp cho mình, lần này tiêu rồi, liền than khóc, sinh tâm hổ thẹn nói: "Ôi chao! Ta thật là người chẳng chút tu hành, Bồ-tát Vi-đà vừa mới hộ pháp cho mình, sao mình lại sinh tâm kiêu ngạo như thế?" Tự cảm thấy hổ thẹn khóc lớn. Khóc độ khoảng một hồi lâu, bất chợt ngài lại nghĩ: "Trước đây mình chẳng biết có Bồ-tát Vi-đà hộ pháp cho mình, mình cũng tu hành thế thôi! Mình cũng không nhất định phải dựa vào sự hộ pháp của Bồ-tát Vi-đà mới có thể tu đạo? Nay Bồ-tát Vi-đà không còn hộ pháp cho mình, chả lẽ mình không tu đạo được hay sao! Mình vẫn sẽ tu hành như trước!". Thế rồi ngài phát tâm tiếp tục tọa thiền ở trên đó. Lần này lại càng tinh tấn hơn, ngài hạ quyết tâm: "Ta chẳng màng đến sinh mạng, dù cho có rơi chết ta cũng phải ngồi thiền để thành tựu đạo nghiệp". Thế rồi ngài duy trì được mấy ngày, sau đó lại ngủ gục, rồi lại rơi xuống. Lần này khi rơi đến nửa đường cũng lại có người nâng Ngài lên. Ngài lại hỏi:

-Lần này ai đến hộ pháp cho tôi?

Vị ấy lại nói:

-Vi-đà.

Thiền sư Cao Phong Diệu liền nổi giận nói: "Này ông Vi-đà, ông cũng biết vọng ngữ sao? Ông nói tám vạn đại kiếp không hộ pháp cho tôi, vì sao nay ông lại cứu tôi, chẳng phải ông đã nói dối sao?"

Bồ-tát Vi-đà đáp:

-Chẳng phải! Trước đây tôi nói ngài đã sinh tâm cống cao thì tám vạn đại kiếp tôi không hộ pháp cho ngài, nhưng sau đó ngài sinh tâm hổ thẹn, ngài vừa hổ thẹn thì đã vượt qua tám vạn đại kiếp rồi, vì thế nay tôi lại đến hộ pháp cho ngài.

Thiền sư Cao Phong Diệu một niệm sám hối có thể vượt qua tám vạn đại kiếp thì nguyên lý cùng tận hết thảy kiếp gồm trong một niệm cũng như thế.

"Hết thảy những kiếp trong ba đời, Trong khoảng một niệm tôi đều nhập": Hết thảy các kiếp trong ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai, trong một niệm tôi có thể đi vào bằng khoãng thời gian dài của hết thảy các kiếp trong mười phương ba đời.

"Tôi trong một niệm thấy ba đời, Tất cả các đấng Nhơn Sư Tử": Với thời gian ngắn chỉ trong một niệm, nhưng tôi có thể thấy được tất cả chư Phật ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai trong mười phương. Bậc Sư Tử chính là chư Phật. **"Cũng thường vào trong cảnh giới Phật":** tôi cũng thường đến cảnh giới của Phật. Cảnh giới của Phật là gì? Chính là cảnh giới bất khả tư nghì, cảnh giới của một niệm thâu vạn kiếp, vạn kiếp trong một niệm. Cảnh giới ấy người thiếu trí tuệ và không có thiện căn chẳng thể tin hiểu. Vì sao chẳng thể tin? Vì trí tuệ của họ không đạt đến cảnh giới ấy nên họ không tin.

"Như huyễn giải thoát và oai lực": Cảnh giới của Phật cũng chính là Như huyễn tam muội[6], Như huyễn tam-muội cũng chính là giải thoát tam-muội. Phật lại có sức mạnh thần thông đại oai đức, tất cả đều như huyễn như hóa, thần thông dạo khắp, thanh tịnh cõi Phật, giáo hóa chúng sinh, đó chính là cảnh giới của chư Phật và Bồ-tát. Tóm lại: Cảnh giới của Phật chính là cảnh giới bất khả tư nghì, là cảnh giới Như huyễn tam-muội. Quý vị nói nó là cảnh giới thật, nó lại như huyễn; quý vị nói nó là cảnh giới giả, nó lại là thật.

K9. NGUYỆN THỪA SỰ

Trong mỗi hạt bụi đầu sợi lông

Xuất hiện cõi trang nghiêm ba thuở

Mười phương cõi nước các đầu lông

Tôi đều nguyện vào để nghiêm tịnh.

Vị lai các đấng Chiếu Thế Đăng

Thành đạo chuyển pháp ngộ quần sanh

Phật sự xong rồi hiện nhập diệt

Tôi đều đi đến để thân cận.

Ư nhất mao đoan cực vi trung

Xuất hiện tam thế trang nghiêm sát

Thập phương trần sát chư mao đoan

Ngã giai thâm nhập nhi nghiêm tịnh

Sở hữu vị lai chiếu thế đăng

Thành đạo chuyển pháp ngộ quần hữu

Cứu cánh Phật sự thị Niết-bàn

Ngã giai vãng nghệ nhi thân cận.

"Trong mỗi hạt bụi đầu sợi lông": Trên đầu mỗi chóp lông hay trong mỗi hạt bụi, **"Xuất hiện cõi trang nghiêm ba thuở":** xuất hiện cõi nước trang nghiêm của chư Phật trong ba đời. Đó cũng chính là cảnh giới "Ở đầu sợi lông hiện cõi nước Bảo Vương[7], ngồi trong hạt bụi chuyển bánh xe pháp lớn'. **"Mười phương cõi nước các đầu lông":** Trên đầu sợi lông xuất hiện cõi nước nhiều như số vi trần trong mười phương. **"Tôi đều nguyện vào để nghiêm tịnh":** tôi dùng sức mạnh của mười hạnh nguyện lớn Phổ Hiền đi vào bên trong cảnh giới ấy, ở trong cõi nước bảo vương trên đầu mỗi sợi lông chuyển bánh xe pháp lớn, làm thanh tịnh cõi Phật, giáo hóa chúng sinh.

"Vị lai các đấng Chiếu Thế Đăng, Thành đạo chuyển pháp ngộ quần sanh": Hết thảy chư Phật ở trong đời vị lai, những vị đang thành đạo, chuyển pháp luân, giáo hóa chúng sinh. "Ngộ quần sinh" cũng chính là giáo hóa chúng sinh, giáo hóa hết thảy chúng hữu tình. **"Phật sự xong rồi hiện nhập diệt"**: Mãi đến sau khi làm xong tất cả các Phật sự, các Ngài đều thị hiện Niết-bàn. **"Tôi đều đi đến để thân cận":** Khi mỗi vị Phật sắp nhập Niết-bàn, tôi đều đến hết thảy những đạo tràng ấy để thân cận hầu hạ tất cả các Ngài.

K10. NGUYỆN THÀNH CHÁNH GIÁC

Sức thần thông rộng khắp chóng mau

Sức phổ môn khắp nhập Đại thừa

Sức trí hạnh khắp tu công đức

Sức đại từ oai thần che khắp.

Sức phước thù thắng khắp trang nghiêm

Sức trí huệ không hề chấp dính

Sức định, huệ, phương tiện, oai thần

Sức hay khắp chứa đạo Bồ Đề.

Sức thanh tịnh tất cả nghiệp lành

Sức hay bẻ diệt mọi phiền não

Sức hay hàng phục các chúng ma

Sức hành viên mãn hạnh Phổ Hiền.

Tốc tật chu biến thần thông lực

Phổ môn biến nhập Đại Thừa lực

Trí hành phổ tu công đức lực

Uy thần phổ phục đại từ lực

Biến tịnh trang nghiêm thắng phúc lực

Vô trước vô y trí tuệ lực

Định tuệ phương tiện uy thần lực

Phổ năng tích tập Bồ-đề lực

Thanh tịnh nhất thiết thiện nghiệp lực

Tồi diệt nhất thiết phiền não lực

Hàng phục nhất thiết chư ma lực

Viên mãn Phổ Hiền chư hạnh lực

"Sức thần thông rộng khắp chóng mau": Nương vào *nguyện lực* khiến tôi nhanh chóng thành tựu hết thảy thần thông. **"Sức phổ môn khắp nhập Đại thừa":** Tôi nương theo hạnh nguyện phổ môn thị hiện để thành tựu sức mạnh thâm nhập vào tất cả biển giáo pháp Đại thừa. **"Sức trí hạnh khắp tu công đức":** dùng hạnh tu trí tuệ rộng tu hết thảy công đức. **"Sức đại từ oai thần che khắp":** Lại thành tựu nguyện lực đại từ bi, dùng sức thần oai đức lớn che chở khắp hết thảy chúng sinh.

Những vị sắp đi Đài Loan thọ giới phải chuẩn bị cho mình một ít tư lương. Đó là những gì? Tức dành nhiều thời gian nghiên cứu bản chú giải *"Tâm Kinh"* này. Quý vị đến Đài Loan, Hồng Kông, nói không chừng sẽ có người thỉnh quý vị giảng kinh. Khi giảng kinh, quý vị phải có một chút tư lương Phật pháp chân chính trao cho mọi người, nếu chỉ giảng một cách chung chung thì chẳng có gì đặc biệt. Hoặc quý vị giảng "*Tâm Kinh", hoặc giảng "*Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện"*, những bài kinh này khá ngắn, chỉ cần một hoặc vài tuần là giảng xong, cho nên quý vị cần phải chuẩn bị một chút. Còn "*Tỳ-ni Nhật Dụng Thiết Yếu*" thì mỗi ngày đều phải đọc tụng. Hiện giờ bản Tỳ-ni đã có chú giải, quý vị có thể xem hiểu, nếu có chữ nào không biết thì có thể đến hỏi tôi, đợi đến lúc thọ giới thì những bài Tỳ-ni này đều phải học thuộc lòng. Lại còn mười bài chú ngắn và các kệ tụng, mỗi sáng sớm thức dậy bước chân xuống giường là phải thầm niệm:

Từ sớm tinh mơ đến đầu hôm

Hết thảy chúng sanh tự giữ mình,

Nếu rủi mất mạng dưới chân này,

Nguyện ngươi tức thời sinh Tịnh Độ[8].

Còn có bài:

Thùy miên thủy ngộ,

Đương nguyện chúng sanh,

Nhất thiết trí giác,

Châu cố thập phương.

Ngủ nghỉ mới thức,

Nên nguyện chúng sanh,

(Thành tựu) tất cả trí giác,

Thấy khắp mười phương.

Bài này cũng phải niệm. Tức là sáng sớm vừa mới ngủ tỉnh dậy không nói gì khác mà chỉ trước nói: Tôi vừa tỉnh giấc, nên nguyện cho hết thảy chúng sanh thành tựu tất cả trí tuệ giác ngộ, thấy khắp mười phương. Không chỉ riêng mình tôi được như thế mà nguyện cho tất cả chúng sanh cũng đều không khác. Bất luận chúng ta phát nguyện gì, đều phải nói xin nguyện cho chúng sinh, nguyện cho chúng sinh là hồi hướng cho tất cả chúng sinh. Như tam quy y cũng nói:

"Tự quy y Phật

Xin nguyện chúng sinh

Tỏ ngộ đạo lớn

Phát tâm Vô thượng"

Đó đều là vì hồi hướng cho tất cả chúng sinh. Nên quý vị muốn đi thọ giới thì những kệ tụng và năm mươi ba bài chú ngắn đều phải thuộc nằm lòng. Quý vị là người nước ngoài, nếu đợi đến lúc đó mới học thì khó mà học thuộc. Quý vị phải sớm chuẩn bị cho tốt, đến lúc đó người ta vẫn chưa thuộc thì quý vị đã thuộc rồi. Cũng có khả năng quý vị là người Mỹ, nói không chừng họ sẽ mời quý vị dẫn đầu chúng Sa di (làm "Sa-di thủ"). Vì thế, mọi cái quý vị đều phải học, nếu không đến lúc ấy cái gì cũng không biết thì mọi người sẽ không phục.

Người Trung Hoa thích đặt cho người ngoại quốc một vài cái tên đặc biệt, như họ đã đặt cho người Ấn Độ một cái tên gọi là Ma-la-sát (Mleccha). "Ma-la" nghĩa là rất hoang thô, nói cái gì cũng đều là ma-la, ma-la, khiến người khác nghe không hiểu. "Sát" là chỉ cho giống người không biết chút lịch sự. Người Trung Hoa cũng đã tặng cho người Tây phương một cái tên rất đặc biệt gọi là Lão phiên, lại gọi là Phiên quỷ. Ý nói hình dạng người ngoại quốc giống như quỷ vậy. Nếu quý vị đến đó mà điều gì cũng chẳng hiểu thì họ sẽ gọi quý vị là "Lão phiên". Chữ "Phiên" có nghĩa là lỗ mãng, nói chung là không tốt lắm. Lại còn, nếu quý vị không hiểu lý lẽ gì thì họ sẽ gọi quý vị là "đại phiên thự" (củ khoai to). Điều này tôi biết rõ, người Trung Hoa rất xấu miệng.

"Sức phước thù thắng khắp trang nghiêm": Phước lực thù thắng đều do sự tu hành rộng khắp và thanh tịnh mà có. Thắng phước chính là phước báu vô cùng siêu việt thù thắng, chẳng phải người bình thường có thể có được. Đó là phước gì? Chính là phước siêu xuất ba cõi, cũng chính là phước đức mà chư Phật và Bồ-tát tu tập. Vì sao nói Phật và Bồ-tát mới có được phước lực thù thắng này? Vì ngoài chư Phật ra, chỉ có Bồ-tát mới có thể có được phước lực thù thắng rộng khắp thanh tịnh, nên mới được trang nghiêm như thế. Thân của Phật gọi là thân phước huệ nhị nghiêm, thân của Bồ-tát cũng được gọi như thế, tức là thân được trang nghiêm bằng phước đức và trí tuệ. Loại phước đức và trí tuệ ấy đều do vô lượng kiếp tu tập mà có, nghĩa là ở trong vô lượng kiếp đã từng làm vô số việc thiện, tu tập vô số căn lành mới có thể có được phước đức thù thắng ấy để trang nghiêm.

"Sức trí huệ không hề chấp dính": Phước đức đã thù thắng, nên trí tuệ cũng thù thắng. Thế nào gọi là trí tuệ thù thắng? Đó là trí tuệ không chấp trước. Không chấp trước cũng chính là không

nương tựa. Nương tựa cũng chính là chấp trước, chấp trước cũng chính là nương tựa. Không chấp, không trước nghĩa là không dính mắc, không nương tựa. Trí tuệ của người bình thường chúng ta đều có chỗ dính mắc, thấy cảnh giới nào thì liền chấp trước vào cảnh giới ấy nên chẳng thể giải thoát. Trí tuệ giải thoát này là trí tuệ chân chánh sáng tỏ. Trí tuệ chân chánh sáng tỏ là không chấp trước vào bất kỳ sự vật nào. Quý vị còn chấp trước là không có sự sáng suốt chân chính, cũng chính là không có trí tuệ thật sự. Nếu có, đa phần cũng chỉ là một thứ khôn lanh của thế gian, gọi là thế trí biện thông, nghĩa là dùng sự thông minh của trí tuệ thế gian để biện luận. Loại thế trí biện thông này luôn có sự chấp trước.

"Sức định, huệ, phương tiện, oai thần": Không có **định** lực thì không thể phát sinh tuệ lực, không có **tuệ** lực cũng chẳng thể hiển lộ được định lực của quý vị. Người có trí tuệ lớn ắt có định lực, không có định lực thì sẽ không có đại trí tuệ. Thế định lực ấy từ đâu mà có? Định lực từ giới mà sinh. Nếu quý vị không trì giới thì sẽ không có định lực, không có định lực tất nhiên cũng sẽ không có tuệ lực. Nên không có tuệ lực cũng đồng nghĩa với không có **giới** lực vậy.

Người có trí tuệ mới có thể trì giới, người không có trí tuệ thì không thể trì giới. Vì sao vậy? Vì người ấy vô minh quá nặng, vô minh quá nặng đồng với không có trí tuệ, mà không có trí tuệ thì sẽ phạm giới. Đã thế, người ấy lại còn cho rằng mình không phạm, cho rằng mình đang giữ giới, thật là đại ngu si, đây là không phạm mà phạm vậy.

Nói "Định tuệ phương tiện", "phương tiện" chính là pháp phương tiện. Vì sao gọi là pháp phương tiện? Pháp phương tiện là pháp không cố định, đó chính là "quán cơ đậu giáo", tùy người mà thuyết pháp. Quán xét cơ duyên của chúng sinh, gặp phải hạng người nào thì nói pháp thích hợp với hạng người đó. Thuyết giảng Phật pháp phải ứng hợp với căn cơ người nghe, nên nói: "Tùy người thuyết giáo, tùy bệnh cho thuốc[9]". Phải tùy theo căn cơ của từng người mà thuyết giảng Phật pháp, họ mắc bệnh nào thì cho thuốc đúng bệnh ấy, đó gọi là pháp phương tiện. Quý vị đã có phương tiện lực, còn phải có uy thần lực. Uy là có uy đáng kính, thần là thần thông. Ví như có người nói dối, họ tự cho mình nói rất trơn tru, không ai biết, song họ không thể lừa dối được quý vị, đây gọi là uy thần lực.

"Sức hay khắp chứa đạo Bồ-đề": Những gì chúng ta có hôm nay đều do tích lũy mà thành, đó cũng chính là từ nhỏ có lớn, từ gần đến xa, từ cạn đến sâu. Bồ-đề cũng là do từng bước từng bước tích tu mà thành, chẳng phải tu một ngày mà có thể thành công. Đức Phật Thích-ca Mâu-ni tu phước huệ trong ba đại A-tăng-kỳ kiếp chính là tích tụ Bồ-đề, trăm kiếp trồng tướng hảo cũng là tích tụ Bồ-đề.

Hình như quý vị vừa mới bắt đầu học Phật pháp từ năm ngoái, đó gọi là học Bồ-đề. Học Bồ-đề cũng chính là tích lũy Bồ-đề, tích lũy Bồ-đề cũng chính là tập hợp Bồ-đề, nghĩa là gom Bồ-đề tập trung về một chỗ. Từ khi quý vị bắt đầu học Bồ-đề cho đến hiện nay thì hạt giống Bồ-đề của quý vị ngày càng nhiều, quý vị hiểu được Phật pháp ngày cũng một nhiều. Lúc quý vị mới học Phật pháp, tôi giảng gì quý vị cũng chẳng hiểu, trải qua một khoảng thời gian thì có thể hiểu được một chút, đây chính là đã tích tụ được Bồ-đề. Nghe thêm một khoảng thời gian nữa thì những gì tôi giảng quý vị đều hiểu được cả. Lúc ấy quý vị sẽ thốt lên "Ồ! thì ra đạo lý này là như vậy". Vì sao quý vị nghe đều hiểu hết? Bởi vì quý vị đã tích tụ Bồ-đề. Tích tụ Bồ-đề phải có tâm kiên trì dài lâu, chẳng phải hôm nay học, ngày mai lại không học. Quý vị không học thì Bồ-đề sẽ mất, quý vị sẽ không hiểu.

Giống như chúng tôi ở đây có một chú Sa-di xin phép ra ngoài hai tuần, nhưng đến sáu tuần mới về, vượt qua thời gian cho phép gấp ba lần. Trong sáu tuần ấy, chú Sa-di đã mất rất nhiều Bồ-đề, ngay cả bản thân chú cũng không hiểu vì sao lại mất! Quý vị không được chính là mất vậy! Không được học Phật pháp, chạy đông chạy tây ở khắp bên ngoài, đây gọi là không tích tụ được Bồ-đề, làm cho Bồ-đề bị tan mất.

Quý vị học Phật pháp chính là tích tụ Bồ-đề, quý vị không học Phật pháp chính là để Bồ-đề bị tiêu mất. Bồ-đề là giác, quý vị để mất Bồ-đề cũng đồng với bất giác. Bất giác là không biết mình sai, không biết mình để thời gian trôi qua vô ích. Có cơ hội tốt như vầy, quý vị lại không chịu học Phật pháp, cứ chạy rong khắp nơi, quý vị nói xem đó có phải là ngu si hay không? Đó quả là ngu si! Người ngu si thì không thể tích tụ Bồ-đề. Có sức định tuệ, sức thần thông mới có thể tích tụ được Bồ-đề, sức mạnh Bồ-đề này chính là một loại sức mạnh của giác ngộ. Giác ngộ chính là việc quý vị vốn không rõ mà nay rõ, không hiểu mà nay hiểu. Vốn nghe Phật pháp không hiểu, mà nay vừa nghe đã hiểu, thậm chí không nghe cũng giác ngộ mà nói rằng: "Ồ, thì ra việc tu giới lực quan trọng như vậy, mình nhất định phải tu trì giới luật". Nếu quý vị không giữ giới, tùy tiện uống một ít rượu, tùy tiện làm một ít việc xấu, tùy tiện làm những việc mê mờ, đó gọi là không tích tụ Bồ-đề, như thế không chỉ phạm giới mà còn mất cả Bồ-đề.

"Sức thanh tịnh tất cả nghiệp lành": chúng ta làm việc thiện vì sao không thành Phật? Cũng vì thiện ác lẫn lộn, làm được một chút việc thiện thì trong đó lại dính một chút việc ác, làm một chút việc ác trong đó lại xen lẫn chút thiện. Ví như gặp một người bần cùng không có cơm ăn, áo mặc, quý vị liền giúp đỡ họ. Sau khi giúp đỡ, quý vị lại muốn lợi dụng họ mà rằng: "Trước đây tôi đối xử tốt với người ấy, nay tôi có thể bảo người ấy làm giúp tôi một ít việc mà không cần phải trả tiền công". Người kia trước đây mang ân quý vị, nay quý vị nhờ họ làm việc, họ cũng rất ngại đòi tiền lương. Ví dụ, vốn người ấy làm công một ngày có thể kiếm được hai mươi đồng, nay quý vị kêu người ta làm một ngày công chỉ trả mười đồng, vô hình trung rẻ hơn mười đồng. Đó chính là quý vị có tâm tư lợi trong khi làm việc thiện, công đức của mười đồng ấy sẽ không còn nữa.

Tóm lại, nếu quý vị làm việc thiện mà có tâm tính toán, mong cầu, hy vọng tương lai được quả báo tốt thì bên trong thiện nghiệp ấy đã có lẫn ác nghiệp, khiến cho thiện nghiệp đã làm không còn thanh tịnh nữa. Do vậy khi chúng ta làm bất kỳ việc thiện gì cũng đừng nên mong cầu người ta báo đáp. Ví như quý vị giúp đỡ người thì không nên hy vọng người ấy sẽ giúp đỡ lại quý vị. Nếu quý vị hy vọng người ta đến giúp đỡ mình, đó chính là có tâm tư lợi, đây vốn không phải quý vị đang giúp đỡ người khác mà là đang giúp đỡ chính mình. Nếu quý vị thật tâm giúp đỡ người khác thì sao còn hy vọng người ta giúp lại mình? Vì sao lại muốn người ta có cảm tình tốt với mình? Quý vị nói thử xem! Bây giờ quý vị giúp đỡ người ta, hy vọng người ta sẽ cảm kích, mang ơn quý vị và sau này giúp đỡ lại quý vị. Đây há chẳng phải là một loại tâm tham sao! Đây chẳng phải giúp đỡ người một cách chân thật. Chân thật làm việc thiện giúp đỡ người thì phải nên *"Ban ân không cần báo, cho người không hối tiếc*[10]*"*. Quý vị đối xử tốt với bất kỳ ai đều không nên mong họ sau này báo đáp lại quý vị. Giả như họ thật muốn báo đáp thì đó là việc của họ, bản thân quý vị không nên móng lên hy vọng. Quý vị có hy vọng, đó chính là phan duyên. Quý vị cho người khác bất kỳ thứ gì cũng không nên hối tiếc nói: "Ây da! Tôi cho anh ta vật này thật tiếc quá, đáng lẽ tôi không nên cho". Đó chính là hối tiếc. Vật quý vị đã cho thì cũng đã cho rồi, vật chất thế gian là để cho người thế gian dùng. Nên có câu:

"Người nào làm việc thiện

Mong muốn được người biết

Nên biết việc thiện ấy

Chẳng phải thiện chân thật.

Người nào làm việc ác

Sợ người biết tội mình

Nên biết việc ác ấy

Là điều ác lớn nhất.[11]*"*

Giống như có một số người làm việc thiện, hoặc cúng dường Tam Bảo, bất luận bỏ ra chút của cải gì họ cũng đều muốn được báo chí đăng tin, quảng cáo về mình. Hình như ở đây có một người, thỉnh thoảng mua một ít rau cải và trái cây mang đến chùa, khi mang những thứ này đến, người ấy luôn hy vọng mọi người đều nhìn thấy và khen ngợi: "Quý vị xem, tôi là một đại hộ pháp đến đây cúng dường Tam Bảo!" Quý vị làm việc thiện mà thích mọi người biết đến, đó không phải là chân thiện. Vì sao vậy? Vì quý vị còn tham cái danh làm việc thiện. "Ông A thật là một người tốt, trên báo đăng ông ấy đã làm được những việc tốt gì gì đó". Làm được một chút việc gì đều muốn được đăng lên báo cho mọi người biết, đó không phải là tốt thật sự mà chỉ là giả danh, giả danh như thế chi bằng đừng làm tốt hơn. Ban đầu tuy là giả danh, nhưng nếu biết ý thức dần dần có thể đạt đến chỗ chân thật, nếu ngay cả việc thiện giả cũng không làm thì càng tệ hơn nữa. Quý vị làm việc xấu lại sợ người khác biết, đó chính là ác tệ hại nhất.

Quý vị làm việc thiện mà thích mọi người thấy biết, đó không phải là nghiệp thiện thanh tịnh. Vậy thì phải lén lén làm việc thiện ư? Không cần như thế, quý vị không cần muốn mọi người biết, cũng không cần cầu mọi người đừng biết. Nếu quý vị nhất định phải âm thầm làm việc thiện không cho mọi người biết, đó chính là thích cái danh không muốn rầm rộ. Dạng này cũng giống như trên. Cho nên tu đạo quan trọng nhất chính là ở chỗ này, quý vị không cần khoe khoang để người khác biết, cũng không cần giấu diếm người khác làm gì, làm việc phải vô tâm, làm mà giống như không làm. Quý vị muốn mọi người biết mình làm việc thiện, đó là háo danh; quý vị không muốn mọi người biết cũng là háo danh. Khó là khó ở chỗ này. Quý vị làm việc thiện muốn mọi người biết, đó là chấp trước; quý vị làm việc thiện nhưng không muốn mọi người biết cũng lại là một dạng chấp trước. Vậy phải làm sao đây? Không nên chấp trước. Quý vị không nhất thiết phô trương để người biết, cũng không nhất thiết che giấu để người không biết. Việc mà quý vị phải làm giống như không làm. Quý vị không làm thì làm gì có tâm háo danh hay tâm không háo danh! Không có, không có gì cả, đó gọi là nghiệp lành thanh tịnh. Nghiệp lành thanh tịnh chính là pháp thanh tịnh như thế. Sức mạnh của loại nghiệp lành thanh tịnh này là rất lớn.

"Sức hay bẻ diệt mọi phiền não": "Tồi" chính là bẻ gãy, diệt chính là tiêu diệt. Diệt cái gì? Diệt phiền não của mình, đây là việc khó nhất. Con người mà, quý vị bảo họ thế nào cũng được, nhưng quý vị bảo họ không phiền não thì rất khó. Vì phiền não là vô tận, nên làm cho không còn phiền não là rất khó. Khó thì khó, nhưng quý vị vẫn phải đoạn trừ nó! Trong *"Tứ hoằng thệ nguyện"* chẳng phải đã nói: "Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn" đó sao? Thệ nguyện đoạn cũng chính là bẻ diệt. Bẻ diệt cũng chính là đoạn trừ, đoạn trừ tất cả các phiền não. Nhưng phải đoạn trừ từ đâu? Phương pháp đoạn trừ như thế nào? Và phải diệt ra sao? Quý vị không sinh đó chính là diệt! Có sinh mới có diệt, có diệt mới có sinh. Quý vị không sinh phiền não đó chính là diệt rồi vậy. Nếu quý vị khởi phiền não thì phiền nào ấy chẳng diệt được, quý vị chẳng sinh cũng chẳng diệt thì chẳng có phiền não. Đó chính là bẻ gãy tất cả phiền não. Phiền não, nếu giảng rộng ra có rất nhiều, nói một cách đơn giản đó là tham, sân, si. Ba thứ này là phiền não căn bản. Quý vị không có tâm tham, tâm sân, tâm si tức là đã trừ (dứt) diệt tất cả phiền não. Tuy nói là thệ nguyện đoạn những phiền não này, nhưng quý vị cũng có thể phát thêm một nguyện nữa, thệ nguyện không đoạn! Không đoạn, vậy giữ nó để làm gì? Giữ nó lợi ích rất lớn. Nếu quý vị đoạn trừ phiền não thì Bồ-đề cũng bị đoạn theo. Vì thế tôi không bảo quý vị đoạn phiền não, bởi phiền não chính là Bồ-đề. Nhưng nếu phiền não không đoạn thì phải làm sao đây? Phải chuyển hóa. Phương pháp chuyển hóa như thế nào? Chuyển hóa này là sự biến hóa vô cùng, nên nói:

"Động tắc biến,

Biến tắc hóa.

Duy thiên hạ chí thành vi năng hóa[12]"

Động thì biến,

Biến tức hóa.

Chỉ có sự chí thành nhất mới có thể làm cho chuyển hóa được. Phiền não cần phải được chuyển hóa, quan trọng nhất chính là ở chỗ này: chuyển hóa. Trước đây mọi người nói đoạn trừ phiền não, nay tôi đổi thành chuyển hóa phiền não chứ không đoạn trừ phiền não, vì phiền não một khi đoạn thì Bồ-đề cũng bị dứt (diệt) luôn. Vì sao thế? Vì phiền não tức là Bồ-đề mà! Vấn đề là phải chuyển hóa như thế nào? Đương nhiên là có phương pháp. Hiện nay khoa học đã tiến bộ như thế, hóa học đã phát triển như thế thì phiền não cũng nên dùng một chữ "hóa" để chuyển hóa.

Chuyển hóa bằng phương pháp nào? Tôi nói cho quý vị hay, phiền não chính là băng mà Bồ-đề chính là nước. Nếu quý vị đập nát băng rồi bỏ qua một bên thì đó chính là "đoạn" và như thế Bồ-đề cũng chẳng còn. Nếu quý vị dùng ánh mặt trời chiếu vào thì băng sẽ tan chảy thành nước, mà nước chính là Bồ-đề. Phiền não tức Bồ-đề chính là đạo lý này vậy. Nếu quý vị đem phiền não chuyển hóa thành nước, biến thành Phật tính vốn có của mình thì đó chính là Bồ-đề, chính là giác đạo. Đây là một đạo lý rất hiển nhiên dễ hiểu, tôi thường giảng cho quý vị nghe, có điều do quý vị không chú tâm nên không biết sử dụng. Ví như có một cục nước đá to như một ly trà, quý vị dùng cục đá ấy đánh vào đầu người ta thì có thể làm cho họ bị vỡ đầu chảy máu lập tức đi diện kiến Diêm-la. Nếu quý vị đem cục đá ấy hóa thành một chén nước, dùng hết sức mình đổ lên đầu người khác thì cũng không thể gây chết người. Vốn cùng là một vật, từ băng biến thành nước, tuy không khác nhau bao nhiêu nhưng kết quả thì sai biệt rất lớn.

Từ điểm này có thể chứng minh, nếu quý vị có thể sử dụng tâm Bồ-đề để giáo hóa chúng sinh, chúng sinh sẽ vui mừng tiếp nhận; nếu quý vị dùng phiền não để giáo hóa chúng sinh thì chúng sinh thà chết chứ không tiếp nhận sự giáo hóa của quý vị. Vì thế, chúng ta nay nên chuyển hóa phiền não chứ không nên đoạn trừ. Phiền não của quý vị mà đoạn dứt thì Bồ-đề cũng sẽ mất. Quý vị nói tảng băng có thể giết chết người nên không cần nó, nhưng nếu quý vị không cần tảng băng thì nước cũng không còn. Phiền não này từ đâu mà đến? Phiền não đến từ Bồ-đề, chẳng qua nó biến thành băng mà thôi, nhưng băng ấy cũng chính là nước và nước cũng chính là băng. Vì lẽ này nên nói phiền não tức Bồ-đề. Nếu quý vị biết sử dụng thì là Bồ-đề, nếu không biết sử dụng thì là phiền não. Khi quý vị biết sử dụng thì nó trở nên vi diệu vô cùng; còn không biết sử dụng thì trở thành thô thiển không thể tả, chẳng có chút ý nghĩa gì cả. Vì thế, tôi khuyên các vị không nên đoạn trừ phiền não mà nên giữ lại nó.

"Sức hay hàng phục các chúng ma": Hàng phục ma quân chính là khiến cho ma không đến quấy phá chúng ta tu đạo, trái lại còn trở thành hộ pháp. Hàng phục ma có rất nhiều cách: Có thể dùng thần thông của mình để hàng phục quân ma, cũng có khi dùng đạo lực, đức hạnh, định lực, tuệ lực, giới lực… để hàng phục chúng. Chúng quân ma bao gồm: thiên ma trên trời, địa ma dưới đất, nhân ma ở nhân gian, ma quỷ trong hàng quỷ quái, *ly mỵ võng lượng*. Lại có ma cảnh chính là cảnh giới của ma, lại có ma bệnh, ma tâm. Tất cả ma bên ngoài như thiên ma, địa ma, thần ma, quỷ ma, nhân ma cho đến ly mỵ võng lượng đều dễ dàng hàng phục, duy chỉ có ma tự tâm là rất khó hàng phục. Ma tự tâm này luôn luôn ở trong tâm chúng ta, nó khiến chúng ta không giữ quy củ, cho nên khó hàng phục nhất. Nhưng nếu sức trì giới của quý vị kiên cố, có được sức giới chân chính thì tất cả ma vương cũng chẳng thể dùng ma thuật gì để có thể lay động được giới lực, định lực của quý vị, cho nên nếu quý vị có định lực cũng có thể hàng phục tất cả chúng ma. Nên nói: "Đại sơn băng tiền nhi bất kinh, mỹ nữ đương tiền nhi bất động" nghĩa là dẫu núi lớn lở trước mặt quý vị cũng chẳng kinh sợ. Điều mà con người dễ phạm nhất là ma dâm dục, không kể là nam hay nữ, khi ma dâm dục này

đến thì quý vị khó mà trụ vững. Ma dâm dục này hoặc là giả làm một người bình thường đến mê hoặc quý vị, hoặc là dùng biến hóa thân để dụ dỗ quý vị. Nếu những điều ấy không làm động tâm quý vị được thì nó đi vào giấc mộng để mê hoặc quý vị. Ở trong giấc mộng nó biến hóa ra một người con gái vô cùng xinh đẹp đến dẫn dụ quý vị, muốn đoạt được bảo bối của quý vị. Lúc ấy nếu quý vị không có định lực thì sẽ bị ma dâm dục ấy nhiễu loạn. Ma dâm dục ấy gặp người nam thì biến thành người nữ, gặp người nữ thì hiện thân người nam. Hoặc hiện tướng rất đẹp, hoặc hiện ra người mà thường ngày quý vị yêu thích nhất. Nếu quý vị không đủ định lực thì sẽ bị cảnh giới của ma chuyển. Nếu định lực của quý vị đủ vững thì sẽ không bị dao động.

Giảng đi giảng lại về những loài ma ấy, rốt cuộc "ma" nghĩa là gì? Ma gọi là ma-la (Māra), dịch là "sát giả", nó chuyên môn phá hoại người tu đạo. Quý vị muốn tu đạo, nó sẽ đến phá hoại đạo nghiệp của quý vị. Người bị ma nhiễu loạn là những người như thế nào? Là những hạng người ngu si, không có trí tuệ. Quý vị muốn hàng phục ma cũng phải có vô số phương pháp, nếu quý vị có kiếm trí tuệ thì có thể hàng phục được các loài ma. Quý vị có kiếm trí tuệ, khi tất cả ma vương đến quý vị đều có thể chém phăng nó. Có người dùng năng lực thần chú để hàng phục các ma. Nếu quý vị trì chú, trì một cách viên mãn cũng có thể hàng phục các ma; quý vị tụng kinh, tụng một cách thuần thục cũng có thể hàng phục các ma; quý vị lễ lạy Kinh điển, lạy đến có cảm ứng cũng có thể hàng phục được các ma. Phương pháp hàng phục ma rất đa dạng, vì chủng loại ma vương vô số, nên phương pháp hàng phục chúng cũng rất nhiều, nhưng phải xem đến lúc đó quý vị có biết sử dụng hay không. "*Chú Lăng-nghiêm*" có năm hội. Năm hội được chia thành năm bộ: Trung tâm là Phật bộ, phương Đông là Kim Cương bộ, phương Nam là Bảo Sinh bộ, phương Tây là Liên Hoa bộ, phương Bắc là Thành Tựu bộ. Trung ương Phật bộ tôn Phật Tỳ-lô-giá-na cũng chính là Phật Thích-ca Mâu-ni làm bộ chủ. Đông phương Kim Cương bộ tôn Phật A-súc-bệ làm bộ chủ. Nam phương tôn Phật Bảo Sinh làm bộ chủ, Tây phương Liên Hoa bộ tôn Phật A-di-đà làm bộ chủ. Bắc phương tôn Phật Thành Tựu làm bộ chủ, còn gọi là Yết-ma bộ. Ngũ bộ này có năm pháp:

1. Tức tai pháp: chính là tiêu diệt tất cả các tai nạn.

2. Tăng ích pháp: tụng thần chú này sẽ trợ giúp cho đạo tâm, trí tuệ của quý vị gia tăng, tất cả đều có lợi ích cho quý vị.

3. Hàng phục pháp: dùng đại thần thông lực của thần chú để hàng phục chính quý vị, khiến cho quý vị nhất nhất đều giữ quy củ.

4. Câu triệu pháp: bất kể các loài ma cách bao xa, hoặc là nghìn dặm, vạn dặm, vạn vạn dặm, trăm nghìn vạn vạn dặm, thậm chí ở thế giới khác, hành tinh khác, một khi quý vị tụng thần chú này liền có thể triệu tập chúng đến, giống như dùng móc câu, câu gom chúng lại, chúng không đến cũng không được. Đó gọi là Câu triệu pháp.

5. Thành tựu pháp: bất luận quý vị làm việc gì, nếu tụng chú này đều có thể thành tựu.

Trong *"Chú Lăng-nghiêm"* bao hàm cả năm sức mạnh như thế, vi diệu không thể kể xiết, thật là cảnh giới bất khả tư nghì.

"Sức hành viên mãn hạnh Phổ Hiền": sức hạnh nguyện của Bồ-tát Phổ Hiền rất lớn, ngài là lực hạnh đệ nhất. Ở Trung Hoa, Bồ-tát Phổ Hiền trụ tại núi Nga My, tỉnh Tứ Xuyên. Núi Nga My là một trong bốn núi nổi tiếng ở Trung Hoa. Trên đỉnh núi thường xuất hiện vầng ánh sáng màu vàng kim. Người tu đạo đa phần muốn đến Tứ Xuyên để lễ bái núi Nga My. Núi Nga My rất cao, đường lên núi hơn một trăm dặm rất khó đi, nhưng lúc nào cũng có rất nhiều người băng ngàn vượt suối từ những nơi rất xa đến lễ bái Bồ-tát Phổ Hiền. Vì sao phải lễ bái Ngài? Vì vị Bồ-tát này có phát nguyện: Phàm người nào đến núi Nga My lễ bái, Ngài đều giúp cho thành tựu đạo nghiệp, cho nên có rất nhiều người tu đến đây lễ bái Ngài. Hạnh lực này của Bồ-tát Phổ Hiền không phải dễ dàng tu được viên

mãn, nhưng Ngài lại có thể viên mãn tất cả những hạnh nguyện này. Như mười đại nguyện vương mà Ngài đã phát, mỗi một nguyện đều phải tu đến hư không chẳng còn, cho đến cõi giới chúng sinh, nghiệp của chúng sinh, phiền não của chúng sinh tất cả đều không còn mà hạnh nguyện của Ngài vẫn không cùng tận, Ngài vẫn y theo nguyện lực ấy mà hành.

---

[1] Nguyên văn: 人身難得，佛法難聞，善知識難遇.

[2] Nguyên văn: quá khứ tâm bất khả đắc, hiện tại tâm bất khả đắc, vị lai tâm bất khả đắc.過去心不可得，現在心不可得，未來心不可得.

[3] Lý (luận) và biểu hiện của nó.

[4] **The Buddhas forever turn the wonderful Dharma wheel of noumenon and phenomena**. Buddhas constantly turn the Dharma wheel of noumenon and phenomena. "Noumenon" is the opposite of "phenomena." The noumenon refers to reality; reality is the principle which the noumenon represents. For example, we explain the Dharma of the Sutras by explaining their principles. Explaining the Dharma of the Sutras is explaining the noumenon. The noumenon includes both the superficial and the profound; it is both broad and narrow. "Broad" means far-reaching and great; "narrow" means not wide and expansive, but minute.

[5] Vi-đà 韋馱 (Skanda): Vị bồ-tát hóa thân thành thiên tướng ở cõi trời Tứ Thiên Vương, hộ trì Phật pháp trong ba châu thiên hạ.

[6] Như huyễn tam-muội 如幻三昧: là một loại định mà từ đó có thể thông đạt được lý như huyễn của vạn pháp.

[7] Bảo vương寶王: từ tôn xưng chỉ cho đức Phật.

[8] Nguyên văn: 從朝寅旦直至暮，一切眾生自迴護；若於足下喪其形，願汝即時生淨土。

[9] Nguyên văn: 因人施教，應病下藥

[10] Nguyên văn: 施恩不求報，予人不追悔

[11] Nguyên văn: 善欲人見，不是真善；惡恐人知，便是大惡。

[12] Nguyên văn: 動則變，變則化，唯天下至誠為能化。

From movement there is change.

And from change there comes transformation.

Only by being the world's most sincere person can you effect a transformation.

J2. Tổng Kết Đại Nguyện (gồm hai phần)

K1. Tổng kết mười nguyện

K2. Quy kết nhị thánh

K1. TỔNG KẾT MƯỜI NGUYỆN

Khắp hay nghiêm tịnh các cõi nước

Giải thoát hết thảy chúng quần sanh

Khéo hay phân biệt tất cả pháp

Có thể sâu vào biển trí huệ.

Phổ năng nghiêm tịnh chư sát hải

Giải thoát nhất thiết chúng sinh hải

Thiện năng phân biệt chư pháp hải

Năng thậm thâm nhập trí tuệ hải

"Khắp hay nghiêm tịnh các cõi nước": Khéo trang nghiêm thanh tịnh khắp tất cả cõi nước nhiều như biển lớn của chư Phật. **"Giải thoát hết thảy chúng quần sanh"**: Tất cả chúng sinh chúng ta đều có chấp trước, hễ có chấp trước thì không thể giải thoát, không có giải thoát thì không thể đạt được tự do chân chính. Vì sao không được tự do? Chính là vì có chấp trước.

Trước kia có một vị Tỳ-kheo xin bậc thiện tri thức khai thị, vị ấy đắp y, quỳ gối chắp tay thưa vị thiện tri thức rằng:

- Dùng phương pháp nào mới có thể đạt được giải thoát?

Vị thiện tri thức chỉ nói một câu khiến vị Tỳ-kheo liền khai ngộ:

- Ai đã trói ông?

Vị Tỳ-kheo bèn nghĩ: "Không ai trói ta cả! Chỉ có ta tự trói lấy mình". Thế là vị ấy khoát nhiên khai ngộ, liền được giải thoát.

Giải thoát một chúng sinh, hai chúng sinh là việc dễ. Nếu muốn cho tất cả chúng sinh đều được giải thoát mới là khó. Tuy khó nhưng nếu quý vị có thể thành tựu thì cũng không phải là khó.

"Khéo hay phân biệt tất cả pháp": Pháp ấy chính là nói tất cả kinh điển thuộc Tam tạng Mười hai bộ. Tam tạng chính là Kinh tạng, Luận tạng và Luật tạng. Kinh là tất cả kinh điển do Phật nói, Luận là tất cả luận học, Luật là những giới luật được giảng. Lại có mười hai bộ, mười hai bộ ấy được diễn bằng bài kệ tụng như sau:

Trường hàng, trùng tụng tinh thụ ký

Cô khởi, vô vấn nhi tự thuyết

Nhân duyên, thí dụ cập bổn sự

Bổn sinh, phương quảng, vị tằng hữu.

Luận nghị cộng thành mười hai bộ.

1. Trường Hàng: là những kinh văn từng hàng từng hàng từ trên xuống dưới.

2. Trùng tụng: Kệ tụng nay đang giảng chính là trùng tụng. Đó là kệ tụng nói lại văn trường hàng ở trước.

3. Thụ ký: Thụ ký cũng là một bộ. Là Phật thụ ký thời gian thành Phật, cũng như danh hiệu riêng biệt cho một vị Bồ-tát, A-la-hán nào đó.

4. Cô khởi: Cô khởi chính là cô khởi tụng. Phần kệ tụng này không có liên quan gì đến phần kinh văn phía trước và sau nó mà bất ngờ xuất hiện vài câu kệ tụng một cách đơn lẻ. Như bài kệ trong Kinh Kim Cương:

Tất cả pháp hữu vi

Như mộng, ảo, bọt, bóng

Như sương sớm, điện chớp

Nên quán chiếu như vậy.

Đây gọi là tụng cô khởi.

5. Vô vấn nhi tự thuyết: Vô vấn chính là không có người hỏi mà Phật tự nói. Giống như Kinh Di-đà chính là kinh vô vấn nhi tự thuyết.

6. Nhân duyên: là nói đến nhân duyên thấy Phật nghe pháp hoặc Phật thuyết pháp giáo hóa.

7. Thí dụ: Vì sợ chúng sinh không hiểu rõ, nên Phật đưa ra một ví dụ khiến cho họ được rõ. Như phẩm "Thí dụ" trong kinh Pháp Hoa cũng là một bộ.

8. Bản sự: là những câu chuyện quá khứ về cuộc đời của Phật, Bồ-tát, A-la-hán.

9. Bản sinh: là những câu chuyện về cuộc đời của Phật, Bồ-tát trong hiện đời.

10. Phương quảng: là giảng về bộ Phương quảng. Đức Phật tuyên nói giáo nghĩa sâu rộng như bộ "Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh".

11. Vị tằng hữu: là kinh văn ghi lại việc Phật hiện vô số thần lực bất khả tư nghì.

12. Luận nghị: Kinh văn ghi lại các cuộc luận nghị vấn đáp.

Mười hai bộ kinh này lại phân thành Đại thừa, Tiểu thừa, Duyên giác thừa, Thanh văn thừa, Bồ-tát thừa, Phật thừa với vô số sự sai khác. Nếu quý vị không rõ thì sẽ không biết mình đang tu theo thừa nào, hạnh môn nào là tốt. Phật pháp giống như biển cả, nếu quý vị có thể phân biệt được thật

tướng của các pháp ấy thì có thể nương vào pháp tu hành.

"Có thể sâu vào biển trí huệ": Quý vị có thể phân biệt các pháp thì có thể đi sâu vào các pháp, đi sâu vào các pháp thì sẽ đạt được trí tuệ vô lượng vô biên như biển lớn.

Khắp tu thanh tịnh các công hạnh

Chí nguyện cả thảy đều viên mãn

Gần gũi cúng dường chư Như Lai

Tu hành ức kiếp không mỏi mệt.

Phổ năng thanh tịnh chư hạnh hải

Viên mãn nhất thiết chư nguyện hải

Thân cận cúng dường chư Phật Hải

Tu hành vô quyện kinh kiếp hải

"Khắp tu thanh tịnh các công hạnh": Hết thảy các hạnh để tu hành nhiều như biển lớn, khi chúng ta tu đạo cần phải thuần không được tạp, chuyên nhất tu hành một pháp môn thanh tịnh, không thể ở trong pháp thanh tịnh lại tồn tại chút pháp nhiễm ô. Đây gọi là tất cả các hạnh đều thanh tịnh.

"Chí nguyện cả thảy đều viên mãn": Tu hành cần phải phát nguyện, phát nguyện rồi cần phải thực hành, thực hành một cách trọn vẹn mới gọi là viên mãn. Tất cả những nguyện tôi phát ra thì tôi phải thực hành trọn vẹn. Tu mười nguyện lớn của Bồ tát Phổ Hiền thì cũng phải giống như Ngài thực hành trọn vẹn tất cả các nguyện nhiều như biển lớn.

"Gần gũi cúng dường chư Như Lai": Tất cả chư Phật trong mười phương cũng nhiều vô lượng vô biên như biển lớn, tôi đều đi đến gần gũi cúng dường.

"Tu hành ức kiếp không mỏi mệt": Tôi tu hành như thế trải qua vô lượng vô lượng kiếp nhiều như biển lớn mà cũng không mệt mỏi, buông lung, quyết tâm tu hành tinh tấn như thế.

Tất cả Như Lai trong ba đời

Những hạnh nguyện Bồ-đề tối thắng

Tôi đều cúng dường tu tập đủ

Hành hạnh Phổ Hiền ngộ Bồ Đề.

Tam thế nhất thiết chư Như Lai

Tối thắng Bồ-đề chư hạnh nguyện

Ngã giai cúng dưỡng viên mãn tu

Dĩ Phổ Hiền hạnh ngộ Bồ-đề

"Tất cả Như Lai trong ba đời": Tất cả chư Phật trong mười phương ba đời. **"Những hạnh nguyện Bồ-đề tối thắng"**: Luôn tu hành giác đạo và tất cả hạnh nguyện tối thắng tối diệu. **"Tôi đều cúng dường tu tập đủ"**: Đồng thời, tôi cũng phải thực hành hạnh cúng dường cho viên mãn giống như chư Phật không khác. **"Hành hạnh Phổ Hiền ngộ Bồ-đề"**: tu tập mười nguyện lớn của Bồ tát Phổ Hiền để giác ngộ đạo Bồ-đề giải thoát.

K2. Quy Kết Hai Thánh (gồm hai phần)

L1. Hết thảy đều giống Đức Phổ Hiền

L2. Ngang bằng với hai thánh

L1. HẾT THẢY ĐỀU GIỐNG ĐỨC PHỔ HIỀN

Trưởng tử của tất cả Như Lai

Hiệu Ngài gọi là Phổ Hiền Tôn

Tôi nay hồi hướng các căn lành

Nguyện chư hạnh trí như Ngài vậy.

Nhất thiết Như Lai hữu trưởng tử

Bỉ danh hiệu viết Phổ Hiền tôn

Ngã kim hồi hưởng chư thiện căn

Nguyện chư trí hạnh tất đồng bỉ

"Trưởng tử của tất cả Như Lai": Tất cả chư Phật đều có một người con lớn, người con lớn ấy là ai? **"Hiệu Ngài gọi là Phổ Hiền Tôn"**: tên của vị ấy gọi là Bồ-tát Phổ Hiền. **"Tôi nay hồi hướng các căn lành"**: Nay tôi đem hết thảy căn lành tu hành có được hồi hướng về mười đại nguyện vương của Bồ-tát Phổ Hiền. **"Nguyện chư hạnh trí như Ngài vậy"**: nguyện trí tuệ và hạnh nguyện tu tập của tôi được giống như Bồ-tát Phổ Hiền.

Nguyện thân, khẩu, ý hằng thanh tịnh

Công hạnh, cõi nước cùng sạch trong

Trí huệ như thế gọi Phổ Hiền

Nguyện tôi cũng đồng như Ngài vậy.

Nguyện thân khẩu ý hằng thanh tịnh

Chư hạnh sát độ diệc phúc nhiên

Như thị trí tuệ hiệu Phổ Hiền

Nguyện ngã dữ bỉ giai đồng đẳng

"Nguyện thân, khẩu, ý hằng thanh tịnh": tôi phát nguyện phải làm cho ba nghiệp thân, miệng, ý thường thanh tịnh. Thân không tạo các nghiệp ác sát sinh, trộm cắp, dâm dục; miệng không tạo ác nghiệp nói lời thêu dệt, nói dối, nói lời ác, nói lời đâm thọc; ý không tạo nghiệp ác tham, sân, si. **"Công hạnh, cõi nước cùng sạch trong"**: Nguyện những hạnh nguyện tu hành của tôi và hết thảy quốc độ đều được thanh tịnh. **"Trí huệ như thế gọi Phổ Hiền"**: Tôi phát nguyện học theo Bồ-tát Phổ Hiền, tu mười hạnh nguyện lớn của Bồ-tát Phổ Hiền, thành tựu trí tuệ lớn và diệu dụng thần thông bất khả tư nghì giống như Bồ-tát Phổ Hiền. **"Nguyện tôi cũng đồng như Ngài vậy"**: tôi mong muốn tất cả những gì tôi có được đều giống như Bồ-tát Phổ Hiền.

L2. NGANG BẰNG VỚI HAI THÁNH

Vì khắp thanh tịnh hạnh Phổ Hiền

Văn Thù Sư Lợi các nguyện lớn

Trọn sự nghiệp kia không thừa sót

Tận kiếp vị lai hằng không mỏi.

Ngã vị biến tịnh Phổ Hiền hạnh

Văn Thù Sư Lợi chư đại nguyện

Mãn bỉ sự nghiệp tận vô dư

Vị lai tế kiếp hằng vô quyện

"Vì khắp thanh tịnh hạnh Phổ Hiền": Tôi vì hạnh nguyện muốn thanh tịnh, viên mãn cùng khắp nên tu hạnh Phổ Hiền. **"Văn Thù Sư Lợi các nguyện lớn"**: Không chỉ thanh tịnh hết thảy hạnh nguyện Phổ Hiền mà còn muốn viên mãn hết thảy đại nguyện của Bồ-tát Văn-thù Sư-lợi. Văn-

thù-sư-lợi nghĩa là Diệu Đức, còn gọi là Diệu Cát Tường. **"Trọn sự nghiệp kia không thừa sót"**: Tôi phải tu hành viên mãn hạnh nguyện, thành tựu sự nghiệp công đức giống như Bồ-tát Phổ Hiền và Bồ-tát Văn-thù Sư-lợi đã tu, tôi phải giống như các Ngài. **"Tận kiếp vị lai hằng không mỏi"**: Tôi tu hành như thế mãi đến vô tận kiếp vị lai cũng không mỏi mệt, giải đãi.

Tôi tu vô lượng các công hạnh

Công đức đạt được cũng không lường

An trụ trong vô lượng công hạnh

Liễu đạt tất cả sức thần thông.

Ngã sở tu hành vô hữu lượng

Hoạch đắc vô lượng chư công đức

An trụ vô lượng chư hạnh trung

Liễu đạt nhất thiết thần thông lực

"Tôi tu vô lượng các công hạnh": Những công hạnh tôi tu tập vô lượng vô biên. **"Công đức đạt được cũng không lường"**: Cho nên công đức đạt được cũng vô lượng vô biên. **"An trụ trong vô lượng công hạnh"**: Tôi an trú không thoái thất trong vô lượng công hạnh và thường xuyên tu tập chúng. **"Liễu đạt tất cả sức thần thông"**: Thông đạt tường tận tất cả các năng lực thần thông.

Sức trí mạnh mẽ của Văn Thù

Tuệ hạnh Phổ Hiền cũng dường ấy

Tôi nay hồi hướng các căn lành

Thường theo các Ngài chuyên tu học.

Văn Thù Sư Lợi dũng mãnh trí

Phổ Hiền tuệ hạnh diệc phúc nhiên

Ngã kim hồi hướng chư thiện căn

Tùy bỉ nhất thiết thường tu học

"Sức trí mạnh mẽ của Văn Thù": Trí tuệ của Bồ-tát Văn-thù Sư lợi rất lớn, tư cách thành thục nhất trong các vị Bồ-tát. Trong quá khứ Ngài từng làm thầy của đức Phật Thích-ca Mâu-ni, đời này đức Thích-ca thành Phật, Ngài lại đến giúp đức Phật Thích-ca Mâu-ni hoằng dương Phật pháp, do đó nên biết trí tuệ của Bồ tát rất dũng mãnh; trí tuệ dũng mãnh chính là trí tuệ lớn. Bồ-tát Văn-thù Sư-lợi trụ ở Ngũ Đài sơn, Trung Hoa. Ngũ Đài sơn có năm đài, đài trung, đài đông, đài tây, đài nam, đài bắc, vì thế gọi là Ngũ Đài. Nơi đây rất lạnh, ngay cả mùa hạ trên núi cũng có tuyết. Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đã kiến lập một đạo tràng ở núi Ngũ Đài này.

"**Tuệ hạnh Phổ Hiền cũng dường ấy**": Trí tuệ và công hạnh của Bồ-tát Phổ Hiền cũng vô cùng dũng mãnh. **"Tôi nay hồi hướng các căn lành"**: căn lành có được do tu tập mười hạnh nguyện lớn, tôi đều hồi hướng. Hồi hướng làm gì? **"Thường theo các Ngài chuyên tu học"**: Hồi hướng để mong được luôn theo Bồ-tát Văn thù-sư-lợi và Bồ-tát Phổ Hiền tu tập hết thảy Phật pháp.

H3. TỔNG KẾT HỒI HƯỚNG

Chư Phật ba đời đều khen ngợi

Các đại nguyện tối thắng như thế

Tôi nay hồi hướng các căn lành

Nguyện được thắng hạnh của Phổ Hiền.

Tam thế chư Phật sở xưng tán

Như thị tối thắng chư đại nguyện

Ngã kim hồi hướng chư thiện căn

Vị đắc Phổ Hiền thù thắng hạnh

"Chư Phật ba đời luôn khen ngợi": chư Phật ba đời quá khứ, hiện tại và vị lai đều xưng tán Bồ-tát Phổ Hiền và Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi. **"Những đại nguyện tối thắng như thế"**: Mười đại nguyện thù thắng nhất đã nói ở trước. **"Tôi nay hồi hướng các căn lành"**: Hết thảy căn lành có được, con nay đều xin hồi hướng. **"Nguyện được thắng hạnh của Phổ Hiền"**: Chính là để thành tựu hạnh môn thù thắng mười đại nguyện của Bồ-tát Phổ Hiền.

G2. NGUYỆN SINH TỊNH ĐỘ

Nguyện tôi lúc mạng sắp lâm chung

Trừ hết tất cả các chướng ngại

Tận mặt thấy Phật A Di Đà

Liền được vãng sanh cõi Cực Lạc.

Nguyện ngã lâm dục mệnh chung thời

Tận trừ nhất thiết chư chướng ngại

Diện kiến bỉ Phật A Di Đà

Tức đắc vãng sinh An Lạc sát

"Nguyện tôi lúc mạng sắp lâm chung": Nguyện sau này khi tôi sắp mạng chung, **"Trừ hết tất cả các chướng ngại"**: Trừ sạch tất cả báo chướng, nghiệp chướng và phiền não chướng. Không có báo chướng thì không thọ quả khổ, không có nghiệp chướng thì không thọ nghiệp báo đời sau, không có phiền não chướng thì thì sẽ đoạn trừ hết vô minh. **"Tận mặt thấy Phật A Di Đà"**: Tự mình đi đến diện kiến đức Phật A-di-đà ở cõi Tây phương cực lạc. A-di-đà Phật là tiếng Phạn, Trung Hoa dịch là Vô Lượng Thọ, còn gọi là Vô Lượng Quang. Vì thọ mạng của Ngài vô lượng nên gọi là Vô Lượng Thọ; hào quang của Ngài cũng vô lượng nên gọi là Vô Lượng Quang. Ngài là giáo chủ cõi Cực Lạc ở phương Tây lại có duyên với chúng sinh ở cõi Ta bà và tất cả chúng sinh ở các nước trong mười phương nơi thế giới này, thế giới khác, cõi nước này, cõi nước khác và vô lượng cõi nước của chư Phật. Do lúc ở nhân địa tu hành Ngài đã phát nguyện rằng:

Lúc tôi thành Phật, quốc độ của tôi sẽ là cõi Cực Lạc. Sự an vui ở trong thế giới của tôi không có bất kỳ thế giới nào ở trong mười phương có thể sánh bằng. Tất cả chúng sinh khắp mười phương đều ưa thích sinh về cõi nước này, chỉ cần trì danh hiệu của tôi, tôi sẽ tiếp dẫn họ thành Phật. Nếu như họ không thành Phật thì tôi nguyện không thành Chính Giác.

Phật A-di-đà đã phát bốn mươi tám nguyện để độ chúng sinh. Nếu chúng sinh trong mười phương xưng niệm danh hiệu "Nam-mô A-di-đà Phật" thì đều được sinh về thế giới Cực Lạc. Nguyện sau cùng trong mười nguyện lớn của Bồ-tát Phổ Hiền cũng là hồi hướng về thế giới Cực Lạc, phát nguyện sinh về thế giới Cực Lạc. Trong Mật Tông, Phật A-di-đà thuộc Liên hoa bộ ở phương Tây, Đông phương thế giới là A-súc bệ Phật, A-súc-bệ Phật là Kim cang bộ. Kim cang bộ chuyên tu Kim cang bất động pháp, pháp Kim cang chủ yếu là pháp hàng phục và pháp câu triệu. Vì sao quý vị có thể triệu được con quỷ kia về? Bởi vì có lực sĩ kim cương ở nơi ấy, giống như cảnh sát phát lệnh triệu tập, không đi cũng không được, đó gọi là pháp câu triệu. Kim cương lực sĩ hiện ra tướng mạo kim cương, yêu ma quỷ quái đều khiếp sợ, đó gọi là pháp hàng phục.

Pháp tu của Phật A-di-đà là nhiếp thọ pháp. Nhiếp thọ chính là dùng sức mạnh từ bi để tiếp dẫn chúng sinh đến được chỗ của Ngài. Hàng phục nghĩa là sau khi quý vị được hàng phục thì sau này quý vị không được làm việc phi pháp, không thể không giữ quy củ, nhưng quý vị muốn đến nơi nào đều có thể đi được. Pháp nhiếp thọ của Phật A-di-đà là Ngài phát nguyện tiếp dẫn quý vị đến nước của Ngài, cùng Ngài tu hành. Vì thế A-di-đà Phật và A-súc-bệ Phật một vị dùng từ bi để giáo hóa chúng sinh, một vị dùng oai đức để giáo hóa chúng sinh; một bên là nhiếp thọ, một bên là chiết phục. Hai vị Phật ấy đều ở tại Ta bà giáo hóa chúng sinh và chúng sinh đều rất có duyên với hai Ngài.

"Liền được vãng sanh cõi Cực Lạc": quý vị thường xưng niệm "Nam-mô A-di-đà Phật" thì nguyện lực của Phật A Di Đà sẽ tiếp dẫn quý vị đến cõi Cực Lạc và ngay tức khắc quý vị được vãng sinh về cõi nước an lạc.

Tôi đã vãng sanh cõi kia rồi

Hiện tiền thành tựu nguyện lớn này

Cả thảy tròn đủ không thừa thiếu

Lợi lạc khắp cả cõi chúng sanh.

Ngã ký vãng sinh bỉ quốc dĩ

Hiện tiền thành tựu thử đại nguyện

Nhất thiết viên mãn tận vô dư

Lợi lạc nhất thiết chúng sinh giới

"Tôi đã vãng sanh cõi kia rồi": Người tu mười nguyện lớn Phổ Hiền này nói: Tôi đã vãng sinh trong nước Cực Lạc kia rồi, thì **"Hiện tiền thành tựu nguyện lớn này"**: ngay lập tức thành tựu mười nguyện lớn mà tôi đã tu hành. **"Cả thảy tròn đủ không thừa thiếu"**: Những nguyện mà tôi phát, những hạnh mà tôi tu, tất cả đều viên mãn, không có một chút thiếu sót. **"Lợi lạc khắp cả cõi chúng sanh"**: Công phu tu hành của tôi viên mãn, tất cả diệu dụng thần thông đều được đầy đủ, tôi cũng đến mười phương thế giới để làm lợi ích an lạc cho tất cả chúng sinh, tôi luôn muốn độ tất cả chúng sanh đều thành Phật. Bởi tôi được an lạc cho nên tôi cũng muốn làm cho tất cả chúng sinh đều được an lạc.

Hội chúng Di Đà đều thanh tịnh

Tôi từ hoa sen nở sinh ra

Thân thấy đức Phật Vô Lượng Quang

Thọ ký cho tôi đạo Bồ Đề.

Bỉ Phật chúng hội hàm thanh tịnh

Ngã thời ư thắng liên hoa sanh

Thân đổ Như Lai vô lượng quang

Hiện tiền thụ ngã Bồ-đề ký

"Chúng hội Di Đà đều thanh tịnh": Các chúng Bồ-tát trong Liên trì hải hội ở thế giới Cực Lạc của đức Phật A-di-đà đều thanh tịnh. **"Tôi từ hoa sen nở sinh ra"**: Lúc ấy, tôi cũng ở trong hoa

sen thù thắng vi diệu mà sinh ra, hoa nở liền thấy Phật. **"Thân thấy đức Phật Vô Lượng Quang"**: Tôi được diện kiến đức Phật Vô Lượng Quang, Vô Lượng Thọ của thế giới cực lạc. **"Thọ ký cho tôi đạo Bồ Đề"**: Đức Phật A-di-đà liền thụ ký cho tôi đạo quả Bồ-đề với một danh hiệu riêng, và nói đến thời gian nào đó tôi sẽ thành Phật.

Được Phật Di Đà thọ ký rồi

Tôi hóa vô số vạn ức thân

Trí lực rộng lớn khắp mười phương

Lợi lạc khắp cùng chúng sanh giới.

Mông bỉ Như Lai thụ ký dĩ

Hóa thân vô số bách câu chi

Trí lực quảng đại biến thập phương

Phổ lợi nhất thiết chúng sinh giới

"Được Phật Di Đà thọ ký rồi": Sau khi được đức Di-đà Như Lai thụ ký rồi, **"Tôi hóa vô số vạn ức thân"**: Tôi lại biến ra trăm nghìn muôn ức hóa thân. **"Trí lực rộng lớn khắp mười phương"**: Trí tuệ của tôi lúc này cũng giống như Phật, khắp đầy mọi nơi trong mười phương, **"Lợi lạc khắp cùng chúng sanh giới"**: Trí tuệ rộng lớn của tôi dùng để làm gì? Chính là để độ khắp tất cả chúng sinh, khiến cho tất cả chúng sinh đều thành Phật đạo.

E2.TỔNG KẾT BẰNG BÀI TỤNG VỀ SỰ VÔ TẬN

Nhẫn đến hư không thế giới tận

Chúng sanh tập nghiệp, phiền não tận

Như thế tất cả không cùng tận

Nguyện tôi rốt ráo hằng vô tận

Nãi chí hư không thế giới tận

Chúng sinh cập nghiệp phiền não tận

Như thị nhất thiết vô tận thời

Ngã nguyện cứu cánh hằng vô tận

“Nhẫn đến hư không thế giới tận”: Xưa nay, thế giới hư không chẳng bao giờ diệt mất, thế giới, nghiệp và phiền não của chúng sinh cũng không bao giờ hết. Nhưng giả như những cái ấy có ngày cùng tận thì nguyện lực của tôi cũng không cùng tận.

Tuy thế giới này của chúng ta có thành, trụ, hoại, không, nhưng “không” cũng không có cùng tận, “hoại” cũng không có cùng tận. Sanh, trụ, dị, diệt chỉ là những pháp hoán đổi cho nhau mà thôi. Con người chúng ta sau khi sanh ra hai mươi năm gọi là sinh, hai mươi năm nữa gọi là trụ, nghĩa là dừng lại ở chỗ này. Hai mươi năm tiếp theo là dị, dị chính là biến đổi, một sự biến đổi lớn trong từng giây, từng phút. Sau hai mươi năm biến đổi là diệt, diệt không phải chỉ trong một ngày mà cũng trải qua hai mươi năm. Cho nên sinh, trụ, di, diệt cũng chính là thành, trụ, hoại, không, tổng cộng lại là tám mươi năm. Thế giới một lần tăng, một lần giảm gọi là một kiếp. Giảm là tuổi thọ của con người từ tám vạn bốn nghìn tuổi giảm dần xuống, cứ một trăm năm giảm mất một tuổi, thân cao giảm đi một tấc, giảm đến lúc đức Phật Thích-ca Mâu-ni ra đời, lúc ấy tuổi thọ con người bình quân là một trăm tuổi. Hiện tại tuổi thọ con người bình quân còn khoảng bảy mươi tuổi. Sở dĩ nói bình quân bảy mươi tuổi là vì có người sống thọ hơn một chút, nhưng cũng có người ít hơn một chút. Lại tiếp tục giảm, giảm đến khi tuổi thọ con người còn ba mươi tuổi. Lúc ấy, bệnh ôn dịch bắt đầu lưu hành, bệnh ôn dịch này không có thuốc để trị, người nếu mắc phải bệnh thì chỉ có chết. Số người chết lên đến tám mươi phần trăm, chỉ còn sót lại một số người sống trên núi hay ở thôn làng. Những người này sống ở nơi cách xa mọi người nên bệnh truyền nhiễm không truyền đến được nên họ vẫn còn sống. Đến khi tuổi thọ con người giảm còn hai mươi lăm hoặc hai mươi sáu tuổi lại có hỏa tai hoành hành. Lúc ấy, trên không trung lại xuất hiện một lượt bảy mặt trời, đó đều do nghiệp lực của chúng sinh chiêu cảm. Hiện giờ chẳng phải người ta nói muốn chinh phục vũ trụ đó sao? Chinh phục vũ trụ cũng chính là xâm lược, mình chẳng chịu ở yên nơi thế giới của mình, vô duyên vô cớ muốn đến xâm chiếm thế giới của người khác, đó là một dạng xâm lược. Chiếm qua chiếm lại, tương lai mặt trăng sẽ ít đi, mặt trời sẽ nhiều lên, không trung sẽ xuất hiện bảy mặt trời. Lúc ấy cả thế giới đều biến thành núi lửa, biển, sông, ao hồ đều bị sức nóng làm cho khô cạn, thế giới này đều bị thiêu hoại, sức lửa thiêu đốt lên đến cõi trời Sơ thiền.

Những thứ trên thế gian bị thiêu hủy không còn nữa, giờ có trở lại. Hỏa tai đã thiêu cạn hết nước, chẳng phải là không còn nước sao? Ở hư không xuất hiện một dạng khí mang hơi nước, luồng khí nước ấy rất lớn, sau này nó sẽ chuyển thành nước ở thế giới. Đợi đến lúc tuổi thọ con người chỉ còn hơn hai mươi tuổi, lại có một trận thủy tai, nước dâng cao đến cõi trời nhị thiền, dìm chết cả chư thiên ở cõi này. Lúc ấy, con người ở nhân gian còn lại rất ít. Sau trận thủy tai ấy, đợi đến lúc tuổi thọ con người còn mười lăm tuổi, lại có một trận tai họa khác ập đến. Đó là tai gì? Chính là phong tai. Phong tai này rất ác liệt, sức gió ảnh hưởng đến cõi trời Tam thiền. Vì thế nên nói:

Lục dục thiên đủ năm tướng suy

Tam thiền thiên còn chịu phong tai

Dù người tu đến Phi phi tưởng

Không bằng vãng sinh cảnh Tây phương

Lục dục chư thiên cụ ngũ suy,

Tam thiên thiên thượng hữu phong tai;

Nhậm quân tu đáo Phi phi tưởng,

Bất như tây phương quy khứ lai.

Sáu tầng trời cõi dục chính là Tứ vương thiên, Đao-lợi thiên, Dạ-ma thiên, Đâu-suất thiên, Hóa Lạc thiên và Tha Hóa Tự Tại thiên. Chư thiên ở sáu tầng trời cõi dục khi sắp mạng chung có năm tướng suy hiện ra. Khi năm tướng suy ấy vừa hiện thì vị trời ấy sẽ chết. Năm tướng suy ấy là gì?

1. Hoa quan ủy tạ: Mũ mà chư thiên đội trên đầu gọi là hoa quan, do một loài hoa trong thiên nhiên sinh ra. Đến lúc năm tướng suy của vị ấy hiện ra thì hoa trên mũ của vị ấy đều bị khô héo.

2. Y trước trần ai: y phục của chư thiên vô cùng nhẹ, không có bụi bặm. Khi vị ấy có năm tướng suy hiện ra thì y phục liền sinh dơ bẩn.

3. Lưỡng dịch hãn xuất: Chư thiên không bao giờ đổ mồ hôi, dù cho trời có nóng thế nào cũng vậy, nhưng khi năm tướng suy hiện ra thì hai nách vị ấy liền xuất mồ hôi.

4. Thể phóng xú vị: Trên thân chư thiên luôn có mùi hương, trong Phật giáo, người có tu hành trên thân cũng có mùi hương, nhưng cư sĩ Duy-ma-cật thường chê những người tu hành mà trên thân tỏa ra mùi hương, nói: "Ông không nên để mùi hương trên thân phát ra như thế, ông tỏa mùi hương, chúng sinh ngửi thấy sẽ sinh tâm đắm trước, tham chấp vào mùi hương của ông, vì thế không nên tỏa ra mùi hương". Thân của các vị chư thiên đều có mùi hương, đến khi năm tướng suy hiện, mùi hương liền mất đi và thay vào đó là bốc ra mùi hôi.

5. Bất lạc bản tòa: chư thiên đều có tướng thiền định, không như chúng ta tâm ý nhảy nhót giống vượn, trọn ngày không chạy chỗ này thì chạy chỗ kia, không làm chút này cũng làm chút khác. Chư thiên thường ngồi thiền, rất ít nói, không giống như chúng ta, nói suốt ngày cũng không hết. Nhưng đến khi năm tướng suy hiện thì họ không thể ngồi yên, tòa ngồi của họ nếu không lung lay như thế này thì cũng rung động như thế kia nên không bao giờ ngồi yên. Ngồi không yên chính là mê, vừa mê thì liền đọa lạc, nghĩa là chết.

Cõi trời đều có năm tướng suy hiện, nếu quý vị có sinh lên cõi trời Tam thiền thì khi phong tai đến cũng sẽ bị thổi bay và dù cho quý vị tu được sinh lên cõi trời Phi tưởng phi phi tưởng xứ thì cũng không bằng sinh về cõi Cực Lạc, sau đó trở lại thế giới này để giáo hóa chúng sinh, như vậy sẽ bảo đảm hơn.

Trận phong tai ấy qua đi, số người còn sống sót trên thế gian rất ít, nhưng vào lúc ấy dân số con người phát triển rất nhanh. Đến lúc thọ mạng con người còn mười tuổi, lại có một trận ôn dịch, loại ôn dịch này cũng rất ác liệt, số người còn sống sót lại không được bao nhiêu. Sau đó tuổi thọ con người lại tăng lên, cũng là một trăm năm, thân cao tăng một tấc, thọ mạng tăng thêm một tuổi, tăng đến tám vạn bốn nghìn tuổi. Một lần tăng một lần giảm như thế gọi là một tiểu kiếp.

Hai mươi tiểu kiếp là một trung kiếp, bốn trung kiếp là một đại kiếp. Sau khi thế giới hoại diệt thì sẽ hình thành trở lại. Thời gian hình thành phải mất bao lâu? Thời gian hình thành là hai mươi tiểu kiếp, cũng chính là một trung kiếp. Thời gian hình thành hai mươi tiểu kiếp, trụ hai mươi tiểu kiếp, hoại hai mươi tiểu kiếp và không cũng hai mươi tiểu kiếp. Sau gian đoạn "không" lại hình thành, thành rồi trụ, trụ rồi hoại, hoại rồi lại không. Thế giới cứ như thế tiếp diễn, không có lúc cùng tận,

cũng giống như con người sinh rồi lại chết, chết rồi lại sinh.

"Chúng sanh tập nghiệp, phiền não tận": chúng sinh không có cùng tận, nghiệp lực, phiền não của chúng sinh cũng không cùng tận, nhưng giả như tất cả có cùng tận, song nguyện lực của tôi sẽ không cùng tận.

"Như thế tất cả không cùng tận": Nhưng tất cả đều không có lúc cùng tận **"Nguyện tôi rốt ráo hằng vô tận"**: Cho nên nguyện lực của tôi cũng không cùng tận.

D2. Bài Tụng Hiển Bày Đức Thù Thắng Của Kinh (gồm hai phần)

E1. Bài tụng so sánh sự lợi ích khi nghe kinh

E2. Bài tụng nêu chung sự lợi ích của các hạnh

E1. BÀI TỤNG SO SÁNH LỢI ÍCH KHI NGHE KINH

Cõi nước vô biên khắp mười phương

Trang nghiêm các báu cúng dường Phật

An lạc tối thắng thí trời người

Trải kiếp vi trần luôn cúng thí.

Thập phương sở hữu vô biên sát

Trang nghiêm chúng bảo cúng Như Lai

Tối thắng an lạc thí thiên nhân

Kinh nhất thiết sát vi trần kiếp

"Cõi nước vô biên khắp mười phương": Giả sử có một người ở nơi vô biên các cõi nước chư Phật trong mười phương thế giới. **"Trang nghiêm các báu cúng dường Phật"**: Dùng tất cả các báu trong mười phương thế giới để trang nghiêm cúng dường hết thảy Như Lai. **"An lạc tối thắng thí trời người"**: Dùng diệu lạc thù thắng bậc nhất để bố thí cho chư thiên ở trên trời và loài người ở thế gian. **"Trải kiếp vi trần luôn cúng thí"**: Trải qua số kiếp nhiều như số vi trần cõi nước trong mười phương tôi đều thực hành cúng dường như thế.

Nếu có người nơi nguyện vương này

Một phen nghe rồi sanh tín kính

Mong cầu khát ngưỡng quả Bồ Đề

Công đức đạt được nhiều hơn thế

Nhược nhân ư thử thắng nguyện vương

Nhất kinh ư nhĩ năng sanh tín

Cầu thắng Bồ-đề tâm khát ngưỡng

Hoạch thắng công đức quá vu bỉ

"Nếu có người nơi nguyện vương này": Giả sử lại có người nghe được diệu hạnh thù thắng của mười nguyện lớn Bồ-tát Phổ Hiền. **"Một phen nghe rồi sanh tín kính"**: Khi mười đại nguyện vương này vừa thoáng qua lỗ tai, người ấy có thể sinh tín tâm. **"Mong cầu khát ngưỡng quả Bồ Đề"**: Thành tâm cầu được quả Bồ-đề thù thắng vi diệu giống như khát muốn lập tức được uống nước ngay. **"công đức đạt được nhiều hơn thế"**: Công đức nhất tâm cầu Bồ-đề của người này lớn hơn công đức của người dùng hằng hà sa số châu báu trang nghiêm cùng sự an lạc thù thắng cúng dường hết thảy Như Lai.

E2. Kệ Tụng Nêu Chung Lợi Ích Của Các Hạnh (gồm hai phần)

F1. Kệ tụng nêu năm quả (gồm 5 phần)

G1. Kệ tụng về tăng thượng quả

G2. Kệ tụng về đẳng lưu quả

G3. Kệ tụng về ly hệ quả

G4. Kệ tụng về dị thục quả

G5. Kệ tụng về sĩ dụng quả

F2. Kệ Tụng Nói Về Quả Cứu Cánh

G1. KỆ TỤNG VỀ TĂNG THƯỢNG QUẢ

Thường luôn xa rời ác tri thức

Hằng lìa tất cả các đường dữ

Chóng gặp đức Phật Vô Lượng Quang

Đầy đủ nguyện Phổ Hiền tối thắng.

Tức thường viễn ly ác tri thức

Vĩnh ly nhất thiết chư ác đạo

Tốc kiến Như Lai vô lượng quang

Cụ thử Phổ Hiền tối thắng nguyện

"Thường luôn xa rời ác tri thức": Con người chúng ta là hạng "gần son thì đỏ, gần mực thì đen, nhuộm xanh thì ra xanh, nhuộm vàng thì ra vàng." Quý vị theo ai thì sẽ bắt chước người ấy, vì thế mẹ của Mạnh Tử phải ba lần dời nhà cũng chính là ý này.

Thuở nhỏ, nhà Mạnh Tử ở gần nghĩa địa, Mạnh Tử thường thấy mọi người chôn quan tài xuống đất, sau đó dùng heo, dê để cúng tế người chết. Thế là hằng ngày Mạnh Tử cũng bắt chước chơi trò chơi như thế, dùng đất bùn nặn thành người giả, đặt người giả trong quan tài bằng đất rồi đem chôn, lại nặn bùn thành hình dáng con heo, con dê đặt lên trên mộ cúng tế, lễ lạy. Mẹ của Mạnh Tử thấy thế, liền nghĩ: "Con mình học những việc này thì có gì hay?" Thế rồi bà quyết định dời nhà. Nhà mới dời đến gần một lò mổ, Mạnh Tử lại học những người đồ tể chơi trò giết heo, giết dê. Mẹ Mạnh Tử lại nhìn thấy và cho rằng ở đây cũng không được, thế rồi bà lại dời nhà. Lần này dời đến ở bên cạnh một ngôi trường, bấy giờ Tử Tư đang dạy ở đây, dạy học sinh học. Học sinh mỗi khi vào lớp, trước tiên phải hướng về thánh vị của Khổng Tử hành lễ, lúc ra về cũng hành lễ như thế, đi về đều rất lễ phép. Mạnh Tử cũng bắt chước những học sinh ấy đọc sách, hành lễ. Mẹ Mạnh Tử nhìn thấy, nói: "Ồ, lần này có thể ở lại tại đây rồi". Sau đó bà đã cho Mạnh Tử vào trường để học.

Một hôm, Mạnh Tử về thưa với mẹ là ông không muốn học. Lúc ấy mẹ của Mạnh Tử đang quay khung cửi dệt vải, nghe thế bà cũng chẳng nói năng gì, lặng lẽ cầm kéo cắt đứt hết những sợi vải trên khung cửi. Mạnh Tử thấy thế vội quỳ xuống trước mặt mẹ hỏi: "Mẹ sao lại giận dữ như thế? Phải chẳng con đã làm sai điều gì?". Mẹ Mạnh Tử bảo: "Nay con không chịu học hành thì chẳng khác gì những sợi vải bị cắt đứt. Con biết vì sao không? Con không học hành thì sau này sẽ không thành tựu". Mạnh Tử chợt hiểu, bèn thưa: "Thế thì con lại tiếp tục học tập". Về sau, Mạnh Tử đã trở thành một bậc Thánh lớn của Nho gia, xưng là á thánh, chỉ đứng sau đức Khổng Tử.

Vì sao Mạnh Tử có thể thành một bậc thánh? Bởi mẹ của Mạnh Tử khéo dạy con, vì dạy con, bà đã ba lần dời nhà, lần sau cùng dời đến bên cạnh trường học, tạo cho Mạnh Tử có cơ hội học tập, như thế Mạnh Tử mới có thể thành tựu được học nghiệp. Nếu ban đầu mẹ của Mạnh Tử không dời nhà mà ở gần nghĩa địa thì Mạnh Tử bất quá cũng chỉ là một người thạo việc chôn cất mà thôi. Nếu như ở gần lò sát sinh thì Mạnh Tử chẳng qua cũng chỉ là một người chuyên giết heo, giết dê. Cuối cùng bà đã dời nhà đến cạnh trường học mới khiến cho Mạnh Tử trở thành một học giả rất nổi tiếng. Đó cũng gọi là xa lìa ác tri thức, gần gũi thiện tri thức vậy.

Vì thế, quý vị ở gần màu hồng thì sẽ biến thành sắc hồng, nếu gần màu đen thì sẽ biến thành sắc đen. Nếu quý vị nhuộm màu cà phê thì sẽ có màu cà phê, quý vị nhuộm màu vàng thì thành màu vàng. Cho nên con người chúng ta cần phải gần gũi những bậc thiện tri thức cũng chính là đạo lý ấy. Nếu quý vị gặp **"ác tri thức"** thì họ toàn dạy quý vị những việc ác, đến đâu cũng phá hoại người, đố kỵ người, làm chướng ngại cho người. Đó chính là ác tri thức. Ác tri thức dạy những pháp ác cho quý vị như thế, quý vị không nên gần gũi mà phải tránh xa họ một chút. Nếu quý vị không xa lìa ác tri thức thì sẽ bị đọa vào ba đường ác.

"Chóng gặp đức Phật Vô Lượng Quang": Quý vị xa rời các đường ác thì sẽ bước lên đường lành, con người ở trong thế gian nếu không ác thì là thiện, nếu quý vị không làm việc ác thì là việc thiện. Quý vị làm việc thiện sẽ tạo thành nghiệp lành, gieo nghiệp thiện thì sẽ gặt được quả báo tốt. Quả báo tốt đó là gì? Đó là quý vị có thể tự mình nhanh chóng qua thế giới Cực Lạc diện kiến A-di-đà Như Lai, vị Phật Vô Lượng Quang, Vô Lượng Thọ.

"**Đầy đủ nguyện Phổ Hiền tối thắng"**: Đã đến được thế giới Cực Lạc của đức Phật A-di-đà thì quý vị đều có thể viên mãn mười đại nguyện thù thắng của Bồ-tát Phổ Hiền.

G2. KỆ TỤNG VỀ QUẢ ĐẲNG LƯU

Người này khéo được mạng thù thắng

Người này khéo sanh vào cõi người

Người này không lâu sẽ thành tựu

Công hạnh như Bồ-tát Phổ Hiền.

Thử nhân thiện đắc thắng thọ mệnh

Thử nhân thiện lai nhân trung sanh

Thử nhân bất cửu đương thành tựu

Như bỉ Phổ Hiền Bồ-tát hạnh

"Người này khéo được mạng thù thắng": Hạng người như thế nhanh chóng đạt được thọ mạng thù thắng dài lâu. Trong Phật giáo nói "vô thọ giả tướng" nay vì sao lại nói thọ mạng thù thắng, như thế chẳng phải là đã có tướng thọ giả rồi sao? Thọ mạng thù thắng ở đây hoàn toàn chẳng phải do người ấy mong đạt được tướng thọ giả ấy, mà do người ấy xa rời ác tri thức, xa rời các áo đạo, được diện kiến Phật A-di-đà, cho nên dù người ấy không muốn trường thọ cũng được trường thọ. Thế giới Cực Lạc không giống như thế giới của chúng ta, muốn sống lâu cũng không được sống lâu, muốn an vui cũng không được an vui chân thật. Quý vị có thể sinh về thế giới Cực Lạc, đức Phật A-di-đà thọ mạng vô lượng thì quý vị cũng thọ mạng vô lượng. Đức Phật A-di-đà có ánh sáng vô lượng thì quý vị cũng có ánh sáng vô lượng. Vì thế, thọ mạng thù thắng này là do thiện nghiệp chiêu cảm chứ hoàn toàn chẳng phải do chấp trước mà có.

"Người này khéo sanh vào cõi người": Người ấy nếu còn muốn trở lại giáo hóa chúng sinh thì họ sẽ tái sinh ở nhân gian. Tuy sinh vào nhân gian nhưng nhất nhất luôn được viên mãn, đây gọi là *"thừa nguyện tái lai"*. Nếu họ không muốn đến thì không cần đến, nếu muốn đến thì tự nhiên đến. Đây là một dạng tự do chân thật, tùy thuộc vào ý muốn của chính bản thân quý vị. **"Người này không lâu sẽ thành tựu"**: Người này không lâu sẽ thành tựu công đức của mười đại nguyện Phổ Hiền. **"Công hạnh như Bồ-tát Phổ Hiền"**: Sự thành tựu của người ấy chẳng khác gì công hạnh của Bồ-tát Phổ Hiền.

G3. KỆ TỤNG VỀ QUẢ LY HỆ

Ngày trước do vì không trí huệ

Tạo ra năm nghiệp vô gián ác

Chuyên tụng Phổ Hiền nguyện vương này

Chỉ trong một niệm tội tiêu sạch.

Vãng tích do vô trí tuệ lực

Sở tạo cực ác ngũ vô gián

Tụng thử Phổ Hiền đại nguyện vương

Nhất niệm tốc tật giai tiêu diệt

"Ngày trước do vì không trí tuệ": Nguyên nhân là do quá khứ xa xưa thiếu trí tuệ. Ở trước chẳng phải đã nói:

"Con xưa vốn tạo bao ác nghiệp,

Đều do vô thỉ tham sân si,

Từ thân, miệng, ý mà sinh ra,

Hết thảy con nay đều sám hối".

Tất cả nghiệp ác đã tạo xưa kia đều xuất phát từ tham, sân, si. Vì sao có tham, sân, si? Vì không có trí tuệ, vì không có năng lực bát-nhã. Con người vì sao tạo ra nghiệp ác? Vì không có trí tuệ, cho nên tạo ra vô số nghiệp ác, người có trí tuệ chân chính thì sẽ không tạo nghiệp ác.

"Tạo ra năm nghiệp vô gián ác": Chúng ta là năng tạo, nghiệp là sở tạo. Ai là năng tạo? Người nào không tu thiện pháp lại hành ác pháp, người đó chính là người năng tạo. Đã có người năng tạo thì sẽ có nghiệp sở tạo, cho nên mới có năng và sở. Nghiệp đã hình thành rồi thì người năng tạo ấy phải chịu quả báo. Cực ác chính là nghiệp ác tột cùng, người thế gian xưa nay không thể giết cha, nhưng có một hạng người làm được việc này, hạng người đó chính là hạng phạm thập ác ngũ nghịch. Ngũ nghịch chính là giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán, phá hòa hợp Tăng, làm thân Phật chảy máu. Trên thế giới người giết cha, người giết mẹ thì ít hơn, tuy là ít nhưng thỉnh thoảng cũng có. Giết A-la-hán tức là giết người đã chứng quả A-la-hán, tội này cũng nằm trong ngũ nghịch. Phá hòa hợp Tăng, Tăng nghĩa là chúng hòa hợp, một người không được gọi là Tăng, hai người cũng thế mà phải ba người trở lên mới được tính là Tăng. Chư Tăng luôn tuân giữ sáu phép hòa hợp:

1. Thân hòa đồng trụ: thân phải hòa hợp nhau mới có thể cùng ở chung một chỗ, không được đấu tranh, ẩu đả nhau.

2. Khẩu hòa vô tránh: chư Tăng cùng ở chung một chỗ, không được nói chuyện thị phi của người khác, cũng không được nói chuyện thi phi của mình. Lời nói phải hòa hợp, lời nói hòa hợp chính

là không tranh cãi. Trong kinh Kim Cương nói: "Vô tránh tam-muội". Người xuất gia ở cùng với nhau phải nên không tranh cãi, phải đạt cho được Vô tránh tam-muội này. Quý vị vừa khởi tranh cãi thì đã có tướng nhân ngã, có tướng nhân ngã tức có thị phi, có thị phi thì có thắng thua, có thắng thua thì có tướng chúng sinh, đã có chúng sinh tướng thì có tướng thọ giả. Quý vị có bốn tướng này thì không thể đạt được định lực chân chính, cho nên phải khẩu hòa vô tránh.

3. Ý hòa đồng duyệt: Tâm ý cũng phải hòa hợp, được như thế mọi người mới vui vẻ, phấn khởi; không thể quý vị có ý của quý vị, tôi có ý của tôi, tôi và quý vị bất hòa, quý vị và tôi cũng chẳng hợp.

4. Lợi hòa đồng quân: Có những lợi ích, lợi dưỡng thì mọi người đều thọ hưởng bình đẳng, quý vị được lợi dưỡng, tôi cũng được lợi dưỡng, không phải chỉ riêng một người thụ hưởng.

5. Kiến hòa đồng giải: Ý kiến mọi người cũng nên hòa hợp, như học Phật pháp, mọi người đều có cùng sự hiểu biết, nên sẽ không dẫn đến ý kiến bất hòa.

6. Giới hòa đồng tu: Mọi người cùng đến tu hành, cùng giữ một giới luật, có được lục hòa như thế mới gọi là "hòa hợp tăng". Nếu quý vị ở trong chúng tăng mà đâm thọc ly gián, đặt điều thị phi khiến cho tăng chúng sinh ra bất hòa, anh không vừa ý tôi, tôi không vừa ý anh, anh có sự đố kỵ đối với tôi, tôi có sự chướng ngại đối với anh. Đó gọi là phá hòa hợp tăng.

Làm thân Phật chảy máu: Có người hiện tại chúng ta sinh ra sau Phật thì không thể nào làm thân Phật chảy máu được? Nếu quý vị làm tổn hại Phật giáo, phá hoại Tam Bảo, đó đều gọi là làm thân Phật chảy máu. Giống như tượng Phật này, quý vị đập vỡ vụn ra, tuy đây chỉ là tượng Phật nhưng hành động đó cũng giống như làm cho thân Phật chảy máu. Hay quý vị đốt tấm hình Phật đi, đó cũng gọi là làm thân Phật chảy máu.

Tất cả kinh điển đều là pháp thân tuệ mạng của Phật, kinh điển có mặt ở đâu tức có Phật ở đó, nếu quý vị đốt hoặc hủy hoại những kinh điển đó cũng gọi là làm thân Phật chảy máu. Chư tăng là người tu hành theo giáo pháp của Phật, tương lai sẽ thành Phật, nếu quý vị làm cho chư tăng chẳng hòa hợp, đó cũng gọi là làm thân Phật chảy máu. Quý vị không cung kính Tam Bảo, phá hoại Tam Bảo, đó đều gọi là làm thân Phật chảy máu. Cho nên không nhất định là lúc Phật còn tại thế mới có thể làm cho thân Phật chảy máu, mà lúc Phật nhập Niết-bàn rồi, nếu quý vị không ủng hộ Phật giáo, phá hoại Phật giáo, thậm chí phá hoại một người xuất gia nào đó đều bị gọi là làm thân Phật chảy máu, đều thuộc năm tội ngũ nghịch, đều có thể nói là cực ác, không có việc ác nào lớn hơn. Quả báo mà người tạo tội cực ác phải lãnh chịu là địa ngục A-tỳ. A-tỳ là tiếng Phạn (Avichi), dịch là Vô Gián. Vô Gián có năm loại:

1. Thời gian không gián đoạn: còn gọi là kiếp vô gián. Tiếng Phạn gọi là kiếp-ba (kalpa), Trung Hoa dich là thời phần, nghĩa là thời gian. Chúng sinh bị đọa vào địa ngục Vô Gián thì từ ngày bắt đầu cho đến ngày cuối cùng, không có thời khắc nào ngừng dứt sự thống khổ, thời gian thụ khổ liên tiếp không gián đoạn, cho nên gọi là thời vô gián.

2. Hình Vô gián: Khi bị đọa vào địa ngục Vô gián, quý vị tự thấy thân mình đầy chật cả địa ngục, nếu là nhiều người thì mỗi người cũng tự thấy thân mình đầy chật cả địa ngục mà vẫn không làm chướng ngại nhau. Anh có địa ngục của anh, tôi có địa ngục của tôi, mỗi người đều tự thấy thân hình của mình đầy chật cả địa ngục. Đó gọi là hình vô gián.

3. Khổ vô gián: Trong địa ngục ấy có vô số hình phạt: có núi đao, có chảo dầu, lại có vô lượng khí cụ hành hình như chĩa sắt, gậy sắt, rìu sắt, lưới sắc, lừa sắt, dây sắt, ngựa sắt, khiến cho tội nhân

phải chịu vô vàn khổ. Những sự khổ đó nối tiếp không ngừng dứt, nên gọi là khổ vô gián.

4. Quả báo vô gián: Không kể quý vị là người Trung Hoa, người Tây phương.., người nam hay người nữ, đã vào trong địa ngục này đều phải chịu quả báo thống khổ giống nhau. Đó gọi là quả báo vô gián.

5. Mạng vô gián: Mạng chính là sinh mạng. Người đọa vào địa ngục này, một ngày một đêm chết đi sống lại mấy vạn lần. Ở trong địa ngục này khi thọ hình đến chỗ cùng cực thì liền chết, sau khi chết có một ngọn gió thổi đến liền sống lại, sau khi sống lại phải chịu hình phạt tiếp, và rồi lại chết, cứ thế trong một ngày một đêm có muôn lần chết, muôn lần sống, nên gọi là mệnh vô gián.

"Chuyên tụng Phổ Hiền nguyện vương này, Chỉ trong một niệm tội tiêu sạch": Nếu quý vị có thể tụng đọc mười đại nguyện này của Bồ-tát Phổ Hiền thì ngay trong một niệm tội nghiệp ngũ vô gián nhất loạt liền tiêu sạch.

G4. KỆ TỤNG VỀ QUẢ DỊ THỤC

Chủng tộc dòng họ và dung sắc

Tướng tốt, trí huệ đều đầy đủ

Tộc tính chủng loại cập dung sắc

Tướng hảo trí tuệ hàm viên mãn

"Chủng tộc dòng họ và dung sắc": Chủng tộc dòng họ của quý vị, hoặc bất luận quý vị là người da trắng, da vàng, da đen hay da đỏ. **"Tướng tốt, trí tuệ đều đầy đủ"**: tướng mạo của quý vị tròn đầy, trí tuệ của quý vị viên mãn; trí tuệ lớn, tướng mạo trang nghiêm, tất cả đều trọn vẹn.

G5. KỆ TỤNG VỀ QUẢ SĨ DỤNG

Các ma, ngoại đạo không phá được

Xứng nhận của Tam giới cúng dường.

Chư ma ngoại đạo bất năng tồi

Kham vi tam giới sở ứng cúng

"Các ma, ngoại đạo không phá được": Tất cả thiên ma ngoại đạo đều không có cách nào quấy nhiễu, phá hoại quý vị được. Bởi có sức hộ trì bất khả tư nghì từ mười nguyện lớn của Bồ-tát Phổ Hiền. **"Xứng nhận của Tam giới cúng dường"**: Quý vị có thể thọ nhận sự cúng dường của trời người ở Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới, đạt được quả vị Ứng Cúng, tức là chứng quả A-la-hán.

F2. KỆ TỤNG VỀ QUẢ CỨU CÁNH

Mau đến cội cây chúa Bồ Đề

Ngồi an hàng phục các chúng ma

Thành đạo Chánh Giác chuyển pháp mầu

Khắp lợi tất cả chúng hàm linh

Tốc nghệ Bồ-đề đại thụ vương

Tọa dĩ giáng phục chư ma chúng

Thành Đẳng Chánh Giác chuyển pháp luân

Phổ lợi nhất thiết chư hàm thức

"Mau đến cội cây chúa Bồ-đề": Quý vị có thể nhanh chóng đến ngồi nơi đại đạo tràng dưới cội cây Bồ đề. **"Ngồi an hàng phục các chúng ma"**: Dưới cội cây Bồ-đề hàng phục tất cả quân ma. "**Thành đạo chánh giác chuyển pháp mầu**": thành tựu quả vị Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác, chuyển vận bánh xe pháp lớn. **"Khắp lợi tất cả chúng hàm linh"**: làm lợi ích khắp tất cả chúng sinh.

D3. KỆ TỤNG VỀ TỔNG KẾT KHUYÊN THỤ TRÌ

Người nếu ở nơi nguyện Phổ Hiền

Đọc tụng, thọ trì và diễn nói

Quả báo chỉ Phật mới biết được

Nhất định sẽ được đạo Bồ Đề.

Nhược nhân ư thử Phổ Hiền nguyện

Độc tụng thụ trì cập diễn thuyết

Quả báo duy Phật năng chứng tri

Quyết định hoạch thắng Bồ-đề đạo

"Người nếu ở nơi nguyện Phổ Hiền": giả như có người đối với mười đại nguyện của Bồ-tát

Phổ Hiền. **"Đọc tụng, thụ trì và diễn nói"**: có thể đọc tụng, thụ trì, lại có thể diễn thuyết, giảng giải cho người khác nghe. **"Quả báo chỉ Phật mới biết được"**: quả báo mà người đó đạt được chỉ Phật mới có thể biết. **"Nhất định sẽ đạt đạo Bồ-đề"**: người ấy nhất định sẽ đạt được đạo lớn Bồ-đề.

Nếu người tụng trì nguyện Phổ Hiền

Tôi nói chút ít phần căn lành:

Trong một niệm thảy đều viên mãn

Thành tựu chúng sanh nguyện thanh tịnh.

Nhược nhân tụng trì Phổ Hiền nguyện

Ngã thuyết thiểu phân chi thiện căn

Nhất niệm nhất thiết tất giai viên

Thành tựu chúng sinh thanh tịnh nguyện

"Nếu người tụng trì nguyện Phổ Hiền": giả như có người có thể thể đọc tụng mười đại nguyện Phổ Hiền này. **"Tôi nói chút ít phần căn lành"**: thiện căn mà người ấy được, dù tôi chỉ nói có một phần nhỏ. **"Trong một niệm thảy đều viên mãn"**: trong một niệm tất cả những điều mong muốn đều được trọn vẹn. **"Thành tựu chúng sinh nguyện thanh tịnh"**: Có năng lực thành tựu tất cả những nguyện mà chúng sanh đã phát.

Hạnh Phổ Hiền thù thắng của tôi

Phước lớn vô biên đều hồi hướng

Khắp nguyện chúng sanh đang chìm đắm

Mau sanh cõi Phật Vô Lượng Quang.

Ngã thử Phổ Hiền thù thắng hạnh

Vô biên thắng phúc giai hồi hướng

Phổ nguyện trầm nịch chư chúng sinh

Tốc vãng Vô Lượng Quang Phật sát

"Hạnh Phổ Hiền thù thắng của tôi": Tôi tu hạnh Phổ Hiền này là một hạnh môn thù thắng vi diệu. **"Phúc lớn vô biên đều hồi hướng"**: tất cả những phước báo vi diệu vô lượng vô biên, tôi đều hồi hướng đến khắp pháp giới chúng sinh. **"Khắp nguyện chúng đang chìm đắm"**: phát nguyện rộng khắp độ thoát tất cả chúng sinh đang chìm đắm trong biển khổ. **"Mau sanh cõi Phật Vô Lượng Quang"**: làm cho họ mau chóng đều được sinh về cõi Cực Lạc của Phật A-di-đà Vô Lượng Quang.

A3. QUY KẾT (gồm hai phần)

B1. Tóm Tắt Xưng Tán

B2. Đại Chúng Thụ Trì

B1. TÓM TẮT XƯNG TÁN

Lúc ấy, đại Bồ-tát Phổ Hiền ở trước đức Như Lai nói bài kệ hạnh nguyện Phổ Hiền thanh tịnh rộng lớn rồi, Thiện Tài Đồng Tử vui mừng vô hạn, tất cả Bồ-tát thảy đều hoan hỷ. Đức Như Lai khen rằng: "Lành thay! Lành thay!".

Nhĩ thời, Phổ Hiền Bồ-tát Ma-ha-tát ư Như Lai tiền, thuyết thử Phổ Hiền quảng đại nguyện vương thanh tịnh kệ dĩ, Thiện Tài Đồng Tử dũng dược vô lượng, nhất thiết Bồ-tát, giai đại hoan hỷ. Như Lai tán ngôn: "Thiện tai! Thiện tai!"

"Lúc ấy, đại Bồ tát Phổ Hiền ở trước đức Như Lai nói bài kệ hạnh nguyện Phổ Hiền thanh tịnh rộng lớn rồi": "Nhĩ thời" chính là ngay đương lúc ấy. Vị Đại Bồ-tát Phổ Hiền này ở trước đức Phật Thích-ca Mâu-ni nói xong mười hạnh rộng lớn của mình đã phát. Đó là: Một là lễ kính chư Phật; hai là ca ngợi Như Lai; ba là rộng tu cúng dường; bốn là sám hối nghiệp chướng; năm là tùy hỷ công đức; sáu là thỉnh chuyển bánh xe pháp; bảy là thỉnh Phật trụ lâu ở đời; tám là thường học theo Phật; chín là thường tùy thuận chúng sinh; mười là hồi hướng khắp cả.

Sau khi nói xong kệ tụng, **"Thiện Tài Đồng Tử vui mừng vô hạn"**: Thiện Tài đồng tử nghe xong mười nguyện rộng lớn lộ vẻ vui mừng tột độ **"tất cả Bồ-tát thảy đều hoan hỷ"**: Không chỉ Thiện Tài đồng tử vui mừng tột độ mà tất cả các Bồ-tát cũng đều hoan hỷ. **"Đức Như Lai khen rằng: "Lành thay, lành thay!"**. Đức Phật Thích-ca- Mâu-ni khen ngợi Bồ-tát Phổ Hiền rằng: Ông nói pháp này thật là rất tốt, thật là rất tốt!

B2. ĐẠI CHÚNG THỤ TRÌ

Bấy giờ, Đức Thế Tôn cùng các bậc thánh giả đại Bồ-tát do Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi dẫn đầu diễn nói pháp môn cảnh giới giải thoát thù thắng bất khả tư nghì như thế; Bồ-

tát Di-lặc dẫn đầu các đại Bồ-tát và sáu nghìn Tỳ-kheo đã thành thục; Bồ-tát Vô Cấu Phổ Hiền dẫn đầu hết thảy các đại Bồ-tát trong Hiền kiếp; các đại Bồ-tát nhất sinh bổ xứ trụ vị quán đỉnh, các Bồ-tát lớn trong vô lượng thế giới khắp mười phương cùng số đại Bồ-tát nhiều như số cực vi trần trong tất cả các cõi nước do Đại trí Xá-lợi-phất và Ma-ha Mục-kiền-liên dẫn đầu đều đến tập hợp. Các đại Thanh văn cùng trời người, tất cả các vua trong đời, Trời, Rồng, Dạ xoa, Càn thát bà, A tu la, Ca lâu la, Khẩn na la, Ma hầu la dà, Nhơn, Phi nhơn, v.v... tất cả đại chúng nghe lời Phật dạy thảy đều hoan hỷ, tín thọ phụng hành.

Nhĩ thời Thế Tôn dữ chư Thánh giả Bồ-tát Ma-ha-tát, diễn thuyết như thị bất khả tư nghị giải thoát cảnh giới thắng pháp môn thời, Văn Thù Sư Lợi Bồ-tát nhi vi thượng thủ; chư đại Bồ-tát cập sở thành thục lục thiên Tỳ-kheo, Di Lặc Bồ-tát nhi vi thượng thủ; Hiền kiếp nhất thiết chư đại Bồ-tát, Vô Cấu Phổ Hiền Bồ-tát nhi vi thượng thủ; nhất sinh bổ xứ trụ quán đỉnh vị chư đại Bồ-tát, cập dư thập phương chủng chủng thế giới, phổ lai tập hội nhất thiết sát hải cực vi trần số Bồ-tát ma-ha-tát chúng, đại trí Xá Lợi Phất, Ma Ha Mục Kiền Liên đẳng nhi vi thượng thủ. Chư đại Thanh văn, tịnh chư nhân thiên nhất thiết thế chủ, Thiên, Long, Dạ xoa, Càn thát bà, A tu la, Ca lâu la, Khẩn na la, Ma hầu la già, Nhân, Phi nhân đẳng, nhất thiết đại chúng, văn Phật sở thuyết, giai đại hoan hỷ, tín thụ phụng hành.

"Bấy giờ": Vào lúc ấy, **"Đức Thế Tôn cùng các bậc thánh giả đại Bồ-tát"**: Đức Phật Thích-ca Mâu-ni cùng với tất cả những bậc thánh Đại Bồ-tát. **"do Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi dẫn đầu diễn nói pháp môn cảnh giới giải thoát thù thắng bất khả tư nghì như thế"** Trước lúc giảng nói pháp môn cảnh giới giải thoát thù thắng bất khả tư nghì thì Bồ-tát Diệu Cát Tường (Bồ tát Văn Thù Sư Lợi) là vị thủ lãnh của các Bồ-tát này.

"Bồ-tát Di-lặc dẫn đầu các đại Bồ-tát và sáu nghìn Tỳ-kheo đã thành thục": Trong pháp hội lại có tất cả các đại Bồ-tát và sáu nghìn Tỳ-kheo thiện căn thành thục, trong chúng Bồ-tát và Tỳ-kheo này có Bồ-tát Di-lặc làm thượng thủ. Di-lặc là tiếng Phạn, Trung Hoa dịch là Từ Thị, còn gọi là A-dật-đa, nghĩa là không ai có thể vượt qua.

"Hết thảy các đại Bồ-tát trong kiếp Hiền do Bồ-tát Vô Cấu Phổ Hiền dẫn đầu": Chúng ta gọi kiếp hiện tại này là Hiền kiếp, bởi có rất nhiều bậc thánh hiền xuất hiện ở đời. Trong số tất cả các Bồ-tát ở Hiền kiếp có Bồ-tát Vô Cấu Phổ Hiền là bậc thượng thủ trong đại chúng.

"Các đại Bồ-tát nhất sinh bổ xứ trụ vị quán đỉnh": *Nhất sinh bổ xứ* là giai vị Bồ-tát cao nhất, còn gọi là vị Đẳng giác, trải qua một đời thì có thể "bổ xứ làm Phật" cho nên gọi là Nhất sinh bổ xứ. Hiện tại thế giới Ta-bà này của chúng ta do đức Phật Thích-ca Mâu-ni làm pháp vương. Đợi đến khi Phật Thích-ca Mâu-ni diệt độ, vị Phật kế tiếp được bổ túc vào vị trí của Phật Thích-ca Mâu-ni chính là Bồ-tát Di-lặc. Bồ-tát Di lặc hiện nay là vị Nhất sinh bổ xứ, Ngài đang ở trong nội viện tại cung trời Đâu-suất.

Mỗi vị Bồ-tát đều sẽ có lúc bổ xứ làm Phật và đều ở tại nội viện cung trời Đâu-suất. Phật Thích-ca Mâu-ni khi chưa thành Phật cũng ở tại đây, sau đó từ Đâu-suất đi xuống, vào thai, sinh ra, xuất gia, thành đạo, chuyển bánh xe pháp, hóa độ chúng sinh. Lúc Phật Thích-ca Mâu ni còn ở trong bụng mẹ đã thuyết pháp cho tất cả chúng quỷ thần, chỉ là người bình thường không thể thấy được cảnh giới này, bèn cho rằng Phật Thích-ca Mâu-ni chỉ đơn thuần là ở trong bào thai. Di-lặc Bồ-tát là vị Phật bổ xứ của Phật Thích-ca Mâu-ni, tương lai sẽ nối tiếp Phật vị của đức Thích-ca Mâu-ni. Phật A-di-

đà là giáo chủ thế giới Cực Lạc, đợi khi Ngài không làm nữa, Bồ-tát Quán Thế Âm sẽ nối tiếp; sau Quán Thế Âm Bồ tát sẽ là Bồ tát Đại Thế Chí. Đó đều gọi là Nhất sinh bổ xứ.

Quán đảnh: Khi một vị Phật thành Phật phải thọ quán đảnh, như xưa kia lúc vua hoặc hoàng đế lên ngôi đều phải nhận lễ quán đảnh, sau đó mới trở thành thiên tử. Bồ-tát còn một đời sẽ thành Phật gọi là Nhất sinh bổ xứ, cũng gọi là trụ quán đảnh vị, nghĩa là ở thế giới này đợi để làm Phật, thế giới này là nơi để Phật bổ xứ ở. Lúc thành Phật, chư Phật trong mười phương đều dùng nước pháp cam lồ quán đảnh cho vị Phật ấy. Khi đức Phật Thích-ca Mâu-ni xuất thế, có chín con rồng đến quán đảnh cho Ngài, đó cũng là nhận lễ quán đảnh, trụ quán đảnh vị. Đại Bồ-tát Nhất sinh bổ xứ và đợi nhận lễ quán đảnh chẳng phải là một người, hai người mà là rất nhiều, bởi vì các Bồ-tát phải đến mười phương thế giới để thành Phật, cho nên những Bồ-tát như thế là rất nhiều.

"Và các Bồ-tát trong vô lượng thế giới khắp mười phương, số đại Bồ-tát nhiều như số cực vi trần trong tất cả các cõi nước đồng đến vân tập": Còn có các vô số các đại Bồ-tát nhiều như số cực vi trần của hết thảy cõi nước chư Phật từ vô lượng thế giới khác khắp mười phương đến tập họp ở thế giới Ta-bà để nghe đức Phật Thích-ca Mâu-ni tuyên nói kinh Hoa Nghiêm và Bồ-tát Phổ Hiền nói phẩm Hạnh Nguyện Phổ Hiền. **Do Đại trí Xá-lợi-phất, Ma-ha Mục-kiền-liên dẫn đầu"**: Tôn giả Xá-lợi-phất là bậc trí tuệ đệ nhất trong hàng đệ tử Phật. Lúc Tôn giả còn ở trong thai mẹ đã khiến cho mẫu thân biện luận thắng cậu của Ngài là tôn giả Câu-hy-la. Trước khi mẫu thân mang thai Ngài, mỗi lần cùng cậu biện luận, mẹ đều nói không lại cậu, nhưng sau khi mang thai Ngài thì mẹ đều thắng cậu trong mỗi lần biện luận. Cậu Ngài nói: "Đứa bé trong bụng chị nhất định sẽ là một bậc đại trí tuệ, nó đã giúp chị biện luận nên chị mới có thể thắng em". Cậu của Ngài lại nghĩ: "Sau này đứa bé sinh ra, ta phận là cậu nếu biện luận không lại cháu thì thật là nghịch lý". Thế là người cậu lên đường cầu học, ông đã đọc rất nhiều sách vở ngoại đạo, cậu Ngài học rất chuyên tâm, bất cứ lúc nào cũng đọc sách. Chuyên tâm học đến độ nào? Đến độ không cắt tóc, cũng không cạo râu, không chỉ vậy mà ngay cả móng tay cũng không có thời gian cắt, cho nên móng tay của ông rất dài, dài đến độ có thể cuộn lại đến mấy vòng, do đó người ta thường gọi ông là phạm chí trường trảo. Nghĩa là người tu hành thanh tịnh (Bà-la-môn) có móng tay dài. Siêng học đến độ ngay cả thời gian cắt móng tay cũng không có. Tinh thần học tập như vậy có phải là rất lớn không? Vì sao ông phải dụng công như thế? Bởi vì ông muốn thắng người cháu của mình.

Học tập như thế cả mười mấy năm, sau khi trở về ông muốn tìm đứa cháu để biện luận. Ai cũng biết người con của chị ông không có ở đây. Ông bèn hỏi:

- Con chị đâu rồi?

Em gái ông nói:

- Anh nói Xá-lợi-phất ư? Nó đã xuất gia theo Phật rồi.

Ông vừa nghe liền vô cùng tức giận nói:

- Vì sao cháu ta lại có thể xuất gia theo ông Cù-đàm ấy? Ông ấy có đạo đức gì, đi theo ông ta đâu bằng theo ta học đạo, hiện tại học vấn và đạo đức của ta đều rất cao, tại sao em lại cho nó xuất gia theo Phật Thích-ca Mâu-ni?

Thế rồi, ông liền đi tìm Phật Thích-ca Mâu-ni để đòi cháu mình, nhưng vô duyên vô cớ không có lý do gì để đòi cháu mình lại thì chí ít đến đó cũng phải đưa ra một quan điểm cùng biện luận với Phật Thích-ca Mâu-ni. Sở học của ông chính là biện luận, gọi là luận sư. Ông đến nơi Phật, bèn hỏi Phật Thích-ca Mâu-ni:

- Ông dựa vào cái gì mà thâu nhận cháu tôi làm đệ tử? Ông có bản lãnh gì?

- Như Lai không có bản lãnh gì cả, cháu ông tự nguyện muốn xuất gia với Như Lai. Như Lai có pháp gì đâu! Phật Thích-ca Mâu-ni đáp.

- Thế thì nay tôi cùng ông biện luận, chúng ta cùng đưa ra một vấn đề để luận bàn.

- Luận cái gì? Ông muốn luận như thế nào?

- Tôi lấy không tiếp nhận làm tông, bất luận ông nói cái gì, tôi cũng không tiếp nhận.

- Ồ! Ông lấy không tiếp nhận làm tông, thế thì cái quan điểm lấy không tiếp nhận làm tông ấy ông có tiếp nhận nó hay không?

Câu-hy-la bèn nghĩ: "Nếu mình nói chấp nhận quan điểm này thì tông mình lập sẽ bị phá, vì mình đã nói cái gì cũng không tiếp nhận mà! Nếu nói không chấp nhận thì chính tông mình lập cũng không có. Cho nên nói tiếp nhận cũng bị người phá, mà nói không tiếp nhận cũng bị người phá".

Trước khi biện luận, ông đã đánh cược với đức Phật Thích-ca Mâu-ni: "Nếu tôi thua thì tôi trao đầu của tôi cho ông, còn nếu ông thua thì ông trả cháu lại cho tôi".

Lúc này ông biết mình đã thua, nên đã bỏ chạy, chạy được một hai tiếng đồng hồ ông lại nghĩ: "Ta là nam tử chẳng phải nữ nhân, vì sao nói không giữ lời? Ta đã nói nạp đầu cho người thì nạp đầu cho người mới phải, nếu nuốt lời như vầy thì còn ra thể thống gì nữa? Phải trở lại thôi! Ta là người nam, quyết chẳng làm như người nữ. Lời mình đã nói ra thì nhất định mình phải thừa nhận". Thế rồi ông quay trở lại gặp đức Phật Thích-ca Mâu-ni. Đức Phật thấy ông, liền hỏi:

- Ông trở lại làm gì?

- Ngài cho tôi mượn một con dao.

- Cho ông mượn dao làm gì?

- Tôi muốn chặt đầu tôi đưa cho ông!

- Ông chặt đầu mình đưa Như Lai để làm gì?

- Tôi đã thua Ngài, thua thì phải nạp đầu.

Ông thật thà thừa nhận mình thua.

Đức Phật nói:

- Dù ông có nạp đầu cho Như Lai, thì Như Lai cũng chẳng dùng được, thế Như Lai lấy đầu ông để làm gì? Nếu ông không cắt nó xuống, mà để nó nguyên trên thân ông thì còn có thể dùng được chút đỉnh. Ông có thể xem như mình đã chết, ở đây xuất gia làm tăng chẳng tốt hơn sao? Ông đâu cần phải chặt đầu mình làm gì? Đầu của ông đã là của Như Lai, nay Như Lai không muốn đầu ông rơi xuống mà chỉ muốn nó nằm trên cổ ông, ông chỉ cần cạo đầu làm tăng là được! Cạo tóc trên đầu thì cũng như là cắt đầu rồi.

Câu-hy-la nói:

- Ồ, thế thì được.

Thế rồi ông cũng xuất gia theo Đức Phật làm tu sĩ.

Xá-lợi-phất còn gọi là Xá-lợi tử, vì Ngài lấy tên mẹ làm tên mình. Xá-lợi là tên một loài chim ở Ấn Độ, Trung Hoa gọi là chim Thu Lộ. Cặp mắt của chim rất đẹp, vừa đẹp lại vừa có thần. Mắt của mẹ tôn giả to và đẹp giống như mắt của chim Thu Lộ, vì thế mọi người gọi bà là Xá-lợi, bà sinh con thì gọi con bà là Xá-lợi tử (tức con của bà Xá-lợi). Ngài cũng được gọi là Xá-lợi-phất, bởi chữ "phất" cũng có nghĩa là tử (con).

Tôn giả Ma-ha Mục-kiền-liên. Ma-ha nghĩa là lớn. Mục-kiền-liên là tiếng Phạn, dịch là "La-bặt tử", lại dịch là "Thái thục thị". La-bặt (củ cải) và thái thục (mộ loại đậu) đều là loại thực vật có thể ăn. Khi tổ tiên của Ngài tu đạo đã ăn những thứ này, vì để kỷ niệm tổ tiên nên tôn giả được đặt tên như thế. Mục-kiền-liên là vị đệ tử thần thông đệ nhất trong chúng đệ tử của Phật. Tôn giả và Xá-lợi-phất là hai bậc thượng thủ trong hàng chúng Thanh văn này.

"Các đại Thanh văn": Thanh văn nghĩa là nghe âm thanh Phật thuyết pháp mà ngộ đạo, cũng chính là nghe bốn đế Khổ, Tập, Diệt, Đạo mà được khai ngộ. Ngộ được sự quấy phá của khách trần phiền não, khi đã khai ngộ được gọi là Thanh văn. **"Cùng trời người, tất cả các vua trong đời"**. Không chỉ Bồ-tát, Thanh văn, Duyên giác mà còn có người, lại có cả tất cả chư thiên, thiên thần trên trời và vua ở nhân gian.

"Trời, rồng": rồng có rất nhiều loại, có rồng trên trời, rồng trong biển, rồng giữ kho báu, rồng làm mây làm mưa… Rồng từ đâu có? Nhân vì không chịu trì giới cho nên đọa làm rồng. Cũng trì chú, tụng kinh, cũng biết ngồi thiền, pháp môn gì cũng học rất nhanh nhưng chỉ có điều không trì giới luật. Không trì giới luật nào? Không trì giới sát sinh, trộm cắp, tà-dâm, vọng ngữ, uống rượu. Tuy có tu hành, nhưng vì không giữ năm giới, lại còn tâm sân rất nặng, vì thế đọa làm thân rồng. Thông thường ở các ngôi chùa vào khoảng bốn giờ khuya là đánh bảng. Để đánh bảng có một câu dùi gỗ, khi đánh vào tấm bảng sẽ phát ra âm thanh "cốc, cốc" để báo cho mọi người biết đã đến giờ phải dậy. Sau đó mới đánh chuông, tiếng chuông kêu "boong, boong", nếu lúc đó quý vị còn nằm dài trên giường thì đời sau sẽ làm rồng, bởi vì quý vị không tuân thủ quy củ của chùa. Khi chết nếu tốt thì biến thành rồng, không tốt thì biến thành rắn, vì thế quý vị chẳng nên cho rằng lười biếng một chút cũng không sao. Sáng sớm nghe tiếng chuông mà không dậy thì sẽ biến thành rắn. Chiều tối nghe tiếng chuông trống mà cũng không dừng nghỉ cũng sẽ bị đọa lạc. Rồng là do không giữ quy củ nên đọa làm rồng. Quý vị xem thân rồng uốn khúc, khi bò cũng uốn qua uốn lại, đó là dạng lười biếng không giữ quy củ.

"Dạ-xoa": Dạ-xoa cũng có rất nhiều loại, có dạ-xoa bay trên không, dạ-xoa đi trên mặt đất, dạ-xoa ở trên trời, dạ-xoa ở dưới nước. Những loại dạ-xoa ấy và rồng đều thuộc tám bộ quỷ thần. Rồng thường ăn cái gì? Rồng là một con rắn lớn, cái gì nó cũng ăn, nhưng cũng có loài ăn lại nó, loài nào ăn nó? Sau này sẽ nói đến loài ăn nó. Dạ-xoa cũng là tiếng Phạn, phiên âm là "Tốc tật quỷ". Nó đi rất nhanh, hình dạng vô cùng đáng sợ. Dạ-xoa có con mười đầu, lại có mười con mà chỉ có một đầu, lại có một con có mười bắp chân, lại có mười con chỉ một bắp chân, hoặc là có ba bắp chân, năm bắp chân không nhất định. Hoặc là chỉ có đầu, hoặc là chỉ có hai bắp chân, có các hình dạng rất kỳ quái như thế. Nếu quý vị không biết thì vừa nhìn thấy nó đã sợ đến chết khiếp.

"Càn-thát-bà": là thần đánh nhạc ở chỗ Ngọc Đế, còn gọi là Khứu Hương Thần. Khi Ngọc Đế vừa đốt trầm thủy hương, họ ngửi được mùi hương liền chạy đến, vui mừng tấu nhạc. Họ chuyên môn tấu nhạc bởi tấu nhạc là bản lãnh của họ.

"A-tu-la": A-tu-la cũng là tiếng Phạn, Trung Hoa dịch là "vô đoan chính", còn gọi "vô tửu". Vô

đoan chính ý nói là loại này sinh ra vô cùng thô xấu. Vô tửu chính là không có rượu uống. Do loài này có phước của trời nhưng không có đức của trời, không có đức hạnh và phước báo của chư thiên, A-tu-la cũng có rất nhiều loại. Có loài ở trên trời, có loài ở cõi người, có loài ở cảnh ngạ quỷ, có loài ở cõi súc sinh. Tóm lại, ở trong đường nào cũng có loài a-tu-la.

Sao gọi là a-tu-la? A-tu-la chuyên đấu tranh với mọi người, đấu tranh trong lời nói, trong hành động, trong tâm ý; ba nghiệp thân, khẩu, ý đều thích đấu tranh. Thế nhưng A-tu-la nữ thì vô cùng xinh đẹp, đẹp đến nỗi không những con người nhìn thấy sinh tâm ái dục mà ngay cả Ngọc Đế cõi trời nhìn thấy cũng sinh lòng ham muốn. Ngọc Hoàng Đại Đế vốn có định lực nhưng khi nhìn thấy A-tu-la-nữ thì định lực tiêu tán mà phát sinh dục niệm. Thế rồi, cầu hôn với A-tu-la vương, vua A-tu-la cũng ưng thuận cho con gái mình lấy Ngọc Hoàng Đại Đế. Tu-la-nữ ấy tên là Xả Trực, Ngọc Hoàng Đại Đế được tiên nữ xinh đẹp vô cùng thích thú. Thế rồi, Ngọc Đế mời vua A-tu-la đến ăn cơm. Khi vua A-tu-la đến, Ngọc hoàng mang thiên binh thiên tướng ra nghinh đón vô cùng cung kính, lúc vua A-tu-la ra về, Ngọc đế lại dẫn thiên binh thiên tướng theo đưa tiễn. Song, vua A-tu-la không chỉ thích đấu tranh mà còn rất đa nghi, thấy vậy liền sinh nghi nghĩ rằng: "Tên Ngọc Hoàng Đại đế này muốn thị uy với ta ư, nên đem thiên binh thiên tướng đến dọa ta, há có lý này sao!" Thế rồi, trong lòng rất khó chịu nhưng cũng không có lý do gì để thể hiện, nên tạm thời nhẫn nại.

Ngọc Hoàng đại đế lại thích đến nhân gian để nghe một vị tiên nhân giảng kinh, vị tiên nhân ấy là một người đã đắc đạo, đang giảng "Ngọc Hoàng Tâm Ấn Diệu Kinh", giảng đến chỗ: "Thượng dược tam phẩm, thần dữ khí tinh, hoảng hoảng hốt hốt, yểu yểu minh minh, tồn vô thủ hữu, khoảnh khắc nhi thành, hồi phong hỗn hợp, bách nhật công linh".

Nghĩa là:

Thuốc quý ba phần

Thần cùng tinh khí

Mờ mờ mịt mịt

Mông mông lung lung

Chấp không chấp có

Khoảnh khắc mà thành

Gió lốc hỗn hợp

Trăm ngày linh nghiệm.

Ngọc Hoàng Đại Đế ngày ngày xuống nghe kinh, Tu-la-nữ bèn sinh tâm ghen, hỏi Ngọc Hoàng rằng:

- Ngọc đế ngày nào cũng đến đó làm gì mà không chịu ở nhà?

Ngọc Hoàng nói:

- Ta xuống nhân gian nghe kinh, có vị tiên nhân đang giảng "Tâm Ấn Diệu Kinh", ta đến để nghe kinh này.

Tu-la-nữ đòi:

- Vậy thiếp cũng muốn đi nghe kinh cùng Ngọc đế.

Ngọc Hoàng trả lời:

- Nàng là thân gái, không thể đi nghe kinh, vị tiên nhân này không thích người nữ đến chỗ ông.

Tu-la nữ bèn sinh tâm nghi ngờ, nghĩ: "Ngọc đế không cho mình đi, nhất định là đến đó làm chuyện mờ ám với cô gái nào rồi". Tu-la nữ cũng có thần thông, khi Ngọc Hoàng thượng đế ngồi lên xe đi nghe kinh, cô ta bèn dùng thuật tàng hình cùng ngồi trên xe của Ngọc Hoàng đi nghe kinh.

Ngọc Hoàng Đại Đế xuống xe, Tu-la nữ cũng xuống xe và hiện lại nguyên hình. Ngọc Hoàng vừa thấy cô, liền hỏi:

- Nàng xuống đây làm gì?

Tu la nữ trả lời:

- Thiếp đi nghe kinh!

Ngọc Đế bèn dùng phất trần phất nhẹ cô một cái, cô liền khóc ré lên, âm thanh đó liền bị vị tiên nhân nghe thấy. Tiên nhân xưa nay chưa từng nghe tiếng người nữ ré bao giờ nên mở to mắt nhìn, vừa nhìn thấy một người nữ tuyệt đẹp như thế khiến tâm dục của ông liền máy động. Tiên nhân vừa khởi dục tâm nên đạo nghiệp liền theo đó tiêu mất, ngay cả kinh cũng không thể giảng, điều đó làm Ngọc Đế càng thêm buồn bực.

Sau khi trở về, Tu-la nữ bèn chạy đến vua A-tu-la mách:

- Ngọc Hoàng Đại Đế khinh khi con, ông ta đi ra ngoài làm chuyện bất minh với nhiều cô gái khác, lại còn nói dối con là đi nghe kinh. Con đi theo, ông cho con không đúng, lại còn đánh con.

Cha cô vừa nghe liền nổi giận:

- Lần này ta không đánh nó không được.

Thế rồi, liền triệu tập binh tướng A-tu-la lại cùng đi đánh Ngọc đế. A-tu-la vương một chân đạp xuống đáy biển, một tay đẩy sập cung trời. Ngọc Đế không đủ thần thông đối phó với A-tu-la, nên ông tìm đến Phật Thích-ca Mâu-ni cầu cứu. Phật dạy: "Đừng sợ, ông hãy trở về bảo thiên binh thiên tướng niệm 'Ma-ha Bát-nhã, Ba-la-mật-đa' thì ổn thôi." Khi thiên binh thiên tướng niệm "Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật-đa" thì A-tu-la đại bại bỏ chạy. Vì sao như thế? Bởi vì khi thiên binh thiên tướng niệm 'Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật-đa' thì tất cả đều có trí tuệ. A-tu-la đều là những chủng tử ngu si, một khi ánh sáng trí tuệ của thiên binh thiên tướng phát chiếu thì quân A-tu-la bị đánh bại. Đây là một ý nghĩa khái quát về A-tu-la.

"Ca-lầu-la": chính là đại bàng kim sí điểu, là loài chuyên ăn thịt rồng. Thân hình của đại bàng rất lớn, cánh của nó một khi duỗi ra rộng đến ba trăm sáu mươi do tuần, nó dùng đôi cánh quạt một cái thì nước trong biển không còn một giọt, rồng ở trong biển lộ ra và thế là nó bắt ăn. Mỏ của nó mỗi khi há ra thì ít nhất cũng lớn phải một trăm do tuần, nó ăn rồng giống như chúng ta ăn mì sợi vậy, mười mấy hai mươi con rồng đều có thể nuốt một lần, mấy nghìn con rồng cũng dễ dàng bị nó ăn hết.

Long vương vừa nhìn thấy nó thì nó đã nuốt sạch đàn con cháu của ông ta rồi. Long vương bèn tìm đến cầu cứu Phật:

- Rồng con, rồng cháu của con đều bị Kim Sí điểu ăn sạch, chúng con hiện nay có nguy cơ tuyệt chủng, trước tình hình này chúng con phải làm thế nào?

Đức Phật dạy:

- Đừng lo, Như Lai sẽ cho ông chiếc ca-sa của Như Lai, hãy đem về phân phát cho rồng con rồng cháu của ông, mỗi con một sợi vải, bảo chúng buộc sợi vải lên sừng, làm thế Đại bàng kim sí điểu sẽ không tìm được các ông.

Long vương trở về xé ca-sa của Phật ra chia cho mỗi rồng một sợi vải buộc lên sừng. Từ đó Kim Sí điều chẳng còn cách nào tìm ra rồng để ăn.

Đại Bàng Kim sí điều nghe những người xung quanh cho hay là Phật Thích-ca Mâu-ni đã cứu những con rồng đó. Thế là nó tìm đến đức Phật than:

- Ngài đã cứu loài rồng, nay chúng con chẳng có gì ăn đều sắp chết đói. Loài Kim Sí điểu chúng con cũng sắp tuyệt chủng. Phật là bậc từ bi bình đẳng, Ngài cứu loài rồng, nhưng cũng phải cứu chúng con với!

Đức Phật bảo:

- Được! Các ngươi nếu quy y Tam Bảo Phật, Pháp, Tăng, thụ trì năm giới thì Như Lai sẽ bảo chúng đệ tử mỗi khi dùng cơm đều mang bảy hạt gạo thí cho các ngươi ăn. Các ngươi từ nay về sau không được sát sinh nữa.

Đại bàng kim sí điều bèn quy y Tam Bảo, về sau cũng ăn chay, không còn ăn rồng nữa. Tuy chúng không còn ăn rồng nhưng loài rồng đã từng bị loài này ăn gần tuyệt chủng, vì thế ngày nay chúng ta không còn trông thấy loài rồng nữa.

"Khẩn-na-la": còn gọi là Nghi thần, cũng là thần tấu nhạc ở chỗ Ngọc đế. **"Ma-hầu-la-già"**: chính là loài trăn. **"Nhân và phi nhân, tất cả đại chúng"**: còn có loài người và loài phi nhân, hết thảy đại chúng trong pháp hội này **"nghe lời Phật dạy, thảy đều hoan hỷ, tín thọ phụng hành"**: tất cả nghe Phật nói xong đều vô cùng vui mừng, tin sâu vào pháp môn bất khả tư nghì này, đều nguyện vâng giữ thực hành pháp môn này.

Lớp hạ năm nay chúng ta đã dùng sáu tuần để giảng hoàn thành một phẩm này (Phẩm Hạnh Nguyện Bồ-tát Phổ Hiền). Do có sự hạn chế về thời gian nên không thể giảng một cách tường tận rõ ràng, chỉ có thể giảng ý nghĩa một cách khái quát. Nếu muốn hiểu ý nghĩa phẩm kinh này một cách rõ ràng chân xác, cần phải có công phu chân thật mới được. Phật pháp là pháp bất khả tư nghì, cho nên gọi là diệu pháp. Một phẩm này cũng là pháp môn bất khả tư nghì, nếu như giảng kỹ toàn bộ nghĩa lý trong phẩm này thì mất rất nhiều thời gian. Nay chỉ giảng một cách đơn giảng về nghĩa lý đại cương, người nào muốn hiểu sâu hơn thì tự mình phải dụng công và nghiên cứu. Đến cả việc tôi giảng có hoàn hảo hay không tôi cũng không biết, và tôi cũng không hy vọng là hoàn hảo hay không hoàn hảo. Nay tôi giảng cũng là không giảng; quý vị nghe cũng như chưa nghe. Không nghe, không giảng, đó mới là diệu pháp chân thực. Diệu pháp không cần giảng cũng không cần nghe này, nếu quý vị rõ được thì thời gian sáu tuần lễ không trôi qua vô ích. Không trôi qua vô ích là sao? Ăn cơm hãy là ăn cơm, mặc áo hãy là mặc áo, nằm ngủ hãy là nằm ngủ, chính là nghĩa như thế.

